

STT	Nhóm	Mã quốc tế	Tên Sản Phẩm	Quy cách	Nhiệt độ lưu trữ	CAS	Giá (chưa VAT)
1	LGC	CDA-00100674-ATR	Rebaudioside A (Stevia) for purity by JECFA HPLC Method Detailed Report	sample			Liên hệ
2	LGC	CDX -00001975-001	Arbutin	1g			Liên hệ
3	LGC	CDX-00001001-010	Abietic Acid (Sylvic Acid)	10g			Liên hệ
4	LGC	CDX-00001003-100	Abietic acid(sylvic acid)	100mg			Liên hệ
5	LGC	CDX-00001003-250	Abietic acid(sylvic acid)	250mg			Liên hệ
6	LGC	CDX-00001010-001	ABSCISIC ACID, (+)-(P)	1mg			Liên hệ
7	LGC	CDX-00001010-010	(+)-Abscisic Acid	10mg			Liên hệ
8	LGC	CDX-00001014-010	ABSCISIC ACID, (+/-)-(P)	10mg			Liên hệ
9	LGC	CDX-00001015-025	(+/-)-Abscisic Acid	25mg			Liên hệ
10	LGC	CDX-00001015-100	(+/-)-Abscisic Acid	100mg			Liên hệ
11	LGC	CDX-00001025-010	Acacetin (Methyl-4'-Apigenin)	10mg			Liên hệ
12	LGC	CDX-00001027-050	Acacetin (Methyl-4'-Apigenin)	50mg			Liên hệ
13	LGC	CDX-00001027-100	Acacetin (Methyl-4'-Apigenin)	100mg			Liên hệ
14	LGC	CDX-00001030-101	Acerola cherry powder(with corn syrup solids)	1kg			Liên hệ
15	LGC	CDX-00001033-001	Acesulfame-k	1g			Liên hệ
16	LGC	CDX-00001033-005	Acesulfame-k	5g			Liên hệ
17	LGC	CDX-00001033-100	Acesulfame-k	100mg			Liên hệ
18	LGC	CDX-00001033-250	Acesulfame-k	250mg			Liên hệ
19	LGC	CDX-00001033-500	Acesulfame-k	500mg			Liên hệ
20	LGC	CDX-00001035-010	3-Acetamidocoumarin	10mg			Liên hệ
21	LGC	CDX-00001035-025	3-Acetamidocoumarin	25mg			Liên hệ
22	LGC	CDX-00001035-100	3-Acetamidocoumarin	100mg			Liên hệ
23	LGC	CDX-00001045-100	2-Acetamido-2-deoxy-D-galactopyranose	100mg			Liên hệ
24	LGC	CDX-00001050-001	Acetaminophen	1g			Liên hệ
25	LGC	CDX-00001051-250	ACETAMINOPHEN(P)	250mg			Liên hệ
26	LGC	CDX-00001051-500	Acetaminophen(P)	500mg			Liên hệ
27	LGC	CDX-00001070-100	Acetic Acid Phenethyl Ester	100mg			Liên hệ
28	LGC	CDX-00001079-010	Acetoisovanillone	10mg			Liên hệ
29	LGC	CDX-00001081-100	Acetosyringone	100mg			Liên hệ
30	LGC	CDX-00001081-500	Acetosyringone	500mg			Liên hệ
31	LGC	CDX-00001085-010	D/L-1'-Acetoxychavicol acetate	10mg			Liên hệ
32	LGC	CDX-00001090-005	Acetoxyvaleric Acid(P)	5mg			Liên hệ
33	LGC	CDX-00001090-010	Acetoxyvaleric Acid(P)	10mg			Liên hệ
34	LGC	CDX-00001090-025	Acetoxyvaleric Acid(P)	25mg			Liên hệ
35	LGC	CDX-00001090-050	Acetoxyvaleric Acid	50mg			Liên hệ
36	LGC	CDX-00001099-005	Aristolochic Acid Standards Kit	3x5mg			Liên hệ

37	LGC	CDX-00001099-010	Aristolochic Acid Standards Kit	3x10mg			Liên hệ
38	LGC	CDX-00001100-010	Arrowroot Standards Kit	5x10mg			Liên hệ
39	LGC	CDX-00001105-005	6-o-Acetylacteoside	5mg			Liên hệ
40	LGC	CDX-00001115-250	Acetyl-L-carnitine HCl (SH)	250mg			Liên hệ
41	LGC	CDX-00001116-001	Acetyl-L-carnitine HCl	1g			Liên hệ
42	LGC	CDX-00001116-100	Acetyl-L-carnitine HCl (P)	100mg			Liên hệ
43	LGC	CDX-00001116-250	ACETYL-L-CARNITINE HCL(P)	250mg			Liên hệ
44	LGC	CDX-00001117-005	Acetylcorynoline	5mg			Liên hệ
45	LGC	CDX-00001117-010	Acetylcorynoline	10mg			Liên hệ
46	LGC	CDX-00001121-005	7-Acetylbaccatin III	5mg			Liên hệ
47	LGC	CDX-00001121-010	ACETYLBACCATIN III, 7-(P)	10mg			Liên hệ
48	LGC	CDX-00001121-025	7-Acetylbaccatin III	25mg			Liên hệ
49	LGC	CDX-00001123-001	25-O-Acetylcimigenol Arabinoside(SH)	onrequest			Liên hệ
50	LGC	CDX-00001123-005	Acetylcimigenol Arabinoside, 25-O-(	5mg			Liên hệ
51	LGC	CDX-00001141-100	n-Acetyl-L-cysteine	100mg			Liên hệ
52	LGC	CDX-00001141-250	n-Acetyl-L-cysteine	250mg			Liên hệ
53	LGC	CDX-00001151-005	13-Acetyl-9-Dihydrobaccatin III	5mg			Liên hệ
54	LGC	CDX-00001151-010	Acetyl-9-Dihydrobaccatin Iii, 13-(P	10mg			Liên hệ
55	LGC	CDX-00001151-025	13-acetyl-9-dihydrobaccatin III	25mg			Liên hệ
56	LGC	CDX-00001155-025	8-Acetyl-6,7-Dimethoxycoumarin	25mg			Liên hệ
57	LGC	CDX-00001160-100	2-Acetyl-3-Ethylpyrazine	100mg			Liên hệ
58	LGC	CDX-00001165-001	Acetyl Eugenol	1g			Liên hệ
59	LGC	CDX-00001165-100	Acetyl Eugenol(SG)	100mg			Liên hệ
60	LGC	CDX-00001170-001	Acetyl-DI-O-Fluorophenylalanine, N-	1g			Liên hệ
61	LGC	CDX-00001175-001	Acetyl-DI-P-Fluorophenylalanine, N-	1g			Liên hệ
62	LGC	CDX-00001190-001	n-Acetyl-D-glucosamine	1g			Liên hệ
63	LGC	CDX-00001190-100	N-Acetyl-DL-glucosamine	100mg			Liên hệ
64	LGC	CDX-00001190-250	N-Acetyl-DL-glucosamine	250mg			Liên hệ
65	LGC	CDX-00001195-005	N-Acetyl-D-glucosamine	5g			Liên hệ
66	LGC	CDX-00001200-001	N-Acetyl-L-glutamine	1g			Liên hệ
67	LGC	CDX-00001200-005	N-Acetyl-L-glutamine	5g			Liên hệ
68	LGC	CDX-00001205-005	8-o-Acetylharpagide	5mg			Liên hệ
69	LGC	CDX-00001205-010	8-o-Acetylharpagide	10mg			Liên hệ
70	LGC	CDX-00001220-025	8-Acetyl-7-Hydroxycoumarin	25mg			Liên hệ
71	LGC	CDX-00001225-025	8-Acetyl-6-Hydroxy-7-Methoxycoumarin	25mg			Liên hệ
72	LGC	CDX-00001235-010	N-Acetyl-DL-Leucine	10mg			Liên hệ
73	LGC	CDX-00001235-100	N-Acetyl-DL-Leucine	100mg			Liên hệ
74	LGC	CDX-00001240-050	N-Acetyl-D-mannosamine	50mg			Liên hệ

75	LGC	CDX-00001244-001	n-Acetyl-DL-methionine	1g			Liên hệ
76	LGC	CDX-00001245-010	N-Acetyl-DL-methionine	10mg			Liên hệ
77	LGC	CDX-00001245-100	Acetyl-DI-Methionine, N-(P)	100mg			Liên hệ
78	LGC	CDX-00001250-005	8-Acetyl-7-methoxycoumarin	5mg			Liên hệ
79	LGC	CDX-00001255-001	2-Acetyl-3-Methylpyrazine	1g			Liên hệ
80	LGC	CDX-00001255-100	2-Acetyl-3-Methylpyrazine	100mg			Liên hệ
81	LGC	CDX-00001265-025	N-Acetylneuraminic acid	25mg			Liên hệ
82	LGC	CDX-00001275-250	9-Acetylphenanthrene	250mg			Liên hệ
83	LGC	CDX-00001280-001	ACETYLPYRAZINE, 2-(AS)	1g			Liên hệ
84	LGC	CDX-00001280-100	2-Acetylpyrazine	100mg			Liên hệ
85	LGC	CDX-00001285-001	Acetylpyrrole, 2-(SG)	1g			Liên hệ
86	LGC	CDX-00001285-100	2-Acetylpyrrole	100mg			Liên hệ
87	LGC	CDX-00001290-001	Acetylsalicylic Acid	1g			Liên hệ
88	LGC	CDX-00001295-010	Acetyl-Serotonin, N-(SH)	10mg			Liên hệ
89	LGC	CDX-00001295-100	N-Acetyl-serotonin	100mg			Liên hệ
90	LGC	CDX-00001302-005	Acetyltaxol, 2'-(SH)	5mg			Liên hệ
91	LGC	CDX-00001302-010	2'-Acetyltaxol	10mg			Liên hệ
92	LGC	CDX-00001303-005	Acetyltaxol, 2',7-Bis-(SH)	5mg			Liên hệ
93	LGC	CDX-00001303-010	2',7-Bis-Acetyltaxol	10mg			Liên hệ
94	LGC	CDX-00001304-005	ACETYLTAXOL, 7-(P)	5mg			Liên hệ
95	LGC	CDX-00001305-001	Acetylthiocholine Bromide	1g			Liên hệ
96	LGC	CDX-00001321-001	N-Acetyl-L-tyrosine	1g			Liên hệ
97	LGC	CDX-00001322-100	N-Acetyl-L-tyrosine	100mg			Liên hệ
98	LGC	CDX-00001322-250	N-Acetyl-L-tyrosine	250mg			Liên hệ
99	LGC	CDX-00001325-010	N-Acetyl-DL-valine	10mg			Liên hệ
100	LGC	CDX-00001325-100	N-Acetyl-DL-valine	100mg			Liên hệ
101	LGC	CDX-00001330-100	Aconitic Acid, Cis-(SG)	100mg			Liên hệ
102	LGC	CDX-00001335-001	Aconitic Acid, Trans-(SG)	1g			Liên hệ
103	LGC	CDX-00001335-005	trans-Aconitic Acid	5g			Liên hệ
104	LGC	CDX-00001339-005	Aconite Standards Kit	5x5mg			Liên hệ
105	LGC	CDX-00001339-010	Aconite Standards Kit 5 X 10Mg	5x10mg			Liên hệ
106	LGC	CDX-00001340-005	Aconitine	5mg			Liên hệ
107	LGC	CDX-00001340-010	Aconitine(SH)	10mg			Liên hệ
108	LGC	CDX-00001350-001	Acridone	1g			Liên hệ
109	LGC	CDX-00001355-005	Actein(P)	5mg			Liên hệ
110	LGC	CDX-00001355-010	ACTEIN(P)	10mg			Liên hệ
111	LGC	CDX-00001355-050	Actein	50mg			Liên hệ
112	LGC	CDX-00001320-001	Acetyl-L-Tyrosine-Ethylester, N-(RG)	1g			Liên hệ

113	LGC	CDX-00001375-005	Adenine	5g		Liên hệ
114	LGC	CDX-00001376-001	Adenine	1g		Liên hệ
115	LGC	CDX-00001376-100	Adenine (P)	100mg		Liên hệ
116	LGC	CDX-00001376-250	Adenine	250mg		Liên hệ
117	LGC	CDX-00001380-001	ADAMANTANE(SG)	1g		Liên hệ
118	LGC	CDX-00001380-100	Adamantane(SG)	100mg		Liên hệ
119	LGC	CDX-00001381-100	Adamantanamine, 1-	100mg		Liên hệ
120	LGC	CDX-00001385-001	ADAMANTANOL, 1-(SG)	1g		Liên hệ
121	LGC	CDX-00001385-100	1-Adamantanol	100mg		Liên hệ
122	LGC	CDX-00001390-001	Adamantanone, 2-(SG)	1g		Liên hệ
123	LGC	CDX-00001390-100	2-Adamantanone	100mg		Liên hệ
124	LGC	CDX-00001425-005	Adenosine-3'-monophosphate	5mg		Liên hệ
125	LGC	CDX-00001427-010	Adenosine-5'-monophosphate sodium salt	10mg		Liên hệ
126	LGC	CDX-00001427-025	Adenosine-5'-monophosphate sodium salt	25mg		Liên hệ
127	LGC	CDX-00001429-025	Adenosine-5'-triphosphate disodium salt	25mg		Liên hệ
128	LGC	CDX-00001429-100	Adenosine-5'-triphosphate disodium salt	100mg		Liên hệ
129	LGC	CDX-00001430-001	Adenosine (Free Base)	1g		Liên hệ
130	LGC	CDX-00001430-005	Adenosine (Free Base)	5g		Liên hệ
131	LGC	CDX-00001433-001	Adenosylcobalamine(coenzyme b12)	1g		Liên hệ
132	LGC	CDX-00001433-025	Adenosylcobalamine (Coenzyme B12)	25mg		Liên hệ
133	LGC	CDX-00001433-100	Adenosylcobalamine(coenzyme b12)	100mg		Liên hệ
134	LGC	CDX-00001433-250	Adenosylcobalamine(coenzyme b12)	250mg		Liên hệ
135	LGC	CDX-00001435-010	S-Adenosyl-L-methionine chloride	10mg		Liên hệ
136	LGC	CDX-00001435-025	Adenosyl-L-Methionine, S- Chloride	25mg		Liên hệ
137	LGC	CDX-00001436-005	S-Adenosyl-L-methionine Iodide	5mg		Liên hệ
138	LGC	CDX-00001436-010	S-Adenosyl-L-methionine Iodide	10mg		Liên hệ
139	LGC	CDX-00001437-010	S-Adenosyl-L-methionine p-touluensulfonate	10mg		Liên hệ
140	LGC	CDX-00001437-025	S-Adenosyl-L-methionine p-touluensulfonate	25mg		Liên hệ
141	LGC	CDX-00001438-010	S-Adenosyl-L-methionine p-toluenesulfonate	10mg		Liên hệ
142	LGC	CDX-00001460-001	L-Adrenaline	1g		Liên hệ
143	LGC	CDX-00001463-001	Advantame(P)	1g		Liên hệ
144	LGC	CDX-00001463-025	Advantame(P)	25mg		Liên hệ
145	LGC	CDX-00001463-100	Advantame(P)	100mg		Liên hệ
146	LGC	CDX-00001463-250	Advantame(P)	250mg		Liên hệ
147	LGC	CDX-00001470-100	Adrenosterone	100mg		Liên hệ
148	LGC	CDX-00001471-005	Adynerin(P)	5mg		Liên hệ
149	LGC	CDX-00001471-010	Adynerin(P)	10mg		Liên hệ
150	LGC	CDX-00001471-025	Adynerin(P)	25mg		Liên hệ

151	LGC	CDX-00001473-005	Agrimol B	5mg			Liên hệ
152	LGC	CDX-00001473-010	Agrimol B	10mg			Liên hệ
153	LGC	CDX-00001473-050	Agrimol B	50mg			Liên hệ
154	LGC	CDX-00001475-001	Aescin	1g			Liên hệ
155	LGC	CDX-00001477-005	Aescin IA (SH)	5mg			Liên hệ
156	LGC	CDX-00001478-005	Aescin IB	5mg			Liên hệ
157	LGC	CDX-00030862-005	Achyranthes (achyranthes bidentata) root RGBRM	5g			Liên hệ
158	LGC	CDX-00001489-005	Agmatine sulfate salt	5mg			Liên hệ
159	LGC	CDX-00001489-010	Agmatine sulfate salt	10mg			Liên hệ
160	LGC	CDX-00001489-050	Agmatine sulfate salt	50mg			Liên hệ
161	LGC	CDX-00001489-250	Agmatine sulfate salt	250mg			Liên hệ
162	LGC	CDX-00001490-002	Afromosin	2mg			Liên hệ
163	LGC	CDX-00001491-010	Ajmalicine	10mg			Liên hệ
164	LGC	CDX-00001491-050	Ajmalicine	50mg			Liên hệ
165	LGC	CDX-00001492-010	Ajmalicine HCl	10mg			Liên hệ
166	LGC	CDX-00001494-005	Afzelin(kaempferoL-3-o-alpha-L-rhamnopyranoside)	5mg			Liên hệ
167	LGC	CDX-00001494-010	Afzelin(kaempferoL-3-o-alpha-L-rhamnopyranoside)	10mg			Liên hệ
168	LGC	CDX-00001495-010	Ajmaline	10mg			Liên hệ
169	LGC	CDX-00001496-005	Ajmaline	5mg			Liên hệ
170	LGC	CDX-00001496-010	AJMALINE(P)	10mg			Liên hệ
171	LGC	CDX-00001496-025	Ajmaline	25mg			Liên hệ
172	LGC	CDX-00001497-100	Beta-Alanine	100mg			Liên hệ
173	LGC	CDX-00001498-001	Beta-alanine	1g			Liên hệ
174	LGC	CDX-00001498-005	Beta-alanine	5g			Liên hệ
175	LGC	CDX-00001499-010	Rauwolfia Standards Kit	7x10mg			Liên hệ
176	LGC	CDX-00001500-001	D-Alanine	1g			Liên hệ
177	LGC	CDX-00001500-250	D-Alanine	250mg			Liên hệ
178	LGC	CDX-00001502-100	L-Alanine	100mg			Liên hệ
179	LGC	CDX-00001503-100	L-Alanine	100mg			Liên hệ
180	LGC	CDX-00001510-010	DL-Alanine-b-naphthylamide HCl	10mg			Liên hệ
181	LGC	CDX-00001511-005	Alantolactone	5mg			Liên hệ
182	LGC	CDX-00001511-010	Alantolactone	10mg			Liên hệ
183	LGC	CDX-00001511-050	Alantolactone (SH)	50mg			Liên hệ
184	LGC	CDX-00001513-005	Albiflorin	5mg			Liên hệ
185	LGC	CDX-00001515-100	Albizziin	100mg			Liên hệ
186	LGC	CDX-00001518-005	Aldosterone	5mg			Liên hệ
187	LGC	CDX-00001518-010	Aldosterone	10mg			Liên hệ
188	LGC	CDX-00001518-025	Aldosterone	25mg			Liên hệ

189	LGC	CDX-00001521-001	Aleuritic Acid	1g		Liên hệ
190	LGC	CDX-00001522-001	Alizarin	1g		Liên hệ
191	LGC	CDX-00001524-100	Alizarin (P)	100mg		Liên hệ
192	LGC	CDX-00001524-250	Alizarin	250mg		Liên hệ
193	LGC	CDX-00001525-010	Alkannin	10mg		Liên hệ
194	LGC	CDX-00001525-050	Alkannin	50mg		Liên hệ
195	LGC	CDX-00001527-005	Alitame	5mg		Liên hệ
196	LGC	CDX-00001527-010	Alitame	10mg		Liên hệ
197	LGC	CDX-00001530-100	Allantoin	100mg		Liên hệ
198	LGC	CDX-00001531-001	Allantoin	1g		Liên hệ
199	LGC	CDX-00001535-001	Allicin (in Solution)	1mg		Liên hệ
200	LGC	CDX-00001535-005	Allicin in Methanol:Water [40:60]	5mg		Liên hệ
201	LGC	CDX-00001535-010	ALLICIN [6.2mg/mL](SH) (In Solution)	10mg		Liên hệ
202	LGC	CDX-00001540-005	Alliin	5mg		Liên hệ
203	LGC	CDX-00001540-010	Alliin(P)	10mg		Liên hệ
204	LGC	CDX-00001540-025	Alliin(P)	25mg		Liên hệ
205	LGC	CDX-00001541-005	Alliin(SH)	5mg		Liên hệ
206	LGC	CDX-00001541-010	Alliin	10mg		Liên hệ
207	LGC	CDX-00001541-025	ALLIIN(AS)	25mg		Liên hệ
208	LGC	CDX-00001551-005	alpha-Allocryptopine	5mg		Liên hệ
209	LGC	CDX-00001555-010	Allopregnenediol	10mg		Liên hệ
210	LGC	CDX-00001555-025	Allopregnenediol	25mg		Liên hệ
211	LGC	CDX-00001557-001	Allomatrine	1mg		Liên hệ
212	LGC	CDX-00001569-100	Allopurinol(P)	100mg		Liên hệ
213	LGC	CDX-00001572-100	D-(+)-Allose	100mg		Liên hệ
214	LGC	CDX-00001595-100	DL-Allothreonine	100mg		Liên hệ
215	LGC	CDX-00001600-00A	Alloxanthin	2.5ml		Liên hệ
216	LGC	CDX-00001605-001	Allyl Disulfide	1g		Liên hệ
217	LGC	CDX-00001606-001	Allyl Sulfide	1ml		Liên hệ
218	LGC	CDX-00001607-001	Allyl Methyl Sulfide(SG)	1g		Liên hệ
219	LGC	CDX-00001608-001	Allyl Isothiocyanate	1g		Liên hệ
220	LGC	CDX-00001610-010	Aloe Emodin	10mg		Liên hệ
221	LGC	CDX-00001610-025	Aloe Emodin (P)	25mg		Liên hệ
222	LGC	CDX-00001611-010	Aloe Emodin	10mg		Liên hệ
223	LGC	CDX-00001611-025	ALOE EMODIN(SH)	25mg		Liên hệ
224	LGC	CDX-00001615-005	ALOENIN A(SH)	5mg		Liên hệ
225	LGC	CDX-00001620-010	Aloin A&B(See Aloin A)(P)	10mg		Liên hệ
226	LGC	CDX-00001620-050	Aloin a&b	50mg		Liên hệ

227	LGC	CDX-00001620-250	Aloin a&b	250mg			Liên hệ
228	LGC	CDX-00001624-010	Aloin A(Barbaloin)(SH)	10mg			Liên hệ
229	LGC	CDX-00001624-025	Aloin A (Barbaloin)	25mg			Liên hệ
230	LGC	CDX-00001625-005	Aloin A(Barbaloin)(P)	5mg			Liên hệ
231	LGC	CDX-00001625-010	Aloin A (Barbaloin)	10mg			Liên hệ
232	LGC	CDX-00001625-025	Aloin A(Barbaloin)(P)	25mg			Liên hệ
233	LGC	CDX-00001625-100	Aloin A(Barbaloin)(P)	100mg			Liên hệ
234	LGC	CDX-00001626-005	ALOIN B(P)	5mg			Liên hệ
235	LGC	CDX-00001626-010	Aloin B	10mg			Liên hệ
236	LGC	CDX-00001626-025	Aloin B(P)(New)	25mg			Liên hệ
237	LGC	CDX-00001634-025	D-Altrose	25mg			Liên hệ
238	LGC	CDX-00001645-001	alpha-Amanitin	1mg			Liên hệ
239	LGC	CDX-00001650-010	Amarogentin	10mg			Liên hệ
240	LGC	CDX-00001650-025	Amarogentin(P)	25mg			Liên hệ
241	LGC	CDX-00001652-100	Amino acids, essential standards kit	8x100mg			Liên hệ
242	LGC	CDX-00001653-100	Amino acids, non-essential standards kit	12x100mg			Liên hệ
243	LGC	CDX-00001654-100	Amino acids, branched chain standards kit	3x100mg			Liên hệ
244	LGC	CDX-00001655-005	AMENTOFLAVONE(P)	5mg			Liên hệ
245	LGC	CDX-00001655-010	Amentoflavone(SH)	10mg			Liên hệ
246	LGC	CDX-00001657-050	Ammeline	50mg			Liên hệ
247	LGC	CDX-00001657-100	Ammeline	100mg			Liên hệ
248	LGC	CDX-00001658-100	AMINO ACIDS, COMPLETE STANDARDS KIT(P)	20x100mg			Liên hệ
249	LGC	CDX-00001659-010	Ammelide	10mg			Liên hệ
250	LGC	CDX-00001659-050	Ammelide	50mg			Liên hệ
251	LGC	CDX-00001659-100	Ammelide	100mg			Liên hệ
252	LGC	CDX-00001660-010	L-2-Aminoadipicacid	10mg			Liên hệ
253	LGC	CDX-00001661-001	4-Aminoacetophenone	1g			Liên hệ
254	LGC	CDX-00001662-001	4-Aminoantipyrin	1g			Liên hệ
255	LGC	CDX-00001663-010	3-Aminocoumarin	10mg			Liên hệ
256	LGC	CDX-00001663-100	3-Aminocoumarin	100mg			Liên hệ
257	LGC	CDX-00001664-050	Aminophenyl-1-Thio-Beta-D-Galactopy	50mg			Liên hệ
258	LGC	CDX-00001667-001	2-Anisaldehyde	1g			Liên hệ
259	LGC	CDX-00001668-001	3-Anisaldehyde	1g			Liên hệ
260	LGC	CDX-00001669-001	4-Anisic Acid	1g			Liên hệ
261	LGC	CDX-00001672-005	Anemonin	5mg			Liên hệ
262	LGC	CDX-00001672-010	"Anemonin (P), 10 mg "	10mg			Liên hệ
263	LGC	CDX-00001672-025	Anemonin	25mg			Liên hệ
264	LGC	CDX-00001672-100	Anemonin	100mg			Liên hệ

265	LGC	CDX-00001673-005	(+/-)-Anatabine	5mg		Liên hệ
266	LGC	CDX-00001674-025	Aminobutyric Acid, gamma-(GABA)	25mg		Liên hệ
267	LGC	CDX-00001674-100	Aminobutyric Acid, gamma-(GABA)	100mg		Liên hệ
268	LGC	CDX-00001675-001	Aminobutyric Acid, 4-(GABA)	1g		Liên hệ
269	LGC	CDX-00001675-010	4-Aminobutyric Acid (GABA)	10g		Liên hệ
270	LGC	CDX-00001676-001	Aminobutyric Acid, 3-(Beta-Aminobutyric Acid)	1g		Liên hệ
271	LGC	CDX-00001677-025	beta-phenyl-gamma-Aminobutyricacid	25mg		Liên hệ
272	LGC	CDX-00001677-100	Aminoburyric acid, beta-Phennyyl-gamma-(P)	100mg		Liên hệ
273	LGC	CDX-00001683-005	Arachidic acid	5g		Liên hệ
274	LGC	CDX-00001683-010	Arachidic acid	10g		Liên hệ
275	LGC	CDX-00001684-250	Arachidic Acid Methlyester	250mg		Liên hệ
276	LGC	CDX-00001685-010	6-Aminochrysene	10mg		Liên hệ
277	LGC	CDX-00001685-100	6-Aminochrysene	100mg		Liên hệ
278	LGC	CDX-00001686-250	Arecoline Hydrobromide	250mg		Liên hệ
279	LGC	CDX-00031188-005	American bugleweed (lycopus americanus) flowering tops RGBRM	5g		Liên hệ
280	LGC	CDX-00001691-025	Arecoline Hydrobromide(P)	25mg		Liên hệ
281	LGC	CDX-00001692-005	Arnifolin	5mg		Liên hệ
282	LGC	CDX-00001692-010	ARNIFOLIN(SH)	10mg		Liên hệ
283	LGC	CDX-00001693-001	Arabinose, L(+)-(SH)	1g		Liên hệ
284	LGC	CDX-00001694-00A	Aphanizophyll (in solution)	2.5ml		Liên hệ
285	LGC	CDX-00001695-001	Astaxanthin (P)	1mg		Liên hệ
286	LGC	CDX-00001695-005	Astaxanthin (P)	5mg		Liên hệ
287	LGC	CDX-00001695-010	Astaxanthin (P)	10mg		Liên hệ
288	LGC	CDX-00001696-001	Astaxanthin [~1.0Mg/MI](P) (In Solution)	1mL		Liên hệ
289	LGC	CDX-00001696-005	Astaxanthin	5mL		Liên hệ
290	LGC	CDX-00001696-010	Astaxanthin [~1.0Mg/MI](P) (In Solution)(2-Pack)	2x5ml		Liên hệ
291	LGC	CDX-00001697-00A	Astaxanthin in Acetone (~ 1mg/L)	2.5ml		Liên hệ
292	LGC	CDX-00001698-001	Astaxanthin [~1.0Mg/MI](AS) (In Solution)	1mL		Liên hệ
293	LGC	CDX-00001698-005	Astaxanthin [~1.0Mg/MI](AS) (In Solution)	5mL		Liên hệ
294	LGC	CDX-00001701-001	Behenic Acid Methylester	1g		Liên hệ
295	LGC	CDX-00001702-001	Benzoic Acid	1g		Liên hệ
296	LGC	CDX-00001703-100	omega-Benzoyloxyphloracetophenone	100mg		Liên hệ
297	LGC	CDX-00001704-100	omega-Benzoyloxyresacetophenone	100mg		Liên hệ
298	LGC	CDX-00001705-001	Benzylalcohol(SG)	1g		Liên hệ
299	LGC	CDX-00001705-100	Benzylalcohol(SG)	100mg		Liên hệ
300	LGC	CDX-00001706-025	Betonicine	25mg		Liên hệ
301	LGC	CDX-00001707-001	2-Bromocinnamic Acid	1g		Liên hệ
302	LGC	CDX-00001711-100	Butyl-3-Methylpyrazine,2-(SG)	100mg		Liên hệ



303	LGC	CDX-00001712-001	BUTYRIC ACID(SG)	1g			Liên hệ
304	LGC	CDX-00001712-100	Butyric Acid	100mg			Liên hệ
305	LGC	CDX-00001714-025	gamma-Butyrobetaineethylester chloride	25mg			Liên hệ
306	LGC	CDX-00001714-100	gamma-Butyrobetaineethylester chloride	100mg			Liên hệ
307	LGC	CDX-00001715-010	Aminopimelic Acid, DL-A-(SH)	10mg			Liên hệ
308	LGC	CDX-00001715-100	DL-alpha-Aminopimelic Acid	100mg			Liên hệ
309	LGC	CDX-00001720-001	2-Aminopyridine	1g			Liên hệ
310	LGC	CDX-00001725-001	3-Aminopyridine	1g			Liên hệ
311	LGC	CDX-00001730-001	4-Aminopyridine	1g			Liên hệ
312	LGC	CDX-00001733-001	Amygdalin	1g			Liên hệ
313	LGC	CDX-00001733-100	AMYGDALIN(P)	100mg			Liên hệ
314	LGC	CDX-00001733-250	Amygdalin	250mg			Liên hệ
315	LGC	CDX-00001737-001	Amyl Acetate	1g			Liên hệ
316	LGC	CDX-00001738-001	N-Amyl Alcohol	1g			Liên hệ
317	LGC	CDX-00001739-001	Amyl Alcohol, Tert-(SG)	1g			Liên hệ
318	LGC	CDX-00001739-250	tert-Amyl Alcohol	250mg			Liên hệ
319	LGC	CDX-00001740-010	Amyrin, A-(SH)	10mg			Liên hệ
320	LGC	CDX-00001745-010	B-Amyrin	10mg			Liên hệ
321	LGC	CDX-00001747-005	beta-Amyrin Acetate	5mg			Liên hệ
322	LGC	CDX-00001750-010	DL-Anabasine (Neonicotine)	10mg			Liên hệ
323	LGC	CDX-00001750-100	DL-Anabasine (Neonicotine)	100mg			Liên hệ
324	LGC	CDX-00001754-005	Andrograpanin(P)	5mg			Liên hệ
325	LGC	CDX-00001754-010	Andrograpanin(P)	10mg			Liên hệ
326	LGC	CDX-00001755-050	Andrographolide	50mg			Liên hệ
327	LGC	CDX-00001756-005	Andrographolide	5mg			Liên hệ
328	LGC	CDX-00001756-010	ANDROGRAPHOLIDE(P)	10mg			Liên hệ
329	LGC	CDX-00001756-025	Andrographolide	25mg			Liên hệ
330	LGC	CDX-00001756-100	Andrographolide	100mg			Liên hệ
331	LGC	CDX-00001757-005	Andrographolide, Dehydro(P)	5mg			Liên hệ
332	LGC	CDX-00001757-010	Dehydro-Andrographolide	10mg			Liên hệ
333	LGC	CDX-00001758-005	Andrographolide, Deoxy	5mg			Liên hệ
334	LGC	CDX-00001758-010	Andrographolide, Deoxy(P)	10mg			Liên hệ
335	LGC	CDX-00001759-005	NEOANDROGRAPHOLIDE(SH)	5mg			Liên hệ
336	LGC	CDX-00001759-010	Andrographolide, Neo	10mg			Liên hệ
337	LGC	CDX-00001759-025	Andrographolide, Neo	25mg			Liên hệ
338	LGC	CDX-00001760-005	Andrographis Standards Kit	4x5mg			Liên hệ
339	LGC	CDX-00001760-010	Andrographis Standards Kit	4x10mg			Liên hệ
340	LGC	CDX-00001785-010	5a-Androstane	10mg			Liên hệ

341	LGC	CDX-00001845-010	Androsterone	10mg			Liên hệ
342	LGC	CDX-00001848-100	Androsterone heptanoate	100mg			Liên hệ
343	LGC	CDX-00001848-250	Androsterone heptanoate	250mg			Liên hệ
344	LGC	CDX-00001851-250	Anethole, Trans-(P)	250mg			Liên hệ
345	LGC	CDX-00001855-010	Angelic Acid	10mg			Liên hệ
346	LGC	CDX-00001881-001	4-Anisaldehyde	1g			Liên hệ
347	LGC	CDX-00001885-00A	Antheraxanthin	2.5ml			Liên hệ
348	LGC	CDX-00001890-001	Anthranilic Acid Methylester(SG)	1g			Liên hệ
349	LGC	CDX-00001890-100	Anthranilic Acid Methylester	100mg			Liên hệ
350	LGC	CDX-00001900-005	Apigenin	5mg			Liên hệ
351	LGC	CDX-00001900-010	Apigenin	10mg			Liên hệ
352	LGC	CDX-00001900-025	Apigenin	25mg			Liên hệ
353	LGC	CDX-00001900-100	Apigenin	100mg			Liên hệ
354	LGC	CDX-00001904-250	Apigenin	250mg			Liên hệ
355	LGC	CDX-00001905-001	Apigenin	1g			Liên hệ
356	LGC	CDX-00001905-010	Apigenin(SH)	10mg			Liên hệ
357	LGC	CDX-00001905-025	Apigenin	25mg			Liên hệ
358	LGC	CDX-00001905-100	Apigenin	100mg			Liên hệ
359	LGC	CDX-00001905-500	Apigenin	500mg			Liên hệ
360	LGC	CDX-00001921-010	Apigenin-4',5,7-Trimethyl Ether	10mg			Liên hệ
361	LGC	CDX-00001925-005	Apigeninidin Chloride	5mg			Liên hệ
362	LGC	CDX-00001925-010	Apigeninidin Chloride(P)	10mg			Liên hệ
363	LGC	CDX-00001925-025	Apigeninidin Chloride(P)	25mg			Liên hệ
364	LGC	CDX-00001930-005	Apiin(P)	5mg			Liên hệ
365	LGC	CDX-00001930-010	Apiin(P)	10mg			Liên hệ
366	LGC	CDX-00001931-100	Apiin	100mg			Liên hệ
367	LGC	CDX-00001932-010	Apiole	10mg			Liên hệ
368	LGC	CDX-00001932-100	Apiole	100mg			Liên hệ
369	LGC	CDX-00001950-010	DL-Arabinose	10g			Liên hệ
370	LGC	CDX-00001955-010	D-(+)-Arabitol	10g			Liên hệ
371	LGC	CDX-00001960-001	L-(-)-Arabitol	1g			Liên hệ
372	LGC	CDX-00001970-001	Arachidyl Alcohol(SG)	1g			Liên hệ
373	LGC	CDX-00001970-010	Arachidyl alcohol(eicosanol)	10mg			Liên hệ
374	LGC	CDX-00001970-250	Arachidyl Alcohol(Eicosanol)(SG)	250mg			Liên hệ
375	LGC	CDX-00001976-005	Arbutin(P)	5mg			Liên hệ
376	LGC	CDX-00001976-010	Arbutin	10mg			Liên hệ
377	LGC	CDX-00001976-025	Arbutin(P)	25mg			Liên hệ
378	LGC	CDX-00001976-100	Arbutin	100mg			Liên hệ

379	LGC	CDX-00001977-010	Arctiin	10mg			Liên hệ
380	LGC	CDX-00001977-025	Arctiin(P)	25mg			Liên hệ
381	LGC	CDX-00001977-100	ARCTIIN(P)	100mg			Liên hệ
382	LGC	CDX-00001978-010	Arctigenin(P)	10mg			Liên hệ
383	LGC	CDX-00001978-025	Arctigenin(P)	25mg			Liên hệ
384	LGC	CDX-00001979-001	Arginine AKG	1g			Liên hệ
385	LGC	CDX-00001991-005	ARJUNETIN(SH)	5mg			Liên hệ
386	LGC	CDX-00001992-005	Arjungenin	5mg			Liên hệ
387	LGC	CDX-00001993-005	Arjunic acid	5mg			Liên hệ
388	LGC	CDX-00001996-010	Arcaine sulfate	10mg			Liên hệ
389	LGC	CDX-00001998-005	Aristolochic acid (i and II)	5mg			Liên hệ
390	LGC	CDX-00001999-005	Astilbin	5mg			Liên hệ
391	LGC	CDX-00001999-010	Astilbin	10mg			Liên hệ
392	LGC	CDX-00002002-005	Bacopaside I (SH)	5mg			Liên hệ
393	LGC	CDX-00002002-010	Bacopaside I(SH)	10mg			Liên hệ
394	LGC	CDX-00002003-005	Baccatin II-Hydroxy	5mg			Liên hệ
395	LGC	CDX-00002003-010	Baccatin II-Hydroxy	10mg			Liên hệ
396	LGC	CDX-00002004-005	Baccatin III(P)	5mg			Liên hệ
397	LGC	CDX-00002004-010	Baccatin III(P)	10mg			Liên hệ
398	LGC	CDX-00002004-025	Baccatin III	25mg			Liên hệ
399	LGC	CDX-00002005-005	Bacoside A	5mg			Liên hệ
400	LGC	CDX-00002005-010	Bacoside A(P)	10mg			Liên hệ
401	LGC	CDX-00002007-005	Bacopaside II	5mg			Liên hệ
402	LGC	CDX-00002007-010	Bacopaside II	10mg			Liên hệ
403	LGC	CDX-00002007-025	Bacopaside II	25mg			Liên hệ
404	LGC	CDX-00002008-005	Bacopasaponin C	5mg			Liên hệ
405	LGC	CDX-00002008-010	Bacopasaponin C	10mg			Liên hệ
406	LGC	CDX-00002008-025	Bacopasaponin C	25mg			Liên hệ
407	LGC	CDX-00002009-005	Bacopa Standards Kit	6x5mg			Liên hệ
408	LGC	CDX-00002009-010	Bacopa Standards Kit	6x10mg			Liên hệ
409	LGC	CDX-00002011-005	Bacoside A3	5mg			Liên hệ
410	LGC	CDX-00002011-010	Bacoside A3	10mg			Liên hệ
411	LGC	CDX-00002011-025	Bacoside A3	25mg			Liên hệ
412	LGC	CDX-00002012-005	Bacosine(P)	5mg			Liên hệ
413	LGC	CDX-00002012-010	Bacosine	10mg			Liên hệ
414	LGC	CDX-00002014-005	Bacoside X	5mg			Liên hệ
415	LGC	CDX-00002014-010	Bacopaside X	10mg			Liên hệ
416	LGC	CDX-00002015-005	Baicalein	5mg			Liên hệ

417	LGC	CDX-00002015-010	Baicalin	10mg			Liên hệ
418	LGC	CDX-00002015-025	Baicalin(P)	25mg			Liên hệ
419	LGC	CDX-00001979-250	Arginine AKG	250mg			Liên hệ
420	LGC	CDX-00002018-005	Baicalin-7-o-diglucoside	5mg			Liên hệ
421	LGC	CDX-00002018-010	Baicalin-7-o-diglucoside	10mg			Liên hệ
422	LGC	CDX-00002018-050	Baicalin-7-o-diglucoside	50mg			Liên hệ
423	LGC	CDX-00002020-005	Baicalin-7-Methyl Ether	5mg			Liên hệ
424	LGC	CDX-00002020-010	Baicalin-7-Methyl Ether	10mg			Liên hệ
425	LGC	CDX-00002025-005	Baicalin-5,6,7-trimethylether	5mg			Liên hệ
426	LGC	CDX-00002025-010	Baicalin-5,6,7-Trimethyl Ether	10mg			Liên hệ
427	LGC	CDX-00002030-005	Baicalin	5mg			Liên hệ
428	LGC	CDX-00002030-010	Baicalin	10mg			Liên hệ
429	LGC	CDX-00002030-025	Baicalin	25mg			Liên hệ
430	LGC	CDX-00002030-100	Baicalin	100mg			Liên hệ
431	LGC	CDX-00002031-005	Baicalin	5mg			Liên hệ
432	LGC	CDX-00002031-010	Baicalin	10mg			Liên hệ
433	LGC	CDX-00002031-025	Baicalin	25mg			Liên hệ
434	LGC	CDX-00002031-100	Baicalin	100mg			Liên hệ
435	LGC	CDX-00002033-005	Bakuchicin	5mg			Liên hệ
436	LGC	CDX-00002034-005	Bakuchiol	5mg			Liên hệ
437	LGC	CDX-00002034-010	Bakuchiol	10mg			Liên hệ
438	LGC	CDX-00002034-150	Bakuchiol	150mg			Liên hệ
439	LGC	CDX-00002037-005	Baohuoside I	5mg			Liên hệ
440	LGC	CDX-00002037-010	Baohuoside I	10mg			Liên hệ
441	LGC	CDX-00002040-001	DIOSMIN(P)	1g			Liên hệ
442	LGC	CDX-00002040-005	DIOSMIN(P)	5g			Liên hệ
443	LGC	CDX-00002040-010	Diosmin (Barosmin)	10mg			Liên hệ
444	LGC	CDX-00002040-050	Diosmin(Barosmin)(P)	50mg			Liên hệ
445	LGC	CDX-00002040-250	DIOSMINP)	250mg			Liên hệ
446	LGC	CDX-00002041-005	DIOSMIN(SH)	5g			Liên hệ
447	LGC	CDX-00002041-100	Diosmin (Barosmin)	100mg			Liên hệ
448	LGC	CDX-00002041-500	DIOSMIN(SH)	500mg			Liên hệ
449	LGC	CDX-00002045-010	Bathocuproine	10mg			Liên hệ
450	LGC	CDX-00002045-100	Bathocuproine	100mg			Liên hệ
451	LGC	CDX-00002050-010	Bathophenanthroline	10mg			Liên hệ
452	LGC	CDX-00002052-010	Benfotiamine	10mg			Liên hệ
453	LGC	CDX-00002052-025	Benfotiamine	25mg			Liên hệ
454	LGC	CDX-00002056-005	Bavachinin A	5mg			Liên hệ

455	LGC	CDX-00002057-001	Benzaldehyde(SG)	1g		Liên hệ
456	LGC	CDX-00002057-100	Benzaldehyde(SG)	100mg		Liên hệ
457	LGC	CDX-00002059-010	Belladonna Standards Kit 5 X 10Mg	5x10mg		Liên hệ
458	LGC	CDX-00002060-001	Benzethonium Chloride	1g		Liên hệ
459	LGC	CDX-00002066-001	Benzoic Acid Ethylester	1g		Liên hệ
460	LGC	CDX-00002067-001	Benzoic Acid Sodium Salt	1g		Liên hệ
461	LGC	CDX-00002068-100	Benzoic acid eugenylester	100mg		Liên hệ
462	LGC	CDX-00002069-001	BENZOIC ACID METHYLESTER(SG)	1g		Liên hệ
463	LGC	CDX-00002070-010	Benzo[A]Pyrene(P)	10mg		Liên hệ
464	LGC	CDX-00002070-025	Benzo[A]Pyrene(P)	25mg		Liên hệ
465	LGC	CDX-00002070-100	Benzo[a]Pyrene	100mg		Liên hệ
466	LGC	CDX-00002073-001	Benzoquinone, 1,4-(SG)	1g		Liên hệ
467	LGC	CDX-00002073-005	1,4-Benzoquinone	5g		Liên hệ
468	LGC	CDX-00002073-025	1,4-Benzoquinone	25g		Liên hệ
469	LGC	CDX-00002073-200	Benzoquinone, 1,4-(SG)	200mg		Liên hệ
470	LGC	CDX-00002110-001	Benzylacetate	1g		Liên hệ
471	LGC	CDX-00002125-001	Benzyl benzoate (SG)	1g		Liên hệ
472	LGC	CDX-00002130-001	Benzyl cinnamate	1g		Liên hệ
473	LGC	CDX-00002145-001	6-Benzylaminopurine	1g		Liên hệ
474	LGC	CDX-00002145-100	6-Benzylaminopurine	100mg		Liên hệ
475	LGC	CDX-00002155-001	Benzyl Isothiocyanate	1g		Liên hệ
476	LGC	CDX-00002170-010	N-Benzoyl-2R,3S-phenylisoserine ethyl ester (PIEE)	10mg		Liên hệ
477	LGC	CDX-00002170-025	N-Benzyloxymethylphenylisoserine Ethylester	25mg		Liên hệ
478	LGC	CDX-00002171-025	N-Benzyloxymethylphenylisoserine Methylester	25mg		Liên hệ
479	LGC	CDX-00002185-001	Benzyl Thiocyanate	1g		Liên hệ
480	LGC	CDX-00002200-010	Berberine Chloride	10mg		Liên hệ
481	LGC	CDX-00002201-010	Berberine Chloride(AHP)	10mg		Liên hệ
482	LGC	CDX-00002201-025	Berberine Chloride(P)	25mg		Liên hệ
483	LGC	CDX-00002201-100	Berberine Chloride	100mg		Liên hệ
484	LGC	CDX-00001981-050	ARGININE, L-(P)	50mg		Liên hệ
485	LGC	CDX-00031198-005	Arnica (arnica cordifolia) flower RGBRM	5g		Liên hệ
486	LGC	CDX-00002225-010	Berteroin	10mg		Liên hệ
487	LGC	CDX-00002231-001	Betaine(trimethylglycine)	1g		Liên hệ
488	LGC	CDX-00002231-250	Betaine	250mg		Liên hệ
489	LGC	CDX-00002232-010	Betamethasone	10mg		Liên hệ
490	LGC	CDX-00002233-001	Betaine HCl(P)	1g		Liên hệ
491	LGC	CDX-00002233-250	Betaine HCl(P)	250mg		Liên hệ
492	LGC	CDX-00002234-050	Betaine(trimethylglycine)	50mg		Liên hệ

493	LGC	CDX-00002234-100	Betaine(trimethylglycine)	100mg			Liên hệ
494	LGC	CDX-00002235-010	Betulin	10mg			Liên hệ
495	LGC	CDX-00002235-050	Betulin(P)	50mg			Liên hệ
496	LGC	CDX-00002236-001	Betulin	1g			Liên hệ
497	LGC	CDX-00002236-100	Betulin	100mg			Liên hệ
498	LGC	CDX-00002237-001	Betulin	1g			Liên hệ
499	LGC	CDX-00002237-005	Betulin	5g			Liên hệ
500	LGC	CDX-00002237-101	Betulin	1kg			Liên hệ
501	LGC	CDX-00002240-100	Betulin Diacetate	100mg			Liên hệ
502	LGC	CDX-00002245-001	Betulonic Acid	1g			Liên hệ
503	LGC	CDX-00002245-025	Betulonic Acid	25mg			Liên hệ
504	LGC	CDX-00002245-100	Betulonic Acid(P)	100mg			Liên hệ
505	LGC	CDX-00002246-025	Betulonic Acid(SH)	25mg			Liên hệ
506	LGC	CDX-00002247-005	Betulonic acid	5g			Liên hệ
507	LGC	CDX-00002247-101	Betulonic Acid	1kg			Liên hệ
508	LGC	CDX-00002250-005	Betulonic Acid Methyl Ester(SH)	5mg			Liên hệ
509	LGC	CDX-00002250-025	Betulonic Acid Methyl Ester	25mg			Liên hệ
510	LGC	CDX-00002254-005	Betulonic acid	5mg			Liên hệ
511	LGC	CDX-00002254-010	Betulonic acid	10mg			Liên hệ
512	LGC	CDX-00002254-025	Betulonic acid	25mg			Liên hệ
513	LGC	CDX-00002254-100	Betulonic acid	100mg			Liên hệ
514	LGC	CDX-00002255-010	Bianthrone	10mg			Liên hệ
515	LGC	CDX-00002255-500	Bianthrone	500mg			Liên hệ
516	LGC	CDX-00002259-005	(+)-Bicuculline	5mg			Liên hệ
517	LGC	CDX-00002259-010	(+)-Bicuculline	10mg			Liên hệ
518	LGC	CDX-00002260-005	Bilberry Standards Kit	5x5mg			Liên hệ
519	LGC	CDX-00002260-010	Bilberry Anthocyanidins Standards Kit	5x10mg			Liên hệ
520	LGC	CDX-00002261-00S	Bilberry Snap-n-Shoot Kit	5x1ml			Liên hệ
521	LGC	CDX-00030055-005	Azalea (chinese) (rhododendron molle) flower RGBRM	5g			Liên hệ
522	LGC	CDX-00002272-005	Bilobalide	5mg			Liên hệ
523	LGC	CDX-00002272-010	Bilobalide	10mg			Liên hệ
524	LGC	CDX-00002272-025	Bilobalide(Discontinued)(SH)	25mg			Liên hệ
525	LGC	CDX-00002274-005	BILOBALIDE(P)	5mg			Liên hệ
526	LGC	CDX-00002274-010	Bilobalide	10mg			Liên hệ
527	LGC	CDX-00002274-025	Bilobalide(AHP)	25mg			Liên hệ
528	LGC	CDX-00002276-005	Biochanin A	5mg			Liên hệ
529	LGC	CDX-00002276-010	Biochanin A	10mg			Liên hệ
530	LGC	CDX-00002276-025	BIOCHANIN A(SH)	25mg			Liên hệ

531	LGC	CDX-00002276-100	Biochanin A	100mg		Liên hệ
532	LGC	CDX-00002277-005	Biochanin A	5mg		Liên hệ
533	LGC	CDX-00002277-010	Biochanin A (AHP)	10mg		Liên hệ
534	LGC	CDX-00002277-025	Biochanin A	25mg		Liên hệ
535	LGC	CDX-00002277-100	Biochanin A	100mg		Liên hệ
536	LGC	CDX-00002283-005	7-O-Methylbiochanin A	5mg		Liên hệ
537	LGC	CDX-00002283-010	7-O-Methylbiochanin A	10mg		Liên hệ
538	LGC	CDX-00002283-025	7-O-Methylbiochanin A	25mg		Liên hệ
539	LGC	CDX-00002286-005	Biochanin A-7-O-Glucoside(Sissotrin	5mg		Liên hệ
540	LGC	CDX-00002288-0HK	Citrus Bioflavonoid Hplc Analysis Kit	8x10mg		Liên hệ
541	LGC	CDX-00002289-005	Citrus Bioflavonoid Standards Kit	7x5mg		Liên hệ
542	LGC	CDX-00002289-010	Citrus Bioflavonoid Standards Kit	7x10mg		Liên hệ
543	LGC	CDX-00002290-001	a(-)-Bisabolol	1g		Liên hệ
544	LGC	CDX-00002290-100	a(-)-Bisabolol	100mg		Liên hệ
545	LGC	CDX-00002292-001	a(-)-Bisabolol	1g		Liên hệ
546	LGC	CDX-00002292-100	a(-)-Bisabolol	100mg		Liên hệ
547	LGC	CDX-00002300-050	Bitter Orange (Synephrine) Standards Kit	6x50mg		Liên hệ
548	LGC	CDX-00002300-100	Bitter Orange(Synephrine) Standards	6x100mg		Liên hệ
549	LGC	CDX-00002320-001	Bixin	1g		Liên hệ
550	LGC	CDX-00002320-005	Bixin	5mg		Liên hệ
551	LGC	CDX-00002320-010	Bixin	10mg		Liên hệ
552	LGC	CDX-00002320-050	Bixin	50mg		Liên hệ
553	LGC	CDX-00002320-250	Bixin (P)	250mg		Liên hệ
554	LGC	CDX-00002330-101	Black currant powdered extract	1kg		Liên hệ
555	LGC	CDX-00002335-005	Black Cohosh Standards Kit	2x5mg		Liên hệ
556	LGC	CDX-00002335-010	Black Cohosh Standards Kit	3x10mg		Liên hệ
557	LGC	CDX-00002340-005	Boeravinone B	5mg		Liên hệ
558	LGC	CDX-00002345-001	Boldine	1g		Liên hệ
559	LGC	CDX-00002345-100	Boldine	100mg		Liên hệ
560	LGC	CDX-00030874-005	Barbed skullcap (scutellaria barbata) herb RGBRM	5g		Liên hệ
561	LGC	CDX-00002355-001	(+)-Borneol	1g		Liên hệ
562	LGC	CDX-00002355-100	(+)-Borneol	100mg		Liên hệ
563	LGC	CDX-00002356-001	BORNEOL, (-)-(SG)	1g		Liên hệ
564	LGC	CDX-00002356-250	Borneol, (-)-(SG)	250mg		Liên hệ
565	LGC	CDX-00002357-001	L-Bornyl Acetate	1g		Liên hệ
566	LGC	CDX-00002357-100	L-Bornyl Acetate	100mg		Liên hệ
567	LGC	CDX-00002359-005	Brassicasterol	5mg		Liên hệ
568	LGC	CDX-00030995-005	Barley (hordeum vulgare) fruit RGBRM	5g		Liên hệ

569	LGC	CDX-00002359-025	Brassicasterol	25mg		Liên hệ
570	LGC	CDX-00031331-005	Barley (hordeum vulgare) grass RGBRM	5g		Liên hệ
571	LGC	CDX-00031129-005	Bayberry (morella cerifera) root bark RGBRM	5g		Liên hệ
572	LGC	CDX-00031079-005	Beet (beta vulgaris) root RGBRM	5g		Liên hệ
573	LGC	CDX-00002368-100	Bromelain	100mg		Liên hệ
574	LGC	CDX-00002380-001	2-Bromobutane	1g		Liên hệ
575	LGC	CDX-00002400-250	5-Bromo-2'-Deoxyuridine	250mg		Liên hệ
576	LGC	CDX-00002430-100	6-Bromo-2-naphthyl-beta-D-glucopyranoside	100mg		Liên hệ
577	LGC	CDX-00002440-001	4-Bromomethyl-7-methoxycoumarin	1g		Liên hệ
578	LGC	CDX-00002440-100	4-Bromomethyl-7-methoxycoumarin	100mg		Liên hệ
579	LGC	CDX-00002450-250	5-Bromovanillin	250mg		Liên hệ
580	LGC	CDX-00002460-250	5-Bromouracil	250mg		Liên hệ
581	LGC	CDX-00002461-001	Brucine	1g		Liên hệ
582	LGC	CDX-00002469-005	Bulleyaconitine A(P)	5mg		Liên hệ
583	LGC	CDX-00002469-010	Bulleyaconitine A	10mg		Liên hệ
584	LGC	CDX-00002469-050	Bulleyaconitine A(P)	50mg		Liên hệ
585	LGC	CDX-00002470-010	Bulbocapnine Hydrochloride	10mg		Liên hệ
586	LGC	CDX-00002471-005	Bupleurum Saikosaponin Standards Kit	4x5mg		Liên hệ
587	LGC	CDX-00002472-001	BUTANAL(SG)	1g		Liên hệ
588	LGC	CDX-00002474-001	BUTANEDIOL, 2,3-(SG)	1g		Liên hệ
589	LGC	CDX-00002476-001	Butyl Acetate(SG)	1g		Liên hệ
590	LGC	CDX-00002477-001	Butyl Alcohol, n-butanol	1g		Liên hệ
591	LGC	CDX-00002478-005	Butchers Broom Standards Kit	4x5mg		Liên hệ
592	LGC	CDX-00002478-010	Butchers Broom Standards Kit	4x10mg		Liên hệ
593	LGC	CDX-00002479-010	BURDOCK STANDARDS KIT(P)	2x10mg		Liên hệ
594	LGC	CDX-00002479-025	Burdock Standards Kit	2x25mg		Liên hệ
595	LGC	CDX-00002480-005	Butein	5mg		Liên hệ
596	LGC	CDX-00002480-010	Butein(SH)	10mg		Liên hệ
597	LGC	CDX-00002480-025	Butein	25mg		Liên hệ
598	LGC	CDX-00002485-00A	But-Fucoxanthin, 19'-(SH)	2.5ml		Liên hệ
599	LGC	CDX-00002488-005	3-n-Butylphthalide	5mg		Liên hệ
600	LGC	CDX-00002488-010	3-n-Butylphthalide	10mg		Liên hệ
601	LGC	CDX-00002490-001	Butyl-p-hydroxybenzoate	1mg		Liên hệ
602	LGC	CDX-00002490-005	Butyl-p-hydroxybenzoate	5mg		Liên hệ
603	LGC	CDX-00002493-001	Butyl Isothiocyanate(SG)	1g		Liên hệ
604	LGC	CDX-00002494-001	Tert-Butyl Isothiocyanate	1g		Liên hệ
605	LGC	CDX-00002495-001	BUTYRIC ACID ETHYLESTER(SG)	1g		Liên hệ
606	LGC	CDX-00002496-001	Butyric acid isoamylester	1g		Liên hệ



607	LGC	CDX-00002497-001	Butyric acid methylester	1g		Liên hệ
608	LGC	CDX-00002505-005	n-Butylanalogofaxol	5mg		Liên hệ
609	LGC	CDX-00002525-001	2-tert-Butyl-p-Quinone	1g		Liên hệ
610	LGC	CDX-00002525-250	Butyl-p-quinone, 2-tert- (AS)	250mg		Liên hệ
611	LGC	CDX-00002530-001	Byakangelicin (P)	1mg		Liên hệ
612	LGC	CDX-00002530-001-1	Byakangelicin (P)	1mg		Liên hệ
613	LGC	CDX-00002530-005	Byakangelicin	5mg		Liên hệ
614	LGC	CDX-00002533-010	Byakangelicol (P)	10mg		Liên hệ
615	LGC	CDX-00002550-005	A-Boswellic Acid	5mg		Liên hệ
616	LGC	CDX-00002550-010	a-Boswellic Acid	10mg		Liên hệ
617	LGC	CDX-00002555-005	B-Boswellic Acid	5mg		Liên hệ
618	LGC	CDX-00002555-010	beta-Boswellic Acid	10mg		Liên hệ
619	LGC	CDX-00002555-025	b-Boswellicacid	25mg		Liên hệ
620	LGC	CDX-00002560-005	3-Acetyl-A-Boswellic Acid	5mg		Liên hệ
621	LGC	CDX-00002560-010	3-Acetyl-A-Boswellic Acid(P)	10mg		Liên hệ
622	LGC	CDX-00002561-005	3-Acetyl-a-Boswellic Acid, 3-(SH	5mg		Liên hệ
623	LGC	CDX-00002561-010	3-Acetyl-a-boswellicacid	10mg		Liên hệ
624	LGC	CDX-00002565-005	3-Acetyl-B-Boswellic Acid	5mg		Liên hệ
625	LGC	CDX-00002565-010	3-Acetyl-B-Boswellic Acid	10mg		Liên hệ
626	LGC	CDX-00002570-005	3-Acetyl-11-Keto-B-Boswellic Acid	5mg		Liên hệ
627	LGC	CDX-00002570-010	3-Acetyl-11-Keto-B-Boswellic Acid	10mg		Liên hệ
628	LGC	CDX-00002570-025	3-Acetyl-11-keto-b-boswellicacid	25mg		Liên hệ
629	LGC	CDX-00002570-100	3-Acetyl-11-keto-b-boswellicacid	100mg		Liên hệ
630	LGC	CDX-00002571-001	3-Acetyl-11-Keto-B-Boswellic Acid	1kg		Liên hệ
631	LGC	CDX-00002571-500	Acetyl-11-Keto-B-Boswellic Acid, 3-	500mg		Liên hệ
632	LGC	CDX-00002575-005	11-Keto-B-Boswellic Acid	5mg		Liên hệ
633	LGC	CDX-00002575-010	11-Keto-B-Boswellic Acid	10mg		Liên hệ
634	LGC	CDX-00002600-005	Boswellia Standards Kit	6x5mg		Liên hệ
635	LGC	CDX-00002600-010	Boswellia Standards Kit	6x10mg		Liên hệ
636	LGC	CDX-00002727-001	Drummond Microcaps Micropipets 100/	onrequest		Liên hệ
637	LGC	CDX-00003005-005	Cafestol	5mg		Liên hệ
638	LGC	CDX-00003005-010	Cafestol	10mg		Liên hệ
639	LGC	CDX-00003005-050	Cafestol	50mg		Liên hệ
640	LGC	CDX-00003006-010	Cafestol Acetate	10mg		Liên hệ
641	LGC	CDX-00003006-050	Cafestol Acetate	50mg		Liên hệ
642	LGC	CDX-00003007-010	Cafestol Palmitate	10mg		Liên hệ
643	LGC	CDX-00003007-050	Cafestol Palmitate	50mg		Liên hệ
644	LGC	CDX-00003020-001	n-CaffeoyL-o-methyltyramine	1mg		Liên hệ

645	LGC	CDX-00003020-005	n-Caffeoyl-L- <i>o</i> -methyltyramine	5mg			Liên hệ
646	LGC	CDX-00003021-010	Caffeic Acid Phenethyl Ester(Cape)	10mg			Liên hệ
647	LGC	CDX-00003021-025	Caffeic Acid Phenethyl Ester(Cape)	25mg			Liên hệ
648	LGC	CDX-00003022-010	Caffeic acid ethylester	10mg			Liên hệ
649	LGC	CDX-00003023-005	Caffeoylmalic Acid	5mg			Liên hệ
650	LGC	CDX-00003023-010	Caffeoylmalic Acid	10mg			Liên hệ
651	LGC	CDX-00003024-005	Caffeic Acid	5mg			Liên hệ
652	LGC	CDX-00003024-010	Caffeic Acid	10mg			Liên hệ
653	LGC	CDX-00003024-025	Caffeic Acid(AHP)	25mg			Liên hệ
654	LGC	CDX-00003024-100	Caffeic acid	100mg			Liên hệ
655	LGC	CDX-00003025-001	Caffeic Acid	1g			Liên hệ
656	LGC	CDX-00003025-010	Caffeic Acid	10g			Liên hệ
657	LGC	CDX-00003025-101	Caffeic acid	1kg			Liên hệ
658	LGC	CDX-00015105-010	Bergamot oil	10ml			Liên hệ
659	LGC	CDX-00003026-010	Caffeic Acid Phenethyl Ester (Cape)	10mg			Liên hệ
660	LGC	CDX-00003026-050	Caffeic Acid Phenethyl Ester (CAPE)	50mg			Liên hệ
661	LGC	CDX-00003026-101	Caffeic Acid Phenethyl Ester (Cape)	1kg			Liên hệ
662	LGC	CDX-00003027-001	Caffeine	1g			Liên hệ
663	LGC	CDX-00003027-005	Caffeine	5mg			Liên hệ
664	LGC	CDX-00003027-025	Caffeine	25mg			Liên hệ
665	LGC	CDX-00003027-100	Caffeine	100mg			Liên hệ
666	LGC	CDX-00003028-005	Caftaric Acid	5mg			Liên hệ
667	LGC	CDX-00003028-010	Caftaric Acid	10mg			Liên hệ
668	LGC	CDX-00003029-001	Caffeine	1g			Liên hệ
669	LGC	CDX-00003030-001	Calcein	1g			Liên hệ
670	LGC	CDX-00003032-001	Caffeine(P) (Compendial Traceable)	1g			Liên hệ
671	LGC	CDX-00003032-010	Caffeine (compendial traceable)	10mg			Liên hệ
672	LGC	CDX-00003032-100	Caffeine	100mg			Liên hệ
673	LGC	CDX-00003032-200	CAFFEINE(P) (Compendial Traceable)	200mg			Liên hệ
674	LGC	CDX-00003033-005	Caftaric Acid	5mg			Liên hệ
675	LGC	CDX-00003033-010	Caftaric Acid	10mg			Liên hệ
676	LGC	CDX-00003035-001	Calcitriol	1mg			Liên hệ
677	LGC	CDX-00003035-500	Calcitriol	0.5mg			Liên hệ
678	LGC	CDX-00003036-001	Calcium b-hydroxy-b-methylbutyrate	1g			Liên hệ
679	LGC	CDX-00003036-005	Calcium b-hydroxy-b-methylbutyrate	5g			Liên hệ
680	LGC	CDX-00003038-025	Calcium-4-Methyl-2-Oxovalerate dihydrate	25mg			Liên hệ
681	LGC	CDX-00003038-100	Calcium-4-Methyl-2-Oxovalerate Dihy	100mg			Liên hệ
682	LGC	CDX-00003040-010	Calcium folinate (Folinic acid)	10mg			Liên hệ

683	LGC	CDX-00003040-050	CALCIUM FOLINATE(FOLINIC ACID)(SH)	50mg			Liên hệ
684	LGC	CDX-00003060-001	Calcium undecylenate	1g			Liên hệ
685	LGC	CDX-00003071-001	Calycosin	1mg			Liên hệ
686	LGC	CDX-00002211-025	Bergamotin	25mg			Liên hệ
687	LGC	CDX-00003072-005	Campesterol	5mg			Liên hệ
688	LGC	CDX-00003072-010	Campesterol	10mg			Liên hệ
689	LGC	CDX-00003072-025	Campesterol(P)	25mg			Liên hệ
690	LGC	CDX-00003073-001	Camphene	1g			Liên hệ
691	LGC	CDX-00003075-001	(+)-Camphor	1g			Liên hệ
692	LGC	CDX-00003076-001	(1S)-(-)-Camphor	1g			Liên hệ
693	LGC	CDX-00003077-001	DL-Camphor	1g			Liên hệ
694	LGC	CDX-00003078-001	Camphene(SG)	1g			Liên hệ
695	LGC	CDX-00003078-100	Camphene(SG)	100mg			Liên hệ
696	LGC	CDX-00002210-005	Bergamottin	5mg			Liên hệ
697	LGC	CDX-00002210-010	Bergamottin (P)	10mg			Liên hệ
698	LGC	CDX-00003085-010	Camptothecin	10mg			Liên hệ
699	LGC	CDX-00003085-025	Camptothecin	25mg			Liên hệ
700	LGC	CDX-00003086-010	9-Amino-Camptothecin	10mg			Liên hệ
701	LGC	CDX-00003086-025	Camptothecin, 9-Amino-(SH)	25mg			Liên hệ
702	LGC	CDX-00002210-025	Bergamottin (P)	25mg			Liên hệ
703	LGC	CDX-00003088-025	Camptothecin, 10-Hydroxy(SH)	25mg			Liên hệ
704	LGC	CDX-00002211-005	Bergamottin(Sh)	5mg			Liên hệ
705	LGC	CDX-00002215-050	Bergapten	50mg			Liên hệ
706	LGC	CDX-00002215-250	Bergapten	250mg			Liên hệ
707	LGC	CDX-00002216-005	Bergapten	5mg			Liên hệ
708	LGC	CDX-00003102-010	L-Canavaninesulfate	10mg			Liên hệ
709	LGC	CDX-00003102-025	L-Canavanine sulfate	25mg			Liên hệ
710	LGC	CDX-00003102-100	L-Canavanine sulfate	100mg			Liên hệ
711	LGC	CDX-00003103-001	Capric Acid Ethylester(SG)	1g			Liên hệ
712	LGC	CDX-00003103-100	Capric Acid Ethylester(SG)	100mg			Liên hệ
713	LGC	CDX-00003104-001	CAPRIC ACID METHYLESTER(AS)	1g			Liên hệ
714	LGC	CDX-00003104-100	Capric Acid Methylester(SG)	100mg			Liên hệ
715	LGC	CDX-00003105-001	Caproic Acid Ethylester	1g			Liên hệ
716	LGC	CDX-00003105-100	CAPROIC ACID ETHYLESTER(SG)	100mg			Liên hệ
717	LGC	CDX-00003106-001	Caproic Acid Methylester	1g			Liên hệ
718	LGC	CDX-00003106-100	Caproic Acid Methylester	100mg			Liên hệ
719	LGC	CDX-00003107-001	Caprylic Acid	1g			Liên hệ
720	LGC	CDX-00003107-100	CAPRYLIC ACID(AS)	100mg			Liên hệ

721	LGC	CDX-00003108-001	Caprylic Acid Ethylester	1g			Liên hệ
722	LGC	CDX-00003108-100	Caprylic Acid Ethylester(SG)	100mg			Liên hệ
723	LGC	CDX-00003109-001	Caprylic Acid Methylester	1g			Liên hệ
724	LGC	CDX-00003109-100	Caprylic Acid Methylester	100mg			Liên hệ
725	LGC	CDX-00003110-001	Carminic Acid	1g			Liên hệ
726	LGC	CDX-00002216-010	Bergapten	10mg			Liên hệ
727	LGC	CDX-00003111-001	Chelidonic Acid	1g			Liên hệ
728	LGC	CDX-00003113-001	Chrysanthemyl Alcohol	1g			Liên hệ
729	LGC	CDX-00003114-005	Convolvamine hydrochloride	5mg			Liên hệ
730	LGC	CDX-00003114-025	Convolvamine Hydrochloride	25mg			Liên hệ
731	LGC	CDX-00003115-001	Canthaxanthin 10%	1g			Liên hệ
732	LGC	CDX-00003116-00A	Canthaxanthin	2.5ml			Liên hệ
733	LGC	CDX-00002215-005	Bergapten (P)	5mg			Liên hệ
734	LGC	CDX-00003118-010	Cantharidin (P)	10mg			Liên hệ
735	LGC	CDX-00003118-025	Cantharidin	25mg			Liên hệ
736	LGC	CDX-00003118-100	Cantharidin	100mg			Liên hệ
737	LGC	CDX-00003120-001	"Canthaxanthin, Trans-(SH)"	1mg			Liên hệ
738	LGC	CDX-00003120-005	Canthaxanthin, Trans-(SH)	5mg			Liên hệ
739	LGC	CDX-00003123-005	Capensinidin Chloride	5mg			Liên hệ
740	LGC	CDX-00003123-010	Capensinidin Chloride(New)(SH)	10mg			Liên hệ
741	LGC	CDX-00003124-001	Caproic Acid	1g			Liên hệ
742	LGC	CDX-00003124-100	Caproic Acid(SG)	100mg			Liên hệ
743	LGC	CDX-00003125-010	Capillarisin	10mg			Liên hệ
744	LGC	CDX-00003126-001	Capric Acid	1g			Liên hệ
745	LGC	CDX-00003126-010	Capric Acid	10mg			Liên hệ
746	LGC	CDX-00003126-100	Capric Acid(SG)	100mg			Liên hệ
747	LGC	CDX-00003127-001	Caproic aldehyde	1g			Liên hệ
748	LGC	CDX-00003130-010	Capsaicin(Mix Of Capsaicin And Dihy	10mg			Liên hệ
749	LGC	CDX-00003130-100	Capsaicin(Mix Of Capcaisin And Dihy	100mg			Liên hệ
750	LGC	CDX-00003131-025	Capsaicin (mix of Capsaicin and Dihydro)	25mg			Liên hệ
751	LGC	CDX-00003131-100	Capsaicin (mix of Capsaicin and Dihydro)	100mg			Liên hệ
752	LGC	CDX-00003135-005	Capsaicin(methyl-N-vanillyl-6-noneneamide)	5mg			Liên hệ
753	LGC	CDX-00003135-010	Capsaicin (Methyl-N-Vanillyl-6-Noneneamide)	10mg			Liên hệ
754	LGC	CDX-00003135-025	Capsaicin(Methyl-N-Vanillyl-6-Nonen	25mg			Liên hệ
755	LGC	CDX-00003135-1	Capsaicin	1g			Liên hệ
756	LGC	CDX-00003136-100	Capsaicin (Pseudocapsaicin) (Synthetic)	100mg			Liên hệ
757	LGC	CDX-00003136-250	Capsaicin (Pseudocapsaicin) (Synthetic)	250mg			Liên hệ
758	LGC	CDX-00003137-010	Capsaicin (Pseudocapsaicin) (Synthetic)	10mg			Liên hệ

759	LGC	CDX-00003137-025	Capsaicin(Pseudocapsaicin)(Syntheti	25mg			Liên hệ
760	LGC	CDX-00003137-100	Capsaicin (Pseudocapsaicin) (Synthetic)(P)	100mg			Liên hệ
761	LGC	CDX-00003145-001	Captopril	1g			Liên hệ
762	LGC	CDX-00003150-100	Carbachol	100mg			Liên hệ
763	LGC	CDX-00003160-250	Carbenoxolone	250mg			Liên hệ
764	LGC	CDX-00003162-001	Carboline-1-Propionic Acid, B-(P)	1mg			Liên hệ
765	LGC	CDX-00003162-005	B-Carboline-1-Propionic Acid	5mg			Liên hệ
766	LGC	CDX-00003165-010	Carboplatin	10mg			Liên hệ
767	LGC	CDX-00003165-025	Carboplatin	25mg			Liên hệ
768	LGC	CDX-00003175-001	Cardamonin	1mg			Liên hệ
769	LGC	CDX-00003185-001	Carene, (1S-Cis)-2-(SG)	1g			Liên hệ
770	LGC	CDX-00003185-100	CARENE, (1S-cis)-2-(SG)	100mg			Liên hệ
771	LGC	CDX-00003186-001	Carene, Delta-3-(SG)	1g			Liên hệ
772	LGC	CDX-00003192-025	L-Carnitinetartrate	25mg			Liên hệ
773	LGC	CDX-00003192-100	L-Carnitinetartrate	100mg			Liên hệ
774	LGC	CDX-00003192-500	L-Carnitinetartrate	500mg			Liên hệ
775	LGC	CDX-00003194-001	L-Carnitine	1g			Liên hệ
776	LGC	CDX-00003194-100	L-Carnitine	100mg			Liên hệ
777	LGC	CDX-00002215-025	Bergapten (P)	25mg			Liên hệ
778	LGC	CDX-00002215-010	BERGAPTEN(P)	10mg			Liên hệ
779	LGC	CDX-00003196-K	Carnitine Standards Kit	2stds			Liên hệ
780	LGC	CDX-00003197-001	Carnosic Acid	1g			Liên hệ
781	LGC	CDX-00003197-010	Carnosic acid	10mg			Liên hệ
782	LGC	CDX-00003197-025	Carnosic acid	25mg			Liên hệ
783	LGC	CDX-00003197-050	Carnosic acid	50mg			Liên hệ
784	LGC	CDX-00003197-250	Carnosic acid	250mg			Liên hệ
785	LGC	CDX-00003198-001	Carnosic Acid	1g			Liên hệ
786	LGC	CDX-00003198-005	Carnosic Acid	5mg			Liên hệ
787	LGC	CDX-00003198-010	Carnosic Acid(P)	10mg			Liên hệ
788	LGC	CDX-00003198-050	Carnosic Acid	50mg			Liên hệ
789	LGC	CDX-00003198-250	Carnosic acid	250mg			Liên hệ
790	LGC	CDX-00003199-001	Carnosol	1g			Liên hệ
791	LGC	CDX-00003199-005	Carnosol	5mg			Liên hệ
792	LGC	CDX-00003199-010	Carnosol	10mg			Liên hệ
793	LGC	CDX-00003199-050	Carnosol	50mg			Liên hệ
794	LGC	CDX-00003199-250	Carnosol	250mg			Liên hệ
795	LGC	CDX-00002216-025	BERGAPTEN(SH)	25mg			Liên hệ
796	LGC	CDX-00003200-250	L-Carnosine	250mg			Liên hệ

797	LGC	CDX-00003201-100	L-Carnosine	100mg			Liên hệ
798	LGC	CDX-00003201-250	Carnosine, L-(P)	250mg			Liên hệ
799	LGC	CDX-00003202-010	CAROTEN-8'-AL, TRANS-8'-APO-BETA(P)	10mg			Liên hệ
800	LGC	CDX-00003203-001	Carnosol	1g			Liên hệ
801	LGC	CDX-00003204-005	alpha-Carotene 1.0mg/mL in Dichloromethane (SH)	5mg			Liên hệ
802	LGC	CDX-00003204-010	alpha-Carotene 0.66 mg/mL in Chloroform	10mg			Liên hệ
803	LGC	CDX-00003205-00A	alpha-Carotene	2.5ml			Liên hệ
804	LGC	CDX-00003210-00A	beta-Carotene	2.5ml			Liên hệ
805	LGC	CDX-00003211-005	CAROTENE, B-(P)	5mg			Liên hệ
806	LGC	CDX-00003211-010	Carotene, B-(P)	10mg			Liên hệ
807	LGC	CDX-00003211-025	beta-Carotene	25mg			Liên hệ
808	LGC	CDX-00003211-100	beta-Carotene	100mg			Liên hệ
809	LGC	CDX-00003220-001	iota-Carrageenan	1g			Liên hệ
810	LGC	CDX-00003221-001	Catnip Standards Kit	8x1g			Liên hệ
811	LGC	CDX-00003230-001	CARVACROL(ISOTHYMOL)(P)	1g			Liên hệ
812	LGC	CDX-00003230-250	Carvacrol	250mg			Liên hệ
813	LGC	CDX-00002217-010	Bergaptol(SH)	10mg			Liên hệ
814	LGC	CDX-00003232-005	Carvacryl Acetate	5g			Liên hệ
815	LGC	CDX-00003235-001	(-)-Carveol	1g			Liên hệ
816	LGC	CDX-00003235-005	(-)-Carveol	5g			Liên hệ
817	LGC	CDX-00003240-001	Carvone, (+)-(SG)	1g			Liên hệ
818	LGC	CDX-00003245-001	Carvone, (-)-(SG)	1g			Liên hệ
819	LGC	CDX-00002230-005	Bergenin	5mg			Liên hệ
820	LGC	CDX-00003250-001	CARYOPHYLLENE, (-)-trans-(SG)	1g			Liên hệ
821	LGC	CDX-00003250-100	Caryophyllene, (-)-Trans-(SG)	100mg			Liên hệ
822	LGC	CDX-00002230-010	Bergenin	10mg			Liên hệ
823	LGC	CDX-00003251-100	Caryophyllene Oxide	100mg			Liên hệ
824	LGC	CDX-00003252-001	CARYOPHYLLENE, (-)-trans-(P)	1g			Liên hệ
825	LGC	CDX-00003252-250	CARYOPHYLLENE, (-)-trans-(P)	250mg			Liên hệ
826	LGC	CDX-00003270-005	Castanospermine	5mg			Liên hệ
827	LGC	CDX-00003270-010	Castanospermine	10mg			Liên hệ
828	LGC	CDX-00003272-005	Casticin	5mg			Liên hệ
829	LGC	CDX-00003272-010	CASTICIN(P)	10mg			Liên hệ
830	LGC	CDX-00003272-025	Casticin	25mg			Liên hệ
831	LGC	CDX-00003274-005	Catalpol	5mg			Liên hệ
832	LGC	CDX-00003275-005	Catalpol	5mg			Liên hệ
833	LGC	CDX-00003275-010	Catalpol	10mg			Liên hệ
834	LGC	CDX-00003275-050	Catalpol	50mg			Liên hệ

835	LGC	CDX-00002230-050	Bergenin	50mg		Liên hệ
836	LGC	CDX-00003285-010	Catechin HPLC Analysis Kit	5x10mg		Liên hệ
837	LGC	CDX-00003285-1HK	Green Tea Catechin HPLC Kit W/ GRD COL	5x10mg		Liên hệ
838	LGC	CDX-00003285-OHK	Green Tea Catechin HPLC Kit	5x10mg		Liên hệ
839	LGC	CDX-00003286-010	Green Tea Catechin Standards Kit	5x10mg		Liên hệ
840	LGC	CDX-00003286-025	Green Tea Catechin Standards Kit	5x25mg		Liên hệ
841	LGC	CDX-00003290-010	DL-Catechin	10mg		Liên hệ
842	LGC	CDX-00003290-025	DL-Catechin	25mg		Liên hệ
843	LGC	CDX-00003291-001	Catechol	1g		Liên hệ
844	LGC	CDX-00003295-010	DL-Catechin	10mg		Liên hệ
845	LGC	CDX-00003295-100	DL-Catechin	100mg		Liên hệ
846	LGC	CDX-00003300-005	(-)-Catechin	5mg		Liên hệ
847	LGC	CDX-00003310-001	CATECHIN, (+)-(P) (AHP Verified) (REQUEST QUOTE)	1g		Liên hệ
848	LGC	CDX-00003310-010	(+)-Catechin	10mg		Liên hệ
849	LGC	CDX-00003310-025	Catechin, (+)-(Ahp)	25mg		Liên hệ
850	LGC	CDX-00003310-100	(+)-Catechin	100mg		Liên hệ
851	LGC	CDX-00003312-005	(+)-Catechin	5g		Liên hệ
852	LGC	CDX-00003315-005	(-)-Catechin gallate	5mg		Liên hệ
853	LGC	CDX-00003315-010	(-)-Catechin gallate	10mg		Liên hệ
854	LGC	CDX-00003317-005	Catechin-5-o-gallate	5mg		Liên hệ
855	LGC	CDX-00003320-005	Catenarin	5mg		Liên hệ
856	LGC	CDX-00003323-005	Cats Claw Standards Kit	4x5mg		Liên hệ
857	LGC	CDX-00003323-010	CATS CLAW STANDARDS KIT(P)	4x10mg		Liên hệ
858	LGC	CDX-00003324-OHK	Cats Claw HPLC Kit	4x10mg		Liên hệ
859	LGC	CDX-00003325-005	Caulophyllogenin	5mg		Liên hệ
860	LGC	CDX-00003326-010	Catharanthine	10mg		Liên hệ
861	LGC	CDX-00003327-005	Cauloside C(P)(New)	5mg		Liên hệ
862	LGC	CDX-00003328-OHK	Cayenne (Capsaicins) HPLC Analysis Kit	kit		Liên hệ
863	LGC	CDX-00003329-010	Cayenne (Capsaicins) Standards Kit	3x10mg		Liên hệ
864	LGC	CDX-00003331-001	Cedrol	1g		Liên hệ
865	LGC	CDX-00003331-100	Cedrol	100mg		Liên hệ
866	LGC	CDX-00003332-100	Cedrene, (-)-Alpha-(SG)	100mg		Liên hệ
867	LGC	CDX-00003333-100	beta-Cedrene	100mg		Liên hệ
868	LGC	CDX-00003334-001	Celastrol	1g		Liên hệ
869	LGC	CDX-00003334-005	Celastrol	5mg		Liên hệ
870	LGC	CDX-00003334-010	Celastrol	10mg		Liên hệ
871	LGC	CDX-00003334-025	Celastrol	25mg		Liên hệ
872	LGC	CDX-00003334-050	Celastrol(P)	50mg		Liên hệ

873	LGC	CDX-00003334-250	Celastrol	250mg		Liên hệ
874	LGC	CDX-00003335-001	D-(+)-Cellobiose	1g		Liên hệ
875	LGC	CDX-00003355-005	Centaurein	5mg		Liên hệ
876	LGC	CDX-00003355-010	Centaurein	10mg		Liên hệ
877	LGC	CDX-00003360-005	Cephalomannine	5mg		Liên hệ
878	LGC	CDX-00003360-010	Cephalomannine	10mg		Liên hệ
879	LGC	CDX-00003360-025	Cephalomannine	25mg		Liên hệ
880	LGC	CDX-00003360-100	Cephalomannine	100mg		Liên hệ
881	LGC	CDX-00003364-010	Cephalotaxus Alkaloid Standards Kit	2x10mg		Liên hệ
882	LGC	CDX-00003364-025	Cephalotaxus Alkaloid Standards Kit	2x25mg		Liên hệ
883	LGC	CDX-00003365-001	Cepharanthine	1mg		Liên hệ
884	LGC	CDX-00003368-001	Cetyl Alcohol (1-Hexadecanol)	1g		Liên hệ
885	LGC	CDX-00003368-010	CETYL ALCOHOL(1-HEXADECANOL)(SG)	10mg		Liên hệ
886	LGC	CDX-00003368-100	Cetyl Alcohol (1-Hexadecanol)	100mg		Liên hệ
887	LGC	CDX-00003368-500	Cetyl Alcohol(1-Hexadecanol)(SG)	500mg		Liên hệ
888	LGC	CDX-00003371-005	alpha-Chaconine	5mg		Liên hệ
889	LGC	CDX-00003373-001	Chaetocin (SH)	1mg		Liên hệ
890	LGC	CDX-00003373-005	Chaetocin (SH)	5mg		Liên hệ
891	LGC	CDX-00003373-010	Chaetocin (SH)	10mg		Liên hệ
892	LGC	CDX-00003373-250	Chaetocin (SH)	250µg		Liên hệ
893	LGC	CDX-00003375-050	Chalcone	50mg		Liên hệ
894	LGC	CDX-00003375-100	Chalcone	100mg		Liên hệ
895	LGC	CDX-00003381-005	Chebulinic Acid	5mg		Liên hệ
896	LGC	CDX-00003381-010	CHEBULINIC ACID(SH)	10mg		Liên hệ
897	LGC	CDX-00003382-010	Chamomile Standards Kit	4x10mg		Liên hệ
898	LGC	CDX-00003384-005	Chaste Tree (Vitex) Standards Kit	4x5mg		Liên hệ
899	LGC	CDX-00003384-010	Chaste Tree (Vitex) Standards Kit contains: Casticin, Agnuside, Vitexilactone	3x10mg		Liên hệ
900	LGC	CDX-00003384-0HK	Chaste Tree (Vitex) HPLC Kit	3x10+c		Liên hệ
901	LGC	CDX-00003385-005	Chebulinic Acid(P)	5mg		Liên hệ
902	LGC	CDX-00003385-010	Chebulinic Acid(P)	10mg		Liên hệ
903	LGC	CDX-00003386-005	Charantin(New)(P)	5mg		Liên hệ
904	LGC	CDX-00003386-010	Charantin (P)	10mg		Liên hệ
905	LGC	CDX-00002260-025	Bilberry Anthocyanidins Standards Kit contains: Cyanidin Chloride, Delphinidin Chloride, Malvidin Chloride, Pelargonidin Chloride, Peonidin Chloride	5x25mg		Liên hệ
906	LGC	CDX-00003389-005	Charnissonolide (5mg)	5mg		Liên hệ
907	LGC	CDX-00003389-025	Charnissonolide (25mg)	25mg		Liên hệ
908	LGC	CDX-00003389-100	Charnissonolide (100mg)	100mg		Liên hệ
909	LGC	CDX-00002261-0SK	Bilberry SNAP-N-SHOOT Standards Kit contains: 0,1 mg/mL of each Cyanidin Chloride, Delphinidin Chloride, Malvidin Chloride, Pelargonidin Chloride, Peonidin Chloride	5x1ml		Liên hệ



910	LGC	CDX-00003396-005	Chelerythrine Chloride	5mg		Liên hệ
911	LGC	CDX-00003396-010	Chelerythrine Chloride	10mg		Liên hệ
912	LGC	CDX-00003396-025	Chelerythrine Chloride	25mg		Liên hệ
913	LGC	CDX-00003400-010	(+)-Chelidonium Hydrochloride	10mg		Liên hệ
914	LGC	CDX-00003405-010	(+)-Chelidonium	10mg		Liên hệ
915	LGC	CDX-00003405-025	(+)-Chelidonium	25mg		Liên hệ
916	LGC	CDX-00003406-010	(+)-Chelidonium	10mg		Liên hệ
917	LGC	CDX-00003406-025	Chelidonium, (+)-(P)	25mg		Liên hệ
918	LGC	CDX-00003410-001	Chenodeoxycholic Acid	1g		Liên hệ
919	LGC	CDX-00003410-100	Chenodeoxycholic Acid	100mg		Liên hệ
920	LGC	CDX-00003412-001	Chetomin	1mg		Liên hệ
921	LGC	CDX-00003412-250	Chetomin	250ug		Liên hệ
922	LGC	CDX-00003420-001	Chitin	1g		Liên hệ
923	LGC	CDX-00003420-005	Chitin	5g		Liên hệ
924	LGC	CDX-00031150-005	Birch (betula pubescens) bark RGBRM	5g		Liên hệ
925	LGC	CDX-00003423-005	Chitosan	5g		Liên hệ
926	LGC	CDX-00003423-025	Chitosan	25g		Liên hệ
927	LGC	CDX-00003425-001	alpha-Chloralose	1g		Liên hệ
928	LGC	CDX-00003425-250	alpha-Chloralose	250mg		Liên hệ
929	LGC	CDX-00003429-001	Chloramphenicol	1g		Liên hệ
930	LGC	CDX-00003429-250	Chloramphenicol	250mg		Liên hệ
931	LGC	CDX-00003450-005	Chlorogenic Acid	5mg		Liên hệ
932	LGC	CDX-00003450-010	Chlorogenic Acid	10mg		Liên hệ
933	LGC	CDX-00003450-025	Chlorogenic Acid	25mg		Liên hệ
934	LGC	CDX-00003450-050	Chlorogenic Acid(AHP)	50mg		Liên hệ
935	LGC	CDX-00003450-050	Chlorogenic Acid(AHP)	100mg		Liên hệ
936	LGC	CDX-00003455-250	Chlorogenic Acid	250mg		Liên hệ
937	LGC	CDX-00003459-00A	Divinyl-Chlorophyll A	2.5ml		Liên hệ
938	LGC	CDX-00003460-001	Chlorophyllin	1g		Liên hệ
939	LGC	CDX-00003460-005	Chlorophyllin	5g		Liên hệ
940	LGC	CDX-00003461-00A	Chlorophyll A(SH) in Acetone	2.5ml		Liên hệ
941	LGC	CDX-00003462-00A	Chlorophyll B(SH) in Acetone	2.5ml		Liên hệ
942	LGC	CDX-00003463-00A	Chlorophyll C2(SH)	2.5ml		Liên hệ
943	LGC	CDX-00003464-00A	Chlorophyll C3	2.5ml		Liên hệ
944	LGC	CDX-00003465-050	6-Chloropurine	50mg		Liên hệ
945	LGC	CDX-00030844-005	Bitter melon (momordica charantia) fruit RGBRM	5g		Liên hệ
946	LGC	CDX-00003467-00A	Chlorophyllide A	2.5ml		Liên hệ
947	LGC	CDX-00003471-001	2-Chloropyrazine	1g		Liên hệ

948	LGC	CDX-00003471-100	2-Chloropyrazine	100mg			Liên hệ
949	LGC	CDX-00031190-005	Black cottonwood (populus balsamifera ssp. Trichocarpa) buds RGBRM	5g			Liên hệ
950	LGC	CDX-00003480-100	3-Chloro-L-tyrosine	100mg			Liên hệ
951	LGC	CDX-00003485-001	Chlorquinaldol	1g			Liên hệ
952	LGC	CDX-00041303-005	Black hawthorn (crataegus douglasII) fruit [whole/cut] RGBRM	5g			Liên hệ
953	LGC	CDX-00030872-005	Blue cohosh (caulophyllum thalictroides) root RGBRM	5g			Liên hệ
954	LGC	CDX-00003490-250	(5a)-Cholestane	250mg			Liên hệ
955	LGC	CDX-00003491-025	Cholestane, (5a)-(P)	25mg			Liên hệ
956	LGC	CDX-00003491-100	(5a)-Cholestane	100mg			Liên hệ
957	LGC	CDX-00031171-005	Blue lotus (nymphae caerulea) flower RGBRM	5g			Liên hệ
958	LGC	CDX-00003495-025	Cholestan-3-b-ol, (5A)-(SG)	25mg			Liên hệ
959	LGC	CDX-00003495-100	(5a)-Cholestan-3-B-Ol	100mg			Liên hệ
960	LGC	CDX-00003500-050	Cholestan-3-one	50mg			Liên hệ
961	LGC	CDX-00003500-250	Cholestan-3-One	250mg			Liên hệ
962	LGC	CDX-00003507-001	Cholesterol	1g			Liên hệ
963	LGC	CDX-00003507-250	Cholesterol	250mg			Liên hệ
964	LGC	CDX-00003510-001	Cholesteryl Acetate	1g			Liên hệ
965	LGC	CDX-00003510-005	Cholesteryl Acetate	5g			Liên hệ
966	LGC	CDX-00003515-001	Cholesteryl Benzoate	1g			Liên hệ
967	LGC	CDX-00003540-001	Cholesteryl Chloride	1g			Liên hệ
968	LGC	CDX-00003540-005	Cholesteryl Chloride	5g			Liên hệ
969	LGC	CDX-00003550-100	Cholesteryl oleate	100mg			Liên hệ
970	LGC	CDX-00003555-100	Cholesteryl palmitate	100mg			Liên hệ
971	LGC	CDX-00003580-001	Cholesteryl Stearate	1g			Liên hệ
972	LGC	CDX-00003580-005	Cholesteryl Stearate	5g			Liên hệ
973	LGC	CDX-00003585-100	CHOLIC ACID(P)	100mg			Liên hệ
974	LGC	CDX-00003585-250	Cholic Acid(P)	250mg			Liên hệ
975	LGC	CDX-00003585-500	Cholic Acid	500mg			Liên hệ
976	LGC	CDX-00030157-005	Blue vervain (verbena hastata) aerial parts RGBRM	5g			Liên hệ
977	LGC	CDX-00003586-005	Cholic Acid	5g			Liên hệ
978	LGC	CDX-00030974-005	Blueberry (vaccinium pallidum) leaf RGBRM	5g			Liên hệ
979	LGC	CDX-00003587-005	Chondroitin sulfate	5g			Liên hệ
980	LGC	CDX-00003588-00K	Chondroitin Aoac Analysis Refill Kit(New)	kit			Liên hệ
981	LGC	CDX-00003589-0HK	Chondroitin Aoac Analysis Kit With HPLC Column(New)	kit			Liên hệ
982	LGC	CDX-00003590-100	Cholic Acid Methyl Ester(P)	100mg			Liên hệ
983	LGC	CDX-00003591-100	Cholic Acid Methyl Ester	100mg			Liên hệ
984	LGC	CDX-00003591-500	Cholic Acid Methyl Ester	500mg			Liên hệ
985	LGC	CDX-00003592-001	Chondroitin sulfate	1g			Liên hệ

986	LGC	CDX-00003592-005	Chondroitin hydrogensulfate	5g		Liên hệ
987	LGC	CDX-00003593-001	Chondroitin sulfate sodium salt	1g		Liên hệ
988	LGC	CDX-00003594-001	Chondroitin sulfate A sodium salt	1g		Liên hệ
989	LGC	CDX-00003596-025	Chondroitin sulfate B sodium salt	25mg		Liên hệ
990	LGC	CDX-00003597-250	Chondroitin sulfate C Sodium salt (Shark)	250mg		Liên hệ
991	LGC	CDX-00003598-050	Chondroitin Sulfate C(P)	onrequest		Liên hệ
992	LGC	CDX-00003599-005	4-Chromanone	5g		Liên hệ
993	LGC	CDX-00003599-010	4-Chromanone	10mg		Liên hệ
994	LGC	CDX-00003600-005	Chrysanthellin A(SH)	5mg		Liên hệ
995	LGC	CDX-00003600-010	Chrysanthellin A(SH)	10mg		Liên hệ
996	LGC	CDX-00003601-005	Chrysanthellin B	5mg		Liên hệ
997	LGC	CDX-00003603-001	Chromium III Picolinate	1g		Liên hệ
998	LGC	CDX-00003604-250	Choline Chloride	250mg		Liên hệ
999	LGC	CDX-00003605-010	(1R)-Chrysanthemolactone	10mg		Liên hệ
1000	LGC	CDX-00003606-010	(1S)-Chrysanthemolactone	10mg		Liên hệ
1001	LGC	CDX-00003607-001	Chondroitin sulfate sodium salt bovine	1g		Liên hệ
1002	LGC	CDX-00003607-002	Chondroitin	2g		Liên hệ
1003	LGC	CDX-00003614-001	Chondroitin disaccharide stock solution(SH)	1ml		Liên hệ
1004	LGC	CDX-00003614-005	Chondroitin Disaccharide Stock Solution (SH)	5ml		Liên hệ
1005	LGC	CDX-00003615-001	Chrysazin	1g		Liên hệ
1006	LGC	CDX-00003616-001	Chrysazin	1g		Liên hệ
1007	LGC	CDX-00003616-100	Chrysazin	100mg		Liên hệ
1008	LGC	CDX-00003616-250	Chrysazin	250mg		Liên hệ
1009	LGC	CDX-00003620-010	Chrysin	10mg		Liên hệ
1010	LGC	CDX-00003620-500	Chrysin	500mg		Liên hệ
1011	LGC	CDX-00003623-100	2-Pyridinecarboxylic acid chromium (3+) salt	100mg		Liên hệ
1012	LGC	CDX-00003623-250	Chromium(III)picolinate	250mg		Liên hệ
1013	LGC	CDX-00003625-010	Chrysin Dimethyl Ether	10mg		Liên hệ
1014	LGC	CDX-00003630-005	Chrysoeriol(SH)	5mg		Liên hệ
1015	LGC	CDX-00003630-010	Chrysoeriol(SH)	10mg		Liên hệ
1016	LGC	CDX-00003632-005	CimicidanoL-3-o-a-L-arabinoside	5mg		Liên hệ
1017	LGC	CDX-00003632-010	CimicidanoL-3-o-a-L-arabinoside	10mg		Liên hệ
1018	LGC	CDX-00003632-050	CimicidanoL-3-o-a-L-arabinoside	50mg		Liên hệ
1019	LGC	CDX-00003633-005	Cimicifugoside h-2	5mg		Liên hệ
1020	LGC	CDX-00003633-010	Cimicifugoside h-2	10mg		Liên hệ
1021	LGC	CDX-00003634-100	Chrysophanol	100mg		Liên hệ
1022	LGC	CDX-00003635-010	Chrysophanol	10mg		Liên hệ
1023	LGC	CDX-00003636-005	Chrysophanol	5mg		Liên hệ

1024	LGC	CDX-00003636-010	Chrysophanol	10mg			Liên hệ
1025	LGC	CDX-00003636-025	Chrysophanol	25mg			Liên hệ
1026	LGC	CDX-00003638-005	Norcimifugin	5mg			Liên hệ
1027	LGC	CDX-00003638-010	Norcimifugin(P)	10mg			Liên hệ
1028	LGC	CDX-00003639-005	Cimicifugin	5mg			Liên hệ
1029	LGC	CDX-00003639-010	Cimicifugin	10mg			Liên hệ
1030	LGC	CDX-00003640-005	Cichoric Acid	5mg			Liên hệ
1031	LGC	CDX-00003640-010	Cichoric Acid	10mg			Liên hệ
1032	LGC	CDX-00003640-025	Cichoric Acid (P)	25mg			Liên hệ
1033	LGC	CDX-00003640-050	Cichoric Acid	50mg			Liên hệ
1034	LGC	CDX-00003641-005	Cimiaceroside B	5mg			Liên hệ
1035	LGC	CDX-00003642-010	Cimicifugoside	10mg			Liên hệ
1036	LGC	CDX-00003643-005	Cimicifugoside h-2(p)	5mg			Liên hệ
1037	LGC	CDX-00003643-010	Cimicifugoside h-2(p)	10mg			Liên hệ
1038	LGC	CDX-00003644-005	Cimiracemoside C	5mg			Liên hệ
1039	LGC	CDX-00003644-010	Cimiracemoside c(p)	10mg			Liên hệ
1040	LGC	CDX-00003645-001	Cimetidine	1g			Liên hệ
1041	LGC	CDX-00003646-005	Cimicifugoside h-1(p)	5mg			Liên hệ
1042	LGC	CDX-00003646-010	Cimicifugoside h-1(p)	10mg			Liên hệ
1043	LGC	CDX-00003648-005	Cimicifugoside(sh)	5mg			Liên hệ
1044	LGC	CDX-00003648-010	Cimicifugoside(sh)	10mg			Liên hệ
1045	LGC	CDX-00003650-001	Cinchonidine	1g			Liên hệ
1046	LGC	CDX-00003650-005	Cinchonidine	5g			Liên hệ
1047	LGC	CDX-00003651-001	Cinchonine	1g			Liên hệ
1048	LGC	CDX-00003651-005	Cinchonine	5g			Liên hệ
1049	LGC	CDX-00003651-010	Cinchonine(SH)	10mg			Liên hệ
1050	LGC	CDX-00003651-050	Cinchonine(SH)	50mg			Liên hệ
1051	LGC	CDX-00003651-100	Cinchonine	100mg			Liên hệ
1052	LGC	CDX-00003652-010	Cinchonine(P)	10mg			Liên hệ
1053	LGC	CDX-00003652-050	Cinchonine	50mg			Liên hệ
1054	LGC	CDX-00003652-100	Cinchonine	100mg			Liên hệ
1055	LGC	CDX-00003653-001	1,4-Cineole	1g			Liên hệ
1056	LGC	CDX-00003654-005	trans-Cinnamaldehyde	5ml			Liên hệ
1057	LGC	CDX-00003654-050	trans-Cinnamaldehyde	50ml			Liên hệ
1058	LGC	CDX-00003655-001	trans-Cinnamic Acid	1g			Liên hệ
1059	LGC	CDX-00003655-025	CINNAMIC ACID, TRANS-(SG)	25mg			Liên hệ
1060	LGC	CDX-00003656-005	Cinobufagin	5mg			Liên hệ
1061	LGC	CDX-00003657-005	Cinobufotalin	5mg			Liên hệ

1062	LGC	CDX-00003658-001	Cinnamyl Acetate(SG)	1g			Liên hệ
1063	LGC	CDX-00003658-005	Cinnamyl acetate	5g			Liên hệ
1064	LGC	CDX-00003659-001	Cinnamyl Alcohol	1g			Liên hệ
1065	LGC	CDX-00003660-001	Amylcinnamic aldehyde	1g			Liên hệ
1066	LGC	CDX-00003661-001	Amylcinnamyl alcohol(mixture)	1g			Liên hệ
1067	LGC	CDX-00003663-001	Cinnamic acid ethylester	1g			Liên hệ
1068	LGC	CDX-00003664-001	Cinnamic acid methylester	1g			Liên hệ
1069	LGC	CDX-00003666-005	Citropten(Sh)	5mg			Liên hệ
1070	LGC	CDX-00003666-010	Citropten (P)	10mg			Liên hệ
1071	LGC	CDX-00003666-025	Citropten(P)	25mg			Liên hệ
1072	LGC	CDX-00003667-001	Citral	1g			Liên hệ
1073	LGC	CDX-00003667-100	Citral	100mg			Liên hệ
1074	LGC	CDX-00003668-001	D/L-B-Citronellol	1g			Liên hệ
1075	LGC	CDX-00003668-100	Citronellol, D/L-B-(SG)	100mg			Liên hệ
1076	LGC	CDX-00003669-001	(-)- Citronellal	1g			Liên hệ
1077	LGC	CDX-00003670-001	(+)-b-Citronellene	1g			Liên hệ
1078	LGC	CDX-00003670-100	(+)-b-Citronellene	100mg			Liên hệ
1079	LGC	CDX-00003671-001	L-Citronellol	1g			Liên hệ
1080	LGC	CDX-00003673-100	D-Citronellol	100mg			Liên hệ
1081	LGC	CDX-00003674-001	DL-Citronellyl Acetate	1g			Liên hệ
1082	LGC	CDX-00003675-001	Hydroxycitronellal	1g			Liên hệ
1083	LGC	CDX-00003675-005	Hydroxycitronellal	5g			Liên hệ
1084	LGC	CDX-00003679-001	L-Citrulline(P)	1g			Liên hệ
1085	LGC	CDX-00003679-250	L-Citrulline	250mg			Liên hệ
1086	LGC	CDX-00003680-001	L-Citrulline	1g			Liên hệ
1087	LGC	CDX-00003681-001	DL-Citrulline	1g			Liên hệ
1088	LGC	CDX-00003682-001	Citric Acid	1g			Liên hệ
1089	LGC	CDX-00003682-010	Citric Acid	10g			Liên hệ
1090	LGC	CDX-00003683-001	Citric acid	1g			Liên hệ
1091	LGC	CDX-00003683-005	Citric acid	5g			Liên hệ
1092	LGC	CDX-00003683-100	Citric Acid	100mg			Liên hệ
1093	LGC	CDX-00003683-250	Citric Acid(P)	250mg			Liên hệ
1094	LGC	CDX-00003684-005	Citrinin	5mg			Liên hệ
1095	LGC	CDX-00003685-000	Cladrin	1mg			Liên hệ
1096	LGC	CDX-00003690-001	Ciwujianoside B	1mg			Liên hệ
1097	LGC	CDX-00003693-001	Adenosylcobalamine(coenzyme b12)	1g			Liên hệ
1098	LGC	CDX-00003693-025	Adenosylcobalamine(coenzyme b12)	25mg			Liên hệ
1099	LGC	CDX-00003693-100	Adenosylcobalamine(coenzyme b12)	100mg			Liên hệ

1100	LGC	CDX-00003693-250	Adenosylcobalamine(coenzyme b12)	250mg			Liên hệ
1101	LGC	CDX-00003701-005	Coenzyme Q10 (Natural)	5mg			Liên hệ
1102	LGC	CDX-00003701-025	COENZYME Q10(Natural)(P)	25mg			Liên hệ
1103	LGC	CDX-00003701-100	Coenzyme Q10(P)	100mg			Liên hệ
1104	LGC	CDX-00003703-001	Coenzyme Q10 (Synthetic)	1g			Liên hệ
1105	LGC	CDX-00003703-025	COENZYME Q10(Synthetic)(P)	25mg			Liên hệ
1106	LGC	CDX-00003703-100	Coenzyme Q10(Synthetic)(P)	100mg			Liên hệ
1107	LGC	CDX-00003704-005	Complanatuside	5mg			Liên hệ
1108	LGC	CDX-00003704-010	Complanatuside	10mg			Liên hệ
1109	LGC	CDX-00003704-050	Complanatuside	50mg			Liên hệ
1110	LGC	CDX-00003705-005	Condorphine	5mg			Liên hệ
1111	LGC	CDX-00003711-010	Conessine	10mg			Liên hệ
1112	LGC	CDX-00003720-025	Coniferaldehyde (P)	25mg			Liên hệ
1113	LGC	CDX-00003720-100	Coniferaldehyde	100mg			Liên hệ
1114	LGC	CDX-00003725-010	Coniferyl Alcohol	10mg			Liên hệ
1115	LGC	CDX-00003725-100	Coniferyl Alcohol	100mg			Liên hệ
1116	LGC	CDX-00003730-025	DL-Coniine	25mg			Liên hệ
1117	LGC	CDX-00003745-010	Convallatoxin	10mg			Liên hệ
1118	LGC	CDX-00003745-025	Convallatoxin	25mg			Liên hệ
1119	LGC	CDX-00003746-010	Convallatoxin	10mg			Liên hệ
1120	LGC	CDX-00003755-001	Conyryn	1ml			Liên hệ
1121	LGC	CDX-00003755-250	Conyryn	250ul			Liên hệ
1122	LGC	CDX-00003763-001	Copper (I) Bromide	1g			Liên hệ
1123	LGC	CDX-00003764-001	Copper(II)bromide	1g			Liên hệ
1124	LGC	CDX-00003770-005	Coptisine Chloride	5mg			Liên hệ
1125	LGC	CDX-00003770-010	Coptisine Chloride	10mg			Liên hệ
1126	LGC	CDX-00003772-005	Coptisine	5mg			Liên hệ
1127	LGC	CDX-00003772-010	Coptisine(P)	10mg			Liên hệ
1128	LGC	CDX-00003775-100	(-)-Coralyne Chloride	100mg			Liên hệ
1129	LGC	CDX-00003775-250	(-)-Coralynechloride	250mg			Liên hệ
1130	LGC	CDX-00003777-005	Corilagin	5mg			Liên hệ
1131	LGC	CDX-00003777-010	Corilagin	10mg			Liên hệ
1132	LGC	CDX-00003777-025	Corilagin	25mg			Liên hệ
1133	LGC	CDX-00030999-005	Buchu (agathosma betulina) leaf RGBRM	5g			Liên hệ
1134	LGC	CDX-00031177-005	Buckwheat (fagopyrum esculentum) seeds RGBRM	5g			Liên hệ
1135	LGC	CDX-00003783-005	Corosolic Acid(P)	5mg			Liên hệ
1136	LGC	CDX-00003783-010	Corosolic Acid	10mg			Liên hệ
1137	LGC	CDX-00003790-100	Corticosterone	100mg			Liên hệ

1138	LGC	CDX-00003805-005	(+)-Corydaline	5mg			Liên hệ
1139	LGC	CDX-00003805-010	(+)-Corydaline	10mg			Liên hệ
1140	LGC	CDX-00031324-005	Burdock (Arctium lappa) Seed RGBRM	5g			Liên hệ
1141	LGC	CDX-00041300-005	Butterbur (petasites palmatus) root [whole/cut] RGBRM	5g			Liên hệ
1142	LGC	CDX-00003814-005	Corynoline	5mg			Liên hệ
1143	LGC	CDX-00003814-010	Corynoline	10mg			Liên hệ
1144	LGC	CDX-00003820-001	Corysamine Chloride	1mg			Liên hệ
1145	LGC	CDX-00003825-005	Costunolide	5mg			Liên hệ
1146	LGC	CDX-00003825-010	Costunolide	10mg			Liên hệ
1147	LGC	CDX-00003825-025	Costunolide	25mg			Liên hệ
1148	LGC	CDX-00003830-001	Apigenin-7-Glucoside (Cosmetin)	1g			Liên hệ
1149	LGC	CDX-00003830-005	Apigenin-7-Glucoside (Cosmetin)	5mg			Liên hệ
1150	LGC	CDX-00003830-010	Apigenin-7-Glucoside (Cosmetin)(P)	10mg			Liên hệ
1151	LGC	CDX-00003830-025	Apigenin-7-Glucoside (Cosmetin)(P)	25mg			Liên hệ
1152	LGC	CDX-00003830-100	Apigenin-7-Glucoside (Cosmetin)	100mg			Liên hệ
1153	LGC	CDX-00003833-100	trans-p-Coumaric acid	100mg			Liên hệ
1154	LGC	CDX-00003833-250	COUMARIC ACID, TRANS-P-(P)	250mg			Liên hệ
1155	LGC	CDX-00003834-001	2-Coumaricacid	1g			Liên hệ
1156	LGC	CDX-00003834-100	2-Coumaricacid	100mg			Liên hệ
1157	LGC	CDX-00031300-005	Butterbur (petasites palmatus) root RGBRM	5g			Liên hệ
1158	LGC	CDX-00030168-005	Butternut Bark RGBRM	5g			Liên hệ
1159	LGC	CDX-00003836-001	Creatine Ethyl Ester Standards Kit	3x25mg			Liên hệ
1160	LGC	CDX-00003837-100	Coumaric Acid, 4-(Trans-4-Hydroxycinnamic Acid)	100mg			Liên hệ
1161	LGC	CDX-00003838-001	trans-p-Coumaric Acid	1g			Liên hệ
1162	LGC	CDX-00003839-100	2-Coumaric Acid	100mg			Liên hệ
1163	LGC	CDX-00003840-001	Coumarin	1g			Liên hệ
1164	LGC	CDX-00003840-010	COUMARIN(P)	10mg			Liên hệ
1165	LGC	CDX-00003840-100	Coumarin(Sg)	100mg			Liên hệ
1166	LGC	CDX-00003841-005	Coumarin	5g			Liên hệ
1167	LGC	CDX-00003842-100	3-Coumaric Acid	100mg			Liên hệ
1168	LGC	CDX-00031102-005	Cabbage (brassica oleracea var. Capitata) leaf RGBRM	5g			Liên hệ
1169	LGC	CDX-00003852-005	Crategolic Acid (Maslinic Acid)	5mg			Liên hệ
1170	LGC	CDX-00003852-010	Crategolic Acid (Maslinic Acid)	10mg			Liên hệ
1171	LGC	CDX-00003854-005	Creatine ethyl ester HCl	5g			Liên hệ
1172	LGC	CDX-00003854-025	Creatine ethyl ester HCl	25g			Liên hệ
1173	LGC	CDX-00003855-001	Creatine hydrate	1g			Liên hệ
1174	LGC	CDX-00003856-010	Creatine Ethyl Ester(P)	10mg			Liên hệ
1175	LGC	CDX-00003856-025	Creatine Ethyl Ester(P)	25mg			Liên hệ

1176	LGC	CDX-00003857-010	Creatine(P)	10mg		Liên hệ
1177	LGC	CDX-00003857-025	Creatine(P)	25mg		Liên hệ
1178	LGC	CDX-00003857-100	Creatine	100mg		Liên hệ
1179	LGC	CDX-00003860-001	Creatine phosphate disodium salt	1g		Liên hệ
1180	LGC	CDX-00003860-050	Creatine phosphate disodium salt	50mg		Liên hệ
1181	LGC	CDX-00003863-001	Creatine phosphate disodium salt tetrahydrate(AS)	1g		Liên hệ
1182	LGC	CDX-00003870-001	Creatinine	1g		Liên hệ
1183	LGC	CDX-00003871-010	Creatinine(P)	10mg		Liên hệ
1184	LGC	CDX-00003871-025	CREATININE(P)	25mg		Liên hệ
1185	LGC	CDX-00003871-100	Creatine	100mg		Liên hệ
1186	LGC	CDX-00003873-025	Creatinol-O-Phosphate(P)	25mg		Liên hệ
1187	LGC	CDX-00003875-001	Creatinine HCl	1g		Liên hệ
1188	LGC	CDX-00003877-025	Creatinine Phosphate Disodium Salt	25mg		Liên hệ
1189	LGC	CDX-00003881-001	Cresyl Acetate, M-(P)	1g		Liên hệ
1190	LGC	CDX-00003881-100	M-Cresyl Acetate	100mg		Liên hệ
1191	LGC	CDX-00003881-250	m-Cresyl Acetate	250mg		Liên hệ
1192	LGC	CDX-00003887-005	Crocetin dialdehyde	5mg		Liên hệ
1193	LGC	CDX-00030969-005	California Poppy (Eschscholzia californica) Whole RGBRM	5g		Liên hệ
1194	LGC	CDX-00003891-00A	Crocoxanthin	2.5ml		Liên hệ
1195	LGC	CDX-00003892-001	Crotonic Acid	1g		Liên hệ
1196	LGC	CDX-00003894-010	Crotonylbetaine (Carnitine Impurity)	10mg		Liên hệ
1197	LGC	CDX-00003900-005	beta-Cryptoxanthin	5mg		Liên hệ
1198	LGC	CDX-00003901-00A	beta-Cryptoxanthin	2.5ml		Liên hệ
1199	LGC	CDX-00003903-001	beta-Cryptoxanthin	1mg		Liên hệ
1200	LGC	CDX-00003903-005	b-Cryptoxanthin	5mg		Liên hệ
1201	LGC	CDX-00003910-005	CUCURBITACIN E(P)	5mg		Liên hệ
1202	LGC	CDX-00003910-010	Cucurbitacin E(SH)	10mg		Liên hệ
1203	LGC	CDX-00003914-005	Cucurbitacin D(SH)	5mg		Liên hệ
1204	LGC	CDX-00003915-005	Cucurbitacin I(SH)	5mg		Liên hệ
1205	LGC	CDX-00003915-010	Cucurbitacin I(SH)	10mg		Liên hệ
1206	LGC	CDX-00003916-025	Cucurbitacin B	25mg		Liên hệ
1207	LGC	CDX-00003916-100	Cucurbitacin B	100mg		Liên hệ
1208	LGC	CDX-00003918-001	CUMINALDEHYDE(SG)	1g		Liên hệ
1209	LGC	CDX-00003918-100	Cuminaldehyde	100mg		Liên hệ
1210	LGC	CDX-00003919-001	Cuminylalcohol(SG)	1g		Liên hệ
1211	LGC	CDX-00003919-100	Cuminylalcohol(SG)	100mg		Liên hệ
1212	LGC	CDX-00003920-005	Cupressuflavone	5mg		Liên hệ
1213	LGC	CDX-00003921-100	(+)-Cuparene	100mg		Liên hệ



1214	LGC	CDX-00003925-001	Curcumin(AS)	1g		Liên hệ
1215	LGC	CDX-00003925-005	Curcumin(AS)	5g		Liên hệ
1216	LGC	CDX-00003925-100	Curcumin(AS)	100mg		Liên hệ
1217	LGC	CDX-00003925-101	Curcumin	1kg		Liên hệ
1218	LGC	CDX-00003926-001	Curcumin	1g		Liên hệ
1219	LGC	CDX-00003926-005	Curcumin	5mg		Liên hệ
1220	LGC	CDX-00003926-010	Curcumin(P)	10mg		Liên hệ
1221	LGC	CDX-00003926-025	Curcumin	25mg		Liên hệ
1222	LGC	CDX-00003926-100	Curcumin	100mg		Liên hệ
1223	LGC	CDX-00003927-100	Curcumin	100g		Liên hệ
1224	LGC	CDX-00003928-001	Curcuminoids(mixeD-c3)	1g		Liên hệ
1225	LGC	CDX-00003928-005	Curcuminoids(mixeD-c3)	5g		Liên hệ
1226	LGC	CDX-00003928-100	Curcuminoids (mixed-C3)	100mg		Liên hệ
1227	LGC	CDX-00003929-005	Cyanidin-3-O-Glucoside (Kuromanin) (SH)	5mg		Liên hệ
1228	LGC	CDX-00003931-005	Cyanidin-3,5-Diglucoside	5mg		Liên hệ
1229	LGC	CDX-00003932-001	Cyanidin-3-O-rhamnoside chloride	1mg		Liên hệ
1230	LGC	CDX-00003935-005	Cyanidin-3-o-lathyroside chloride	5mg		Liên hệ
1231	LGC	CDX-00003937-005	Cyanidin-3-O-Sambubioside	5mg		Liên hệ
1232	LGC	CDX-00003938-005	CYANIDIN-3-O-SOPHOROSIDE CHLORIDE(SH)	5mg		Liên hệ
1233	LGC	CDX-00003941-005	35% cyanidin-3-o-glucoside) (ds) Proc3g (black rice extract)	5g		Liên hệ
1234	LGC	CDX-00003943-001	Cyanidin-3-xyloside chloride	1mg		Liên hệ
1235	LGC	CDX-00003955-005	Cyanidin Chloride	5mg		Liên hệ
1236	LGC	CDX-00003955-010	Cyanidin Chloride(SH)	10mg		Liên hệ
1237	LGC	CDX-00003955-025	Cyanidin Chloride	25mg		Liên hệ
1238	LGC	CDX-00003956-001	Cyanidin Chloride	1g		Liên hệ
1239	LGC	CDX-00003956-250	Cyanidin Chloride	250mg		Liên hệ
1240	LGC	CDX-00003958-010	Cyanuric acid	10mg		Liên hệ
1241	LGC	CDX-00003958-050	Cyanuric acid	50mg		Liên hệ
1242	LGC	CDX-00003958-100	Cyanuric acid	100mg		Liên hệ
1243	LGC	CDX-00003960-001	Cyasterone (AS)	1mg		Liên hệ
1244	LGC	CDX-00003960-005	Cyasterone	5mg		Liên hệ
1245	LGC	CDX-00003962-005	Cyclovirobuxin d	5mg		Liên hệ
1246	LGC	CDX-00003962-010	Cyclovirobuxin d	10mg		Liên hệ
1247	LGC	CDX-00003962-050	Cyclovirobuxin d	50mg		Liên hệ
1248	LGC	CDX-00003963-001	Cyclamic acid	1g		Liên hệ
1249	LGC	CDX-00003965-010	Cycloartenol	10mg		Liên hệ
1250	LGC	CDX-00003966-005	Cycloartenol Acetate	5mg		Liên hệ
1251	LGC	CDX-00003967-005	CYCLOASTRAGENOL(P)	5mg		Liên hệ

1252	LGC	CDX-00003967-025	Cycloastragenol	25mg			Liên hệ
1253	LGC	CDX-00003967-100	Cycloastragenol	100mg			Liên hệ
1254	LGC	CDX-00003968-100	alpha-Cyclodextrin	100mg			Liên hệ
1255	LGC	CDX-00003969-005	Cyclocurcumin(p)	5mg			Liên hệ
1256	LGC	CDX-00003969-010	Cyclocurcumin(p)	10mg			Liên hệ
1257	LGC	CDX-00003970-025	Cyclocytidine Hcl	25mg			Liên hệ
1258	LGC	CDX-00003970-100	Cyclocytidine HCl	100mg			Liên hệ
1259	LGC	CDX-00003971-001	Cyclohexanol	1g			Liên hệ
1260	LGC	CDX-00003971-100	Cyclohexanol	100mg			Liên hệ
1261	LGC	CDX-00003972-001	Cyclohexanone	1g			Liên hệ
1262	LGC	CDX-00003973-001	2-Cyclohexylcyclohexanone	1g			Liên hệ
1263	LGC	CDX-00003973-100	2-Cyclohexylcyclohexanone	100mg			Liên hệ
1264	LGC	CDX-00003974-001	Cytochalasin A	1mg			Liên hệ
1265	LGC	CDX-00003975-005	Cytochalasin B	5mg			Liên hệ
1266	LGC	CDX-00003976-001	Cytochalasin C	1mg			Liên hệ
1267	LGC	CDX-00003979-001	Cytochalasin H	1mg			Liên hệ
1268	LGC	CDX-00003980-005	S-Allyl-L-cysteine	5mg			Liên hệ
1269	LGC	CDX-00003981-005	Cysteine, S-Allyl-L-(P)	5mg			Liên hệ
1270	LGC	CDX-00003981-010	CYSTEINE, S-ALLYL-L-(P)	10mg			Liên hệ
1271	LGC	CDX-00003981-025	S-Allyl-L-cysteine	25mg			Liên hệ
1272	LGC	CDX-00003981-100	CYSTEINE, S-ALLYL-L-(P)	100mg			Liên hệ
1273	LGC	CDX-00003982-001	Cytochalasin J	1mg			Liên hệ
1274	LGC	CDX-00003983-005	Cyclopamine	5mg			Liên hệ
1275	LGC	CDX-00003986-005	Cymarín	5mg			Liên hệ
1276	LGC	CDX-00003987-001	Cymene, 4-(SG)	1g			Liên hệ
1277	LGC	CDX-00003989-005	Cymarol	5mg			Liên hệ
1278	LGC	CDX-00003991-005	DICAFFEOYLQUINIC ACID,1,3-(P)(AHP Verified)	5mg			Liên hệ
1279	LGC	CDX-00003991-010	Cynarin(Artichoke)(1,5-Dicaffeoylqu	10mg			Liên hệ
1280	LGC	CDX-00003991-025	Cynarin (1,3-Dicaffeoylquinic Acid)	25mg			Liên hệ
1281	LGC	CDX-00003993-001	Cynaropicrin	1mg			Liên hệ
1282	LGC	CDX-00003995-010	Cynisin (Cnicin)	10mg			Liên hệ
1283	LGC	CDX-00003996-010	Cytidine-5'-diphosphocholine	10mg			Liên hệ
1284	LGC	CDX-00003996-025	Cytidine-5'-diphosphocholine	25mg			Liên hệ
1285	LGC	CDX-00003997-005	Cytidine-3'-monophosphate	5mg			Liên hệ
1286	LGC	CDX-00003998-025	CYTIDINE-5'-MONOPHOSPHATE(P)	25mg			Liên hệ
1287	LGC	CDX-00003998-100	Cytidine-5'-Monophosphate (P)	100mg			Liên hệ
1288	LGC	CDX-00003999-010	Cytidine-5'-monophosphate disodium salt	10mg			Liên hệ
1289	LGC	CDX-00004004-00A	Diadinoxanthin(SH)	2.5ml			Liên hệ

1290	LGC	CDX-00004005-001	Daidzein	1g		Liên hệ
1291	LGC	CDX-00004005-005	Daidzein(SH)	5mg		Liên hệ
1292	LGC	CDX-00004005-010	Daidzein(SH)	10mg		Liên hệ
1293	LGC	CDX-00004005-025	Daidzein(SH)	25mg		Liên hệ
1294	LGC	CDX-00004005-100	Daidzein(SH)	100mg		Liên hệ
1295	LGC	CDX-00004005-500	Daidzein	500mg		Liên hệ
1296	LGC	CDX-00031123-005	Cardamom (elettaria cardamomum) seed RGBRM	5g		Liên hệ
1297	LGC	CDX-00004007-001	Daidzein (ahp verified & compendial traceable)	1g		Liên hệ
1298	LGC	CDX-00004007-005	Daidzein	5mg		Liên hệ
1299	LGC	CDX-00004007-010	Daidzein(AHP)	10mg		Liên hệ
1300	LGC	CDX-00004007-025	Daidzein	25mg		Liên hệ
1301	LGC	CDX-00004007-050	Daidzein	50mg		Liên hệ
1302	LGC	CDX-00004007-100	Daidzein	100mg		Liên hệ
1303	LGC	CDX-00004007-500	Daidzein (ahp verified & compendial traceable)	500mg		Liên hệ
1304	LGC	CDX-00004014-005	Daidzin(P)	5mg		Liên hệ
1305	LGC	CDX-00004014-010	DAIDZIN(P) (AHP Verified)	10mg		Liên hệ
1306	LGC	CDX-00004014-025	Daidzin(P)	25mg		Liên hệ
1307	LGC	CDX-00004014-100	Daidzin (R)	100mg		Liên hệ
1308	LGC	CDX-00004015-005	Daidzin(SH)	5mg		Liên hệ
1309	LGC	CDX-00004015-010	Daidzin(SH)	10mg		Liên hệ
1310	LGC	CDX-00004015-025	Daidzin(SH)	25mg		Liên hệ
1311	LGC	CDX-00004015-100	Daidzin	100mg		Liên hệ
1312	LGC	CDX-00004016-001	Daidzin	1g		Liên hệ
1313	LGC	CDX-00004023-010	Damascone	10mg		Liên hệ
1314	LGC	CDX-00004024-005	DANSHEN TANSINONE STANDARDS KIT(P)	4x5mg		Liên hệ
1315	LGC	CDX-00004024-010	Danshen Tanshinone Standards Kit 10	4x10mg		Liên hệ
1316	LGC	CDX-00004026-010	Daphnetin	10mg		Liên hệ
1317	LGC	CDX-00004027-001	Damnacanthal	1mg		Liên hệ
1318	LGC	CDX-00004028-001	Danshensu sodium	1mg		Liên hệ
1319	LGC	CDX-00004031-010	Daphnetin-7-Methylether	10mg		Liên hệ
1320	LGC	CDX-00004035-010	Datisctin	10mg		Liên hệ
1321	LGC	CDX-00004041-005	Datiscoside	onrequest		Liên hệ
1322	LGC	CDX-00004055-005	Deacetyllanatoside C	5mg		Liên hệ
1323	LGC	CDX-00004059-005	Deacetylaxol, 10-(SH)	5mg		Liên hệ
1324	LGC	CDX-00004059-010	10-Deacetylaxol	10mg		Liên hệ
1325	LGC	CDX-00004059-025	10-Deacetylaxol	25mg		Liên hệ
1326	LGC	CDX-00004060-005	10-Deacetyl-7-Xylotaxol	5mg		Liên hệ
1327	LGC	CDX-00004060-010	Deacetyl-7-Xylotaxol, 10-(SH)	10mg		Liên hệ

1328	LGC	CDX-00004061-001	10-Deacetyl-7-xylosylcephalomannine	1mg			Liên hệ
1329	LGC	CDX-00004061-005	10-Deacetyl-7-xylosylcephalomannine	5mg			Liên hệ
1330	LGC	CDX-00004062-001	10-Deacetyl-7-xylosylcephalomannine	1mg			Liên hệ
1331	LGC	CDX-00004062-005	10-Deacetyl-7-xylosylcephalomannine	5mg			Liên hệ
1332	LGC	CDX-00004064-005	10-Deacetyl-7-xylosyltaxolc	5mg			Liên hệ
1333	LGC	CDX-00004065-005	Deacetyl-baccatin-III, 10(P)	5mg			Liên hệ
1334	LGC	CDX-00004065-010	10-Deacetyl-baccatin-III	10mg			Liên hệ
1335	LGC	CDX-00004065-025	10-Deacetyl-baccatin-III	25mg			Liên hệ
1336	LGC	CDX-00004065-100	10-Deacetyl-baccatin-III	100mg			Liên hệ
1337	LGC	CDX-00004066-010	Deacetyl-baccatin V, 10-(P)	10mg			Liên hệ
1338	LGC	CDX-00004072-005	7-epi-10-Deacetyl-taxol	5mg			Liên hệ
1339	LGC	CDX-00004073-001	2-deacetyl-4-tigolychamissonolide	1mg			Liên hệ
1340	LGC	CDX-00004073-005	2-deacetyl-4-tigolychamissonolide	5mg			Liên hệ
1341	LGC	CDX-00004074-001	3-Deacetyl-salannin	1mg			Liên hệ
1342	LGC	CDX-00004074-005	3-Deacetyl-salannin	5mg			Liên hệ
1343	LGC	CDX-00004075-005	13-Deacetyl-taxchinin I	5mg			Liên hệ
1344	LGC	CDX-00004075-010	13-Deacetyl-taxchinin I	10mg			Liên hệ
1345	LGC	CDX-00004076-005	Deacetyl-taxol, 7-Epi-10-Oxo-10- (P)	5mg			Liên hệ
1346	LGC	CDX-00004076-010	Deacetyl-taxol, 7-Epi-10-Oxo-10- (P)	10mg			Liên hệ
1347	LGC	CDX-00004077-005	7-Epi-10-Deacetyl-taxol	5mg			Liên hệ
1348	LGC	CDX-00004077-010	7-Epi-10-Deacetyl-taxol	10mg			Liên hệ
1349	LGC	CDX-00004077-025	7-Epi-10-Deacetyl-taxol	25mg			Liên hệ
1350	LGC	CDX-00004078-005	10-Deacetyl-taxol B	5mg			Liên hệ
1351	LGC	CDX-00004078-010	Deacetyl-taxol B, 10-(SH)	10mg			Liên hệ
1352	LGC	CDX-00004079-005	10-Deacetyl-taxol C	5mg			Liên hệ
1353	LGC	CDX-00004079-010	10-Deacetyl-taxol C	10mg			Liên hệ
1354	LGC	CDX-00004080-005	Deacetyl-baccatin-III, 7-(Triethylsi	5mg			Liên hệ
1355	LGC	CDX-00004080-010	Deacetyl-baccatin-III, 7-(Triethylsi	10mg			Liên hệ
1356	LGC	CDX-00004081-005	Deacylgymnemic Acid(P)	5mg			Liên hệ
1357	LGC	CDX-00004081-010	Deacylgymnemic Acid(P)	10mg			Liên hệ
1358	LGC	CDX-00004082-005	Decursin	5mg			Liên hệ
1359	LGC	CDX-00004082-010	Decursin(SH)	10mg			Liên hệ
1360	LGC	CDX-00004084-001	Decalactone, Gamma-(SG)	1g			Liên hệ
1361	LGC	CDX-00004086-005	Degalactotigonin	5mg			Liên hệ
1362	LGC	CDX-00004090-005	Dehydrocholic Acid	5g			Liên hệ
1363	LGC	CDX-00004095-001	Dehydrocostus lactone	1mg			Liên hệ
1364	LGC	CDX-00004095-005	Dehydrocostus lactone	5mg			Liên hệ
1365	LGC	CDX-00004096-005	Dehydrodicoumarol alcohol 4-o-beta-glucopyranoside	0.5mg			Liên hệ

1366	LGC	CDX-00004098-100	3-acetyl-7-oxo-Dehydroepiandrosterone	100mg		Liên hệ
1367	LGC	CDX-00004098-250	3-acetyl-7-oxo-Dehydroepiandrosterone	250mg		Liên hệ
1368	LGC	CDX-00004099-100	Dehydroisoandrosterone (DHEA) (AS)	100mg		Liên hệ
1369	LGC	CDX-00004100-001	Dehydroisoandrosterone(DHEA)	1g		Liên hệ
1370	LGC	CDX-00004101-001	Dehydroisoandrosterone Acetate (DHEA Acetate)	1g		Liên hệ
1371	LGC	CDX-00004102-025	16-Dehydropregnenoloneacetate	25mg		Liên hệ
1372	LGC	CDX-00004102-100	16-Dehydropregnenoloneacetate	100mg		Liên hệ
1373	LGC	CDX-00004103-100	3-Enanthoyloxyandrost-5-en-17-one	100mg		Liên hệ
1374	LGC	CDX-00004103-250	3-Enanthoyloxyandrost-5-en-17-one	250mg		Liên hệ
1375	LGC	CDX-00004104-100	3-Enanthoyloxyandrost-4-en-17-one	100mg		Liên hệ
1376	LGC	CDX-00004104-250	3-Enanthoyloxyandrost-4-en-17-one	250mg		Liên hệ
1377	LGC	CDX-00004106-010	3-Enanthoyloxynorandrost-4-en-17-one	10mg		Liên hệ
1378	LGC	CDX-00004106-025	3-Enanthoyloxynorandrost-4-en-17-one	25mg		Liên hệ
1379	LGC	CDX-00004107-100	3b-Enanthoyloxy-5a-androst-1-en-17-one	100mg		Liên hệ
1380	LGC	CDX-00004108-001	7-Keto Dehydroisoandrosterone (7-Keto DHEA)	1g		Liên hệ
1381	LGC	CDX-00004108-010	7-Keto Dehydroisoandrosterone (7-Keto DHEA)	10mg		Liên hệ
1382	LGC	CDX-00004108-050	7-Keto Dehydroisoandrosterone (7-Keto DHEA)	50mg		Liên hệ
1383	LGC	CDX-00004108-250	7-Keto Dehydroisoandrosterone (7-Keto DHEA)	250mg		Liên hệ
1384	LGC	CDX-00004110-001	7-Dehydrocholesterol	1g		Liên hệ
1385	LGC	CDX-00004111-010	7-Dehydrocholesterol (P)	10mg		Liên hệ
1386	LGC	CDX-00004111-050	7-Dehydrocholesterol	50mg		Liên hệ
1387	LGC	CDX-00004112-001	3,4-Dehydrotaxol c	1mg		Liên hệ
1388	LGC	CDX-00004115-005	DELPHINIDIN-3,5-DIGLUCOSIDE CHLORIDE(DELPHIN CHLORIDE)(AS)	5mg		Liên hệ
1389	LGC	CDX-00004115-010	Delphinidin-3,5-Diglucoside Chloride(Delphin Chloride)(AS)	10mg		Liên hệ
1390	LGC	CDX-00031144-005	Catnip (nepeta cataria) herb RGBRM	5g		Liên hệ
1391	LGC	CDX-00004123-005	Myrtillin chloride	5mg		Liên hệ
1392	LGC	CDX-00031137-005	Catnip (nepeta cataria) leaf RGBRM	5g		Liên hệ
1393	LGC	CDX-00004124-250	Delphinidin Chloride	250mg		Liên hệ
1394	LGC	CDX-00004125-001	Delphinidin Chloride	1mg		Liên hệ
1395	LGC	CDX-00004125-005	Delphinidin Chloride(SH)	5mg		Liên hệ
1396	LGC	CDX-00004125-010	Delphinidin Chloride	10mg		Liên hệ
1397	LGC	CDX-00004125-025	Delphinidin Chloride(P)	25mg		Liên hệ
1398	LGC	CDX-00004126-001	Delphinidin-3-O-rahmnoside Chloride	1mg		Liên hệ
1399	LGC	CDX-00004129-010	27-Deoxyactein (23-Epi-26-Deoxyactein)	10mg		Liên hệ
1400	LGC	CDX-00030972-005	Catuaba (trichilia catigua) bark RGBRM	5g		Liên hệ
1401	LGC	CDX-00004129-100	27-Deoxyactein (23-Epi-26-Deoxyactein)	100mg		Liên hệ
1402	LGC	CDX-00004130-005	27-Deoxyactein (23-Epi-26-Deoxyactein)	5mg		Liên hệ
1403	LGC	CDX-00004130-010	Deoxyactein, 27-(23-Epi-26-Deoxyact	10mg		Liên hệ

1404	LGC	CDX-00004130-050	27-Deoxyactein (23-Epi-26-Deoxyactein)	50mg			Liên hệ
1405	LGC	CDX-00030855-005	Cayenne (capsicum annum) fruit RGBRM	5g			Liên hệ
1406	LGC	CDX-00004150-005	Deoxycholic Acid (Choleic Acid)	5g			Liên hệ
1407	LGC	CDX-00004151-050	Deoxycholic Acid(Choleic Acid)(P)	50mg			Liên hệ
1408	LGC	CDX-00004151-100	Deoxycholic Acid (Choleic Acid)	100mg			Liên hệ
1409	LGC	CDX-00004152-001	Deoxycimicifugoside, 26-(P)	1mg			Liên hệ
1410	LGC	CDX-00004152-005	Deoxycimicifugoside, 26-(P)	5mg			Liên hệ
1411	LGC	CDX-00004153-005	Deoxyaconitine, 3-(P)	5mg			Liên hệ
1412	LGC	CDX-00004153-010	Deoxyaconitine, 3-(P)	10mg			Liên hệ
1413	LGC	CDX-00004154-010	Deoxycorticosterone acetate	10mg			Liên hệ
1414	LGC	CDX-00004154-100	Deoxycorticosterone acetate	100mg			Liên hệ
1415	LGC	CDX-00004155-005	14-Deoxy-11,12-Didehydroandrographolide	5mg			Liên hệ
1416	LGC	CDX-00004155-010	14-Deoxy-11,12-Didehydroandrographolide	10mg			Liên hệ
1417	LGC	CDX-00004155-025	14-Deoxy-11,12-Didehydroandrographolide	25mg			Liên hệ
1418	LGC	CDX-00004164-100	3,4-Dihydrocoumarin	100mg			Liên hệ
1419	LGC	CDX-00004165-001	2-Deoxy-D-glucose	1g			Liên hệ
1420	LGC	CDX-00004165-100	2-Deoxy-D-glucose	100mg			Liên hệ
1421	LGC	CDX-00004167-005	Dihydroflavopereirine chloride	5mg			Liên hệ
1422	LGC	CDX-00004170-010	6-Deoxy-D-glucose	10mg			Liên hệ
1423	LGC	CDX-00004171-001	2-Deoxy-D-galactose	1g			Liên hệ
1424	LGC	CDX-00004172-001	2,3-Diethylpyrazine	1g			Liên hệ
1425	LGC	CDX-00004174-025	Dihydroconiferyl Alcohol	25mg			Liên hệ
1426	LGC	CDX-00004185-025	2'-Deoxyinosine	25mg			Liên hệ
1427	LGC	CDX-00004185-100	2'-Deoxyinosine	100mg			Liên hệ
1428	LGC	CDX-00004190-010	5-Deoxykaempferol	10mg			Liên hệ
1429	LGC	CDX-00004205-001	2-Deoxy-D-ribose	1g			Liên hệ
1430	LGC	CDX-00004205-100	2-Deoxy-D-ribose	100mg			Liên hệ
1431	LGC	CDX-00004220-010	Deoxyrhapontin	10mg			Liên hệ
1432	LGC	CDX-00004225-005	16-Deoxy-Vertaline B	5mg			Liên hệ
1433	LGC	CDX-00004225-010	Deoxy-Vertaline B, 16-(P)	10mg			Liên hệ
1434	LGC	CDX-00004228-001	Demethoxycurcumin	1g			Liên hệ
1435	LGC	CDX-00004228-050	Demethoxycurcumin	50mg			Liên hệ
1436	LGC	CDX-00004228-250	Demethoxycurcumin	250mg			Liên hệ
1437	LGC	CDX-00004229-005	bis-Demethoxycurcumin	5g			Liên hệ
1438	LGC	CDX-00004230-005	Demethoxycurcumin	5mg			Liên hệ
1439	LGC	CDX-00004230-010	Demethoxycurcumin	10mg			Liên hệ
1440	LGC	CDX-00004230-025	Demethoxycurcumin	25mg			Liên hệ
1441	LGC	CDX-00004230-100	Demethoxycurcumin	100mg			Liên hệ

1442	LGC	CDX-00004231-005	Bis-Demethoxycurcumin	5mg		Liên hệ
1443	LGC	CDX-00004231-010	Demethoxycurcumin, Bis-(P)	10mg		Liên hệ
1444	LGC	CDX-00004231-025	Bis-Demethoxycurcumin	25mg		Liên hệ
1445	LGC	CDX-00004232-005	Desglucoruscin	5mg		Liên hệ
1446	LGC	CDX-00004232-010	Desglucoruscin(P)	10mg		Liên hệ
1447	LGC	CDX-00030849-005	Chamisso Arnica (Arnica chamissonis) Flower RGBRM	ea		Liên hệ
1448	LGC	CDX-00004235-005	DESOXYGARTANIN, 8-(AS)	5mg		Liên hệ
1449	LGC	CDX-00004235-010	DESOXYGARTANIN, 8-(AS)	10mg		Liên hệ
1450	LGC	CDX-00004235-025	DESOXYGARTANIN, 8-(AS)	25mg		Liên hệ
1451	LGC	CDX-00004236-005	Desmethoxyyangonin(P)	5mg		Liên hệ
1452	LGC	CDX-00004236-010	Desmethoxyyangonin(P)	10mg		Liên hệ
1453	LGC	CDX-00004238-005	Desoxygartanin, 8-(P)	5mg		Liên hệ
1454	LGC	CDX-00004238-010	Desoxygartanin, 8-(P)	10mg		Liên hệ
1455	LGC	CDX-00004238-025	Desoxygartanin, 8-(P)	25mg		Liên hệ
1456	LGC	CDX-00004239-010	Deoxynojirimycin(SH)	10mg		Liên hệ
1457	LGC	CDX-00004240-001	Dethio-tetra(methylthio)chetomin	1mg		Liên hệ
1458	LGC	CDX-00004240-250	Dethio-tetra(methylthio)chetomin	250ug		Liên hệ
1459	LGC	CDX-00004245-010	Dexamethasone	10mg		Liên hệ
1460	LGC	CDX-00004245-025	Dexamethasone	25mg		Liên hệ
1461	LGC	CDX-00004248-001	Dextrose(USP)	1g		Liên hệ
1462	LGC	CDX-00004304-010	Diacetyl Rhein(Diacerein)(P)	10mg		Liên hệ
1463	LGC	CDX-00004304-025	Diacetyl Rhein	25mg		Liên hệ
1464	LGC	CDX-00030989-005	Chinese Cohosh (Cimifuga dahurica) root RGBRM	5g		Liên hệ
1465	LGC	CDX-00004321-050	Diallyl Trisulfide	50mg		Liên hệ
1466	LGC	CDX-00004327-100	2,4-Diamino-6-chloropyrimidine	100mg		Liên hệ
1467	LGC	CDX-00004327-250	2,4-Diamino-6-chloropyrimidine	250mg		Liên hệ
1468	LGC	CDX-00004330-100	2,6-Diaminopimelic acid	100mg		Liên hệ
1469	LGC	CDX-00004340-00A	Diatoxanthin in Ethanol (~0.7 mg/L)	2.5ml		Liên hệ
1470	LGC	CDX-00004355-001	1,4-Dibromobenzene	1g		Liên hệ
1471	LGC	CDX-00004360-001	DIBROMOBIPHENYL, 4,4'-(SG)	1g		Liên hệ
1472	LGC	CDX-00004370-025	Dicreatine Malate(P)	onrequest		Liên hệ
1473	LGC	CDX-00004370-100	Dicreatine Malate(P)	onrequest		Liên hệ
1474	LGC	CDX-00004371-100	Dicreatinol sulfate	100mg		Liên hệ
1475	LGC	CDX-00004375-001	Dicyclopentadiene	1g		Liên hệ
1476	LGC	CDX-00004376-005	4,5-Didemethylsimmondsin	5mg		Liên hệ
1477	LGC	CDX-00004377-005	4-Demethylsimmondsin-2'-ferulate	5mg		Liên hệ
1478	LGC	CDX-00004385-005	DIDEOXYFORSKOLIN, 1,9-(AS)	5mg		Liên hệ
1479	LGC	CDX-00030971-005	Chinese Ginseng (Panax ginseng) leaf RGBRM	5g		Liên hệ

1480	LGC	CDX-00004391-005	Didymin	5mg		Liên hệ
1481	LGC	CDX-00004395-001	(+)-Diethyl-L-Tartrate	1g		Liên hệ
1482	LGC	CDX-00004400-005	Diffractic Acid(SH)	5mg		Liên hệ
1483	LGC	CDX-00004400-010	DIFFRACTAIC ACID(SH)	10mg		Liên hệ
1484	LGC	CDX-00030860-005	Chinese goldthread (coptis chinensis) root RGBRM	5g		Liên hệ
1485	LGC	CDX-00030856-005	Chinese hawthorn (crataegus pinnatifida) fruit RGBRM	5g		Liên hệ
1486	LGC	CDX-00030984-005	Chinese Mint RGBRM	5g		Liên hệ
1487	LGC	CDX-00030985-005	Chinese rhubarb (rheum officinale) root/rhizome RGBRM	5g		Liên hệ
1488	LGC	CDX-00004415-010	Digitoxigenin(P)	onrequest		Liên hệ
1489	LGC	CDX-00004415-025	Digitoxigenin(P)	onrequest		Liên hệ
1490	LGC	CDX-00004416-010	Digitoxigenin	10mg		Liên hệ
1491	LGC	CDX-00004416-025	Digitoxigenin	25mg		Liên hệ
1492	LGC	CDX-00004425-010	Digitoxin	10mg		Liên hệ
1493	LGC	CDX-00004425-025	Digitoxin	25mg		Liên hệ
1494	LGC	CDX-00004426-010	Digitoxin	10mg		Liên hệ
1495	LGC	CDX-00004426-025	Digitoxin	25mg		Liên hệ
1496	LGC	CDX-00004426-100	Digitoxin	100mg		Liên hệ
1497	LGC	CDX-00030978-005	Chinese rhubarb (rheum palmatum) root RGBRM	5g		Liên hệ
1498	LGC	CDX-00020993-005	Chinese senna (cassia tora) seed RGBRM	5g		Liên hệ
1499	LGC	CDX-00004432-010	Digoxigenin-3,12-Diacetate	10mg		Liên hệ
1500	LGC	CDX-00030876-005	Chinese skullcap (scutellaria baicalensis) root RGBRM	5g		Liên hệ
1501	LGC	CDX-00004451-025	DIHYDROCAPSAICIN(AS)	25mg		Liên hệ
1502	LGC	CDX-00004452-010	Dihydrocapsaicin	10mg		Liên hệ
1503	LGC	CDX-00004452-025	Dihydrocapsaicin(P)	25mg		Liên hệ
1504	LGC	CDX-00004456-001	(-) Dihydrocarveol	1mL		Liên hệ
1505	LGC	CDX-00004457-001	(+)-Dihydrocarvone	1ml		Liên hệ
1506	LGC	CDX-00004459-001	(-)Dihydrocarvylacetate	1g		Liên hệ
1507	LGC	CDX-00004459-100	(-)Dihydrocarvylacetate	100mg		Liên hệ
1508	LGC	CDX-00004461-005	2,3'-Dihydrocephalomannine(P)	5mg		Liên hệ
1509	LGC	CDX-00004461-010	2,3'-Dihydrocephalomannine(P)	10mg		Liên hệ
1510	LGC	CDX-00004461-025	2,3'-Dihydrocephalomannine(P)	25mg		Liên hệ
1511	LGC	CDX-00004462-005	7-Epi Cephalomannine	5mg		Liên hệ
1512	LGC	CDX-00004462-010	7-Epi-Cephalomannine	10mg		Liên hệ
1513	LGC	CDX-00004462-025	7-Epi Cephalomannine	25mg		Liên hệ
1514	LGC	CDX-00004476-005	Dihydrokavain	5mg		Liên hệ
1515	LGC	CDX-00004476-010	Dihydrokavain	10mg		Liên hệ
1516	LGC	CDX-00004477-005	Dihydromethysticin(P)	5mg		Liên hệ
1517	LGC	CDX-00004477-010	Dihydromethysticin	10mg		Liên hệ



1518	LGC	CDX-00004478-001	Dihydromyrcenol	1g		Liên hệ
1519	LGC	CDX-00004478-250	Dihydromyrcenol	250mg		Liên hệ
1520	LGC	CDX-00004480-010	Dihydromyricetin	10mg		Liên hệ
1521	LGC	CDX-00004481-005	Dihydromyricetin(P)	5mg		Liên hệ
1522	LGC	CDX-00004481-010	Dihydromyricetin (P)	10mg		Liên hệ
1523	LGC	CDX-00004481-025	Dihydromyricetin (P)	25mg		Liên hệ
1524	LGC	CDX-00004481-100	Dihydromyricetin	100mg		Liên hệ
1525	LGC	CDX-00004484-010	Dihydroouabain	10mg		Liên hệ
1526	LGC	CDX-00004485-005	Dihydromyristicin	5mg		Liên hệ
1527	LGC	CDX-00004485-010	Dihydromyristicin	10mg		Liên hệ
1528	LGC	CDX-00004485-050	Dihydromyristicin	50mg		Liên hệ
1529	LGC	CDX-00004495-010	2,3-Dihydorobinetin	10mg		Liên hệ
1530	LGC	CDX-00004495-100	2,3-Dihydorobinetin	100mg		Liên hệ
1531	LGC	CDX-00004525-001	2,3-Dihydroxybenzoicacid	1g		Liên hệ
1532	LGC	CDX-00004525-250	2,3-Dihydroxybenzoicacid	250mg		Liên hệ
1533	LGC	CDX-00004535-001	2',6'-Dihydroxy-3',4'-Dimethoxychalcone	1mg		Liên hệ
1534	LGC	CDX-00004545-005	Dihydroxy-4,4'-Dimethoxychalcone, 2	5mg		Liên hệ
1535	LGC	CDX-00004550-005	2',4'-Dihydroxy-4',6'-Dimethoxychalcone	5mg		Liên hệ
1536	LGC	CDX-00004580-010	3,6-Dihydroxyflavone	10mg		Liên hệ
1537	LGC	CDX-00004590-050	7,4'-Dihydroxyflavone	50mg		Liên hệ
1538	LGC	CDX-00004610-005	2',6'-Dihydroxy-4'-Methoxychalcone	5mg		Liên hệ
1539	LGC	CDX-00004610-050	2',6'- Dihydroxy-4'-Methoxychalcone	50mg		Liên hệ
1540	LGC	CDX-00004612-005	2',6'-Dihydroxy-4-methoxychalcone-4'-o-neohesperidoside	5mg		Liên hệ
1541	LGC	CDX-00004615-005	Dihydroxy-4,4'-Dimethoxydihydrochal	5mg		Liên hệ
1542	LGC	CDX-00004620-010	5,7-Dihydroxy-4-Methylcoumarin	10mg		Liên hệ
1543	LGC	CDX-00004620-100	5,7-Dihydroxy-4-Methylcoumarin	100mg		Liên hệ
1544	LGC	CDX-00004635-100	3,4-Dihydroxyphenylaceticacid	100mg		Liên hệ
1545	LGC	CDX-00004640-001	beta-DL-(3,4-Dihydroxyphenyl)-alanine	1g		Liên hệ
1546	LGC	CDX-00004640-250	DL-3-(3,4-Dihydroxyphenyl)-Alanine,	250mg		Liên hệ
1547	LGC	CDX-00004660-005	5,7-Dihydroxy-3',4',5'-Trimethoxyflavanone	5mg		Liên hệ
1548	LGC	CDX-00004666-005	3,3'-DIIodo-L-thyronine	5mg		Liên hệ
1549	LGC	CDX-00004667-005	3,5-DIIodo-L-thyronine	5mg		Liên hệ
1550	LGC	CDX-00004670-001	3,3'-Di-Indoymethane	1g		Liên hệ
1551	LGC	CDX-00004670-100	3,3'-Di-Indoymethane	100mg		Liên hệ
1552	LGC	CDX-00004671-025	Di-Iodo-L-tyrosine dihydrate	25mg		Liên hệ
1553	LGC	CDX-00004671-100	Di-Iodo-L-tyrosine dihydrate	100mg		Liên hệ
1554	LGC	CDX-00004672-010	Dillapiol	10mg		Liên hệ
1555	LGC	CDX-00004672-025	Dillapiole	25mg		Liên hệ

1556	LGC	CDX-00004675-050	3,3'-Di-indolylmethane	50mg		Liên hệ
1557	LGC	CDX-00004675-100	3,3'-Di-indolylmethane	100mg		Liên hệ
1558	LGC	CDX-00004675-500	3,3'-Di-indolylmethane	500mg		Liên hệ
1559	LGC	CDX-00004685-001	1,2,3,5-Di-o-isopropylidene-alpha-D-apiose	1g		Liên hệ
1560	LGC	CDX-00004685-100	1,2,3,5-Di-o-isopropylidene-alpha-D-apiose	100mg		Liên hệ
1561	LGC	CDX-00004691-001	Di-Isopropylketone	1g		Liên hệ
1562	LGC	CDX-00004693-00A	DivinyL-protochlorophyllide (in solution)	2.5ml		Liên hệ
1563	LGC	CDX-00004696-005	Dimethoxyapigeninidin, 5,7-(SH)	5mg		Liên hệ
1564	LGC	CDX-00004696-010	"Dimethoxyapigeninidin, 5,7-(SH)"	10mg		Liên hệ
1565	LGC	CDX-00004705-100	2,5-Dimethoxybenzoicacid	100mg		Liên hệ
1566	LGC	CDX-00004735-005	3',4'-Dimethoxyflavone	5mg		Liên hệ
1567	LGC	CDX-00004737-010	7,8-Dimethoxyflavone	10mg		Liên hệ
1568	LGC	CDX-00004808-005	Dimethoxyluteolinidin, 5,7-(SH)	5mg		Liên hệ
1569	LGC	CDX-00004808-010	Dimethoxyluteolinidin, 5,7-(SH)	10mg		Liên hệ
1570	LGC	CDX-00004815-010	2,3-Dimethoxy-2'-Hydroxychalcone	10mg		Liên hệ
1571	LGC	CDX-00004815-100	2,3-Dimethoxy-2'-hydroxychalcone	100mg		Liên hệ
1572	LGC	CDX-00004845-100	Dimethoxy-5-Methylbenzoquinone, 2,3	100mg		Liên hệ
1573	LGC	CDX-00004855-001	3,5-Dimethoxyphenol	1g		Liên hệ
1574	LGC	CDX-00004855-025	3,5-Dimethoxyphenol	25mg		Liên hệ
1575	LGC	CDX-00004855-250	3,5-Dimethoxyphenol	250mg		Liên hệ
1576	LGC	CDX-00004860-001	4-Dimethylaminopyridine	1g		Liên hệ
1577	LGC	CDX-00091003-00L	Chromadex Logo Jacket Large	ea		Liên hệ
1578	LGC	CDX-00004872-100	3,4-Dimethoxychalcone	100mg		Liên hệ
1579	LGC	CDX-00091003-0XL	Chromadex Logo Jacket X-Large	ea		Liên hệ
1580	LGC	CDX-00004873-100	4,4'-Dimethoxychalcone	100mg		Liên hệ
1581	LGC	CDX-00091003-XXL	Chromadex Logo Jacket Xx-Large	ea		Liên hệ
1582	LGC	CDX-00091002-00L	Chromadex Logo Mens Polo Shirt Larg			Liên hệ
1583	LGC	CDX-00004878-001	Dimethylaniline,2,6-(SG)	1g		Liên hệ
1584	LGC	CDX-00004878-100	Dimethylaniline,2,6-(SG)	100mg		Liên hệ
1585	LGC	CDX-00004879-100	1,4-Dimethylanthraquinone	100mg		Liên hệ
1586	LGC	CDX-00004880-010	DIMETHYLFRAXETIN, O,O-(P)	10mg		Liên hệ
1587	LGC	CDX-00004881-050	2,3-Dimethylanthraquinone	50mg		Liên hệ
1588	LGC	CDX-00031013-005	Cinnamon (cinnamomum burmannII) bark RGBRM	5g		Liên hệ
1589	LGC	CDX-00004884-001	2,3-Dimethylhydroquinone	1g		Liên hệ
1590	LGC	CDX-00004885-001	2,3-Dimethylphenol	1g		Liên hệ
1591	LGC	CDX-00004886-001	2,4-Dimethylphenol	1g		Liên hệ
1592	LGC	CDX-00004887-005	3,4-Dimethylumbelliferone	5mg		Liên hệ
1593	LGC	CDX-00004888-001	3,5-Dinitrobenzoic Acid	1g		Liên hệ

1594	LGC	CDX-00004889-025	Dimethylpentylamine HCl, 1,3-(P)	25mg			Liên hệ
1595	LGC	CDX-00004889-100	1,3-Dimethylpentylamine HCl	100mg			Liên hệ
1596	LGC	CDX-00004891-250	Dimethylcaffeic acid	250mg			Liên hệ
1597	LGC	CDX-00004895-250	4,4-Dimethyl-2-pentanone	250mg			Liên hệ
1598	LGC	CDX-00004902-010	Diformylbenzoyl adenosine, 3,4-(P)	onrequest			Liên hệ
1599	LGC	CDX-00004913-100	Dioscin	100g			Liên hệ
1600	LGC	CDX-00004914-005	Dioscin(P)	5mg			Liên hệ
1601	LGC	CDX-00004914-010	Dioscin(P)	10mg			Liên hệ
1602	LGC	CDX-00004914-025	Dioscin	25mg			Liên hệ
1603	LGC	CDX-00004914-100	Dioscin	100mg			Liên hệ
1604	LGC	CDX-00031301-005	Clary sage (salvia sclarea) aerial RGBRM	5g			Liên hệ
1605	LGC	CDX-00004916-010	Diosgenin(Sapogenin)(P)	10mg			Liên hệ
1606	LGC	CDX-00004916-025	Diosgenin (Sapogenin)	25mg			Liên hệ
1607	LGC	CDX-00004916-100	Diosgenin (Sapogenin)	100mg			Liên hệ
1608	LGC	CDX-00004920-010	Diosmetin(SH)	10mg			Liên hệ
1609	LGC	CDX-00004920-025	Diosmetin(P)	25mg			Liên hệ
1610	LGC	CDX-00004921-010	Diosmetin(SH)	10mg			Liên hệ
1611	LGC	CDX-00004921-100	Diosmetin(SH)	100mg			Liên hệ
1612	LGC	CDX-00004922-101	Diosmetin	1kg			Liên hệ
1613	LGC	CDX-00004925-010	Diosmetinidine Chloride(SH)	10mg			Liên hệ
1614	LGC	CDX-00004938-001	Diphenyl(SG)	1g			Liên hệ
1615	LGC	CDX-00004938-250	Diphenyl	250mg			Liên hệ
1616	LGC	CDX-00004949-005	Dulcoside A	5mg			Liên hệ
1617	LGC	CDX-00004949-010	Dulcoside A	10mg			Liên hệ
1618	LGC	CDX-00004949-025	Dulcoside A	25mg			Liên hệ
1619	LGC	CDX-00004949-100	Dulcoside A	100mg			Liên hệ
1620	LGC	CDX-00004950-005	Dodec-2-Ene-8,10-Diynoic Acid Isobu	5mg			Liên hệ
1621	LGC	CDX-00004950-010	Dodec-2-Ene-8,10-Diynoic Acid Isobutylamide	10mg			Liên hệ
1622	LGC	CDX-00004951-005	Dodeca-2(E),4(E)-Dienoic Acid Isobutylamide	5mg			Liên hệ
1623	LGC	CDX-00004951-010	Dodeca-2(E),4(E)-Dienoic Acid Isobutylamide	10mg			Liên hệ
1624	LGC	CDX-00004952-005	Dodeca-2(e),4(e)-dienoic acid	5mg			Liên hệ
1625	LGC	CDX-00004954-005	Dodeca-2(E),4(E)-Dienoic acid 2-Methylbutylamide	5mg			Liên hệ
1626	LGC	CDX-00004956-005	Dodeca-2(e),4(e)-dienoic acid ethyl ester	5mg			Liên hệ
1627	LGC	CDX-00004956-010	Dodeca-2(E),4(E)-Dienoic acid ethyl ester	10mg			Liên hệ
1628	LGC	CDX-00004957-005	Dodeca-2(E),4(E),8(Z),10(E/Z)-Tetraenoic Acid Isobutylamide	5mg			Liên hệ
1629	LGC	CDX-00004957-010	Dodeca-2(E),4(E),8(Z),10(E/Z)-Tetraenoic Acid Isobutylamide	10mg			Liên hệ
1630	LGC	CDX-00004960-500	Sodium Dipyrone	500mg			Liên hệ
1631	LGC	CDX-00004969-001	Dithioerythritol	1g			Liên hệ

1632	LGC	CDX-00004970-001	Dithiothreitol, L-	1g			Liên hệ
1633	LGC	CDX-00030867-005	Common Plantain (Plantago major) Leaf RGBRM	5g			Liên hệ
1634	LGC	CDX-00004978-005	10-Acetyldocetaxel	5mg			Liên hệ
1635	LGC	CDX-00004978-010	10-Acetyldocetaxel	10mg			Liên hệ
1636	LGC	CDX-00004978-025	10-Acetyldocetaxel	25mg			Liên hệ
1637	LGC	CDX-00004978-100	10-Acetyldocetaxel	100mg			Liên hệ
1638	LGC	CDX-00004979-005	Docosyl caffeate	5mg			Liên hệ
1639	LGC	CDX-00004981-010	Docosanol, N-(P)	10mg			Liên hệ
1640	LGC	CDX-00004981-050	DOCOSANOL, n-(P)	50mg			Liên hệ
1641	LGC	CDX-00004981-100	N-Docosanol	100mg			Liên hệ
1642	LGC	CDX-00004983-001	Dodecalactone, Gamma(SG)	1g			Liên hệ
1643	LGC	CDX-00004984-001	Dodecalactone, Delta-(SG)	1g			Liên hệ
1644	LGC	CDX-00004986-025	Docosahexaenoic Acid Ethyl Ester(Dh	25mg			Liên hệ
1645	LGC	CDX-00004987-025	Docosahexaenoci Acid Methyl Ester (DHA ME)(SG)	25mg			Liên hệ
1646	LGC	CDX-00004988-001	d9-Docetaxel	1mg			Liên hệ
1647	LGC	CDX-00004988-005	d9-Docetaxel	5mg			Liên hệ
1648	LGC	CDX-00004989-005	Docetaxel	5mg			Liên hệ
1649	LGC	CDX-00004989-025	Docetaxel	25mg			Liên hệ
1650	LGC	CDX-00004993-100	Dihydroxyfumaric Acid	100mg			Liên hệ
1651	LGC	CDX-00004994-0HK	Dong Quai(Dang Gui) AHP HPLC Analysis Kit	kit			Liên hệ
1652	LGC	CDX-00004995-250	L-Dopa	250mg			Liên hệ
1653	LGC	CDX-00004997-050	Dihydroxy-4-Methoxybenzoic Acid,2,3	50mg			Liên hệ
1654	LGC	CDX-00004998-100	2,3-Dihydroxy-4-Methoxycinnamic	100mg			Liên hệ
1655	LGC	CDX-00004999-001	3,5-Dihydroxy-4-methylbenzoic acid	1g			Liên hệ
1656	LGC	CDX-00004999-050	3,5-Dihydroxy-4-Methylbenzoic Acid	50mg			Liên hệ
1657	LGC	CDX-00004999-250	3,5-Dihydroxy-4-methylbenzoic acid	250mg			Liên hệ
1658	LGC	CDX-00005000-010	5,8-Dihydroxy-1,4-Naphthoquinone	10mg			Liên hệ
1659	LGC	CDX-00005000-100	Dihydroxy-1,4-Naphthoquinone,5,8-(R	100mg			Liên hệ
1660	LGC	CDX-00005001-001	3,5-Dihydroxy-4-methylbenzoic acid	1g			Liên hệ
1661	LGC	CDX-00005001-250	3,5-Dihydroxy-4-methylbenzoic acid	250mg			Liên hệ
1662	LGC	CDX-00005002-001	Dulcitol	1mg			Liên hệ
1663	LGC	CDX-00005002-005	Dulcitol	5mg			Liên hệ
1664	LGC	CDX-00005005-050	(-)-Eburnamonine	50mg			Liên hệ
1665	LGC	CDX-00005005-100	(-)-Eburnamonine(vinburnine)	100mg			Liên hệ
1666	LGC	CDX-00005006-100	(-)-Eburnamonine(vinburnine)	100mg			Liên hệ
1667	LGC	CDX-00005010-001	alpha-Ecdysone	1mg			Liên hệ
1668	LGC	CDX-00005015-010	beta-Ecdysone	10mg			Liên hệ
1669	LGC	CDX-00005015-025	beta-Ecdysone	25mg			Liên hệ

1670	LGC	CDX-00005015-050	beta-Ecdysone	50mg		Liên hệ
1671	LGC	CDX-00005015-250	beta-Ecdysone	250mg		Liên hệ
1672	LGC	CDX-00005017-005	beta-Ecdysone-2-acetate	5mg		Liên hệ
1673	LGC	CDX-00005017-010	beta-Ecdysone-2-acetate	10mg		Liên hệ
1674	LGC	CDX-00005018-020	Echimidine	onrequest		Liên hệ
1675	LGC	CDX-00005020-005	Echinacoside	5mg		Liên hệ
1676	LGC	CDX-00005020-010	Echinacoside	10mg		Liên hệ
1677	LGC	CDX-00005020-025	Echinacoside(AHP)	25mg		Liên hệ
1678	LGC	CDX-00005020-050	Echinacoside	50mg		Liên hệ
1679	LGC	CDX-00005020-250	Echinacoside	250mg		Liên hệ
1680	LGC	CDX-00005021-005	Echinacea Angustifolia Standards Ki	4x5mg		Liên hệ
1681	LGC	CDX-00005021-010	Echinacea Angustifolia Standards Ki	4x10mg		Liên hệ
1682	LGC	CDX-00005022-005	Echinacea Pupurea Standards Kit	4x5mg		Liên hệ
1683	LGC	CDX-00005022-010	Echinacea Pupurea Standards Kit	4x10mg		Liên hệ
1684	LGC	CDX-00005023-005	ECHINACEA ISOBUTYLAMIDE STANDARDS KIT(SH)	4x5mg		Liên hệ
1685	LGC	CDX-00005023-010	ECHINACEA ISOBUTYLAMIDE STANDARDS KIT(SH)	4x10mg		Liên hệ
1686	LGC	CDX-00005024-0HK	Echinacea Complete Hplc Kit	5x10mg		Liên hệ
1687	LGC	CDX-00005026-00A	Echinenone(SH)	2.5ml		Liên hệ
1688	LGC	CDX-00005030-005	Echinocystic acid	5mg		Liên hệ
1689	LGC	CDX-00005030-010	Echinocystic Acid	10mg		Liên hệ
1690	LGC	CDX-00005030-050	Echinocystic acid	50mg		Liên hệ
1691	LGC	CDX-00005035-005	Echinocystic acid-3-glucoside	5mg		Liên hệ
1692	LGC	CDX-00005035-010	Echinocystic acid-3-glucoside	10mg		Liên hệ
1693	LGC	CDX-00005035-025	Echinocystic Acid-3-Glucoside(SH)	25mg		Liên hệ
1694	LGC	CDX-00005040-250	Edestin	250mg		Liên hệ
1695	LGC	CDX-00005043-005	Elenolic acid glucoside	5mg		Liên hệ
1696	LGC	CDX-00005047-010	Eleagnin Hcl, DI-(Tetrahydroharman	10mg		Liên hệ
1697	LGC	CDX-00005049-001	Embonic Acid	1g		Liên hệ
1698	LGC	CDX-00005051-005	Eicosanyl caffeate	5mg		Liên hệ
1699	LGC	CDX-00005052-025	Eicosapentaenoic acid methyl ester(epa me)	25mg		Liên hệ
1700	LGC	CDX-00005054-025	Eicosapentaenoic Acid Ethyl Ester (EPA EE)	25mg		Liên hệ
1701	LGC	CDX-00005055-025	Omega 3 Fatty Acid Standards Kit	9x25mg		Liên hệ
1702	LGC	CDX-00005060-005	ELEUTHEROSIDE B(P)	5mg		Liên hệ
1703	LGC	CDX-00005060-010	ELEUTHEROSIDE B(P)	10mg		Liên hệ
1704	LGC	CDX-00005060-025	Eleutheroside B(P)	25mg		Liên hệ
1705	LGC	CDX-00005064-005	Eleutheroside E1(P)	5mg		Liên hệ
1706	LGC	CDX-00005064-010	Eleutheroside E1	10mg		Liên hệ
1707	LGC	CDX-00005065-005	Eleutheroside E(P)	5mg		Liên hệ

1708	LGC	CDX-00005065-010	Eleutheroside E	10mg			Liên hệ
1709	LGC	CDX-00005065-025	Eleutheroside E(P)	25mg			Liên hệ
1710	LGC	CDX-00005070-005	Ellagic Acid	5g			Liên hệ
1711	LGC	CDX-00005070-010	Ellagic acid	10g			Liên hệ
1712	LGC	CDX-00005070-101	Ellagic Acid	1kg			Liên hệ
1713	LGC	CDX-00005071-010	Ellagic Acid	10mg			Liên hệ
1714	LGC	CDX-00005071-025	Ellagic Acid(P)	25mg			Liên hệ
1715	LGC	CDX-00005071-100	Ellagic Acid	100mg			Liên hệ
1716	LGC	CDX-00005071-500	Ellagic acid	500mg			Liên hệ
1717	LGC	CDX-00005075-005	Ellipticine	5mg			Liên hệ
1718	LGC	CDX-00005075-025	Ellipticine	25mg			Liên hệ
1719	LGC	CDX-00005080-001	Embelin	1g			Liên hệ
1720	LGC	CDX-00005081-010	Embelin	10mg			Liên hệ
1721	LGC	CDX-00005081-100	Embelin	100mg			Liên hệ
1722	LGC	CDX-00005090-001	Emodin	1g			Liên hệ
1723	LGC	CDX-00005090-010	Emodin(SH)	10mg			Liên hệ
1724	LGC	CDX-00005090-250	Emodin	250mg			Liên hệ
1725	LGC	CDX-00005091-005	Emodin(P)	5mg			Liên hệ
1726	LGC	CDX-00005091-010	Emodin	10mg			Liên hệ
1727	LGC	CDX-00005091-050	Emodin	50mg			Liên hệ
1728	LGC	CDX-00005091-100	Emodin	100mg			Liên hệ
1729	LGC	CDX-00005102-005	Engeletin	5mg			Liên hệ
1730	LGC	CDX-00005102-010	Engeletin	10mg			Liên hệ
1731	LGC	CDX-00005114-010	Epi-Taxol, 2'-(P)	10mg			Liên hệ
1732	LGC	CDX-00005114-025	2'- Epi taxol	25mg			Liên hệ
1733	LGC	CDX-00005115-005	7-Epi-Taxol C	5mg			Liên hệ
1734	LGC	CDX-00005115-010	Epi-Taxol C, 7-(P)	10mg			Liên hệ
1735	LGC	CDX-00005115-025	7-Epi-Taxol C	25mg			Liên hệ
1736	LGC	CDX-00005116-005	Epi-Taxol, 7-(P)	5mg			Liên hệ
1737	LGC	CDX-00005116-010	EPITAXOL, 7-(P)	10mg			Liên hệ
1738	LGC	CDX-00005116-025	"Epi-Taxol, 7-(P)"	25mg			Liên hệ
1739	LGC	CDX-00005116-100	"Epi-Taxol, 7-(P)"	100mg			Liên hệ
1740	LGC	CDX-00005117-010	7-Epitaxol Solution (2.4 mg/ml)	10ml			Liên hệ
1741	LGC	CDX-00005120-250	Epiandrosterone	250mg			Liên hệ
1742	LGC	CDX-00005125-001	Epicatechin, (-)-(P) (AHP Verified)	1g			Liên hệ
1743	LGC	CDX-00005125-005	Epicatechin, (-)-(P)	5mg			Liên hệ
1744	LGC	CDX-00005125-010	(-)-Epicatechin	10mg			Liên hệ
1745	LGC	CDX-00005125-025	(-)-Epicatechin	25mg			Liên hệ

1746	LGC	CDX-00005125-050	(-)-Epicatechin	50mg			Liên hệ
1747	LGC	CDX-00005125-080	Epicatechin, (-)-(P) (AHP Verified)	80g			Liên hệ
1748	LGC	CDX-00030983-005	Curcuma phaeocaulis (curcuma phaeocaulis) rhizome RGBRM	5g			Liên hệ
1749	LGC	CDX-00005127-001	(-)-Epicatechin	1g			Liên hệ
1750	LGC	CDX-00005127-005	(-)-Epicatechin	5g			Liên hệ
1751	LGC	CDX-00005127-250	(-)-Epicatechin	250mg			Liên hệ
1752	LGC	CDX-00005135-005	(-)-Epicatechin gallate	5mg			Liên hệ
1753	LGC	CDX-00005135-010	(-)-Epicatechin gallate	10mg			Liên hệ
1754	LGC	CDX-00005135-025	Epicatechin Gallate, (-)-(P)	25mg			Liên hệ
1755	LGC	CDX-00005135-050	(-)-Epicatechin gallate	50mg			Liên hệ
1756	LGC	CDX-00005145-005	(-)-Epigallocatechin	5mg			Liên hệ
1757	LGC	CDX-00005145-010	Epigallocatechin, (-)-(P)	10mg			Liên hệ
1758	LGC	CDX-00005145-025	(-)-Epigallocatechin	25mg			Liên hệ
1759	LGC	CDX-00005145-050	(-)-Epigallocatechin	50mg			Liên hệ
1760	LGC	CDX-00005145-250	Epigallocatechin, (-)(P)	250mg			Liên hệ
1761	LGC	CDX-00005150-001	EPIGALLOCATECHIN GALLATE, (-)-(P)	1g			Liên hệ
1762	LGC	CDX-00005150-005	(-)-Epigallocatechin gallate	5mg			Liên hệ
1763	LGC	CDX-00005150-010	(-)-Epigallocatechin gallate	10mg			Liên hệ
1764	LGC	CDX-00005150-025	Epigallocatechin Gallate, (-)-(P)	25mg			Liên hệ
1765	LGC	CDX-00005150-050	(-)-Epigallocatechin gallate	50mg			Liên hệ
1766	LGC	CDX-00005150-250	(-)-Epigallocatechin gallate	250mg			Liên hệ
1767	LGC	CDX-00005151-010	Epigallocatechin Gallate, (-)-(SH)	10mg			Liên hệ
1768	LGC	CDX-00005152-001	(-)-Epigallocatechin gallate	1g			Liên hệ
1769	LGC	CDX-00005152-005	(-)-Epigallocatechin gallate	5g			Liên hệ
1770	LGC	CDX-00005155-005	Episesamin	5mg			Liên hệ
1771	LGC	CDX-00005155-010	Episesamin	10mg			Liên hệ
1772	LGC	CDX-00005155-025	Episesamin	25mg			Liên hệ
1773	LGC	CDX-00005158-005	Epimedin A(P)	5mg			Liên hệ
1774	LGC	CDX-00005158-010	Epimedin A	10mg			Liên hệ
1775	LGC	CDX-00005159-005	Epimedin B	5mg			Liên hệ
1776	LGC	CDX-00005159-010	Epimedin B	10mg			Liên hệ
1777	LGC	CDX-00005160-005	Epimedin C	5mg			Liên hệ
1778	LGC	CDX-00005160-010	Epimedin C	10mg			Liên hệ
1779	LGC	CDX-00005161-005	Epimedium Standards Kit	4x5mg			Liên hệ
1780	LGC	CDX-00005161-010	Epimedium Standards Kit, 10Mg	4x10mg			Liên hệ
1781	LGC	CDX-00005161-10K	Epimedium (Horny Goat Weed) Kit	2x10mg			Liên hệ
1782	LGC	CDX-00005162-001	R(-)-Epinephrine	1g			Liên hệ
1783	LGC	CDX-00005162-250	r(-)-Epinephrine	250mg			Liên hệ

1784	LGC	CDX-00005163-001	13a(21)-Epoxyeurycomanone	1mg			Liên hệ
1785	LGC	CDX-00005163-005	Epoxyeurycomanone, 13a(21)-(P)	5mg			Liên hệ
1786	LGC	CDX-00005165-005	(+/-)-Equol	5mg			Liên hệ
1787	LGC	CDX-00005165-010	Equol, (+/-)-(SH)	10mg			Liên hệ
1788	LGC	CDX-00005165-025	(+/-)-Equol	25mg			Liên hệ
1789	LGC	CDX-00005170-005	Eriocitrin	5mg			Liên hệ
1790	LGC	CDX-00005170-010	Eriocitrin (SH)	10mg			Liên hệ
1791	LGC	CDX-00005170-025	Eriocitrin	25mg			Liên hệ
1792	LGC	CDX-00005170-100	Eriocitrin	100mg			Liên hệ
1793	LGC	CDX-00005180-010	Eriodictyol	10mg			Liên hệ
1794	LGC	CDX-00005185-010	Eriodictyol-7-Glucoside	10mg			Liên hệ
1795	LGC	CDX-00005190-010	Eriodictyol-7-O-Neohesperidoside (Neoeriocitrin)	10mg			Liên hệ
1796	LGC	CDX-00005203-010	Erucic Acid	10mg			Liên hệ
1797	LGC	CDX-00005203-025	Erucic Acid(P)	25mg			Liên hệ
1798	LGC	CDX-00005220-010	Erythrodiol	10mg			Liên hệ
1799	LGC	CDX-00005220-050	Erythrodiol	50mg			Liên hệ
1800	LGC	CDX-00005225-100	D-(-)-Erythrose	100mg			Liên hệ
1801	LGC	CDX-00005240-001	Esculetin	1g			Liên hệ
1802	LGC	CDX-00005240-100	Esculetin	100mg			Liên hệ
1803	LGC	CDX-00005241-010	Esculetin(SH)	10mg			Liên hệ
1804	LGC	CDX-00005241-025	Esculetin	25mg			Liên hệ
1805	LGC	CDX-00005259-010	Esculin(Esculetin-6-Glucoside)(SH)	10mg			Liên hệ
1806	LGC	CDX-00005259-025	Esculin(Esculetin-6-Glucoside)(P)	25mg			Liên hệ
1807	LGC	CDX-00005259-100	Esculin (Esculetin-6-Glucoside)	100mg			Liên hệ
1808	LGC	CDX-00004021-025	Dalbergin	25mg			Liên hệ
1809	LGC	CDX-00005262-001	4-Ethoxybenzoic Acid	1g			Liên hệ
1810	LGC	CDX-00005265-050	Eserine Salicylate	50mg			Liên hệ
1811	LGC	CDX-00005268-100	Estra-4,9-diene-3,17-dione	100mg			Liên hệ
1812	LGC	CDX-00005268-250	Estra-4,9-diene-3,17-dione	250mg			Liên hệ
1813	LGC	CDX-00005271-010	17-alpha-Estradiol	10mg			Liên hệ
1814	LGC	CDX-00005271-025	17a-Estradiol	25mg			Liên hệ
1815	LGC	CDX-00005275-100	Estradiol, 17B-	100mg			Liên hệ
1816	LGC	CDX-00005275-500	17b-Estradiol	500mg			Liên hệ
1817	LGC	CDX-00005285-100	17-beta-Estradiol-17-Valerate	100mg			Liên hệ
1818	LGC	CDX-00005288-001	Estragole	1g			Liên hệ
1819	LGC	CDX-00005288-250	Estragole	250mg			Liên hệ
1820	LGC	CDX-00005295-001	Estriol	1g			Liên hệ
1821	LGC	CDX-00030875-005	Dandelion (Taraxacum mongolicum) Herb RGBRM	5g			Liên hệ



1822	LGC	CDX-00005300-100	Estrone	100mg			Liên hệ
1823	LGC	CDX-00005315-025	Etiocholanolone	25mg			Liên hệ
1824	LGC	CDX-00005315-100	Ethiocholanolone	100mg			Liên hệ
1825	LGC	CDX-00001990-001	D-Arginine	1g			Liên hệ
1826	LGC	CDX-00005325-250	Ethisterone	250mg			Liên hệ
1827	LGC	CDX-00005330-010	4-Ethoxycoumarin	10mg			Liên hệ
1828	LGC	CDX-00005333-025	Ethyl-p-coumarate(P)	25mg			Liên hệ
1829	LGC	CDX-00005333-100	Ethyl-L-p-coumarate	100mg			Liên hệ
1830	LGC	CDX-00005335-100	7-Ethoxycoumarin	100mg			Liên hệ
1831	LGC	CDX-00005336-001	Ethylacetate(SG)	1g			Liên hệ
1832	LGC	CDX-00005337-001	Ethylbenzene(SG)	1g			Liên hệ
1833	LGC	CDX-00005338-001	2-Ethyl-1-Butanol	1g			Liên hệ
1834	LGC	CDX-00005338-250	2-Ethyl-1-Butanol	250mg			Liên hệ
1835	LGC	CDX-00005339-001	Ethylenediamine	1g			Liên hệ
1836	LGC	CDX-00005339-100	Ethylenediamine	100mg			Liên hệ
1837	LGC	CDX-00005341-001	2-Ethylfuran	1g			Liên hệ
1838	LGC	CDX-00005341-100	2-Ethylfuran	100mg			Liên hệ
1839	LGC	CDX-00005342-001	Ethylhexanal, 2-(SG)	1g			Liên hệ
1840	LGC	CDX-00005342-100	2-Ethylhexanal	100mg			Liên hệ
1841	LGC	CDX-00005343-001	Ethyl-1-Hexanol, 2-(Sg)	1g			Liên hệ
1842	LGC	CDX-00005343-100	Ethyl-1-Hexanol, 2-(Sg)	100mg			Liên hệ
1843	LGC	CDX-00005344-001	Ethyl-3-Hydroxybenzoate(SG)	1g			Liên hệ
1844	LGC	CDX-00005344-100	Ethyl-3-Hydroxybenzoate	100mg			Liên hệ
1845	LGC	CDX-00005345-001	Ethyl-4-Hydroxybenzoate(SG)	1g			Liên hệ
1846	LGC	CDX-00005345-100	ETHYL-4-HYDROXYBENZOATE(SG)	100mg			Liên hệ
1847	LGC	CDX-00005346-001	Ethylgallate	1g			Liên hệ
1848	LGC	CDX-00005351-001	Ethylisobutyrate(SG)	1g			Liên hệ
1849	LGC	CDX-00005351-100	Ethylisobutyrate	100mg			Liên hệ
1850	LGC	CDX-00005352-001	Ethylisovalerate(SG)	1g			Liên hệ
1851	LGC	CDX-00005352-100	Ethylisovalerate	100mg			Liên hệ
1852	LGC	CDX-00005353-001	Ethyl-4-Methylthiazole, 2-(SG)	1g			Liên hệ
1853	LGC	CDX-00005353-100	Ethyl-4-Methylthiazole, 2-(SG)	100mg			Liên hệ
1854	LGC	CDX-00005354-001	Ethylpalmitate	1g			Liên hệ
1855	LGC	CDX-00005354-100	Ethylpalmitate	100mg			Liên hệ
1856	LGC	CDX-00005355-001	Ethylpentadecanoate(SG)	1g			Liên hệ
1857	LGC	CDX-00005355-100	Ethylpentadecanoate	100mg			Liên hệ
1858	LGC	CDX-00005356-001	2-Ethylpyrazine	1g			Liên hệ
1859	LGC	CDX-00005356-100	2-Ethylpyrazine	100mg			Liên hệ

1860	LGC	CDX-00005358-001	Ethylvanillin(SG)	1g		Liên hệ
1861	LGC	CDX-00005358-100	Ethylvanillin	100mg		Liên hệ
1862	LGC	CDX-00005360-005	Ethylrhoeagenine	5mg		Liên hệ
1863	LGC	CDX-00005363-025	Ethyl syringate	25mg		Liên hệ
1864	LGC	CDX-00005363-100	Ethyl syringate	100mg		Liên hệ
1865	LGC	CDX-00005365-025	Etoposide	25mg		Liên hệ
1866	LGC	CDX-00005370-001	Eucalyptin	1mg		Liên hệ
1867	LGC	CDX-00005374-250	Eucalyptol (1,8-Cineole)	250mg		Liên hệ
1868	LGC	CDX-00005375-001	Eucalyptol (1,8-Cineole)	1g		Liên hệ
1869	LGC	CDX-00005375-100	EUCALYPTOL(1,8-CINEOLE)(SG)	100mg		Liên hệ
1870	LGC	CDX-00005376-001	Eugenol(SG)	1g		Liên hệ
1871	LGC	CDX-00005376-100	Eugenol(SG)	100mg		Liên hệ
1872	LGC	CDX-00005377-001	Eugenol Methylether(SG)	1g		Liên hệ
1873	LGC	CDX-00005377-100	Eugenol Methylether	100mg		Liên hệ
1874	LGC	CDX-00005378-010	Eugenoside I(P)	10mg		Liên hệ
1875	LGC	CDX-00005378-025	Eugenoside I	25mg		Liên hệ
1876	LGC	CDX-00005379-025	Eugenol	25mg		Liên hệ
1877	LGC	CDX-00005379-100	Eugenol (P)	100mg		Liên hệ
1878	LGC	CDX-00005379-600	Eugenol (P)	600mg		Liên hệ
1879	LGC	CDX-00005380-005	Eupafolin (6-Methoxyluteolin)	5mg		Liên hệ
1880	LGC	CDX-00005381-001	Eugenitin	1mg		Liên hệ
1881	LGC	CDX-00005381-250	Eugenitin	250ug		Liên hệ
1882	LGC	CDX-00005387-010	Euparin	10mg		Liên hệ
1883	LGC	CDX-00005387-025	Euparin	25mg		Liên hệ
1884	LGC	CDX-00005391-050	Eupatorin-5-Methylether	50mg		Liên hệ
1885	LGC	CDX-00005393-001	Eurycomanone	1mg		Liên hệ
1886	LGC	CDX-00005393-005	Eurycomanone(p)	5mg		Liên hệ
1887	LGC	CDX-00005393-010	Eurycomanone	10mg		Liên hệ
1888	LGC	CDX-00005393-025	Eurycomanone	25mg		Liên hệ
1889	LGC	CDX-00005393-100	Eurycomanone	100mg		Liên hệ
1890	LGC	CDX-00005394-001	EURYCOMALACTONE(AS)	1mg		Liên hệ
1891	LGC	CDX-00005394-005	Eurycomalactone	5mg		Liên hệ
1892	LGC	CDX-00005395-005	EVODIAMINE(P)	5mg		Liên hệ
1893	LGC	CDX-00005395-010	Evodiamine(sh)	10mg		Liên hệ
1894	LGC	CDX-00005396-010	Evodine(sh)	10mg		Liên hệ
1895	LGC	CDX-00005397-005	Evodia Standards Kit	2x5mg		Liên hệ
1896	LGC	CDX-00005397-010	EVODIA STANDARDS KIT(SH)	2x10mg		Liên hệ
1897	LGC	CDX-00005398-0HK	Evodia HPLC Analysis Kit	3x10mg		Liên hệ

1898	LGC	CDX-00005405-010	Euphorbiasteroid	10mg			Liên hệ
1899	LGC	CDX-00005405-050	Euphorbiasteroid	50mg			Liên hệ
1900	LGC	CDX-00005447-001	4,6-O-Ethylidene-alpha-D-glucopyranoside	1g			Liên hệ
1901	LGC	CDX-00005448-100	2-Ethyl-3-Methylpyrazine	100mg			Liên hệ
1902	LGC	CDX-00005449-010	Evernic acid	10mg			Liên hệ
1903	LGC	CDX-00005449-050	Evernic Acid	50mg			Liên hệ
1904	LGC	CDX-00005450-005	Enterodiol	5mg			Liên hệ
1905	LGC	CDX-00005450-010	Enterodiol(P)	10mg			Liên hệ
1906	LGC	CDX-00005455-005	Enterolactone	5mg			Liên hệ
1907	LGC	CDX-00005455-010	Enterolactone	10mg			Liên hệ
1908	LGC	CDX-00005500-005	Echinacea Complete Standards Kit(AHP)	5x5mg			Liên hệ
1909	LGC	CDX-00005500-010	Echinacea Complete Standards Kit	5x10mg			Liên hệ
1910	LGC	CDX-00005525-005	B-Eudesmol	5mg			Liên hệ
1911	LGC	CDX-00005530-005	Eyebright Standards Kit	4x5mg			Liên hệ
1912	LGC	CDX-00006000-001	Fangchinoline	1mg			Liên hệ
1913	LGC	CDX-00006000-005	Fangchinoline	5mg			Liên hệ
1914	LGC	CDX-00006002-001	trans-B-Farnesene (AS)	1g			Liên hệ
1915	LGC	CDX-00006002-100	Farnesene, trans-B-	100mg			Liên hệ
1916	LGC	CDX-00006003-001	cis-trans-Farnesyl Acetate	1g			Liên hệ
1917	LGC	CDX-00006003-250	cis-trans-Farnesylacetate	250mg			Liên hệ
1918	LGC	CDX-00006004-001	Farnesol (Mixture of Isomers)	1g			Liên hệ
1919	LGC	CDX-00006005-005	Ferulic Acid	5mg			Liên hệ
1920	LGC	CDX-00006005-010	Ferulic Acid	10mg			Liên hệ
1921	LGC	CDX-00006005-025	Ferulic acid	25mg			Liên hệ
1922	LGC	CDX-00006005-100	Ferulic Acid(SH)	100mg			Liên hệ
1923	LGC	CDX-00006006-005	Ferulic Acid	5g			Liên hệ
1924	LGC	CDX-00006007-005	Fenugreek Saponins Standards Kit	5x5mg			Liên hệ
1925	LGC	CDX-00006007-010	Fenugreek Saponins Standards Kit	5x10mg			Liên hệ
1926	LGC	CDX-00006008-100	Ferulic acid ethylester	100mg			Liên hệ
1927	LGC	CDX-00006009-100	Ferulic acid methylester	100mg			Liên hệ
1928	LGC	CDX-00006010-010	Fisetin	10mg			Liên hệ
1929	LGC	CDX-00006011-100	Fisetin	100mg			Liên hệ
1930	LGC	CDX-00006020-005	Fisetinidin chloride	5mg			Liên hệ
1931	LGC	CDX-00006020-010	FISETINIDIN CHLORIDE(AS)	10mg			Liên hệ
1932	LGC	CDX-00006030-010	Flavanomarein	10mg			Liên hệ
1933	LGC	CDX-00006034-025	Flavanone	25mg			Liên hệ
1934	LGC	CDX-00006034-100	Flavanone	100mg			Liên hệ
1935	LGC	CDX-00006045-010	Flavanone Diacetyl Hydrazone	10mg			Liên hệ

1936	LGC	CDX-00006045-100	Flavanone Diacetyl Hydrazone	100mg		Liên hệ
1937	LGC	CDX-00006050-010	Flavanone Hydrazone	10mg		Liên hệ
1938	LGC	CDX-00006050-100	Flavanone Hydrazone	100mg		Liên hệ
1939	LGC	CDX-00006055-010	Flavine-Adenine Dinucleotide Disodi	10mg		Liên hệ
1940	LGC	CDX-00006055-100	Flavine-Adenine Dinucleotide Disodi	100mg		Liên hệ
1941	LGC	CDX-00006057-001	Flavokavain A	1mg		Liên hệ
1942	LGC	CDX-00006057-005	Flavokavain A	5mg		Liên hệ
1943	LGC	CDX-00006057-010	Flavokavain A	10mg		Liên hệ
1944	LGC	CDX-00006058-001	Flavokavain B	1mg		Liên hệ
1945	LGC	CDX-00006058-005	Flavokavain B	5mg		Liên hệ
1946	LGC	CDX-00006058-010	Flavokavain B	10mg		Liên hệ
1947	LGC	CDX-00006059-005	FLAVOKAVAIN C(P)	5mg		Liên hệ
1948	LGC	CDX-00006060-010	Flavone	10mg		Liên hệ
1949	LGC	CDX-00006065-001	Flavonol (3-Hydroxyflavone)	1g		Liên hệ
1950	LGC	CDX-00006066-005	Flavopereirine perchlorate	5mg		Liên hệ
1951	LGC	CDX-00006066-010	Flavopereirine Perchlorate(P)	10mg		Liên hệ
1952	LGC	CDX-00006070-005	Flax Seed Standards Kit contains: Linustatin, Neolinustatin, Seco-isolariciresinol diglucoside	3x5mg		Liên hệ
1953	LGC	CDX-00006070-010	Flax Seed Standards Kit contains: Linustatin, Neolinustatin, Seco-isolariciresinol diglucoside	3x10mg		Liên hệ
1954	LGC	CDX-00006070-05K	Flax Seed Standards Kit	3x5mg		Liên hệ
1955	LGC	CDX-00006070-0HK	Flax Seed HPLC Analysis Kit	3x10mg		Liên hệ
1956	LGC	CDX-00030865-005	Depressed plantain (plantago depressa) herb RGBRM	5g		Liên hệ
1957	LGC	CDX-00006120-200	Flutamide	200mg		Liên hệ
1958	LGC	CDX-00006170-001	Folic Acid(Vitamin M)(Sh)	1g		Liên hệ
1959	LGC	CDX-00006170-250	FOLIC ACID(VITAMIN M)(P)	250mg		Liên hệ
1960	LGC	CDX-00006171-001	Folic Acid(Vitamin M)(Basf)(SH)	1g		Liên hệ
1961	LGC	CDX-00006181-001	Formaldehyde Diethylacetal	1g		Liên hệ
1962	LGC	CDX-00006182-001	Formic Acid Benzylester	1g		Liên hệ
1963	LGC	CDX-00006182-100	Formic Acid Benzylester	100mg		Liên hệ
1964	LGC	CDX-00006190-005	Formononetin(SH)	5mg		Liên hệ
1965	LGC	CDX-00006190-010	Formononetin(SH)	10mg		Liên hệ
1966	LGC	CDX-00006190-050	Formononetin	50mg		Liên hệ
1967	LGC	CDX-00006190-100	Formononetin	100mg		Liên hệ
1968	LGC	CDX-00030864-005	Depressed plantain (plantago depressa) seed RGBRM	5g		Liên hệ
1969	LGC	CDX-00006192-005	Formononetin	5mg		Liên hệ
1970	LGC	CDX-00006192-010	Formononetin	10mg		Liên hệ
1971	LGC	CDX-00006192-050	Formononetin(AHP)	50mg		Liên hệ
1972	LGC	CDX-00006192-100	Formononetin(AHP)	100mg		Liên hệ
1973	LGC	CDX-00006195-001	Forskolin	1g		Liên hệ

1974	LGC	CDX-00006195-005	Forskolin	5mg		Liên hệ
1975	LGC	CDX-00006195-010	FORSKOLIN(P)	10mg		Liên hệ
1976	LGC	CDX-00006195-025	Forskolin(P)	25mg		Liên hệ
1977	LGC	CDX-00006195-100	Forskolin	100mg		Liên hệ
1978	LGC	CDX-00006196-001	Forskolin	1g		Liên hệ
1979	LGC	CDX-00006200-005	Fortunellin	5mg		Liên hệ
1980	LGC	CDX-00006205-005	Frangulin	5mg		Liên hệ
1981	LGC	CDX-00031191-005	Devil's club (oplopanax horridus) bark RGBRM	5g		Liên hệ
1982	LGC	CDX-00006215-005	Frangulin B	5mg		Liên hệ
1983	LGC	CDX-00006220-025	Fraxetin	25mg		Liên hệ
1984	LGC	CDX-00006220-100	Fraxetin	100mg		Liên hệ
1985	LGC	CDX-00006221-010	Fraxetin	10mg		Liên hệ
1986	LGC	CDX-00006221-025	Fraxetin	25mg		Liên hệ
1987	LGC	CDX-00006221-100	Fraxetin	100mg		Liên hệ
1988	LGC	CDX-00006230-010	Fraxidin	10mg		Liên hệ
1989	LGC	CDX-00006235-010	Fraxin	10mg		Liên hệ
1990	LGC	CDX-00006235-025	FRAXIN(P)	25mg		Liên hệ
1991	LGC	CDX-00006235-100	Fraxin	100mg		Liên hệ
1992	LGC	CDX-00006236-010	Fraxinus Standards Kit	10x10mg		Liên hệ
1993	LGC	CDX-00006237-0HK	Fraxinus(Ash) HPLC Analysis Kit	10x10mg		Liên hệ
1994	LGC	CDX-00006238-001	Fraxinellone	1mg		Liên hệ
1995	LGC	CDX-00006240-005	Friedelin(P)	5mg		Liên hệ
1996	LGC	CDX-00006240-010	Friedelin	10mg		Liên hệ
1997	LGC	CDX-00006240-025	Friedelin	25mg		Liên hệ
1998	LGC	CDX-00006243-001	D-(-)-Fructose	1g		Liên hệ
1999	LGC	CDX-00006243-005	D-(-)-Fructose	5g		Liên hệ
2000	LGC	CDX-00006244-001	D-(-)-Fructose	1g		Liên hệ
2001	LGC	CDX-00006245-001	D-(-)-Fructose	1g		Liên hệ
2002	LGC	CDX-00006245-125	Fructose(USP), D-(-)-	125mg		Liên hệ
2003	LGC	CDX-00006260-001	D-Fructose-1,6-diphosphate barium salt	1g		Liên hệ
2004	LGC	CDX-00006275-001	Ftorafur	1g		Liên hệ
2005	LGC	CDX-00006285-100	D-(+)-Fucose	100mg		Liên hệ
2006	LGC	CDX-00006290-500	L-Fucose	500mg		Liên hệ
2007	LGC	CDX-00006291-005	Fucosterol	5mg		Liên hệ
2008	LGC	CDX-00006291-010	Fucosterol	10mg		Liên hệ
2009	LGC	CDX-00006292-00A	FUCOXANTHIN(AS)	2.5ml		Liên hệ
2010	LGC	CDX-00006294-001	Fucoxanthin(0.25mg/ml)(acetone)	1mg		Liên hệ
2011	LGC	CDX-00006294-005	Fucoxanthin(0.25mg/ml)(acetone)	0.5mg		Liên hệ

2012	LGC	CDX-00006294-025	Fucoxanthin(0.25mg/ml)(acetone)	0.25mg			Liên hệ
2013	LGC	CDX-00006295-005	Fumaric Acid	5g			Liên hệ
2014	LGC	CDX-00006296-005	Fucoxanthin	5mg			Liên hệ
2015	LGC	CDX-00006296-010	Fucoxanthin(P)	10mg			Liên hệ
2016	LGC	CDX-00006296-050	Fucoxanthin (Please Call)	50mg			Liên hệ
2017	LGC	CDX-00006300-005	Fumarprotocetraric Acid	5mg			Liên hệ
2018	LGC	CDX-00006301-005	Fumarprotocetraric acid	5mg			Liên hệ
2019	LGC	CDX-00006301-010	Fumarprotocetraric acid	10mg			Liên hệ
2020	LGC	CDX-00006301-025	Fumarprotocetraric acid	25mg			Liên hệ
2021	LGC	CDX-00004431-010	Digoxigenin(P) - cargo aircraft only -	10mg			Liên hệ
2022	LGC	CDX-00006306-001	Fumonisin B2	1mg			Liên hệ
2023	LGC	CDX-00006306-005	Fumonisin B2	5mg			Liên hệ
2024	LGC	CDX-00006316-001	Furfural(Sg)	1g			Liên hệ
2025	LGC	CDX-00006316-100	Furfural	100mg			Liên hệ
2026	LGC	CDX-00006316-500	Furfural	500mg			Liên hệ
2027	LGC	CDX-00006317-001	Furfuryl Acetate(SG)	1g			Liên hệ
2028	LGC	CDX-00006318-001	Furfuryl Alcohol(SG)	1g			Liên hệ
2029	LGC	CDX-00004431-025	Digoxigenin(P) - cargo aircraft only -	25mg			Liên hệ
2030	LGC	CDX-00006340-001	Furocoumarin mixed solution (15 IFRA Furocoumarins) 1mg/mL	1ml			Liên hệ
2031	LGC	CDX-00006340-002	Furocoumarin mixed solution (15 IFRA Furocoumarins) each ~ 1 mg/mL in Acetonitrile	2ml			Liên hệ
2032	LGC	CDX-00006345-001	FUROCOUMARIN MIXED SOLUTION (14 IFRA FUROCOUMARINS)(P) [~1.0mg/mL] (In Solution)	1ml			Liên hệ
2033	LGC	CDX-00006355-001	Furocoumarin mixed solution (15 IFRA Furocoumarins) 10 mg/L	1ml			Liên hệ
2034	LGC	CDX-00006385-001	(+)-Fenchone	1g			Liên hệ
2035	LGC	CDX-00006386-001	Fenchone, (-)-(SG)	1g			Liên hệ
2036	LGC	CDX-00006387-001	Fenchyl Alcohol (Fenchol)	1g			Liên hệ
2037	LGC	CDX-00007012-100	Galactomannane(carubin)	100mg			Liên hệ
2038	LGC	CDX-00007013-100	Galactomannane(guarin)	100mg			Liên hệ
2039	LGC	CDX-00007015-001	D-Galactono-1,4-lactone	1g			Liên hệ
2040	LGC	CDX-00007020-001	D-Galactosamine HCl	1g			Liên hệ
2041	LGC	CDX-00007020-100	D-Galactosamine HCl	100mg			Liên hệ
2042	LGC	CDX-00007021-001	D-(+)-Galactose	1g			Liên hệ
2043	LGC	CDX-00007022-250	L-Galactose	250mg			Liên hệ
2044	LGC	CDX-00007023-001	Gastrodin	1mg			Liên hệ
2045	LGC	CDX-00007023-005	Gastrodin	5mg			Liên hệ
2046	LGC	CDX-00007026-001	D-Galacturonic acid	1g			Liên hệ
2047	LGC	CDX-00007026-250	D-Galacturonic acid	250mg			Liên hệ
2048	LGC	CDX-00007030-010	Galangin	10mg			Liên hệ
2049	LGC	CDX-00007036-010	Galanthamine	10mg			Liên hệ

2050	LGC	CDX-00007036-025	Galanthamine	25mg			Liên hệ
2051	LGC	CDX-00007036-100	Galanthamine	100mg			Liên hệ
2052	LGC	CDX-00007037-005	Galanthamine Hydrobromide	5mg			Liên hệ
2053	LGC	CDX-00007037-025	Galanthamine Hydrobromide	25mg			Liên hệ
2054	LGC	CDX-00007037-100	Galanthamine hydrobromide	100mg			Liên hệ
2055	LGC	CDX-00007037-250	Galanthamine hydrobromide	250mg			Liên hệ
2056	LGC	CDX-00007040-001	Gallic Acid	1g			Liên hệ
2057	LGC	CDX-00007040-010	Gallic Acid	10mg			Liên hệ
2058	LGC	CDX-00007040-100	Gallic Acid	100mg			Liên hệ
2059	LGC	CDX-00007041-001	Gallic Acid	1g			Liên hệ
2060	LGC	CDX-00007041-005	Gallic Acid	5g			Liên hệ
2061	LGC	CDX-00007043-005	(-)-Galocatechin	5mg			Liên hệ
2062	LGC	CDX-00007043-010	(-)-Galocatechin	10mg			Liên hệ
2063	LGC	CDX-00007044-005	(-)-Galocatechin	5mg			Liên hệ
2064	LGC	CDX-00007045-005	Galocatechin Gallate, (-)-(SH)	5mg			Liên hệ
2065	LGC	CDX-00007045-010	(-)-Galocatechingallate	10mg			Liên hệ
2066	LGC	CDX-00007047-005	1,3,6-Tri-O-galloyl-beta-D-glucose	5mg			Liên hệ
2067	LGC	CDX-00007047-010	1,3,6-Tri-O-galloyl-beta-D-glucose	10mg			Liên hệ
2068	LGC	CDX-00007048-005	Gangaleoidin(SH)	5mg			Liên hệ
2069	LGC	CDX-00007048-010	Gangaleoidin	10mg			Liên hệ
2070	LGC	CDX-00007049-005	Gartanin(P)	5mg			Liên hệ
2071	LGC	CDX-00007049-010	Gartanin(P)	10mg			Liên hệ
2072	LGC	CDX-00007049-025	Gartanin	25mg			Liên hệ
2073	LGC	CDX-00007055-005	Gardenoside(Please Call)	5mg			Liên hệ
2074	LGC	CDX-00007056-005	GANODERIC ACID A METHYLESTER(AS)	5mg			Liên hệ
2075	LGC	CDX-00007056-010	GANODERIC ACID A METHYLESTER(AS)	10mg			Liên hệ
2076	LGC	CDX-00007057-005	GANODERIC ACID A(P)	5mg			Liên hệ
2077	LGC	CDX-00007057-010	Ganoderic Acid A(P)	10mg			Liên hệ
2078	LGC	CDX-00007058-001	Ganoderic Acid C2(SH)	1mg			Liên hệ
2079	LGC	CDX-00007059-005	Ganoderic Acid Dm(P)	5mg			Liên hệ
2080	LGC	CDX-00007059-010	Ganoderic Acid Dm(P)	10mg			Liên hệ
2081	LGC	CDX-00007060-005	Ganoderatriol	5mg			Liên hệ
2082	LGC	CDX-00007060-010	Ganoderatriol(P)	10mg			Liên hệ
2083	LGC	CDX-00007061-005	Ganoderol B	5mg			Liên hệ
2084	LGC	CDX-00007061-010	Ganoderol B(P)	10mg			Liên hệ
2085	LGC	CDX-00007062-005	Ganoderic Acid C1	5mg			Liên hệ
2086	LGC	CDX-00007063-005	Ganoderic Acid H	5mg			Liên hệ
2087	LGC	CDX-00007063-010	Ganoderic Acid H	10mg			Liên hệ

2088	LGC	CDX-00007065-005	Gelsemine	5mg			Liên hệ
2089	LGC	CDX-00007065-010	Gelsemine	10mg			Liên hệ
2090	LGC	CDX-00007065-010	Gelsemine	25mg			Liên hệ
2091	LGC	CDX-00007067-005	Gelsemine HCl	5mg			Liên hệ
2092	LGC	CDX-00007067-010	Gelsemine HCl	10mg			Liên hệ
2093	LGC	CDX-00007068-005	Ganoderic Acid F(P)	5mg			Liên hệ
2094	LGC	CDX-00007068-010	Ganoderic Acid F	10mg			Liên hệ
2095	LGC	CDX-00007069-010	Genipin	10mg			Liên hệ
2096	LGC	CDX-00007069-100	Genipin	100mg			Liên hệ
2097	LGC	CDX-00007070-010	Geniposide	10mg			Liên hệ
2098	LGC	CDX-00007070-025	GENIPOSIDE(P)	25mg			Liên hệ
2099	LGC	CDX-00007070-100	GENIPOSIDE(P)	100mg			Liên hệ
2100	LGC	CDX-00007075-005	GENIPOSIDIC ACID(P)	5mg			Liên hệ
2101	LGC	CDX-00007077-250	Gramine	250mg			Liên hệ
2102	LGC	CDX-00007079-001	Ganodermanontriol	1mg			Liên hệ
2103	LGC	CDX-00007079-005	Ganodermanontriol (SH)	5mg			Liên hệ
2104	LGC	CDX-00007079-010	Ganodermanontriol	10mg			Liên hệ
2105	LGC	CDX-00007080-005	Genistein	5mg			Liên hệ
2106	LGC	CDX-00007080-010	Genistein(SH)	10mg			Liên hệ
2107	LGC	CDX-00007080-025	Genistein	25mg			Liên hệ
2108	LGC	CDX-00007080-100	Genistein	100mg			Liên hệ
2109	LGC	CDX-00007081-001	Genistein	1g			Liên hệ
2110	LGC	CDX-00007081-050	Genistein	50mg			Liên hệ
2111	LGC	CDX-00007082-005	GENISTEIN(P) (AHP Verified)	5mg			Liên hệ
2112	LGC	CDX-00007082-010	Genistein(AHP)	10mg			Liên hệ
2113	LGC	CDX-00007082-025	Genistein	25mg			Liên hệ
2114	LGC	CDX-00007082-100	Genistein	100mg			Liên hệ
2115	LGC	CDX-00007085-005	Genistein-4',7-dimethylether	5mg			Liên hệ
2116	LGC	CDX-00007085-010	Genistein-4',7-Dimethylether	10mg			Liên hệ
2117	LGC	CDX-00007089-010	Genipin	10mg			Liên hệ
2118	LGC	CDX-00007089-050	Genipin	50mg			Liên hệ
2119	LGC	CDX-00007089-250	Genipin	250mg			Liên hệ
2120	LGC	CDX-00007095-005	Genistin (P)	5mg			Liên hệ
2121	LGC	CDX-00007095-010	Genistin (P)	10mg			Liên hệ
2122	LGC	CDX-00007095-025	Genistin	25mg			Liên hệ
2123	LGC	CDX-00007095-100	Genistin (P)	100mg			Liên hệ
2124	LGC	CDX-00007096-250	Genistin	250mg			Liên hệ
2125	LGC	CDX-00007098-005	Genistin	5mg			Liên hệ



2126	LGC	CDX-00007098-010	Genistin	10mg			Liên hệ
2127	LGC	CDX-00007098-025	Genistin(SH)	25mg			Liên hệ
2128	LGC	CDX-00007098-100	Genistin	100mg			Liên hệ
2129	LGC	CDX-00007110-010	Gentianose	10mg			Liên hệ
2130	LGC	CDX-00007115-010	Gentian Bitters Standards Kit(10mg)	4x10mg			Liên hệ
2131	LGC	CDX-00007120-001	beta-Gentiobiose octaacetate	1g			Liên hệ
2132	LGC	CDX-00007130-005	Gentiopicroside	5mg			Liên hệ
2133	LGC	CDX-00007130-010	Gentiopicroside	10mg			Liên hệ
2134	LGC	CDX-00007130-025	Gentiopicroside	25mg			Liên hệ
2135	LGC	CDX-00007130-100	GENTIOPICROSIDE(P)	100mg			Liên hệ
2136	LGC	CDX-00007131-005	Gentiopicroside	5mg			Liên hệ
2137	LGC	CDX-00007131-100	Gentiopicroside	100mg			Liên hệ
2138	LGC	CDX-00007146-005	GERALDOL(AS)	5mg			Liên hệ
2139	LGC	CDX-00007146-010	Geraldol	10mg			Liên hệ
2140	LGC	CDX-00007148-005	8-Geranyloxypsoralen	5mg			Liên hệ
2141	LGC	CDX-00007148-010	8-Geranyloxypsoralen (P)	10mg			Liên hệ
2142	LGC	CDX-00007150-001	Geraniol	1g			Liên hệ
2143	LGC	CDX-00007150-005	Geraniol	5g			Liên hệ
2144	LGC	CDX-00007150-010	Geraniol	10g			Liên hệ
2145	LGC	CDX-00007150-100	Geraniol(SG)	100mg			Liên hệ
2146	LGC	CDX-00007151-010	5-Geranoxy-7-Methoxycoumarin	10mg			Liên hệ
2147	LGC	CDX-00007152-001	Geranyl Acetate	1g			Liên hệ
2148	LGC	CDX-00007152-100	Geranyl Acetate(SG)	100mg			Liên hệ
2149	LGC	CDX-00007155-001	Germacrone	1mg			Liên hệ
2150	LGC	CDX-00007162-005	10-Gingerol	5mg			Liên hệ
2151	LGC	CDX-00007162-010	10-Gingerol	10mg			Liên hệ
2152	LGC	CDX-00007162-025	10-Gingerol	25mg			Liên hệ
2153	LGC	CDX-00007162-100	10-Gingerol	100mg			Liên hệ
2154	LGC	CDX-00007163-005	8-Gingerol	5mg			Liên hệ
2155	LGC	CDX-00007163-010	Gingerol, 8-(P)	10mg			Liên hệ
2156	LGC	CDX-00007163-025	8-Gingerol	25mg			Liên hệ
2157	LGC	CDX-00007163-100	8-Gingerol	100mg			Liên hệ
2158	LGC	CDX-00007164-005	Gingerol, 6-(P)	5mg			Liên hệ
2159	LGC	CDX-00007164-010	6-Gingerol	10mg			Liên hệ
2160	LGC	CDX-00007164-025	6-Gingerol	25mg			Liên hệ
2161	LGC	CDX-00007164-100	6-Gingerol	100mg			Liên hệ
2162	LGC	CDX-00007165-005	Ginkgolic Acid I	5mg			Liên hệ
2163	LGC	CDX-00007165-010	Ginkgolic Acid I(P)	10mg			Liên hệ

2164	LGC	CDX-00007170-005	Ginkgolic Acid II	5mg		Liên hệ
2165	LGC	CDX-00007170-010	Ginkgolic Acid II	10mg		Liên hệ
2166	LGC	CDX-00007174-010	Ginkgetin	onrequest		Liên hệ
2167	LGC	CDX-00007175-005	Ginkgolide A	5mg		Liên hệ
2168	LGC	CDX-00007175-010	Ginkgolide a(discontinued)(sh)	10mg		Liên hệ
2169	LGC	CDX-00007175-025	Ginkgolide A	25mg		Liên hệ
2170	LGC	CDX-00007176-005	Ginkgolide a(ahp)	5mg		Liên hệ
2171	LGC	CDX-00007176-010	Ginkgolide A	10mg		Liên hệ
2172	LGC	CDX-00007176-025	Ginkgolide a(ahp)	25mg		Liên hệ
2173	LGC	CDX-00007178-00S	Ginkgo Terpenoid Snap-N-Shoot Kit	5x1ml		Liên hệ
2174	LGC	CDX-00007179-005	GINKGOLIDE C(P) (AHP Verified)	5mg		Liên hệ
2175	LGC	CDX-00007179-010	GINKGOLIDE C(P) (AHP Verified)	10mg		Liên hệ
2176	LGC	CDX-00007179-025	GINKGOLIDE C(P) (AHP Verified)	25mg		Liên hệ
2177	LGC	CDX-00007180-005	Ginkgolide b(discontinued)(sh)	5mg		Liên hệ
2178	LGC	CDX-00007180-010	Ginkgolide b(discontinued)(sh)	10mg		Liên hệ
2179	LGC	CDX-00007180-025	Ginkgolide B	25mg		Liên hệ
2180	LGC	CDX-00007181-005	Ginkgolide b(ahp)	5mg		Liên hệ
2181	LGC	CDX-00007181-010	Ginkgolide b(ahp)	10mg		Liên hệ
2182	LGC	CDX-00007181-025	Ginkgolide b(ahp)	25mg		Liên hệ
2183	LGC	CDX-00007184-010	Ginkgo Flavonoids Standards Kit(Pri	3x10mg		Liên hệ
2184	LGC	CDX-00007184-025	Ginkgo Flavonoids Standards Kit	3x25mg		Liên hệ
2185	LGC	CDX-00007186-005	Ginkgolide J	5mg		Liên hệ
2186	LGC	CDX-00007186-010	Ginkgolide J	10mg		Liên hệ
2187	LGC	CDX-00007186-025	Ginkgolide J	25mg		Liên hệ
2188	LGC	CDX-00007186-050	Ginkgolide J(P)	50mg		Liên hệ
2189	LGC	CDX-00007186-100	Ginkgolide j (ahp verified)	100mg		Liên hệ
2190	LGC	CDX-00007187-005	Ginkgo Terpenoid Standards Kit(AHP)	5x5mg		Liên hệ
2191	LGC	CDX-00007187-010	Ginkgo Terpenoid Standards Kit(AHP)	5x10mg		Liên hệ
2192	LGC	CDX-00007187-025	Ginkgo Terpenoid Standards Kit contains: Bilobalide, Ginkgolide A, Ginkgolide C, ginkgolide B, Ginkgolide J	5x25mg		Liên hệ
2193	LGC	CDX-00007190-005	Ginsenoside Rb1	5mg		Liên hệ
2194	LGC	CDX-00007190-010	Ginsenoside Rb1	10mg		Liên hệ
2195	LGC	CDX-00007190-025	Ginsenoside Rb1	25mg		Liên hệ
2196	LGC	CDX-00007190-100	Ginsenoside rb1	100mg		Liên hệ
2197	LGC	CDX-00007190-500	Ginsenoside rb1	500mg		Liên hệ
2198	LGC	CDX-00007191-005	Ginsenoside Rb1	5mg		Liên hệ
2199	LGC	CDX-00007191-010	Ginsenoside Rb1	10mg		Liên hệ
2200	LGC	CDX-00007191-025	Ginsenoside Rb1	25mg		Liên hệ
2201	LGC	CDX-00007195-005	Ginsenoside Rb2(AHP)	5mg		Liên hệ

2202	LGC	CDX-00007195-010	GINSENOSIDE Rb2(P)	10mg			Liên hệ
2203	LGC	CDX-00007195-025	Ginsenoside rb2	25mg			Liên hệ
2204	LGC	CDX-00007195-100	Ginsenoside rb2	100mg			Liên hệ
2205	LGC	CDX-00007195-500	Ginsenoside rb2	500mg			Liên hệ
2206	LGC	CDX-00007196-005	Ginsenoside Rb2(SH)	5mg			Liên hệ
2207	LGC	CDX-00007196-010	GINSENOSIDE Rb2(SH)	10mg			Liên hệ
2208	LGC	CDX-00007196-025	Ginsenoside Rb2	25mg			Liên hệ
2209	LGC	CDX-00007197-010	Ginsenoside Rb3	10mg			Liên hệ
2210	LGC	CDX-00007197-025	Ginsenoside rb3	25mg			Liên hệ
2211	LGC	CDX-00007197-100	Ginsenoside rb3	100mg			Liên hệ
2212	LGC	CDX-00007200-005	Ginsenoside Rc	5mg			Liên hệ
2213	LGC	CDX-00007200-010	Ginsenoside Rc	10mg			Liên hệ
2214	LGC	CDX-00007200-025	Ginsenoside rc	25mg			Liên hệ
2215	LGC	CDX-00007200-100	Ginsenoside rc	100mg			Liên hệ
2216	LGC	CDX-00007201-005	Ginsenoside Rc	5mg			Liên hệ
2217	LGC	CDX-00007201-010	Ginsenoside Rc(Sh)	10mg			Liên hệ
2218	LGC	CDX-00007201-025	Ginsenoside Rc	25mg			Liên hệ
2219	LGC	CDX-00007203-005	Ginsenoside Rh2 (R-Form)(P)	5mg			Liên hệ
2220	LGC	CDX-00007203-010	Ginsenoside Rh2 (R-Form)(P)	10mg			Liên hệ
2221	LGC	CDX-00007203-025	Ginsenoside Rh2 (R-Form)(P)	25mg			Liên hệ
2222	LGC	CDX-00007205-005	Ginsenoside Rd	5mg			Liên hệ
2223	LGC	CDX-00007205-010	Ginsenoside Rd(AHP)	10mg			Liên hệ
2224	LGC	CDX-00007205-025	Ginsenoside rd	25mg			Liên hệ
2225	LGC	CDX-00007205-050	Ginsenoside rd	50mg			Liên hệ
2226	LGC	CDX-00007205-100	Ginsenoside rd	100mg			Liên hệ
2227	LGC	CDX-00007206-005	Ginsenoside Rd	5mg			Liên hệ
2228	LGC	CDX-00007206-010	Ginsenoside Rd(Sh)	10mg			Liên hệ
2229	LGC	CDX-00007206-025	Ginsenoside Rd	25mg			Liên hệ
2230	LGC	CDX-00007207-005	Ginsenoside rh1	5mg			Liên hệ
2231	LGC	CDX-00007207-010	Ginsenoside rh1	10mg			Liên hệ
2232	LGC	CDX-00007207-025	Ginsenoside rh1	25mg			Liên hệ
2233	LGC	CDX-00007209-005	Ginsenoside rh2	5mg			Liên hệ
2234	LGC	CDX-00007209-010	Ginsenoside rh2	10mg			Liên hệ
2235	LGC	CDX-00007209-025	Ginsenoside rh2	25mg			Liên hệ
2236	LGC	CDX-00007210-005	Ginsenoside Re(AHP)	5mg			Liên hệ
2237	LGC	CDX-00007210-010	GINSENOSIDE Re(P)	10mg			Liên hệ
2238	LGC	CDX-00007210-025	Ginsenoside re	25mg			Liên hệ
2239	LGC	CDX-00007210-100	Ginsenoside re	100mg			Liên hệ

2240	LGC	CDX-00007211-005	Ginsenoside Re(SH)	5mg		Liên hệ
2241	LGC	CDX-00007211-010	Ginsenoside Re	10mg		Liên hệ
2242	LGC	CDX-00007211-025	Ginsenoside Re	25mg		Liên hệ
2243	LGC	CDX-00007212-005	Ginsenoside rh3	5mg		Liên hệ
2244	LGC	CDX-00007212-010	Ginsenoside Rh3 (AS)	10mg		Liên hệ
2245	LGC	CDX-00007213-005	Ginsenoside F2 (AS)	5mg		Liên hệ
2246	LGC	CDX-00007213-010	Ginsenoside f2	10mg		Liên hệ
2247	LGC	CDX-00007214-005	Ginsenoside F3(AS)	5mg		Liên hệ
2248	LGC	CDX-00007214-010	Ginsenoside F3(AS)	10mg		Liên hệ
2249	LGC	CDX-00007215-005	Ginsenoside Rf(P)	5mg		Liên hệ
2250	LGC	CDX-00007215-010	Ginsenoside Rf	10mg		Liên hệ
2251	LGC	CDX-00007215-025	Ginsenoside rf	25mg		Liên hệ
2252	LGC	CDX-00007216-005	Ginsenoside Rf(SH)	5mg		Liên hệ
2253	LGC	CDX-00007216-010	Ginsenoside Rf(Sh)	10mg		Liên hệ
2254	LGC	CDX-00007216-025	Ginsenoside Rf	25mg		Liên hệ
2255	LGC	CDX-00007218-005	Ginsenoside compound k	5mg		Liên hệ
2256	LGC	CDX-00007218-010	Ginsenoside compound k	10mg		Liên hệ
2257	LGC	CDX-00007218-050	Ginsenoside compound k	50mg		Liên hệ
2258	LGC	CDX-00007219-005	Ginsenoside F1	5mg		Liên hệ
2259	LGC	CDX-00007219-010	Ginsenoside f1	10mg		Liên hệ
2260	LGC	CDX-00007219-025	Ginsenoside f1	25mg		Liên hệ
2261	LGC	CDX-00030689-005	Echinacea Angustifolia Root RGBRM	5g		Liên hệ
2262	LGC	CDX-00007225-005	GINSENOSIDES STANDARDS KIT(P) (7 STDS)	7x5mg		Liên hệ
2263	LGC	CDX-00007225-010	Ginsenosides Standards Kit	7x10mg		Liên hệ
2264	LGC	CDX-00007225-0HK	Ginsenosides HPLC analysis Kit	7x5mg		Liên hệ
2265	LGC	CDX-00007226-010	Ginsenosides Standards Kit	7x10mg		Liên hệ
2266	LGC	CDX-00007227-005	Ginsenosides Stds Kit(SH) 6 Stds	6x5mg		Liên hệ
2267	LGC	CDX-00007227-010	Ginsenosides Standards Kit(SH) 6 Stds	6x10mg		Liên hệ
2268	LGC	CDX-00007227-025	Ginsenosides Standards Kit(SH) 6 Stds	6x25mg		Liên hệ
2269	LGC	CDX-00007227-0HK	Ginsenosides HPLC(SH) Analysis Kit	6x5mg		Liên hệ
2270	LGC	CDX-00007228-010	Ginsenoside rh1	10mg		Liên hệ
2271	LGC	CDX-00007228-025	Ginsenoside rh1	25mg		Liên hệ
2272	LGC	CDX-00007229-005	GINSENOSIDE Rh2(AS)	5mg		Liên hệ
2273	LGC	CDX-00007229-010	Ginsenoside rh2	10mg		Liên hệ
2274	LGC	CDX-00007229-050	Ginsenoside rh2	50mg		Liên hệ
2275	LGC	CDX-00007230-005	ELEUTHEROSIDE STANDARDS KIT #1(P)	2x5mg		Liên hệ
2276	LGC	CDX-00007230-010	Eleutheroside Kit (Siberian Ginseng	3x10mg		Liên hệ
2277	LGC	CDX-00007231-005	Eleutheroside Standards Kit	3x5mg		Liên hệ

2278	LGC	CDX-00007232-005	Gitoxin	5mg		Liên hệ
2279	LGC	CDX-00007233-005	Ginsenoside ro	5mg		Liên hệ
2280	LGC	CDX-00007233-010	Ginsenoside Ro (AS)	10mg		Liên hệ
2281	LGC	CDX-00007234-005	Glabridin	5mg		Liên hệ
2282	LGC	CDX-00007234-010	Glabridin	10mg		Liên hệ
2283	LGC	CDX-00007235-010	(-)-Globulol	10mg		Liên hệ
2284	LGC	CDX-00007237-005	Glabrol	5mg		Liên hệ
2285	LGC	CDX-00007237-010	Glabrol(SH)	10mg		Liên hệ
2286	LGC	CDX-00007238-005	4'-Methyl-Glabridin	5mg		Liên hệ
2287	LGC	CDX-00007240-010	a-D-Glucoheptose	10mg		Liên hệ
2288	LGC	CDX-00007240-050	alpha-D-Glucoheptose	50mg		Liên hệ
2289	LGC	CDX-00007241-025	Glaucine HBr	25mg		Liên hệ
2290	LGC	CDX-00007241-100	Glaucine HBr	100mg		Liên hệ
2291	LGC	CDX-00007242-101	Glaucine hbr(food grade)	1kg		Liên hệ
2292	LGC	CDX-00007243-001	Glabridin	1g		Liên hệ
2293	LGC	CDX-00007245-001	D-(+)-Gluconic acid D-lactone	1g		Liên hệ
2294	LGC	CDX-00007245-005	D-(+)-Gluconic acid D-lactone	5g		Liên hệ
2295	LGC	CDX-00007246-005	Ginsenoside Rk1(P)	5mg		Liên hệ
2296	LGC	CDX-00007246-010	Ginsenoside Rk1(P)	10mg		Liên hệ
2297	LGC	CDX-00007248-001	4'-o-beta-Glucopyranosyl-5-o-methylvisamminol	1mg		Liên hệ
2298	LGC	CDX-00007249-010	Glucoerucin	10mg		Liên hệ
2299	LGC	CDX-00007252-005	Glucocheirolin	5mg		Liên hệ
2300	LGC	CDX-00007252-010	Glucocheirolin	10mg		Liên hệ
2301	LGC	CDX-00007253-005	Ginsenoside Rh1 (R-Form)(AS)	5mg		Liên hệ
2302	LGC	CDX-00007253-010	Ginsenoside Rh1 (R-Form)(AS)	10mg		Liên hệ
2303	LGC	CDX-00007254-005	Phenethyl Glucosinolate Potassium Salt (Gluconasturtiin)(SH)	5mg		Liên hệ
2304	LGC	CDX-00007255-005	Ginsenoside Rh4(AS)	5mg		Liên hệ
2305	LGC	CDX-00007255-010	Ginsenoside Rh4(AS)	10mg		Liên hệ
2306	LGC	CDX-00007256-001	Glucosamine Hcl, D-(+)-(SH)	1g		Liên hệ
2307	LGC	CDX-00007256-500	Glucosamine Hcl, D-(+)-(SH)	500mg		Liên hệ
2308	LGC	CDX-00007257-001	Glucosamine Sulfate Potassium Salt,	1g		Liên hệ
2309	LGC	CDX-00007257-500	Glucosamine Sulfate Potassium Salt,	500mg		Liên hệ
2310	LGC	CDX-00007258-001	Glucosamine Sulfate Reference Mater	1g		Liên hệ
2311	LGC	CDX-00007259-00K	Glucosamine HPLC Kit without column contains: Caffeine, D-(+)-Glucosamine HCl, Glucosamine sulfate Reference Material, Phenyl Isothiocyanate	2x1g		Liên hệ
2312	LGC	CDX-00007259-0HK	GLUCOSAMINE HPLC ANALYSIS KIT [DISCONTINUED - PLEASE USE PART# 7259]	2x1g		Liên hệ
2313	LGC	CDX-00005164-005	Epoxybergamottin	5mg		Liên hệ
2314	LGC	CDX-00005164-010	Epoxybergamottin	10mg		Liên hệ
2315	LGC	CDX-00005164-025	Epoxybergamottin	25mg		Liên hệ

2316	LGC	CDX-00007262-005	Ginsenoside F1	5mg		Liên hệ
2317	LGC	CDX-00007262-010	Ginsenoside F1	10mg		Liên hệ
2318	LGC	CDX-00007262-025	Ginsenoside F1	25mg		Liên hệ
2319	LGC	CDX-00007265-001	beta-D-(+)-Glucose	1g		Liên hệ
2320	LGC	CDX-00007270-005	Ginsenoside F11(AS)	5mg		Liên hệ
2321	LGC	CDX-00007270-010	Ginsenoside F11(AS)	10mg		Liên hệ
2322	LGC	CDX-00007285-001	alpha-D-Glucose pentaacetate	1g		Liên hệ
2323	LGC	CDX-00007290-001	alpha-D-Glucose pentaacetate	1g		Liên hệ
2324	LGC	CDX-00007297-010	Glucoraphanin Potassium salt (SH)	10mg		Liên hệ
2325	LGC	CDX-00007297-025	Glucoraphanin potassium salt	25mg		Liên hệ
2326	LGC	CDX-00007298-025	Glucoraphanin potassium salt	25mg		Liên hệ
2327	LGC	CDX-00007299-010	GLUCONAPIN POTASSIUM SALT(P)	10mg		Liên hệ
2328	LGC	CDX-00007299-025	Gluconapin potassium salt	25mg		Liên hệ
2329	LGC	CDX-00007300-005	Glucotropaeolin Potassium Salt	5mg		Liên hệ
2330	LGC	CDX-00007300-010	Glucotropaeolin Potassium Salt	10mg		Liên hệ
2331	LGC	CDX-00007300-100	Glucotropaeolin Potassium Salt	100mg		Liên hệ
2332	LGC	CDX-00007302-010	Glucovanillin	10mg		Liên hệ
2333	LGC	CDX-00007302-025	Glucovanillin	25mg		Liên hệ
2334	LGC	CDX-00007303-001	Glucuronolactone	1g		Liên hệ
2335	LGC	CDX-00007303-100	Glucuronolactone	100mg		Liên hệ
2336	LGC	CDX-00007303-250	Glucuronolactone	250mg		Liên hệ
2337	LGC	CDX-00007304-001	Glucuronolactone	1g		Liên hệ
2338	LGC	CDX-00007305-100	D-Glutamic acid	100mg		Liên hệ
2339	LGC	CDX-00007307-001	L-Glutamic acid	1g		Liên hệ
2340	LGC	CDX-00007307-100	L-Glutamic acid	100mg		Liên hệ
2341	LGC	CDX-00007307-250	L-Glutamic acid	250mg		Liên hệ
2342	LGC	CDX-00007311-100	L-Glutamine	100mg		Liên hệ
2343	LGC	CDX-00007313-001	Glutathione(reduced)	1g		Liên hệ
2344	LGC	CDX-00007313-025	Glutathione(reduced)	25mg		Liên hệ
2345	LGC	CDX-00007313-100	Glutathione(Reduced)(P)	100mg		Liên hệ
2346	LGC	CDX-00007313-250	Glutathione	250mg		Liên hệ
2347	LGC	CDX-00007315-010	Glutathione palmitate	10mg		Liên hệ
2348	LGC	CDX-00007315-025	Glutathione palmitate	25mg		Liên hệ
2349	LGC	CDX-00007335-002	Glycerin	2ml		Liên hệ
2350	LGC	CDX-00007335-010	Glycerin	10ml		Liên hệ
2351	LGC	CDX-00007339-100	Glycerophosphocholine(gpc)	100mg		Liên hệ
2352	LGC	CDX-00007340-001	Glycine	1g		Liên hệ
2353	LGC	CDX-00007340-100	Glycine	100mg		Liên hệ

2354	LGC	CDX-00007341-001	Glycine	1g		Liên hệ
2355	LGC	CDX-00007341-005	Glycine	5g		Liên hệ
2356	LGC	CDX-00007341-100	Glycine	100mg		Liên hệ
2357	LGC	CDX-00007341-250	Glycine(P)	250mg		Liên hệ
2358	LGC	CDX-00007344-005	Glycitein(P)	5mg		Liên hệ
2359	LGC	CDX-00007344-010	Glycitein	10mg		Liên hệ
2360	LGC	CDX-00007344-025	Glycitein(P)	25mg		Liên hệ
2361	LGC	CDX-00007344-100	Glycitein (compendial traceable)	100mg		Liên hệ
2362	LGC	CDX-00007345-005	Glycitein (SH)	5mg		Liên hệ
2363	LGC	CDX-00007345-010	Glycitein	10mg		Liên hệ
2364	LGC	CDX-00007345-025	Glycitein	25mg		Liên hệ
2365	LGC	CDX-00007345-100	Glycitein	100mg		Liên hệ
2366	LGC	CDX-00007346-005	Glycitin (AS)	5mg		Liên hệ
2367	LGC	CDX-00007346-010	Glycitin	10mg		Liên hệ
2368	LGC	CDX-00007346-025	Glycitin	25mg		Liên hệ
2369	LGC	CDX-00007346-100	Glycitin	100mg		Liên hệ
2370	LGC	CDX-00007347-005	Glycitin	5mg		Liên hệ
2371	LGC	CDX-00007347-010	Glycitin(P)	10mg		Liên hệ
2372	LGC	CDX-00007347-025	Glycitin	25mg		Liên hệ
2373	LGC	CDX-00007347-100	Glycitin (P)	100mg		Liên hệ
2374	LGC	CDX-00007353-100	Glycocyanine(guanidinoacetic acid)	100mg		Liên hệ
2375	LGC	CDX-00007355-005	Glycosine (dulcin)	5mg		Liên hệ
2376	LGC	CDX-00007355-010	Glycosine (dulcin)	10mg		Liên hệ
2377	LGC	CDX-00007355-025	Glycosine (dulcin)	25mg		Liên hệ
2378	LGC	CDX-00007364-010	18a-Glycyrrhetic acid	10mg		Liên hệ
2379	LGC	CDX-00007364-025	18a-Glycyrrhetic acid	25mg		Liên hệ
2380	LGC	CDX-00007367-010	18-alpha-Glycyrrhetic acid methylester	10mg		Liên hệ
2381	LGC	CDX-00007370-010	18B-Glycyrrhetic Acid	10mg		Liên hệ
2382	LGC	CDX-00007370-025	18B-Glycyrrhetic Acid	25mg		Liên hệ
2383	LGC	CDX-00007371-025	Glycyrrhetic Acid, 18B-(SH)	25mg		Liên hệ
2384	LGC	CDX-00007372-005	GLYCYRRHETINIC ACID METHYLESTER, 18-BETA-(SG)	5mg		Liên hệ
2385	LGC	CDX-00007372-010	Glycyrrhetic Acid Methylester, 18	10mg		Liên hệ
2386	LGC	CDX-00007372-025	GLYCYRRHETINIC ACID METHYLESTER, 18-BETA-(SG)	25mg		Liên hệ
2387	LGC	CDX-00007374-001	Glycyrrhizic acid	1g		Liên hệ
2388	LGC	CDX-00007374-100	Glycyrrhizic Acid	100mg		Liên hệ
2389	LGC	CDX-00007374-250	Glycyrrhizic acid	250mg		Liên hệ
2390	LGC	CDX-00007375-010	Glycyrrhizic Acid	10mg		Liên hệ
2391	LGC	CDX-00007375-025	GLYCYRRHIZIC ACID(P) (AHP Verified)	25mg		Liên hệ

2392	LGC	CDX-00007375-100	Glycyrrhizic Acid	100mg			Liên hệ
2393	LGC	CDX-00007380-001	Glycyrrhizic Acid, Ammonium Salt, Trihydrate	1g			Liên hệ
2394	LGC	CDX-00007381-010	Glycyrrhizic acid ammonium salt	10mg			Liên hệ
2395	LGC	CDX-00007381-100	Glycyrrhizic acid ammonium salt(P)	100mg			Liên hệ
2396	LGC	CDX-00007390-025	Gossypetin	25mg			Liên hệ
2397	LGC	CDX-00007390-100	Gossypetin	100mg			Liên hệ
2398	LGC	CDX-00007395-005	Gossypetin-3,7,3'4'-Tetramethyl Ether	5mg			Liên hệ
2399	LGC	CDX-00007397-001	Gossypetinidin chloride	1mg			Liên hệ
2400	LGC	CDX-00005168-010	Ergosterol	10mg			Liên hệ
2401	LGC	CDX-00005168-100	Ergosterol	100mg			Liên hệ
2402	LGC	CDX-00007410-025	Gossypol Acetate	25mg			Liên hệ
2403	LGC	CDX-00005169-025	Ergosterol	25mg			Liên hệ
2404	LGC	CDX-00007413-005	Gracillin	onrequest			Liên hệ
2405	LGC	CDX-00007413-010	Gracillin(P)	onrequest			Liên hệ
2406	LGC	CDX-00007414-010	Grape Polyphenolics (Stilbenes) Standards Kit	5x10mg			Liên hệ
2407	LGC	CDX-00007414-05K	Grape Polyphenolics (Stilbenes) Standards Kit	5x5mg			Liên hệ
2408	LGC	CDX-00007416-001	Griseofulvin	1g			Liên hệ
2409	LGC	CDX-00005169-100	Ergosterol	100mg			Liên hệ
2410	LGC	CDX-00007417-001	Grosmomoside I	1mg			Liên hệ
2411	LGC	CDX-00007417-005	Grosmomoside I	5mg			Liên hệ
2412	LGC	CDX-00007418-001	Guaiacol	1g			Liên hệ
2413	LGC	CDX-00007418-100	Guaiacol(P)	100mg			Liên hệ
2414	LGC	CDX-00007419-00S	Green Tea Snap-N-Shoot Kit (SH)	5x1ml			Liên hệ
2415	LGC	CDX-00007420-010	Guanine (Anhydrous)	10g			Liên hệ
2416	LGC	CDX-00007421-001	Guaiazulene	1g			Liên hệ
2417	LGC	CDX-00007422-250	Guaiacol methylether	250mg			Liên hệ
2418	LGC	CDX-00007423-010	Guanosine-5'-monophosphate disodium salt	10mg			Liên hệ
2419	LGC	CDX-00007424-100	Guanidinopropionic acid	100mg			Liên hệ
2420	LGC	CDX-00007425-001	L-Gluconolactone	1g			Liên hệ
2421	LGC	CDX-00007426-025	Guanosine-5'-monophosphate disodium salt	25mg			Liên hệ
2422	LGC	CDX-00007426-100	Guanosine-5'-monophosphate disodium salt	100mg			Liên hệ
2423	LGC	CDX-00007430-0HK	Goldenseal Hplc Kit	2x25mg			Liên hệ
2424	LGC	CDX-00007431-000	Goldthread(Coptis) HPLC Kit	kit			Liên hệ
2425	LGC	CDX-00007432-010	Goldthread(Coptis) Standards Kit	6x10mg			Liên hệ
2426	LGC	CDX-00007450-00A	Gyroxanthin-Diester(SH)	2.5ml			Liên hệ
2427	LGC	CDX-00007481-005	Gotu Kola Standards Kit	4x5mg			Liên hệ
2428	LGC	CDX-00007481-010	Gotu Kola Standards Kit 10Mg	4x10mg			Liên hệ
2429	LGC	CDX-00007500-005	Guggulsterone E	5mg			Liên hệ



2430	LGC	CDX-00007500-010	Guggulsterone E	10mg		Liên hệ
2431	LGC	CDX-00007500-050	Guggulsterone E(P)	50mg		Liên hệ
2432	LGC	CDX-00007503-100	Guggulsterones E&Z (Mix)	100mg		Liên hệ
2433	LGC	CDX-00007505-005	Guggulsterone Z	5mg		Liên hệ
2434	LGC	CDX-00007505-010	Guggulsterone Z	10mg		Liên hệ
2435	LGC	CDX-00007505-025	Guggulsterone z (compendial traceable)	25mg		Liên hệ
2436	LGC	CDX-00007505-050	Guggulsterone Z	50mg		Liên hệ
2437	LGC	CDX-00007510-005	Guggulsterones Standards Kit	2x5mg		Liên hệ
2438	LGC	CDX-00007510-010	Guggulsterones Standards Kit	2x10mg		Liên hệ
2439	LGC	CDX-00007515-005	Guibourtinidin Chloride	5mg		Liên hệ
2440	LGC	CDX-00007515-010	Guibourtinidin Chloride	10mg		Liên hệ
2441	LGC	CDX-00007520-025	Goldenseal Standards Kit	2x25mg		Liên hệ
2442	LGC	CDX-00007526-005	Goldenroot (Rhodiola Rosea) Standar	5x5mg		Liên hệ
2443	LGC	CDX-00007526-010	Goldenroot (Rhodiola Rosea) Standards Kit	5x10mg		Liên hệ
2444	LGC	CDX-00007553-005	Gomisin C (Schisantherin A)	5mg		Liên hệ
2445	LGC	CDX-00007553-010	Gomisin C (Schisantherin A)	10mg		Liên hệ
2446	LGC	CDX-00007601-005	Garlic Standards Kit	2x5mg		Liên hệ
2447	LGC	CDX-00007602-001	GARLIC STENCH STANDARDS KIT(SG)	7x1g		Liên hệ
2448	LGC	CDX-00007610-005	Gymnemagenin	5mg		Liên hệ
2449	LGC	CDX-00007610-010	Gymnemagenin	10mg		Liên hệ
2450	LGC	CDX-00007610-025	Gymnemagenin	25mg		Liên hệ
2451	LGC	CDX-00007615-005	Ginger Standards Kit	7x5mg		Liên hệ
2452	LGC	CDX-00007615-010	GINGER STANDARDS KIT(P)	7x10mg		Liên hệ
2453	LGC	CDX-00007620-010	Gambogic Acid	10mg		Liên hệ
2454	LGC	CDX-00007621-010	trans-Garcinolic Acid	10mg		Liên hệ
2455	LGC	CDX-00008035-005	Hamamelitannin(P)	5mg		Liên hệ
2456	LGC	CDX-00008035-010	Hamamelitannin(P)	10mg		Liên hệ
2457	LGC	CDX-00008035-025	HAMAMELITANNIN(P)	25mg		Liên hệ
2458	LGC	CDX-00008042-100	Harmalol Hcl(SH)	100mg		Liên hệ
2459	LGC	CDX-00008042-250	Harmalol Hcl(SH)	250mg		Liên hệ
2460	LGC	CDX-00008043-100	Harmane	100mg		Liên hệ
2461	LGC	CDX-00008045-025	Harmine	25mg		Liên hệ
2462	LGC	CDX-00008045-100	Harmine(SH)	100mg		Liên hệ
2463	LGC	CDX-00008046-500	Harmine	500mg		Liên hệ
2464	LGC	CDX-00008050-025	Harmine HCl	25mg		Liên hệ
2465	LGC	CDX-00008050-100	Harmine HCl	100mg		Liên hệ
2466	LGC	CDX-00008051-500	Harmine HCl	500mg		Liên hệ
2467	LGC	CDX-00008052-500	Harmol HCl	500mg		Liên hệ

2468	LGC	CDX-00008053-100	Harmaine Alkaloids Standards Kit	5x100mg			Liên hệ
2469	LGC	CDX-00008054-010	Harpagide	10mg			Liên hệ
2470	LGC	CDX-00008055-010	Harpagoside(SH)	10mg			Liên hệ
2471	LGC	CDX-00008055-025	Harpagoside(SH)	25mg			Liên hệ
2472	LGC	CDX-00008055-100	Harpagoside	100mg			Liên hệ
2473	LGC	CDX-00008056-100	Harpagoside	100mg			Liên hệ
2474	LGC	CDX-00008060-005	Harringtonine	5mg			Liên hệ
2475	LGC	CDX-00008060-010	HARRINGTONINE(P)	10mg			Liên hệ
2476	LGC	CDX-00008060-025	Harringtonine	25mg			Liên hệ
2477	LGC	CDX-00008061-100	Hecogenin	100mg			Liên hệ
2478	LGC	CDX-00008062-010	Heneicosanol	10mg			Liên hệ
2479	LGC	CDX-00008062-100	Heneicosanol	100mg			Liên hệ
2480	LGC	CDX-00008063-001	Hexanol,1-(SG)	1g			Liên hệ
2481	LGC	CDX-00008064-001	Hexen-1-Al,Trans-2-(SG)	1g			Liên hệ
2482	LGC	CDX-00008065-005	Hederacoside C	5mg			Liên hệ
2483	LGC	CDX-00008065-010	Hederacoside C	10mg			Liên hệ
2484	LGC	CDX-00008065-025	Hederacoside C	25mg			Liên hệ
2485	LGC	CDX-00008065-100	Hederacoside C	100mg			Liên hệ
2486	LGC	CDX-00008066-001	Hexen-1-Ol,Trans-2-(SG)	1g			Liên hệ
2487	LGC	CDX-00008067-010	Hederagenin	10mg			Liên hệ
2488	LGC	CDX-00008068-001	Hexylacetate	1g			Liên hệ
2489	LGC	CDX-00008069-001	Hexylcinnamaldehyde	1g			Liên hệ
2490	LGC	CDX-00008071-010	Hederagenin(Sh)	10mg			Liên hệ
2491	LGC	CDX-00008073-001	Hederasaponin B	1mg			Liên hệ
2492	LGC	CDX-00008075-005	alpha-Hederin	5mg			Liên hệ
2493	LGC	CDX-00008075-010	alpha-Hederin	10mg			Liên hệ
2494	LGC	CDX-00008081-005	Helenien	5mg			Liên hệ
2495	LGC	CDX-00008081-010	Helenien	10mg			Liên hệ
2496	LGC	CDX-00008086-100	Helicin	100mg			Liên hệ
2497	LGC	CDX-00008094-005	Heptacosanol, 1-(P)	5mg			Liên hệ
2498	LGC	CDX-00008094-010	Heptacosanol, 1-(P)	10mg			Liên hệ
2499	LGC	CDX-00008096-001	gamma-Heptalactone	1g			Liên hệ
2500	LGC	CDX-00008096-100	Heptalactone, Gamma-(SG)	100mg			Liên hệ
2501	LGC	CDX-00008097-001	Heptanone, 2-(SG)	1g			Liên hệ
2502	LGC	CDX-00008098-001	Heptanone, 3-(SG)	1g			Liên hệ
2503	LGC	CDX-00008099-001	Heptyl Acetate(SG)	1g			Liên hệ
2504	LGC	CDX-00008101-005	Heraclenin	5mg			Liên hệ
2505	LGC	CDX-00008101-010	Heraclenin (P)	10mg			Liên hệ

2506	LGC	CDX-00008102-005	Herbacetin-3,8-Diglucopyranoside	5mg			Liên hệ
2507	LGC	CDX-00008102-010	"Herbacetin-3,8-Diglucopyranoside(P)"	10mg			Liên hệ
2508	LGC	CDX-00008103-005	Herbacetin	5mg			Liên hệ
2509	LGC	CDX-00008103-010	Herbacetin	10mg			Liên hệ
2510	LGC	CDX-00008103-025	Herbacetin	25mg			Liên hệ
2511	LGC	CDX-00008103-100	Herbacetin	100mg			Liên hệ
2512	LGC	CDX-00008104-005	Herbacetin	5mg			Liên hệ
2513	LGC	CDX-00008105-025	Herniarin (P)	25mg			Liên hệ
2514	LGC	CDX-00008105-050	Herniarin	50mg			Liên hệ
2515	LGC	CDX-00008106-025	Herniarin	25mg			Liên hệ
2516	LGC	CDX-00008106-100	Herniarin	100mg			Liên hệ
2517	LGC	CDX-00008110-100	Hesperetin	100mg			Liên hệ
2518	LGC	CDX-00008111-005	Hesperetin(P)	5mg			Liên hệ
2519	LGC	CDX-00008111-010	Hesperetin	10mg			Liên hệ
2520	LGC	CDX-00008111-025	Hesperetin	25mg			Liên hệ
2521	LGC	CDX-00008135-005	Hesperidin(P)	5mg			Liên hệ
2522	LGC	CDX-00008135-010	Hesperidin(P)	10mg			Liên hệ
2523	LGC	CDX-00008135-025	Hesperidin(P)	25mg			Liên hệ
2524	LGC	CDX-00008135-100	HESPERIDIN(P)	100mg			Liên hệ
2525	LGC	CDX-00008136-005	Hesperidin	5mg			Liên hệ
2526	LGC	CDX-00008136-010	Hesperidin	10mg			Liên hệ
2527	LGC	CDX-00008136-025	Hesperidin	25mg			Liên hệ
2528	LGC	CDX-00030991-005	Eucommia (eucommia ulmoides) bark RGBRM	5g			Liên hệ
2529	LGC	CDX-00008185-005	1-Hexacosanol	5mg			Liên hệ
2530	LGC	CDX-00008185-010	Hexacosanol, 1-(P)	10mg			Liên hệ
2531	LGC	CDX-00008185-100	1-Hexacosanol	100mg			Liên hệ
2532	LGC	CDX-00008195-005	2,4-Hexadienoic Acid Isobutylamide	5mg			Liên hệ
2533	LGC	CDX-00008195-010	2,4-Hexadienoic Acid Isobutylamide	10mg			Liên hệ
2534	LGC	CDX-00008195-025	Hexadienoic Acid Isobutylamide, 2,4	25mg			Liên hệ
2535	LGC	CDX-00008197-010	Hexa-2(E),4(E)-Dienoic acid 2-Methylbutylamide	10mg			Liên hệ
2536	LGC	CDX-00008197-025	Hexa-2(e),4(e)-dienoic acid 2-methylbutylamide	25mg			Liên hệ
2537	LGC	CDX-00008199-005	Hexahydrocurcumin (SH)	5mg			Liên hệ
2538	LGC	CDX-00008203-001	delta-Hexalactone	1g			Liên hệ
2539	LGC	CDX-00008204-001	gamma-Hexalactone	1g			Liên hệ
2540	LGC	CDX-00008205-005	Hexamethoxyflavone, 3',4',5',5',6,7-	5mg			Liên hệ
2541	LGC	CDX-00008206-250	2,5-Hexanedione	250mg			Liên hệ
2542	LGC	CDX-00008210-00A	19'-Hexylfucoxanthin in Ethanol (~ 1.7 mg/L)	2.5ml			Liên hệ
2543	LGC	CDX-00008218-005	Higenamine	5mg			Liên hệ

2544	LGC	CDX-00008218-010	Higenamine HCl (P)	10mg			Liên hệ
2545	LGC	CDX-00008218-025	Higenamine ( P)	25mg			Liên hệ
2546	LGC	CDX-00008238-001	Hippuric acid	1g			Liên hệ
2547	LGC	CDX-00008242-005	Hispolon	5mg			Liên hệ
2548	LGC	CDX-00008242-010	Hispolon	10mg			Liên hệ
2549	LGC	CDX-00008242-050	Hispolon	50mg			Liên hệ
2550	LGC	CDX-00008244-005	Hispolon monomethyl ether	5mg			Liên hệ
2551	LGC	CDX-00008244-010	Hispolon monomethyl ether	10mg			Liên hệ
2552	LGC	CDX-00008244-050	Hispolon monomethyl ether	50mg			Liên hệ
2553	LGC	CDX-00008245-001	Histamine Dihydrochloride	1g			Liên hệ
2554	LGC	CDX-00008255-001	L-Histidine	1g			Liên hệ
2555	LGC	CDX-00008255-100	L-Histidine	100mg			Liên hệ
2556	LGC	CDX-00008255-250	L-Histidine	250mg			Liên hệ
2557	LGC	CDX-00008256-100	L-Histidine	100mg			Liên hệ
2558	LGC	CDX-00008260-100	D-Histidine	100mg			Liên hệ
2559	LGC	CDX-00008261-250	DL-Histidine	250mg			Liên hệ
2560	LGC	CDX-00008262-100	DL-Histidine	100mg			Liên hệ
2561	LGC	CDX-00008262-250	DL-Histidine	250mg			Liên hệ
2562	LGC	CDX-00008276-0HK	Hoodia P57 HPLC Analysis Kit	kit			Liên hệ
2563	LGC	CDX-00008277-010	Homatropine hydrobromide	10mg			Liên hệ
2564	LGC	CDX-00008281-010	Homobutein	10mg			Liên hệ
2565	LGC	CDX-00008290-100	DL-Homocysteic acid	100mg			Liên hệ
2566	LGC	CDX-00008294-010	DL-Homocysteine	10mg			Liên hệ
2567	LGC	CDX-00008295-100	DL-Homocysteine	100mg			Liên hệ
2568	LGC	CDX-00008296-010	DL-Homocysteine	10mg			Liên hệ
2569	LGC	CDX-00008296-025	DL-Homocysteine	25mg			Liên hệ
2570	LGC	CDX-00008300-001	DL-Homocysteine thiolactone hydrochloride	1g			Liên hệ
2571	LGC	CDX-00008305-001	DL-Homocystine	1g			Liên hệ
2572	LGC	CDX-00008310-005	HOMOERIODICTYOL, (-)-(SH)	5mg			Liên hệ
2573	LGC	CDX-00008311-010	Homoeriodictyol	10mg			Liên hệ
2574	LGC	CDX-00008315-005	Homoharringtonine	5mg			Liên hệ
2575	LGC	CDX-00008315-010	Homoharringtonine	10mg			Liên hệ
2576	LGC	CDX-00008315-025	Homoharringtonine(P)	25mg			Liên hệ
2577	LGC	CDX-00008320-005	Homoorientin(Isoorientin)(SH)	5mg			Liên hệ
2578	LGC	CDX-00008320-010	Homoorientin (Isoorientin)	10mg			Liên hệ
2579	LGC	CDX-00008321-005	Homoorientin(Isoorientin)(P)	5mg			Liên hệ
2580	LGC	CDX-00008321-010	HOMOORIENTIN(ISOORIENTIN)(P)	10mg			Liên hệ
2581	LGC	CDX-00008321-025	Homoorientin (Isoorientin)	25mg			Liên hệ

2582	LGC	CDX-00031184-005	European Goldenrod ( <i>Solidago virgaurea</i> ) Herb VBRM	5g		Liên hệ
2583	LGC	CDX-00030821-005	Evodia ( <i>evodia rutaecarpa</i> ) fruit RGBRM	5g		Liên hệ
2584	LGC	CDX-00031124-005	Eyebright ( <i>euphrasia officinalis</i> ) herb RGBRM	5g		Liên hệ
2585	LGC	CDX-00008326-010	Homatropine	10mg		Liên hệ
2586	LGC	CDX-00031170-005	False arnica ( <i>heterotheca inuloides</i> ) herb RGBRM	5g		Liên hệ
2587	LGC	CDX-00030857-005	Fang feng ( <i>saposhnikovia divaricata</i> ) root RGBRM	5g		Liên hệ
2588	LGC	CDX-00008328-100	Homovanillic Acid	100mg		Liên hệ
2589	LGC	CDX-00008329-001	Hydrocinnamic Acid	1g		Liên hệ
2590	LGC	CDX-00008330-005	Honokiol	5mg		Liên hệ
2591	LGC	CDX-00008330-010	Honokiol(P)	10mg		Liên hệ
2592	LGC	CDX-00008330-025	Honokiol	25mg		Liên hệ
2593	LGC	CDX-00008330-100	Honokiol	100mg		Liên hệ
2594	LGC	CDX-00008331-010	Hordenine Sulfate	10mg		Liên hệ
2595	LGC	CDX-00008331-025	Hordenine Sulfate(P)	25mg		Liên hệ
2596	LGC	CDX-00008331-050	Hordenine Sulfate(P)	50mg		Liên hệ
2597	LGC	CDX-00008332-010	Hops Bitter Acid Calibration Mixtur	10g		Liên hệ
2598	LGC	CDX-00008333-001	Humulene, Alpha-(SG)	1g		Liên hệ
2599	LGC	CDX-00008333-100	alpha-Humulene	100mg		Liên hệ
2600	LGC	CDX-00008334-010	Hordenin (free base)	10mg		Liên hệ
2601	LGC	CDX-00008334-025	Hordenine(Free Base)(P)	25mg		Liên hệ
2602	LGC	CDX-00008334-050	Hordenine(free base)	50mg		Liên hệ
2603	LGC	CDX-00008334-100	Hordenine(free base)	100mg		Liên hệ
2604	LGC	CDX-00008336-010	Hydrocotarnine Hydrobromide	10mg		Liên hệ
2605	LGC	CDX-00008337-001	Hydroferulic Acid	1g		Liên hệ
2606	LGC	CDX-00041325-005	Figwort ( <i>scrophularia nodosa</i> ) herb [whole/cut] RGBRM	5g		Liên hệ
2607	LGC	CDX-00008339-100	2-Hydroxy-3,4-Dimethoxybenzioc Acid	100mg		Liên hệ
2608	LGC	CDX-00008340-001	Huperzine A	1g		Liên hệ
2609	LGC	CDX-00008340-005	Huperzine A	5mg		Liên hệ
2610	LGC	CDX-00008340-010	Huperazine A	10mg		Liên hệ
2611	LGC	CDX-00008340-050	HUPERZINE A(P)	50mg		Liên hệ
2612	LGC	CDX-00008340-250	Huperzine A	250mg		Liên hệ
2613	LGC	CDX-00008341-005	Horse Chestnut Standards Kit	2x5mg		Liên hệ
2614	LGC	CDX-00008342-001	Huperzine A	1g		Liên hệ
2615	LGC	CDX-00008342-025	Huperzine A	25g		Liên hệ
2616	LGC	CDX-00008342-100	Huperzine A	100g		Liên hệ
2617	LGC	CDX-00008343-100	Hydrocinnamic acid ethyl ester	100mg		Liên hệ
2618	LGC	CDX-00008344-010	Hyaluronic Acid Sodium Salt	10mg		Liên hệ
2619	LGC	CDX-00031325-005	Figwort ( <i>scrophularia nodosa</i> ) herb RGBRM	5g		Liên hệ

2620	LGC	CDX-00008348-100	4-Hydroxy-6-methylcoumarin	100mg			Liên hệ
2621	LGC	CDX-00008350-010	(-)-B-Hydrastine	10mg			Liên hệ
2622	LGC	CDX-00008350-025	(-)-B-Hydrastine	25mg			Liên hệ
2623	LGC	CDX-00008350-100	Hydrastine (-)-B	100mg			Liên hệ
2624	LGC	CDX-00008352-010	Hydrastinine HCl	10mg			Liên hệ
2625	LGC	CDX-00008353-001	p-Hydroxyacetophenone	1mg			Liên hệ
2626	LGC	CDX-00008353-005	p-hydroxyacetophenone	5mg			Liên hệ
2627	LGC	CDX-00008355-001	4-Hydroxybenzoic Acid	1g			Liên hệ
2628	LGC	CDX-00008355-005	4-Hydroxybenzoic Acid	5g			Liên hệ
2629	LGC	CDX-00008356-100	4-Hydroxybenzoic acid	100mg			Liên hệ
2630	LGC	CDX-00008356-250	4-Hydroxybenzoic acid	250mg			Liên hệ
2631	LGC	CDX-00008357-100	4-Hydroxybenzoic acid propylester	100mg			Liên hệ
2632	LGC	CDX-00008359-001	Hydrocortisone	1g			Liên hệ
2633	LGC	CDX-00008360-001	Hydrocortisone Acetate	1g			Liên hệ
2634	LGC	CDX-00008361-025	Hydrocortisone	25mg			Liên hệ
2635	LGC	CDX-00008362-250	3-Hydroxybenzaldehyde	250mg			Liên hệ
2636	LGC	CDX-00008363-001	4-Hydroxybenzaldehyde	1g			Liên hệ
2637	LGC	CDX-00008368-005	HYDROXYCALABAXANTHONE, 9-(AS)	5mg			Liên hệ
2638	LGC	CDX-00008368-010	HYDROXYCALABAXANTHONE, 9-(AS)	10mg			Liên hệ
2639	LGC	CDX-00008368-025	HYDROXYCALABAXANTHONE, 9-(AS)	25mg			Liên hệ
2640	LGC	CDX-00008369-005	9-Hydroxycalabaxanthone	5mg			Liên hệ
2641	LGC	CDX-00008369-010	HYDROXYCALABAXANTHONE, 9-(P)	10mg			Liên hệ
2642	LGC	CDX-00008369-025	Hydroxycalabaxanthone, 9-(P)	25mg			Liên hệ
2643	LGC	CDX-00008374-001	2-Hydroxychalcone	1g			Liên hệ
2644	LGC	CDX-00008375-001	2'-Hydroxychalcone	1g			Liên hệ
2645	LGC	CDX-00008377-001	4'-Hydroxychalcone	1g			Liên hệ
2646	LGC	CDX-00008380-010	Garcinia Standards Kit	2x10mg			Liên hệ
2647	LGC	CDX-00008383-005	Hydroxychavicol	5mg			Liên hệ
2648	LGC	CDX-00008383-010	Hydroxychavicol	10mg			Liên hệ
2649	LGC	CDX-00008383-050	Hydroxychavicol	50mg			Liên hệ
2650	LGC	CDX-00008385-005	(-)-Hydroxycitric Acid Lactone	5mg			Liên hệ
2651	LGC	CDX-00008385-010	(-)-Hydroxycitric Acid Lactone	10mg			Liên hệ
2652	LGC	CDX-00008385-050	(-)- Hydroxycitric Acid Lactone	50mg			Liên hệ
2653	LGC	CDX-00008385-250	(-)-HydroxycitricaciDLactone	250mg			Liên hệ
2654	LGC	CDX-00008386-005	Hydroxycitric Acid Calcium Salt, (-	5mg			Liên hệ
2655	LGC	CDX-00008386-010	Hydroxycitric Acid Calcium Salt, (-	10mg			Liên hệ
2656	LGC	CDX-00008386-050	(-)- Hydroxycitric Acid Calcium Salt	50mg			Liên hệ
2657	LGC	CDX-00008386-250	(-)-Hydroxycitric Acid Calcium Salt(P)	250mg			Liên hệ

2658	LGC	CDX-00008387-001	Hydroxycitric acid	1g			Liên hệ
2659	LGC	CDX-00008387-010	HYDROXYCITRIC ACID, (-)-(P)	10mg			Liên hệ
2660	LGC	CDX-00008387-050	HYDROXYCITRIC ACID, (-)-(P)	50mg			Liên hệ
2661	LGC	CDX-00008387-100	(-)- Hydroxycitric Acid Magnesium Salt	100mg			Liên hệ
2662	LGC	CDX-00008387-250	HYDROXYCITRIC ACID, (-)-(P)	250mg			Liên hệ
2663	LGC	CDX-00008388-001	HYDROXYCITRIC ACID POTASSIUM SALT, (-)-(P)	1g			Liên hệ
2664	LGC	CDX-00008388-050	HYDROXYCITRIC ACID POTASSIUM SALT, (-)-(P)	50mg			Liên hệ
2665	LGC	CDX-00008388-100	HYDROXYCITRIC ACID POTASSIUM SALT, (-)-(P)	100mg			Liên hệ
2666	LGC	CDX-00008388-250	HYDROXYCITRIC ACID POTASSIUM SALT, (-)-(P)	250mg			Liên hệ
2667	LGC	CDX-00008390-005	3-Hydroxycoumarin	5mg			Liên hệ
2668	LGC	CDX-00008390-010	3-Hydroxycoumarin	10mg			Liên hệ
2669	LGC	CDX-00008395-001	4-Hydroxycoumarin	1g			Liên hệ
2670	LGC	CDX-00008395-010	4-Hydroxycoumarin	10mg			Liên hệ
2671	LGC	CDX-00008397-005	6-Hydroxycoumarin	5mg			Liên hệ
2672	LGC	CDX-00008410-010	3'-Hydroxydaidzein	10mg			Liên hệ
2673	LGC	CDX-00008415-010	HYDROXY-2-DECENOIC ACID, (E)-10-(10-HDA)(P)	10mg			Liên hệ
2674	LGC	CDX-00008415-025	HYDROXY-2-DECENOIC ACID, (E)-10-(10-HDA)(P)	25mg			Liên hệ
2675	LGC	CDX-00008415-100	(e)-10-(10-hda)Hydroxy-2-decenoicacid	100mg			Liên hệ
2676	LGC	CDX-00008415-500	(e)-10-(10-hda)Hydroxy-2-decenoicacid	500mg			Liên hệ
2677	LGC	CDX-00008418-005	(e)-10-Hydroxydec-2-enoicacidethylester	5mg			Liên hệ
2678	LGC	CDX-00008418-010	(e)-10-Hydroxydec-2-enoicacidethylester	10mg			Liên hệ
2679	LGC	CDX-00008430-010	2'-Hydroxyflavanone	10mg			Liên hệ
2680	LGC	CDX-00008430-100	2'-Hydroxyflavanone	100mg			Liên hệ
2681	LGC	CDX-00030854-005	Forsythia (forsythia suspensa) fruit RGBRM	5g			Liên hệ
2682	LGC	CDX-00030650-005	Foxglove(Chinese) Root RGBRM	5g			Liên hệ
2683	LGC	CDX-00008440-010	4'-Hydroxyflavanone	10mg			Liên hệ
2684	LGC	CDX-00008440-100	4'-Hydroxyflavanone	100mg			Liên hệ
2685	LGC	CDX-00008450-010	6-Hydroxyflavanone	10mg			Liên hệ
2686	LGC	CDX-00008450-050	6-Hydroxyflavanone	50mg			Liên hệ
2687	LGC	CDX-00008475-010	6-Hydroxyflavone	10mg			Liên hệ
2688	LGC	CDX-00008480-001	7-Hydroxyflavone	1g			Liên hệ
2689	LGC	CDX-00008480-010	7-Hydroxyflavone	10mg			Liên hệ
2690	LGC	CDX-00008480-100	7-Hydroxyflavone	100mg			Liên hệ
2691	LGC	CDX-00008494-010	7-Hydroxyflavonol	10mg			Liên hệ
2692	LGC	CDX-00008502-0HK	Hydroxyisoleucine HPLC Analysis Kit	kit			Liên hệ
2693	LGC	CDX-00008503-001	4-Hydroxyisoleucine	1g			Liên hệ
2694	LGC	CDX-00008503-100	4-(ds)Hydroxyisoleucine	100g			Liên hệ
2695	LGC	CDX-00008504-005	4-Hydroxyisoleucine	5mg			Liên hệ

2696	LGC	CDX-00008504-010	4-Hydroxyisoleucine	10mg			Liên hệ
2697	LGC	CDX-00008504-050	4-Hydroxyisoleucine	50mg			Liên hệ
2698	LGC	CDX-00008505-010	5-Hydroxyindolyl-3-Acetic Acid	10mg			Liên hệ
2699	LGC	CDX-00008505-100	5-Hydroxyindolyl-3-Acetic Acid	100mg			Liên hệ
2700	LGC	CDX-00008505-500	5-Hydroxyindolyl-3-Acetic Acid	500mg			Liên hệ
2701	LGC	CDX-00008506-001	4-Hydroxyisophthalic Acid	1g			Liên hệ
2702	LGC	CDX-00008506-005	4-Hydroxyisophthalic Acid	5g			Liên hệ
2703	LGC	CDX-00008507-001	5-Hydroxyisophthalic Acid	1g			Liên hệ
2704	LGC	CDX-00008507-005	5-Hydroxyisophthalic Acid	5g			Liên hệ
2705	LGC	CDX-00008510-001	beta-Hydroxyisovaleric Acid	1g			Liên hệ
2706	LGC	CDX-00008520-010	3-Hydroxy-DL-kynurenine	10mg			Liên hệ
2707	LGC	CDX-00008600-100	D,L-4-Hydroxy-3-Methoxymandelic Acid	100mg			Liên hệ
2708	LGC	CDX-00008600-500	Hydroxy-3-Methoxymandelic Acid, D,L	500mg			Liên hệ
2709	LGC	CDX-00008603-005	Hawthorne Standards Kit 7 X 5Mg	7x5mg			Liên hệ
2710	LGC	CDX-00008603-010	Hawthorne Standards Kit 7 X 10Mg	7x10mg			Liên hệ
2711	LGC	CDX-00008604-0HK	Hawthorn HPLC Analysis Kit	kit			Liên hệ
2712	LGC	CDX-00008605-001	6-Hydroxy-4-Methylcoumarin	1g			Liên hệ
2713	LGC	CDX-00008610-010	7-Hydroxy-5-Methylflavone	10mg			Liên hệ
2714	LGC	CDX-00008610-050	7-Hydroxy-5-Methylflavone	50mg			Liên hệ
2715	LGC	CDX-00008625-010	3-Hydroxy-myristic Acid	10mg			Liên hệ
2716	LGC	CDX-00008635-100	2-Hydroxypalmitic Acid	100mg			Liên hệ
2717	LGC	CDX-00008645-250	4-Hydroxyphenylacetic acid	250mg			Liên hệ
2718	LGC	CDX-00008649-100	Hydroxyphenyl-2-butanone,4- (P)	100mg			Liên hệ
2719	LGC	CDX-00008649-250	4-Hydroxyphenyl-2-butanone	250mg			Liên hệ
2720	LGC	CDX-00008650-010	17a-Hydroxypregnenolone	10mg			Liên hệ
2721	LGC	CDX-00031323-005	Fringe tree (chionanthus virginicus) bark VBRM	5g			Liên hệ
2722	LGC	CDX-00008670-025	11a-Hydroxyprogesterone	25mg			Liên hệ
2723	LGC	CDX-00008680-025	17a-Hydroxyprogesterone	25mg			Liên hệ
2724	LGC	CDX-00008687-001	L-Hydroxyproline	1g			Liên hệ
2725	LGC	CDX-00008687-100	L-Hydroxyproline	100mg			Liên hệ
2726	LGC	CDX-00008688-001	L-Hydroxyproline	1g			Liên hệ
2727	LGC	CDX-00008688-100	L-Hydroxyproline	100mg			Liên hệ
2728	LGC	CDX-00008700-000	5-Hydroxypseudobaptigenin	1mg			Liên hệ
2729	LGC	CDX-00008710-100	4,4'-Dimethoxystilbene	100mg			Liên hệ
2730	LGC	CDX-00008720-010	3'-P-Hydroxytaxol	10mg			Liên hệ
2731	LGC	CDX-00008722-010	2'-Hydroxy-4,4',6'-trimethoxychalcone	10mg			Liên hệ
2732	LGC	CDX-00008726-001	5-Hydroxytryptophan	1g			Liên hệ
2733	LGC	CDX-00008726-010	Hydroxytryptophan, 5-(P)	10mg			Liên hệ



2734	LGC	CDX-00008726-050	5-Hydroxytryptophan	50mg			Liên hệ
2735	LGC	CDX-00008726-250	5-Hydroxytryptophan	250mg			Liên hệ
2736	LGC	CDX-00008728-005	Hydroxytyrosol	5mg			Liên hệ
2737	LGC	CDX-00008728-010	Hydroxytyrosol	10mg			Liên hệ
2738	LGC	CDX-00008728-025	Hydroxytyrosol	25mg			Liên hệ
2739	LGC	CDX-00008730-005	Hydroxyvalerenic Acid	5mg			Liên hệ
2740	LGC	CDX-00008730-010	Hydroxyvalerenic Acid	10mg			Liên hệ
2741	LGC	CDX-00008730-025	Hydroxyvalerenic acid	25mg			Liên hệ
2742	LGC	CDX-00008730-100	Hydroxyvalerenic acid	25mg			Liên hệ
2743	LGC	CDX-00008750-001	Hyodeoxycholic acid	1mg			Liên hệ
2744	LGC	CDX-00008750-005	Hyodeoxycholic acid	5mg			Liên hệ
2745	LGC	CDX-00008875-010	Hyoscyamine; L-(P)	10mg			Liên hệ
2746	LGC	CDX-00008875-050	Hyoscyamine; L-(P)	50mg			Liên hệ
2747	LGC	CDX-00008876-050	Hyoscyamine Sulfate	50mg			Liên hệ
2748	LGC	CDX-00008877-100	4-Hydroxyquinoline	100mg			Liên hệ
2749	LGC	CDX-00008900-005	Hypaconitine	5mg			Liên hệ
2750	LGC	CDX-00008900-010	Hypaconitine(P)	10mg			Liên hệ
2751	LGC	CDX-00008903-001	Hypoestoxide(SH)	onrequest			Liên hệ
2752	LGC	CDX-00008906-005	Hyperforin mix	5mg			Liên hệ
2753	LGC	CDX-00008906-010	Hyperforin mix	10mg			Liên hệ
2754	LGC	CDX-00008906-025	Hyperforin mix	25mg			Liên hệ
2755	LGC	CDX-00008908-005	Hyperforin Reference Material(SH)	onrequest			Liên hệ
2756	LGC	CDX-00008908-250	Hyperforin reference material	onrequest			Liên hệ
2757	LGC	CDX-00008910-005	Hypericin(P)	5mg			Liên hệ
2758	LGC	CDX-00008910-010	Hypericin	10mg			Liên hệ
2759	LGC	CDX-00008915-010	Hyperoside	10mg			Liên hệ
2760	LGC	CDX-00008916-005	Hyperoside(P)	5mg			Liên hệ
2761	LGC	CDX-00008916-010	HYPEROSIDE(P)	10mg			Liên hệ
2762	LGC	CDX-00008916-025	Hyperoside	25mg			Liên hệ
2763	LGC	CDX-00008920-250	Hypoxanthine	250mg			Liên hệ
2764	LGC	CDX-00008925-005	Hypophyllanthin	5mg			Liên hệ
2765	LGC	CDX-00008925-010	Hypophyllanthin(P)	10mg			Liên hệ
2766	LGC	CDX-00008925-025	Hypophyllanthin	25mg			Liên hệ
2767	LGC	CDX-00009010-010	Iberin	10mg			Liên hệ
2768	LGC	CDX-00009010-025	Iberin(SH)	25mg			Liên hệ
2769	LGC	CDX-00009020-010	Iberverin	10mg			Liên hệ
2770	LGC	CDX-00009020-050	Iberverin(SH)	50mg			Liên hệ
2771	LGC	CDX-00009030-100	Ibuprofen(USP)(Coming Soon)(P)	100mg			Liên hệ

2772	LGC	CDX-00009030-200	Ibuprofen (Coming Soon)	200mg			Liên hệ
2773	LGC	CDX-00009030-750	Ibuprofen (Coming Soon)	750mg			Liên hệ
2774	LGC	CDX-00009033-005	Icariin	5mg			Liên hệ
2775	LGC	CDX-00009033-010	Icariin(P)	10mg			Liên hệ
2776	LGC	CDX-00009045-005	Ideain Chloride(SH)	5mg			Liên hệ
2777	LGC	CDX-00009045-010	Ideain chloride	10mg			Liên hệ
2778	LGC	CDX-00009047-025	Idebenone	25mg			Liên hệ
2779	LGC	CDX-00009047-100	Idebenone	100mg			Liên hệ
2780	LGC	CDX-00009060-005	Imperatorin	5mg			Liên hệ
2781	LGC	CDX-00009070-005	Imperatorin	5mg			Liên hệ
2782	LGC	CDX-00009070-010	Imperatorin	10mg			Liên hệ
2783	LGC	CDX-00009070-025	Imperatorin	25mg			Liên hệ
2784	LGC	CDX-00009075-100	Indigo	100mg			Liên hệ
2785	LGC	CDX-00031370-005	Gac (momordica cochinchinensis) fruit aril RGBRM	5g			Liên hệ
2786	LGC	CDX-00009077-005	Indirubin	5mg			Liên hệ
2787	LGC	CDX-00009080-001	Indole-3-Carbinole	1g			Liên hệ
2788	LGC	CDX-00009080-100	Indole-3-Carbinole	100mg			Liên hệ
2789	LGC	CDX-00009080-500	Indole-3-Carbinole	500mg			Liên hệ
2790	LGC	CDX-00009085-005	Indole	5g			Liên hệ
2791	LGC	CDX-00009095-100	2-Indolinone	100mg			Liên hệ
2792	LGC	CDX-00009098-001	Quindoline	1mg			Liên hệ
2793	LGC	CDX-00009100-001	Indomethacin	1g			Liên hệ
2794	LGC	CDX-00009100-250	Indomethacin	250mg			Liên hệ
2795	LGC	CDX-00009120-100	Inosine	100mg			Liên hệ
2796	LGC	CDX-00009121-100	Inosine	100mg			Liên hệ
2797	LGC	CDX-00009125-025	Inosine-5'-monophosphate disodium salt (P)	25mg			Liên hệ
2798	LGC	CDX-00009125-100	Inosine-5'-monophosphate disodium salt	100mg			Liên hệ
2799	LGC	CDX-00009129-001	Inositol hexanicotinate (P)	1g			Liên hệ
2800	LGC	CDX-00009129-025	Inositol hexanicotinate	25mg			Liên hệ
2801	LGC	CDX-00009129-100	Inositol hexanicotinate	100mg			Liên hệ
2802	LGC	CDX-00009129-500	Inositol hexanicotinate	500mg			Liên hệ
2803	LGC	CDX-00009130-001	myo-Inositol	1g			Liên hệ
2804	LGC	CDX-00009131-001	myo-Inositol	1g			Liên hệ
2805	LGC	CDX-00009131-100	Inositol, Myo-(P)	100mg			Liên hệ
2806	LGC	CDX-00009131-250	INOSITOL, MYO-(P)	250mg			Liên hệ
2807	LGC	CDX-00041350-005	Garden spurge (euphorbia hirta) leaves [whole/cut] BRM (aamps)	5g			Liên hệ
2808	LGC	CDX-00009150-001	beta-Ionone	1g			Liên hệ
2809	LGC	CDX-00009150-250	beta-Ionone	250mg			Liên hệ

2810	LGC	CDX-00009151-250	Ionone, alpha- (SG)	250mg			Liên hệ
2811	LGC	CDX-00009155-010	Ipriflavone	10mg			Liên hệ
2812	LGC	CDX-00009155-025	Ipriflavone(P)	25mg			Liên hệ
2813	LGC	CDX-00009155-050	Ipriflavone	50mg			Liên hệ
2814	LGC	CDX-00009163-005	Irilone(P)	5mg			Liên hệ
2815	LGC	CDX-00009165-005	Irinotecan(P)	5mg			Liên hệ
2816	LGC	CDX-00009165-010	Irinotecan	10mg			Liên hệ
2817	LGC	CDX-00009165-025	Irinotecan Hcl(P)	25mg			Liên hệ
2818	LGC	CDX-00031350-005	Garden spurge (euphorbia hirta) leaves BRM (aamps)	5g			Liên hệ
2819	LGC	CDX-00009168-001	Isocaproic Acid(SG)	1g			Liên hệ
2820	LGC	CDX-00009171-010	Isopimpinellin	10mg			Liên hệ
2821	LGC	CDX-00009174-005	Isopimpinellin	5mg			Liên hệ
2822	LGC	CDX-00009174-010	ISOPIMPINELLIN(P)	10mg			Liên hệ
2823	LGC	CDX-00009174-025	Isopimpinellin(P)	25mg			Liên hệ
2824	LGC	CDX-00009175-001	Isoalantolactone	1mg			Liên hệ
2825	LGC	CDX-00009175-005	Isoalantolactone	5mg			Liên hệ
2826	LGC	CDX-00009180-001	Isoamyl Alcohol (3-Methyl-1-Butanol)	1g			Liên hệ
2827	LGC	CDX-00009180-100	Isoamyl Alcohol (3-Methyl-1-Butanol)	100mg			Liên hệ
2828	LGC	CDX-00009181-100	Indole-3-Carbinole (P)	100mg			Liên hệ
2829	LGC	CDX-00009181-250	Indole-3-carbinol	250mg			Liên hệ
2830	LGC	CDX-00009192-001	Isoboldine	1mg			Liên hệ
2831	LGC	CDX-00009195-001	Isoborneol	1g			Liên hệ
2832	LGC	CDX-00009195-100	Isoborneol	100mg			Liên hệ
2833	LGC	CDX-00009196-001	Isobornyl Acetate(Sg)	1g			Liên hệ
2834	LGC	CDX-00009197-001	Isobornyl Isovalerate(Sg)	1g			Liên hệ
2835	LGC	CDX-00009198-001	Isobutanol	1g			Liên hệ
2836	LGC	CDX-00009199-001	ISOBUTYL ACETATE(SG)	1g			Liên hệ
2837	LGC	CDX-00009200-100	(-)-Isocaryophyllene	100mg			Liên hệ
2838	LGC	CDX-00009201-005	Isobutyldecadienamide, N-(2e,4e)-(R)	5mg			Liên hệ
2839	LGC	CDX-00009207-001	Isocephalomannine (taxane impurity a)	1mg			Liên hệ
2840	LGC	CDX-00009207-010	Isocephalomannine (taxane impurity a)	10mg			Liên hệ
2841	LGC	CDX-00009210-001	Isochlorogenic Acid A	1mg			Liên hệ
2842	LGC	CDX-00009210-005	Isochlorogenic Acid A	5mg			Liên hệ
2843	LGC	CDX-00009210-010	Isochlorogenic acid A	10mg			Liên hệ
2844	LGC	CDX-00009211-001	Isochlorogenic acid (SH)	1mg			Liên hệ
2845	LGC	CDX-00009211-005	Isochlorogenic acid B	5mg			Liên hệ
2846	LGC	CDX-00009211-010	Isochlorogenic acid B	10mg			Liên hệ
2847	LGC	CDX-00009212-001	ISOCHLOROGENIC ACID C(SH)	1mg			Liên hệ

2848	LGC	CDX-00009212-005	Isochlorogenic acid c	5mg			Liên hệ
2849	LGC	CDX-00009212-010	Isochlorogenic acid c	10mg			Liên hệ
2850	LGC	CDX-00009220-100	DL-Isocitric Acid Lactone	100mg			Liên hệ
2851	LGC	CDX-00009230-010	(+)-Isocorydine HCl	10mg			Liên hệ
2852	LGC	CDX-00009240-001	Isoeugenol (Cis and Trans Mix)	1g			Liên hệ
2853	LGC	CDX-00009240-100	Isoeugenol (Cis and Trans mix)	100mg			Liên hệ
2854	LGC	CDX-00009245-001	Isoeugenylacetate(SG)	1g			Liên hệ
2855	LGC	CDX-00009245-100	Isoeugenylacetate	100mg			Liên hệ
2856	LGC	CDX-00009250-100	Isoferulic Acid	100mg			Liên hệ
2857	LGC	CDX-00009251-025	Isoferulic Acid	25mg			Liên hệ
2858	LGC	CDX-00009251-100	Isoferulic Acid	100mg			Liên hệ
2859	LGC	CDX-00009252-005	Isoforskolin	5mg			Liên hệ
2860	LGC	CDX-00009253-005	Isoguanosine	5mg			Liên hệ
2861	LGC	CDX-00009253-010	Isoguanosine	10mg			Liên hệ
2862	LGC	CDX-00009255-005	Isofraxidine	5mg			Liên hệ
2863	LGC	CDX-00009256-005	Isoimperatorin	5mg			Liên hệ
2864	LGC	CDX-00009256-010	ISOIMPERATORIN(P)	10mg			Liên hệ
2865	LGC	CDX-00009256-025	Isoimperatorin	25mg			Liên hệ
2866	LGC	CDX-00009257-001	Isoginkgetin(SH)	1mg			Liên hệ
2867	LGC	CDX-00009257-005	ISOGINKGETIN(SH)	5mg			Liên hệ
2868	LGC	CDX-00009257-010	Isoginkgetin	10mg			Liên hệ
2869	LGC	CDX-00009258-001	L-Isoleucine	1g			Liên hệ
2870	LGC	CDX-00009258-100	L-Isoleucine	100mg			Liên hệ
2871	LGC	CDX-00009259-100	L-Isoleucine	100mg			Liên hệ
2872	LGC	CDX-00009265-005	Isoliquiritigenin	5mg			Liên hệ
2873	LGC	CDX-00009265-010	Isoliquiritigenin	10mg			Liên hệ
2874	LGC	CDX-00009270-025	Isoliquiritigenin	25mg			Liên hệ
2875	LGC	CDX-00009270-100	Isoliquiritigenin	100mg			Liên hệ
2876	LGC	CDX-00009280-100	Isolongifolene	100mg			Liên hệ
2877	LGC	CDX-00009285-100	(-)-Isolongifolol	100mg			Liên hệ
2878	LGC	CDX-00009305-100	Isomaltose	100mg			Liên hệ
2879	LGC	CDX-00009310-005	3-Isomangostin	5mg			Liên hệ
2880	LGC	CDX-00009310-010	3-Isomangostin	10mg			Liên hệ
2881	LGC	CDX-00009310-025	ISOMANGOSTIN, 3-(P)	25mg			Liên hệ
2882	LGC	CDX-00009311-005	ISOMANGOSTIN, 3-(AS)	5mg			Liên hệ
2883	LGC	CDX-00009311-010	ISOMANGOSTIN, 3-(AS)	10mg			Liên hệ
2884	LGC	CDX-00009311-025	ISOMANGOSTIN, 3-(AS)	25mg			Liên hệ
2885	LGC	CDX-00009415-100	Isomenthone	100mg			Liên hệ

2886	LGC	CDX-00009416-005	Isomitraphylline	5mg		Liên hệ
2887	LGC	CDX-00009417-005	Isomitraphylline	5mg		Liên hệ
2888	LGC	CDX-00009417-010	Isomitraphylline	10mg		Liên hệ
2889	LGC	CDX-00009420-001	Isoosajin	1mg		Liên hệ
2890	LGC	CDX-00009450-001	Isopinocampheol, (-)-(SG)	1g		Liên hệ
2891	LGC	CDX-00009450-100	(-)-Isopinocampheol	100mg		Liên hệ
2892	LGC	CDX-00009455-001	(+)-Isopinocampheol	1g		Liên hệ
2893	LGC	CDX-00009460-000	Isopomiferin	1mg		Liên hệ
2894	LGC	CDX-00009473-001	Isoprene	1ml		Liên hệ
2895	LGC	CDX-00009475-001	Isopropyl-beta-D-thiogalactopyranoside	1g		Liên hệ
2896	LGC	CDX-00009490-001	1,2-O-Isopropylidene-D-glucofuranose	1g		Liên hệ
2897	LGC	CDX-00009495-001	1,2-Isopropylidene-D-xylofuranose	1g		Liên hệ
2898	LGC	CDX-00009496-001	Isopropyl Isothiocyanate	1g		Liên hệ
2899	LGC	CDX-00009500-001	(-)-Isopulegol	1g		Liên hệ
2900	LGC	CDX-00009500-100	(-)-Isopulegol	100mg		Liên hệ
2901	LGC	CDX-00009505-005	Isoquercetin	5mg		Liên hệ
2902	LGC	CDX-00009505-010	Isoquercetin(P)	10mg		Liên hệ
2903	LGC	CDX-00009505-025	Isoquercetin	25mg		Liên hệ
2904	LGC	CDX-00009505-100	Isoquercetin	100mg		Liên hệ
2905	LGC	CDX-00009506-250	Isoquercetin	250mg		Liên hệ
2906	LGC	CDX-00009518-005	Isorebaudioside A	5mg		Liên hệ
2907	LGC	CDX-00009518-010	Isorebaudioside A	10mg		Liên hệ
2908	LGC	CDX-00009518-025	Isorebaudioside A	25mg		Liên hệ
2909	LGC	CDX-00009520-005	Isorhamnetin	5mg		Liên hệ
2910	LGC	CDX-00009520-010	Isorhamnetin	10mg		Liên hệ
2911	LGC	CDX-00009520-025	Isorhamnetin	25mg		Liên hệ
2912	LGC	CDX-00009520-100	Isorhamnetin	100mg		Liên hệ
2913	LGC	CDX-00009520-500	Isorhamnetin	500mg		Liên hệ
2914	LGC	CDX-00009525-005	Isorhamnetin	5mg		Liên hệ
2915	LGC	CDX-00009525-010	Isorhamnetin(SH)	10mg		Liên hệ
2916	LGC	CDX-00009525-100	Isorhamnetin(SH)	100mg		Liên hệ
2917	LGC	CDX-00009525-500	Isorhamnetin	500mg		Liên hệ
2918	LGC	CDX-00009530-005	Isorhamnetin-3-Glucoside	5mg		Liên hệ
2919	LGC	CDX-00009530-010	Isorhamnetin-3-o-glucoside	10mg		Liên hệ
2920	LGC	CDX-00009535-005	Isorhamnetin-3-Glucoside	5mg		Liên hệ
2921	LGC	CDX-00009545-005	Isorhoifolin	5mg		Liên hệ
2922	LGC	CDX-00009545-010	Isorhoifolin	10mg		Liên hệ
2923	LGC	CDX-00009547-001	Isorhynchophylline	1mg		Liên hệ

2924	LGC	CDX-00009555-010	Isosakuranetin(P)	10mg		Liên hệ
2925	LGC	CDX-00009555-025	Isosakuranetin	25mg		Liên hệ
2926	LGC	CDX-00009570-010	Isoscooletin(P)	10mg		Liên hệ
2927	LGC	CDX-00009570-025	ISOSCOPOLETIN(P)	25mg		Liên hệ
2928	LGC	CDX-00009577-005	Isosilybin A	5mg		Liên hệ
2929	LGC	CDX-00009578-005	Isosilybin B	5mg		Liên hệ
2930	LGC	CDX-00009579-005	Isosilybin(P)	5mg		Liên hệ
2931	LGC	CDX-00009579-010	Isosilybin(A and B)(P)	10mg		Liên hệ
2932	LGC	CDX-00009590-050	Isosteviol	50mg		Liên hệ
2933	LGC	CDX-00009591-005	Isosteviol	5mg		Liên hệ
2934	LGC	CDX-00009591-010	Isosteviol	10mg		Liên hệ
2935	LGC	CDX-00009591-025	ISOSTEVIOL(P)	25mg		Liên hệ
2936	LGC	CDX-00009591-050	Isosteviol	50mg		Liên hệ
2937	LGC	CDX-00009592-001	Isosteviolmonoside	1mg		Liên hệ
2938	LGC	CDX-00009595-005	Isostevioside	5mg		Liên hệ
2939	LGC	CDX-00009595-010	Isostevioside	10mg		Liên hệ
2940	LGC	CDX-00009595-025	Isostevioside	25mg		Liên hệ
2941	LGC	CDX-00009620-001	Isovaleraldehyde	1g		Liên hệ
2942	LGC	CDX-00009625-001	Isovaleric Acid	1g		Liên hệ
2943	LGC	CDX-00009627-005	Isoverbascoside(P)	5mg		Liên hệ
2944	LGC	CDX-00009627-010	Isoverbascoside	10mg		Liên hệ
2945	LGC	CDX-00009630-005	Isovitexin	5mg		Liên hệ
2946	LGC	CDX-00009630-010	Isovitexin(P)	10mg		Liên hệ
2947	LGC	CDX-00009630-050	Isovitexin	50mg		Liên hệ
2948	LGC	CDX-00009635-005	Isovitexin(SH)	5mg		Liên hệ
2949	LGC	CDX-00009635-010	Isovitexin(AS)	10mg		Liên hệ
2950	LGC	CDX-00009638-005	ISOXANTHOTHUMOL(P)	5mg		Liên hệ
2951	LGC	CDX-00009638-010	Isoxanthohumol(New)(P)	10mg		Liên hệ
2952	LGC	CDX-00009705-010	Ivy Standards Kit	3x10mg		Liên hệ
2953	LGC	CDX-00010050-001	JANERIN(AS)	1mg		Liên hệ
2954	LGC	CDX-00010090-001	Jasminoidin	1mg		Liên hệ
2955	LGC	CDX-00010110-001	cis-Jasmone	1g		Liên hệ
2956	LGC	CDX-00010110-100	JASMONE, cis-(SG)	100mg		Liên hệ
2957	LGC	CDX-00010145-005	Jatrorrhizine Iodide	5mg		Liên hệ
2958	LGC	CDX-00010150-001	Jatrorrhizine HCl	1mg		Liên hệ
2959	LGC	CDX-00010150-005	Jatrorrhizine HCl	5mg		Liên hệ
2960	LGC	CDX-00010150-010	"JATRORRHIZINE(P), 10 mg"	10mg		Liên hệ
2961	LGC	CDX-00010175-001	Stevia Jecfa mixed solution	1ml		Liên hệ

2962	LGC	CDX-00010200-010	Jervine	10mg			Liên hệ
2963	LGC	CDX-00010200-050	Jervine(P)	50mg			Liên hệ
2964	LGC	CDX-00010499-010	Juglone	10mg			Liên hệ
2965	LGC	CDX-00010500-025	Juglone	25mg			Liên hệ
2966	LGC	CDX-00010522-010	Jujuboside A	10mg			Liên hệ
2967	LGC	CDX-00010522-025	Jujuboside A	25mg			Liên hệ
2968	LGC	CDX-00010524-005	Jujuobogenin (Isomer of Bacopasoponin C)	onrequest			Liên hệ
2969	LGC	CDX-00010525-005	Jujuboside A	5mg			Liên hệ
2970	LGC	CDX-00010525-010	Jujuboside A(P)	10mg			Liên hệ
2971	LGC	CDX-00010525-025	Jujuboside A (P)	25mg			Liên hệ
2972	LGC	CDX-00010525-100	Jujuboside A	100mg			Liên hệ
2973	LGC	CDX-00010526-005	Jujuboside B	5mg			Liên hệ
2974	LGC	CDX-00010526-010	Jujuboside B	10mg			Liên hệ
2975	LGC	CDX-00010526-025	Jujuboside B	25mg			Liên hệ
2976	LGC	CDX-00010526-100	Jujuboside B	100mg			Liên hệ
2977	LGC	CDX-00010527-005	Jujube Standards Kit 2 X 5Mg	2x5mg			Liên hệ
2978	LGC	CDX-00010527-010	Jujube Standards Kit	2x10mg			Liên hệ
2979	LGC	CDX-00010535-001	Jusmicranthin ethyl ether	1mg			Liên hệ
2980	LGC	CDX-00010535-005	Jusmicranthin ethyl ether	5mg			Liên hệ
2981	LGC	CDX-00010536-001	Jusmicranthin methyl ether	1mg			Liên hệ
2982	LGC	CDX-00010540-001	JusneesInol	1mg			Liên hệ
2983	LGC	CDX-00010545-001	Justalakonin	1mg			Liên hệ
2984	LGC	CDX-00010545-005	Justalakonin	5mg			Liên hệ
2985	LGC	CDX-00010550-005	Justicidin G	5mg			Liên hệ
2986	LGC	CDX-00010555-005	Justirumalin	5mg			Liên hệ
2987	LGC	CDX-00030863-005	Ginger (Zingiber officinale) Root RGBRM	5g			Liên hệ
2988	LGC	CDX-00010955-005	Artichoke Standards Kit	4x5mg			Liên hệ
2989	LGC	CDX-00010955-010	Artichoke Standards Kit	4x10mg			Liên hệ
2990	LGC	CDX-00011000-010	Aristolochic Acid	10mg			Liên hệ
2991	LGC	CDX-00011000-025	Aristolochic acid	25mg			Liên hệ
2992	LGC	CDX-00011002-005	Aristolochic Acid A	5mg			Liên hệ
2993	LGC	CDX-00011002-010	ARISTOLOCHIC ACID A(P)	10mg			Liên hệ
2994	LGC	CDX-00011004-005	Aristolochic Acid C	5mg			Liên hệ
2995	LGC	CDX-00011004-010	Aristolochic Acid C(SH)	10mg			Liên hệ
2996	LGC	CDX-00011005-001	Aromadendrin	1mg			Liên hệ
2997	LGC	CDX-00030996-005	Ginkgo (Ginkgo biloba) leaf RGBRM	5g			Liên hệ
2998	LGC	CDX-00011006-001	(+)-Aromadendrene	1g			Liên hệ
2999	LGC	CDX-00011006-100	Aromadendrene, (+)-(SG)	100mg			Liên hệ

3000	LGC	CDX-00011010-010	Artemisinin	10mg			Liên hệ
3001	LGC	CDX-00011012-005	Aristolochic Acid B	5mg			Liên hệ
3002	LGC	CDX-00011012-010	Aristolochic Acid B(P)	10mg			Liên hệ
3003	LGC	CDX-00011013-010	Aristolochic Acid D	10mg			Liên hệ
3004	LGC	CDX-00011014-005	Artemisetin(P)	5mg			Liên hệ
3005	LGC	CDX-00011014-010	Artemisetin	10mg			Liên hệ
3006	LGC	CDX-00011014-025	Artemisetin	25mg			Liên hệ
3007	LGC	CDX-00011014-100	Artemisetin	100mg			Liên hệ
3008	LGC	CDX-00011016-100	alpha-Asarone	100mg			Liên hệ
3009	LGC	CDX-00011017-010	b-Asarone	10mg			Liên hệ
3010	LGC	CDX-00011017-100	beta-Asarone	100mg			Liên hệ
3011	LGC	CDX-00011019-001	Kaempferidinidin chloride	1mg			Liên hệ
3012	LGC	CDX-00011020-005	Kaempferol	5mg			Liên hệ
3013	LGC	CDX-00011020-010	Kaempferol	10mg			Liên hệ
3014	LGC	CDX-00011020-025	Kaempferol	25mg			Liên hệ
3015	LGC	CDX-00011021-010	Kaempferol(Hplc)(Sh)	10mg			Liên hệ
3016	LGC	CDX-00011021-025	Kaempferol	25mg			Liên hệ
3017	LGC	CDX-00011021-100	Kaempferol	100mg			Liên hệ
3018	LGC	CDX-00011022-001	Kaempferol	1g			Liên hệ
3019	LGC	CDX-00011022-010	Kaempferol	10g			Liên hệ
3020	LGC	CDX-00011022-500	Kaempferol	500mg			Liên hệ
3021	LGC	CDX-00011024-005	KaempferoL-4'-glucoside	5mg			Liên hệ
3022	LGC	CDX-00011024-010	KaempferoL-4'-glucoside	10mg			Liên hệ
3023	LGC	CDX-00011025-005	Ascorbyl Palmitate	5g			Liên hệ
3024	LGC	CDX-00011026-050	Ascorbyl Palmitate (Ascorbic Acid-6-Palmitate)	50mg			Liên hệ
3025	LGC	CDX-00011026-100	Ascorbyl Palmitate (Ascorbic Acid-6-Palmitate)	100mg			Liên hệ
3026	LGC	CDX-00011028-005	Asiatic Acid(P)	5mg			Liên hệ
3027	LGC	CDX-00011028-010	Asiatic Acid	10mg			Liên hệ
3028	LGC	CDX-00011028-050	Asiatic Acid	50mg			Liên hệ
3029	LGC	CDX-00011029-005	Asiatic Acid	5mg			Liên hệ
3030	LGC	CDX-00007220-005	Ginsenoside Rg1	5mg			Liên hệ
3031	LGC	CDX-00011030-005	Asiaticoside(P)	5mg			Liên hệ
3032	LGC	CDX-00011030-010	Asiaticoside(P)	10mg			Liên hệ
3033	LGC	CDX-00011030-025	Asiaticoside	25mg			Liên hệ
3034	LGC	CDX-00011030-050	Asiaticoside	50mg			Liên hệ
3035	LGC	CDX-00011030-250	Asiaticoside	250mg			Liên hệ
3036	LGC	CDX-00011034-001	Asiaticoside	1g			Liên hệ
3037	LGC	CDX-00011034-005	Asiaticoside	5mg			Liên hệ



3038	LGC	CDX-00011034-050	Asiaticoside	50mg			Liên hệ
3039	LGC	CDX-00011034-250	Asiaticoside	250mg			Liên hệ
3040	LGC	CDX-00011035-010	Asiaticoside(SH)	10mg			Liên hệ
3041	LGC	CDX-00011035-025	Asiaticoside	25mg			Liên hệ
3042	LGC	CDX-00011035-100	Asiaticoside	100mg			Liên hệ
3043	LGC	CDX-00007220-050	Ginsenoside Rg1	50mg			Liên hệ
3044	LGC	CDX-00011040-100	L-Asparagine	100mg			Liên hệ
3045	LGC	CDX-00011041-005	DL-Asparagine	5g			Liên hệ
3046	LGC	CDX-00007221-005	Ginsenoside Rg1	5mg			Liên hệ
3047	LGC	CDX-00007221-010	Ginsenoside Rg1	10mg			Liên hệ
3048	LGC	CDX-00011042-100	D-Asparagine	100mg			Liên hệ
3049	LGC	CDX-00011043-100	L-Asparagine	100mg			Liên hệ
3050	LGC	CDX-00011045-001	Aspartame	1g			Liên hệ
3051	LGC	CDX-00007221-025	Ginsenoside Rg1	25mg			Liên hệ
3052	LGC	CDX-00011048-005	Alisol A	5mg			Liên hệ
3053	LGC	CDX-00011048-010	Alisol A	10mg			Liên hệ
3054	LGC	CDX-00011048-025	Alisol A	25mg			Liên hệ
3055	LGC	CDX-00007221-100	Ginsenoside Rg1	100mg			Liên hệ
3056	LGC	CDX-00011051-100	L-Aspartic acid	100mg			Liên hệ
3057	LGC	CDX-00011052-100	DL-Aspartic acid	100mg			Liên hệ
3058	LGC	CDX-00011053-100	ASPARTIC ACID, L-(P)	100mg			Liên hệ
3059	LGC	CDX-00011055-005	ASTRAGALIN(KAEMPFEROL-3-O-GLUCOSIDE)(P)	5mg			Liên hệ
3060	LGC	CDX-00011055-010	Astragalín (Kaempferol-3-O-Glucoside)	10mg			Liên hệ
3061	LGC	CDX-00011056-005	Astragalín (Kaempferol-3-O-Glucoside)	5mg			Liên hệ
3062	LGC	CDX-00011057-005	Alisol B Acetate	5mg			Liên hệ
3063	LGC	CDX-00007220-010	Ginsenoside Rg1(AHP)	10mg			Liên hệ
3064	LGC	CDX-00007202-005	Ginsenoside rg2	5mg			Liên hệ
3065	LGC	CDX-00007202-025	Ginsenoside rg2	25mg			Liên hệ
3066	LGC	CDX-00007222-050	Ginsenoside rg2	50mg			Liên hệ
3067	LGC	CDX-00011065-001	Atranorin	1g			Liên hệ
3068	LGC	CDX-00007202-100	Ginsenoside Rg2 (P)	100mg			Liên hệ
3069	LGC	CDX-00011065-025	Atranorin	25mg			Liên hệ
3070	LGC	CDX-00011065-100	Atranorin	100mg			Liên hệ
3071	LGC	CDX-00011066-005	ATRANORIN(AS)	5mg			Liên hệ
3072	LGC	CDX-00011066-010	ATRANORIN(AS)	10mg			Liên hệ
3073	LGC	CDX-00011070-010	Kaempferol-3,7,4'-Trimethylether	10mg			Liên hệ
3074	LGC	CDX-00011074-010	Atropine Sulfate(P)	10mg			Liên hệ
3075	LGC	CDX-00011074-025	Atropine Sulfate(P)	25mg			Liên hệ

3076	LGC	CDX-00011075-001	Atropine Sulfate	1g		Liên hệ
3077	LGC	CDX-00011075-005	Atropine Sulfate	5g		Liên hệ
3078	LGC	CDX-00007204-005	Ginsenoside Rg2 (R-Form)(P)	5mg		Liên hệ
3079	LGC	CDX-00011080-250	Atropine Methyl Bromide	250mg		Liên hệ
3080	LGC	CDX-00011085-005	Aucubin(P)	5mg		Liên hệ
3081	LGC	CDX-00011085-010	Aucubin	10mg		Liên hệ
3082	LGC	CDX-00011085-025	Aucubin(P)	25mg		Liên hệ
3083	LGC	CDX-00011086-005	Aucubin(SH)	5mg		Liên hệ
3084	LGC	CDX-00011086-010	Aucubin	10mg		Liên hệ
3085	LGC	CDX-00011086-025	Aucubin(SH)	25mg		Liên hệ
3086	LGC	CDX-00011090-010	Auraptene	10mg		Liên hệ
3087	LGC	CDX-00007204-010	Ginsenoside Rg2 (R-Form)(P)	10mg		Liên hệ
3088	LGC	CDX-00011095-005	Aureusidin	5mg		Liên hệ
3089	LGC	CDX-00011100-005	Avicularin	5mg		Liên hệ
3090	LGC	CDX-00011100-010	Avicularin(SH)	10mg		Liên hệ
3091	LGC	CDX-000111009-100	Artemisinin(P)	100mg		Liên hệ
3092	LGC	CDX-000111020-001	"Ascorbic Acid, L-(+)-(Vitamin C)(P)"	1g		Liên hệ
3093	LGC	CDX-000111020-005	"Ascorbic Acid, L-(+)-(Vitamin C)(P)"	5g		Liên hệ
3094	LGC	CDX-000111021-001	"Ascorbic Acid, L-(+)-(Vitamin C)(Us"	1g		Liên hệ
3095	LGC	CDX-000111022-001	"Ascorbic Acid, L-(+)-(Vitamin C)(Ba"	1g		Liên hệ
3096	LGC	CDX-00011105-010	5-Azacytosine	10mg		Liên hệ
3097	LGC	CDX-00011105-050	5-Azacytosine	50mg		Liên hệ
3098	LGC	CDX-00007204-025	Ginsenoside Rg2 (R-Form)(P)	25mg		Liên hệ
3099	LGC	CDX-00011110-001	Azadirachtin A	1mg		Liên hệ
3100	LGC	CDX-00011110-005	Azadirachtin A(P)	5mg		Liên hệ
3101	LGC	CDX-00011110-010	Azadirachtin A	10mg		Liên hệ
3102	LGC	CDX-00011111-001	Azadirachtin B	1mg		Liên hệ
3103	LGC	CDX-00011111-005	Azadirachtin B	5mg		Liên hệ
3104	LGC	CDX-00011112-005	Azadirachtin H	5mg		Liên hệ
3105	LGC	CDX-00011113-005	Azadiradione (P)	5mg		Liên hệ
3106	LGC	CDX-00007202-010	GINSENOSE Rg2(P)	10mg		Liên hệ
3107	LGC	CDX-00007222-010	Ginsenoside Rg2(SH)	10mg		Liên hệ
3108	LGC	CDX-000111195-005	Astragaloside I(P)	5mg		Liên hệ
3109	LGC	CDX-00007222-010MG	Ginsenoside Rg2(SH)	10mg		Liên hệ
3110	LGC	CDX-00011125-010	Azaleatin	10mg		Liên hệ
3111	LGC	CDX-00011130-010	5-Azauracil	10mg		Liên hệ
3112	LGC	CDX-00007223-005	Ginsenoside Rg3	5mg		Liên hệ
3113	LGC	CDX-00007224-005	Ginsenoside Rg3 (R-Form)	5mg		Liên hệ

3114	LGC	CDX-00007224-010	Ginsenoside Rg3 (R-Form)	10mg			Liên hệ
3115	LGC	CDX-00007223-010	Ginsenoside Rg3 (SH)	10mg			Liên hệ
3116	LGC	CDX-00011141-005	Kaempferol-7-O-Glucoside	5mg			Liên hệ
3117	LGC	CDX-00011142-005	Kaempferitrin	5mg			Liên hệ
3118	LGC	CDX-00011142-010	Kaempferitrin	10mg			Liên hệ
3119	LGC	CDX-00011145-010	Kaempferol-3-O-Rutinoside	10mg			Liên hệ
3120	LGC	CDX-00011149-025	AGARIC ACID(P)	25mg			Liên hệ
3121	LGC	CDX-00011150-005	Agnuside	5mg			Liên hệ
3122	LGC	CDX-00011150-010	Agnuside	10mg			Liên hệ
3123	LGC	CDX-00011150-025	Agnuside(P)	25mg			Liên hệ
3124	LGC	CDX-00011155-100	Azulene	100mg			Liên hệ
3125	LGC	CDX-00007217-005	Ginsenoside Rg3(S-Form)	5mg			Liên hệ
3126	LGC	CDX-00011190-005	Astragalus Saponin Standards Kit	3x5mg			Liên hệ
3127	LGC	CDX-00011190-010	Astragalus Saponin Standards Kit	4x10mg			Liên hệ
3128	LGC	CDX-00011191-005	ASTRAGALUS FLAVONOID STANDARDS KIT(SH)	3x5mg			Liên hệ
3129	LGC	CDX-00011194-001	Astragaloside IV	1g			Liên hệ
3130	LGC	CDX-00011194-100	Astragaloside IV	100mg			Liên hệ
3131	LGC	CDX-00011196-005	Astragaloside li(P)	5mg			Liên hệ
3132	LGC	CDX-00011196-010	Astragaloside li(P)	10mg			Liên hệ
3133	LGC	CDX-00011197-005	Astragaloside Iv(P)	5mg			Liên hệ
3134	LGC	CDX-00011197-010	Astragaloside Iv(P)	10mg			Liên hệ
3135	LGC	CDX-00011198-005	Astragaloside III	5mg			Liên hệ
3136	LGC	CDX-00011198-010	Astragaloside III	10mg			Liên hệ
3137	LGC	CDX-00007217-010	Ginsenoside rg3(s-form)	10mg			Liên hệ
3138	LGC	CDX-00011200-005	Atractylenolide III	5mg			Liên hệ
3139	LGC	CDX-00011200-010	Atractylenolide III	10mg			Liên hệ
3140	LGC	CDX-00007217-025	Ginsenoside rg3(s-form)	25mg			Liên hệ
3141	LGC	CDX-00011220-025	Kahweol	25mg			Liên hệ
3142	LGC	CDX-00007217-100	Ginsenoside rg3(s-form)	100mg			Liên hệ
3143	LGC	CDX-00011221-025	Kahweol Acetate	25mg			Liên hệ
3144	LGC	CDX-00011222-010	Kahweol Palmitate	10mg			Liên hệ
3145	LGC	CDX-00011222-025	Kahweol Palmitate	25mg			Liên hệ
3146	LGC	CDX-00007223-050	Ginsenoside rg3(s-form)	50mg			Liên hệ
3147	LGC	CDX-00011280-005	Katuka(Picrorhiza Kurroa) Standards Kit(SH)	3x5mg			Liên hệ
3148	LGC	CDX-00011280-010	Katuka(Picrorhiza Kurroa) Standards Kit(SH)	3x10mg			Liên hệ
3149	LGC	CDX-00011300-005	DL-Kavain	5mg			Liên hệ
3150	LGC	CDX-00011300-010	Kavain, DI-(P)	10mg			Liên hệ
3151	LGC	CDX-00011300-500	DL-Kavain	500mg			Liên hệ

3152	LGC	CDX-00011305-001	DL-Kavain	1g		Liên hệ
3153	LGC	CDX-00011310-005	Kava Kava Standards Kit	6x5mg		Liên hệ
3154	LGC	CDX-00011310-010	Kava Kava Standards Kit	6x10mg		Liên hệ
3155	LGC	CDX-00011311-00S	Kava Kava Snap-N-Shoot Stds Kit	ml		Liên hệ
3156	LGC	CDX-00011325-005	Keracyanin Chloride	5mg		Liên hệ
3157	LGC	CDX-00011325-010	Keracyanin Chloride	10mg		Liên hệ
3158	LGC	CDX-00011325-025	Keracyanin Chloride	25mg		Liên hệ
3159	LGC	CDX-00011350-050	Ketoconazole	50mg		Liên hệ
3160	LGC	CDX-00011370-100	5-Keto-D-Gluconic acid Potassium salt	100mg		Liên hệ
3161	LGC	CDX-00011385-001	alphaKetoglutaricacid	1g		Liên hệ
3162	LGC	CDX-00011385-250	alphaKetoglutaricacid	250mg		Liên hệ
3163	LGC	CDX-00011390-025	alpha-Ketoisocaproicacid	25mg		Liên hệ
3164	LGC	CDX-00011390-100	alpha-Ketoisocaproicacid	100mg		Liên hệ
3165	LGC	CDX-00011400-100	4-Ketopimelicacid	100mg		Liên hệ
3166	LGC	CDX-00007244-005	Ginsenoside Rg5(AS)	5mg		Liên hệ
3167	LGC	CDX-00011500-025	Khellin (Visammin)	25mg		Liên hệ
3168	LGC	CDX-00011500-100	Khellin(visammin)	100mg		Liên hệ
3169	LGC	CDX-00011510-005	Kirenol	5mg		Liên hệ
3170	LGC	CDX-00011510-010	Kirenol	10mg		Liên hệ
3171	LGC	CDX-00011520-005	Kojibiose	5mg		Liên hệ
3172	LGC	CDX-00007244-010	Ginsenoside Rg5(AS)	10mg		Liên hệ
3173	LGC	CDX-00011580-005	Kudzu Flavonoid Standards Kit	6x5mg		Liên hệ
3174	LGC	CDX-00011580-010	Kudzu Flavonoid Standards Kit contains: Daidzein, Daidzin, Genistein, Genistin, Puerarin, Quercetin	6x10mg		Liên hệ
3175	LGC	CDX-00011605-005	Kuromanin Chloride(SH)	5mg		Liên hệ
3176	LGC	CDX-00011605-010	Kuromanin Chloride(SH)	10mg		Liên hệ
3177	LGC	CDX-00011605-025	Kuromanin Chloride	25mg		Liên hệ
3178	LGC	CDX-00011606-005	Cyanidin-3-O-Glucoside Chloride (Kuromanin Chloride)	5mg		Liên hệ
3179	LGC	CDX-00011606-010	Cyanidin-3-O-Glucoside Chloride (Kuromanin Chloride)	10mg		Liên hệ
3180	LGC	CDX-00011606-025	Cyanidin-3-o-glucoside chloride(kuromanin chloride)	25mg		Liên hệ
3181	LGC	CDX-00011606-100	Cyanidin-3-o-glucoside chloride(kuromanin chloride)	100mg		Liên hệ
3182	LGC	CDX-00011610-005	Kutkoside	5mg		Liên hệ
3183	LGC	CDX-00011610-010	Kutkoside(P)	10mg		Liên hệ
3184	LGC	CDX-00011650-010	L-Kynurenine Sulfate	10mg		Liên hệ
3185	LGC	CDX-00011695-100	Lactobionic acid	100mg		Liên hệ
3186	LGC	CDX-00011960-001	Lactic Acid, DL-(P)	1g		Liên hệ
3187	LGC	CDX-00011960-250	LACTIC ACID, DL-(P)	250mg		Liên hệ
3188	LGC	CDX-00011962-100	L-(+)-Lactic acid	100mg		Liên hệ
3189	LGC	CDX-00011962-250	L-(+)-Lactic acid	250mg		Liên hệ

3190	LGC	CDX-00012004-001	Lactose, beta-D-(AS)	1g		Liên hệ
3191	LGC	CDX-00012004-005	Lactose, Beta-D-(AS)	5g		Liên hệ
3192	LGC	CDX-00012005-001	alpha-Lactose	1g		Liên hệ
3193	LGC	CDX-00012007-100	Lactulose	100mg		Liên hệ
3194	LGC	CDX-00012009-001	Lagochilin	1g		Liên hệ
3195	LGC	CDX-00012009-100	Lagochilin	100mg		Liên hệ
3196	LGC	CDX-00012009-250	Lagochilin	250mg		Liên hệ
3197	LGC	CDX-00012020-001	Laminarin	1g		Liên hệ
3198	LGC	CDX-00012020-100	Laminarin	100mg		Liên hệ
3199	LGC	CDX-00012040-005	Lanatoside B	5mg		Liên hệ
3200	LGC	CDX-00012040-010	Lanatoside B	10mg		Liên hệ
3201	LGC	CDX-00012050-005	Lanatoside c	5mg		Liên hệ
3202	LGC	CDX-00012051-010	Digitalis Lanatoside Standards Kit	3x10mg		Liên hệ
3203	LGC	CDX-00012060-001	Lanosterol	1g		Liên hệ
3204	LGC	CDX-00007226-005	Ginsenosides Standards Kit contains: Ginsenoside Rb1, Ginsenoside Rb2, Ginsenoside Rc, Ginsenoside Rd, Ginsenoside Re, Ginsenoside Rf, Ginsenoside Rg1	7x5mg		Liên hệ
3205	LGC	CDX-00012070-010	DL-Lanthionine	10mg		Liên hệ
3206	LGC	CDX-00012072-005	Laricitrin	5mg		Liên hệ
3207	LGC	CDX-00012073-005	Lappaconitine	5mg		Liên hệ
3208	LGC	CDX-00012073-010	Lappaconitine	10mg		Liên hệ
3209	LGC	CDX-00012073-050	Lappaconitine	50mg		Liên hệ
3210	LGC	CDX-00012074-005	Lariciresinol	5mg		Liên hệ
3211	LGC	CDX-00012074-010	Lariciresinol	10mg		Liên hệ
3212	LGC	CDX-00012074-025	Lariciresinol	25mg		Liên hệ
3213	LGC	CDX-00012075-001	Laudanosine	1g		Liên hệ
3214	LGC	CDX-00012075-050	DL-Laudanosine	50mg		Liên hệ
3215	LGC	CDX-00012075-250	LAUDANOSINE, DL-(SH)	250mg		Liên hệ
3216	LGC	CDX-00012077-010	Laudanosoline HBr	10mg		Liên hệ
3217	LGC	CDX-00012079-001	Lauraldehyde	1g		Liên hệ
3218	LGC	CDX-00012079-100	Lauraldehyde(SG)	100mg		Liên hệ
3219	LGC	CDX-00012080-010	Lauric Acid	10mg		Liên hệ
3220	LGC	CDX-00012080-100	Lauric Acid	100mg		Liên hệ
3221	LGC	CDX-00012081-001	Lauric Acid Ethylester	1g		Liên hệ
3222	LGC	CDX-00012081-100	Lauric Acid Ethylester(SG)	100mg		Liên hệ
3223	LGC	CDX-00012084-001	Laurifoline	1mg		Liên hệ
3224	LGC	CDX-00012085-001	LAVANDULOL(SG)(PLEASE CALL)	onrequest		Liên hệ
3225	LGC	CDX-00012085-100	Lavandulol	100mg		Liên hệ
3226	LGC	CDX-00012086-100	Lavandulyl Acetate	100mg		Liên hệ
3227	LGC	CDX-00012090-001	Lawsone	1g		Liên hệ

3228	LGC	CDX-00012091-100	Lawsone	100mg			Liên hệ
3229	LGC	CDX-00012091-250	Lawsone(P)	250mg			Liên hệ
3230	LGC	CDX-00012095-005	LECANORIC ACID(SH)	5mg			Liên hệ
3231	LGC	CDX-00012095-010	Lecanoric Acid	10mg			Liên hệ
3232	LGC	CDX-00012100-025	Lecithin (Egg)	25mg			Liên hệ
3233	LGC	CDX-00012112-010	(+)-Ledene	10mg			Liên hệ
3234	LGC	CDX-00012115-005	Leiocarposide	5mg			Liên hệ
3235	LGC	CDX-00012117-005	Leoidin(SH)	5mg			Liên hệ
3236	LGC	CDX-00012117-010	Leoidin	10mg			Liên hệ
3237	LGC	CDX-00012119-005	Leonurine hydrochloride	5mg			Liên hệ
3238	LGC	CDX-00012119-010	Leonurine hydrochloride	10mg			Liên hệ
3239	LGC	CDX-00012125-100	L-Leucine	100mg			Liên hệ
3240	LGC	CDX-00012126-100	Leucine, L-(P)	100mg			Liên hệ
3241	LGC	CDX-00012150-010	Leucopterin	10mg			Liên hệ
3242	LGC	CDX-00012160-010	Levoglucozan	10mg			Liên hệ
3243	LGC	CDX-00012160-100	Levoglucozan	100mg			Liên hệ
3244	LGC	CDX-00012170-001	Levulinic Acid	1g			Liên hệ
3245	LGC	CDX-00012174-010	Lichen Acid Standards Kit	8x10mg			Liên hệ
3246	LGC	CDX-00012176-005	Lignan J1	5mg			Liên hệ
3247	LGC	CDX-00012176-010	Lignan j1	10mg			Liên hệ
3248	LGC	CDX-00012177-001	Lignoceric Acid	1g			Liên hệ
3249	LGC	CDX-00012177-100	Lignoceric Acid	100mg			Liên hệ
3250	LGC	CDX-00012180-005	Z-Ligustilide (solution)	5mg			Liên hệ
3251	LGC	CDX-00012180-010	Z-Ligustilide (solution)	10mg			Liên hệ
3252	LGC	CDX-00012180-025	z-Ligustilide (10mg/mL in Acetonitrile)	25mg			Liên hệ
3253	LGC	CDX-00012180-100	Ligustilide, Z-(AHP)	100mg			Liên hệ
3254	LGC	CDX-00012181-100	Z-Ligustilide in DMSO	onrequest			Liên hệ
3255	LGC	CDX-00012185-001	Lilial	1g			Liên hệ
3256	LGC	CDX-00012200-001	Limonene, (+)-(SG)	1g			Liên hệ
3257	LGC	CDX-00012200-100	LIMONENE, R-(+)-(SG)	100mg			Liên hệ
3258	LGC	CDX-00012200-250	R-(+)-Limonene	250mg			Liên hệ
3259	LGC	CDX-00012201-001	Limonene, S-(-)-(SG)	1g			Liên hệ
3260	LGC	CDX-00012201-100	Limonene, S-(-)-(SG)	100mg			Liên hệ
3261	LGC	CDX-00012201-250	S-(-)-Limonene	250mg			Liên hệ
3262	LGC	CDX-00012202-001	Limonene Oxide, (Cis+Trans)-1,2-(+)	1g			Liên hệ
3263	LGC	CDX-00012203-001	Limonene Oxide, (Cis+Trans)-1,2-(-)	1g			Liên hệ
3264	LGC	CDX-00012204-250	Limonene	250mg			Liên hệ
3265	LGC	CDX-00012209-001	Limonin	1g			Liên hệ

3266	LGC	CDX-00012209-010	Limonin(P)	10mg			Liên hệ
3267	LGC	CDX-00012209-025	Limonin	25mg			Liên hệ
3268	LGC	CDX-00012209-250	Limonin	250mg			Liên hệ
3269	LGC	CDX-00012210-005	Limonin	5mg			Liên hệ
3270	LGC	CDX-00012210-010	Limonin(SH)	10mg			Liên hệ
3271	LGC	CDX-00012210-025	Limonin(SH)	25mg			Liên hệ
3272	LGC	CDX-00012211-005	Limonin Glucoside(SH)	5mg			Liên hệ
3273	LGC	CDX-00012212-101	Limonin	1kg			Liên hệ
3274	LGC	CDX-00012220-001	DL-Linalool	1g			Liên hệ
3275	LGC	CDX-00012220-100	LINALOOL, DL-(SG)	100mg			Liên hệ
3276	LGC	CDX-00012221-001	Linalool, (-)-(SG)	1g			Liên hệ
3277	LGC	CDX-00012221-100	(-)-Linalool	100mg			Liên hệ
3278	LGC	CDX-00012222-001	Linalool Oxide	1g			Liên hệ
3279	LGC	CDX-00012222-100	Linalool Oxide	100mg			Liên hệ
3280	LGC	CDX-00012235-001	Linalyl Acetate(SG)	1g			Liên hệ
3281	LGC	CDX-00012235-100	Linalyl Acetate(SG)	100mg			Liên hệ
3282	LGC	CDX-00012240-005	Linarin(P)	5mg			Liên hệ
3283	LGC	CDX-00012240-010	Linarin	10mg			Liên hệ
3284	LGC	CDX-00012241-005	Linarin	5mg			Liên hệ
3285	LGC	CDX-00012245-001	Linderane	1mg			Liên hệ
3286	LGC	CDX-00012250-025	Linoleic Acid	25mg			Liên hệ
3287	LGC	CDX-00012250-100	Linoleic Acid	100mg			Liên hệ
3288	LGC	CDX-00012251-001	LINOLEIC ACID(SG)	1g			Liên hệ
3289	LGC	CDX-00012251-010	Linoleic Acid(SG)	10mg			Liên hệ
3290	LGC	CDX-00012251-100	Linoleic Acid	100mg			Liên hệ
3291	LGC	CDX-00012259-001	Linoleic Acid Ethylester	1g			Liên hệ
3292	LGC	CDX-00012259-100	Linoleic Acid Ethylester	100mg			Liên hệ
3293	LGC	CDX-00012261-001	Linoleic Acid Methylester	1g			Liên hệ
3294	LGC	CDX-00012261-100	Linoleic Acid Methylester(SG)	100mg			Liên hệ
3295	LGC	CDX-00012263-010	cis-9-trans-11-Linoleicacidmethylester	10mg			Liên hệ
3296	LGC	CDX-00012271-001	Linolenic Acid	1g			Liên hệ
3297	LGC	CDX-00012271-010	Linolenic Acid(SG)	10mg			Liên hệ
3298	LGC	CDX-00012271-025	Linolenic acid(ala)	25mg			Liên hệ
3299	LGC	CDX-00012271-100	Linolenic Acid(SG)	100mg			Liên hệ
3300	LGC	CDX-00012272-025	gamm-Linolenic Acid	25mg			Liên hệ
3301	LGC	CDX-00012275-001	Linolenic Acid Ethylester	1g			Liên hệ
3302	LGC	CDX-00012275-025	Linolenic acid ethylester(ala ee)	25mg			Liên hệ
3303	LGC	CDX-00012275-100	Linolenic Acid Ethylester	100mg			Liên hệ

3304	LGC	CDX-00012276-001	Linolenic Acid Methylester(SG)	1g			Liên hệ
3305	LGC	CDX-00012276-025	Linolenic acid methylester(ala me)	25mg			Liên hệ
3306	LGC	CDX-00012276-100	Linolenic Acid Methylester	100mg			Liên hệ
3307	LGC	CDX-00012281-005	Linusitarnarin	onrequest			Liên hệ
3308	LGC	CDX-00012282-005	Linustatin	5mg			Liên hệ
3309	LGC	CDX-00012282-010	Linustatin	10mg			Liên hệ
3310	LGC	CDX-00012282-025	Linustatin	25mg			Liên hệ
3311	LGC	CDX-00012285-001	DL-alpha-Lipoic Acid	1g			Liên hệ
3312	LGC	CDX-00012286-050	DL-alpha- Lipoic Acid	50mg			Liên hệ
3313	LGC	CDX-00012286-100	DL-alpha-Lipoic Acid	100mg			Liên hệ
3314	LGC	CDX-00012290-005	Liquiritigenin	5mg			Liên hệ
3315	LGC	CDX-00012290-010	Liquiritigenin(P)	10mg			Liên hệ
3316	LGC	CDX-00012291-010	Liquiritigenin	10mg			Liên hệ
3317	LGC	CDX-00012295-005	Liquiritin	5mg			Liên hệ
3318	LGC	CDX-00012300-100	Lithocholic Acid	100mg			Liên hệ
3319	LGC	CDX-00012301-050	Lithocholic Acid Methylester	50mg			Liên hệ
3320	LGC	CDX-00012305-005	Lobaric Acid(SH)	5mg			Liên hệ
3321	LGC	CDX-00012305-010	Lobaric Acid	10mg			Liên hệ
3322	LGC	CDX-00012310-010	Lobelanidine HCl	10mg			Liên hệ
3323	LGC	CDX-00012310-100	Lobelanidine Hcl(P)	100mg			Liên hệ
3324	LGC	CDX-00012320-250	alpha-Lobeline HCl	250mg			Liên hệ
3325	LGC	CDX-00012321-010	a-Lobeline HCl	10mg			Liên hệ
3326	LGC	CDX-00012321-025	Lobeline Hcl, A-(P)	25mg			Liên hệ
3327	LGC	CDX-00012330-010	Lobeline Sulfate	10mg			Liên hệ
3328	LGC	CDX-00012330-050	Lobeline sulfate	50mg			Liên hệ
3329	LGC	CDX-00012341-005	LOGANIC ACID(SH)	5mg			Liên hệ
3330	LGC	CDX-00012341-010	Loganic Acid(SH)	10mg			Liên hệ
3331	LGC	CDX-00012341-025	Loganic Acid	25mg			Liên hệ
3332	LGC	CDX-00012350-010	LOGANIN(P)	10mg			Liên hệ
3333	LGC	CDX-00012350-025	LOGANIN(P)	25mg			Liên hệ
3334	LGC	CDX-00012350-100	LOGANIN(P)	100mg			Liên hệ
3335	LGC	CDX-00012351-010	Loganin	10mg			Liên hệ
3336	LGC	CDX-00012352-001	LONGIFOLENE, (+)-(SG)	1g			Liên hệ
3337	LGC	CDX-00012352-100	(+)-Longifolene	100mg			Liên hệ
3338	LGC	CDX-00012360-005	D-Luciferin	5mg			Liên hệ
3339	LGC	CDX-00012360-010	D-Luciferin	10mg			Liên hệ
3340	LGC	CDX-00012360-050	D-Luciferin	50mg			Liên hệ
3341	LGC	CDX-00012360-250	D-Luciferin	250mg			Liên hệ



3342	LGC	CDX-00012361-005	gamma-Lumicolchicine	5mg		Liên hệ
3343	LGC	CDX-00012362-010	Lupenone	10mg		Liên hệ
3344	LGC	CDX-00012365-005	Lucidenic acid d2	5mg		Liên hệ
3345	LGC	CDX-00012370-010	Lucigenin	10mg		Liên hệ
3346	LGC	CDX-00012370-025	Lucigenin	25mg		Liên hệ
3347	LGC	CDX-00012380-001	Lumazine	1g		Liên hệ
3348	LGC	CDX-00012380-100	Lumazine	100mg		Liên hệ
3349	LGC	CDX-00012391-010	Lupeol	10mg		Liên hệ
3350	LGC	CDX-00012391-025	Lupeol	25mg		Liên hệ
3351	LGC	CDX-00012392-010	Lupeol	10mg		Liên hệ
3352	LGC	CDX-00012392-025	Lupeol(P)(Coming Soon)(P)	25mg		Liên hệ
3353	LGC	CDX-00012400-010	Lupeol Acetate	10mg		Liên hệ
3354	LGC	CDX-00012411-010	Lupinine	10mg		Liên hệ
3355	LGC	CDX-00012450-00A	Lutein(SH)	2.5ml		Liên hệ
3356	LGC	CDX-00012453-001	Lutein	1g		Liên hệ
3357	LGC	CDX-00012453-005	Lutein	5mg		Liên hệ
3358	LGC	CDX-00012453-010	Lutein(P)	10mg		Liên hệ
3359	LGC	CDX-00012453-025	LUTEIN(P)	25mg		Liên hệ
3360	LGC	CDX-00012453-100	Lutein	100mg		Liên hệ
3361	LGC	CDX-00012454-001	Lutein [~0.5mg/mL] (in solution)	1ml		Liên hệ
3362	LGC	CDX-00012454-002	Lutein [~0.5mg/mL] (in solution)	2ml		Liên hệ
3363	LGC	CDX-00012460-001	Luteolin	1g		Liên hệ
3364	LGC	CDX-00012460-005	Luteolin	5g		Liên hệ
3365	LGC	CDX-00012461-005	Luteolin	5mg		Liên hệ
3366	LGC	CDX-00012461-010	Luteolin(SH)	10mg		Liên hệ
3367	LGC	CDX-00012461-025	Luteolin	25mg		Liên hệ
3368	LGC	CDX-00012461-100	Luteolin	100mg		Liên hệ
3369	LGC	CDX-00012461-500	Luteolin	500mg		Liên hệ
3370	LGC	CDX-00012462-001	Luteolin	1g		Liên hệ
3371	LGC	CDX-00012462-025	Luteolin	25mg		Liên hệ
3372	LGC	CDX-00012462-100	Luteolin	100mg		Liên hệ
3373	LGC	CDX-00012462-500	Luteolin	500mg		Liên hệ
3374	LGC	CDX-00012471-005	Luteolin-3',7-Di-O-Glucoside(SH)	5mg		Liên hệ
3375	LGC	CDX-00012471-010	Luteolin-3',7-Di-O-Glucoside(SH)	10mg		Liên hệ
3376	LGC	CDX-00012480-005	Luteolin-4'-Glucoside	5mg		Liên hệ
3377	LGC	CDX-00012500-005	Luteolin-7-O-Glucoside (Cynaroside)	5mg		Liên hệ
3378	LGC	CDX-00012500-010	Luteolin-7-O-Glucoside (Cynaroside)	10mg		Liên hệ
3379	LGC	CDX-00012501-010	Luteolin-7-O-Glucoside(Cynaroside)(	10mg		Liên hệ

3380	LGC	CDX-00012501-025	Luteolin-7-O-Glucoside(Cynaroside)	25mg			Liên hệ
3381	LGC	CDX-00012520-010	Luteolin Tetramethylether	10mg			Liên hệ
3382	LGC	CDX-00012530-005	LUTEOLINIDIN CHLORIDE(P)	5mg			Liên hệ
3383	LGC	CDX-00012530-010	Luteolinidin Chloride(P)	10mg			Liên hệ
3384	LGC	CDX-00012530-025	Luteolinidin Chloride(P)	25mg			Liên hệ
3385	LGC	CDX-00012550-005	Lycopene(P)	5mg			Liên hệ
3386	LGC	CDX-00012550-010	LYCOPENE(P)	10mg			Liên hệ
3387	LGC	CDX-00012550-025	Lycopene	25mg			Liên hệ
3388	LGC	CDX-00012550-100	Lycopene	100mg			Liên hệ
3389	LGC	CDX-00012551-00A	Lycopene(SH)	2.5ml			Liên hệ
3390	LGC	CDX-00012554-001	Lycopene [~0.5mg/ml] (in solution)	1ml			Liên hệ
3391	LGC	CDX-00012554-002	Lycopene [~0.5mg/ml] (in solution)	2ml			Liên hệ
3392	LGC	CDX-00012570-010	Lynestrenol	10mg			Liên hệ
3393	LGC	CDX-00012600-001	L-Lysine HCl	1g			Liên hệ
3394	LGC	CDX-00012600-005	L-Lysine HCl	5g			Liên hệ
3395	LGC	CDX-00012601-005	LYSINE HCL, L-(P)	5g			Liên hệ
3396	LGC	CDX-00012601-100	Lysine Hcl, L-(P)	100mg			Liên hệ
3397	LGC	CDX-00012601-250	Lysine Hcl, L-(P)	250mg			Liên hệ
3398	LGC	CDX-00012604-001	LYSINE, L-(+)-(AS)	1g			Liên hệ
3399	LGC	CDX-00012604-005	LYSINE, L-(+)-(AS)	5g			Liên hệ
3400	LGC	CDX-00012604-025	LYSINE, L-(+)-(AS)	25g			Liên hệ
3401	LGC	CDX-00012605-001	L-(+)-Lysine	1g			Liên hệ
3402	LGC	CDX-00012605-100	L-(+)-Lysine	100mg			Liên hệ
3403	LGC	CDX-00012606-100	L-(+)-Lysine	100mg			Liên hệ
3404	LGC	CDX-00012610-005	DL-Lysine dihydrochloride	5g			Liên hệ
3405	LGC	CDX-00012610-100	DL-Lysine dihydrochloride	100mg			Liên hệ
3406	LGC	CDX-00012650-100	D-Lyxose	100mg			Liên hệ
3407	LGC	CDX-00013000-005	Maackiain, (-)-	5mg			Liên hệ
3408	LGC	CDX-00013000-025	(-)-Maackiain	25mg			Liên hệ
3409	LGC	CDX-00013002-001	Maca standards kit	kit			Liên hệ
3410	LGC	CDX-00013006-100	Maclurin	100mg			Liên hệ
3411	LGC	CDX-00013009-005	Madecassic Acid(P)	5mg			Liên hệ
3412	LGC	CDX-00013009-010	Madecassic Acid	10mg			Liên hệ
3413	LGC	CDX-00013009-050	MADECASSIC ACID(P)	50mg			Liên hệ
3414	LGC	CDX-00013009-250	Madecassic acid	250mg			Liên hệ
3415	LGC	CDX-00013010-005	MADECASSIC ACID(SH)	5mg			Liên hệ
3416	LGC	CDX-00013010-010	Madecassic acid (SH)	10mg			Liên hệ
3417	LGC	CDX-00013010-050	Madecassic acid	50mg			Liên hệ

3418	LGC	CDX-00013010-250	Madecassic acid	250mg			Liên hệ
3419	LGC	CDX-00013015-005	MADECASSOSIDE(P)	5mg			Liên hệ
3420	LGC	CDX-00013015-010	Madecassoside	10mg			Liên hệ
3421	LGC	CDX-00013015-050	Madecassoside	50mg			Liên hệ
3422	LGC	CDX-00013016-010	Madecassoside(HPLC Only)(SH)	10mg			Liên hệ
3423	LGC	CDX-00013025-005	Magnoflorine Iodide, (+)-(P)	5mg			Liên hệ
3424	LGC	CDX-00013030-005	Magnolol(SH)	5mg			Liên hệ
3425	LGC	CDX-00013030-010	Magnolol(SH)	10mg			Liên hệ
3426	LGC	CDX-00013030-025	Magnolol(SH)	25mg			Liên hệ
3427	LGC	CDX-00013030-100	Magnolol	100mg			Liên hệ
3428	LGC	CDX-00013031-010	Magnolia Standards Kit contains: Honokiol, Magnolol	2x10mg			Liên hệ
3429	LGC	CDX-00013032-025	Magnolol	25mg			Liên hệ
3430	LGC	CDX-00013032-100	Magnolol	100mg			Liên hệ
3431	LGC	CDX-00013032-500	Magnolol	500mg			Liên hệ
3432	LGC	CDX-00013040-001	D-(+)-Maltose	1g			Liên hệ
3433	LGC	CDX-00013040-250	D-(+)-Maltose	250mg			Liên hệ
3434	LGC	CDX-00013045-100	Malic Acid, D-(+)-(P)	100mg			Liên hệ
3435	LGC	CDX-00013045-250	D-(+)-Malic Acid	250mg			Liên hệ
3436	LGC	CDX-00013046-250	D-(+)-Malicacid	250mg			Liên hệ
3437	LGC	CDX-00013050-100	L(-)-Malic Acid	100mg			Liên hệ
3438	LGC	CDX-00013050-250	L(-)-Malic Acid	250mg			Liên hệ
3439	LGC	CDX-00013051-001	L(-)-Malic Acid	1g			Liên hệ
3440	LGC	CDX-00013052-001	DL-Malic Acid	1g			Liên hệ
3441	LGC	CDX-00013054-100	Maltol	100mg			Liên hệ
3442	LGC	CDX-00013057-500	D-(+)-Maltotriose	500mg			Liên hệ
3443	LGC	CDX-00013061-005	Malvidin-3-Galactoside Chloride	5mg			Liên hệ
3444	LGC	CDX-00013070-005	Malvidin-3-O-Glucoside Chloride (Oenin)	5mg			Liên hệ
3445	LGC	CDX-00013071-005	Malvidin Chloride	5mg			Liên hệ
3446	LGC	CDX-00013071-010	Malvidin Chloride	10mg			Liên hệ
3447	LGC	CDX-00013071-025	Malvidin Chloride(P)	25mg			Liên hệ
3448	LGC	CDX-00013074-010	Malvidin chloride	10mg			Liên hệ
3449	LGC	CDX-00013076-010	MALVIDIN-3,5-DIGLUCOSIDE CHLORIDE(MALVIN CHLORIDE)(AS)	10mg			Liên hệ
3450	LGC	CDX-00013081-001	DL-Mandelic Acid	1g			Liên hệ
3451	LGC	CDX-00013081-005	DL-Mandelic Acid	5g			Liên hệ
3452	LGC	CDX-00013086-001	L-(+)-Mandelic Acid	1g			Liên hệ
3453	LGC	CDX-00013086-005	L-(+)-Mandelic Acid	5g			Liên hệ
3454	LGC	CDX-00013090-010	Mangiferin	10mg			Liên hệ
3455	LGC	CDX-00013090-100	Mangiferin	100mg			Liên hệ

3456	LGC	CDX-00013092-010	Mangiferin(P)	10mg			Liên hệ
3457	LGC	CDX-00013092-025	Mangiferin(P)	25mg			Liên hệ
3458	LGC	CDX-00013092-050	Mangiferin(P)	50mg			Liên hệ
3459	LGC	CDX-00013093-005	Mangosteen standards kit	4x5mg			Liên hệ
3460	LGC	CDX-00013093-010	Mangosteen standards kit	4x10mg			Liên hệ
3461	LGC	CDX-00013093-025	Mangosteen Standards Kit	4x25mg			Liên hệ
3462	LGC	CDX-00013095-025	Mangostin	25mg			Liên hệ
3463	LGC	CDX-00013095-050	Mangostin	50mg			Liên hệ
3464	LGC	CDX-00013095-101	alpha-Mangostin	1kg			Liên hệ
3465	LGC	CDX-00013096-001	MANGOSTIN, ALPHA-(P)(REQUEST QUOTE)	1g			Liên hệ
3466	LGC	CDX-00013096-005	Mangostin	5mg			Liên hệ
3467	LGC	CDX-00013096-010	Mangostin(P)	10mg			Liên hệ
3468	LGC	CDX-00013096-025	Mangostin	25mg			Liên hệ
3469	LGC	CDX-00013096-100	Mangostin	100mg			Liên hệ
3470	LGC	CDX-00013096-500	Mangostin, alpha-(P)	500mg			Liên hệ
3471	LGC	CDX-00013097-005	beta-Mangostin	5mg			Liên hệ
3472	LGC	CDX-00013100-010	Mannan	10mg			Liên hệ
3473	LGC	CDX-00030869-005	Graviola (Annona muricata) Leaf RGBRM	5g			Liên hệ
3474	LGC	CDX-00013102-001	Mannitol, D-(P)	1g			Liên hệ
3475	LGC	CDX-00013102-250	D-Mannitol	250mg			Liên hệ
3476	LGC	CDX-00013105-100	L-Mannonicacid-gamma-lactone	100mg			Liên hệ
3477	LGC	CDX-00013110-100	D-Mannonicacid-gamma-lactone	100mg			Liên hệ
3478	LGC	CDX-00013115-025	D-Mannosamine HCl	25mg			Liên hệ
3479	LGC	CDX-00013121-001	D-(+)-Mannose	1g			Liên hệ
3480	LGC	CDX-00013121-005	D-(+)-Mannose	5g			Liên hệ
3481	LGC	CDX-00013123-250	L-(-)-Mannose	250mg			Liên hệ
3482	LGC	CDX-00013126-005	MAREIN(SH)	5mg			Liên hệ
3483	LGC	CDX-00008015-001	Haematoporphyrin dihydrochloride(rg)	1g			Liên hệ
3484	LGC	CDX-00013136-005	Maritimein(SH)	5mg			Liên hệ
3485	LGC	CDX-00013151-005	MARRUBIIN(SH)	5mg			Liên hệ
3486	LGC	CDX-00013151-010	MARRUBIIN(AS)	10mg			Liên hệ
3487	LGC	CDX-00013152-001	Matairesinol	1mg			Liên hệ
3488	LGC	CDX-00013153-005	Matrine	5mg			Liên hệ
3489	LGC	CDX-00013153-010	Matrine(SH)	10mg			Liên hệ
3490	LGC	CDX-00013153-025	Matrine	25mg			Liên hệ
3491	LGC	CDX-00013153-100	Matrine	100mg			Liên hệ
3492	LGC	CDX-00013153-500	Matrine	500mg			Liên hệ
3493	LGC	CDX-00013155-001	Medicarpin	1mg			Liên hệ

3494	LGC	CDX-00013163-010	Melamine	10mg			Liên hệ
3495	LGC	CDX-00013163-050	Melamine	50mg			Liên hệ
3496	LGC	CDX-00013163-100	Melamine	100mg			Liên hệ
3497	LGC	CDX-00013164-050	Melamine Related Analogs Stadnards Kit	4x50mg			Liên hệ
3498	LGC	CDX-00013164-0GK	Melamine GC-Ms Analysis Kit	kit			Liên hệ
3499	LGC	CDX-00013164-100	Melamine Related Analogs Standards Kit	4x100mg			Liên hệ
3500	LGC	CDX-00013170-010	Melatonin(P)	10mg			Liên hệ
3501	LGC	CDX-00013170-050	MELATONIN(P)(Compendial Traceable)	50mg			Liên hệ
3502	LGC	CDX-00013170-100	Melatonin	100mg			Liên hệ
3503	LGC	CDX-00013170-250	Melatonin(compendial traceable)	250mg			Liên hệ
3504	LGC	CDX-00013171-050	Melatonin(SH)	50mg			Liên hệ
3505	LGC	CDX-00013171-250	Melatonin(SH)	250mg			Liên hệ
3506	LGC	CDX-00013171-500	Melatonin	500mg			Liên hệ
3507	LGC	CDX-00013172-0HK	Melatonin HPLC Analysis Kit	50mg			Liên hệ
3508	LGC	CDX-00013179-100	D-Melibiose	100mg			Liên hệ
3509	LGC	CDX-00013205-010	Memantine HCl	10mg			Liên hệ
3510	LGC	CDX-00013205-050	Memantine HCl	50mg			Liên hệ
3511	LGC	CDX-00013205-100	Memantine HCl	100mg			Liên hệ
3512	LGC	CDX-00013218-005	Mesaconitine(P)	5mg			Liên hệ
3513	LGC	CDX-00013218-010	MESACONITINE(AS)	10mg			Liên hệ
3514	LGC	CDX-00013221-100	meso-Erythritol	100mg			Liên hệ
3515	LGC	CDX-00013230-001	2-Methoxycinnamic Acid	1g			Liên hệ
3516	LGC	CDX-00013231-001	4-Methoxycinnamic Acid	1g			Liên hệ
3517	LGC	CDX-00013232-250	4-Methoxycoumarin	250mg			Liên hệ
3518	LGC	CDX-00013233-001	Anisylacetone	1g			Liên hệ
3519	LGC	CDX-00013233-250	Anisylacetone	250mg			Liên hệ
3520	LGC	CDX-00013234-001	2-Methylcinnamic Acid	1g			Liên hệ
3521	LGC	CDX-00013235-001	trans-4-Methylcinnamic Acid	1g			Liên hệ
3522	LGC	CDX-00013237-001	Methylonylketone	1g			Liên hệ
3523	LGC	CDX-00013239-001	Methylpropylketone	1g			Liên hệ
3524	LGC	CDX-00013240-001	Methacholine Bromide	1g			Liên hệ
3525	LGC	CDX-00013245-100	Methional	100mg			Liên hệ
3526	LGC	CDX-00013245-250	Methional	250mg			Liên hệ
3527	LGC	CDX-00020992-005	Heal all (prunella vulgaris) aerial parts RGBRM	5g			Liên hệ
3528	LGC	CDX-00013255-025	Methionine, L-(P)	25mg			Liên hệ
3529	LGC	CDX-00013255-100	L-Methionine	100mg			Liên hệ
3530	LGC	CDX-00013256-001	L-Methionine	1g			Liên hệ
3531	LGC	CDX-00013275-010	Methotrexate	10mg			Liên hệ

3532	LGC	CDX-00013283-005	Methoxyapigeninidin Chloride,7-(SH)	5mg			Liên hệ
3533	LGC	CDX-00013283-010	Methoxyapigeninidin Chloride,7-(SH)	10mg			Liên hệ
3534	LGC	CDX-00013296-001	4-Methoxychalcone	1g			Liên hệ
3535	LGC	CDX-00031001-005	Hibiscus (hibiscus rosa-sinensis) flower RGBRM	5g			Liên hệ
3536	LGC	CDX-00013306-100	5-Methoxyflavanone	100mg			Liên hệ
3537	LGC	CDX-00013310-010	6-Methoxyflavanone	10mg			Liên hệ
3538	LGC	CDX-00013310-050	6-Methoxyflavanone	50mg			Liên hệ
3539	LGC	CDX-00013310-250	6-Methoxyflavanone	250mg			Liên hệ
3540	LGC	CDX-00013311-050	6-Methoxyflavanone	50mg			Liên hệ
3541	LGC	CDX-00013315-025	7-Methoxyflavanone	25mg			Liên hệ
3542	LGC	CDX-00013316-100	7-Methoxyflavanone	100mg			Liên hệ
3543	LGC	CDX-00013321-010	2'-Methoxyflavone	10mg			Liên hệ
3544	LGC	CDX-00013326-010	3-Methoxyflavone	10mg			Liên hệ
3545	LGC	CDX-00013326-100	3-Methoxyflavone	100mg			Liên hệ
3546	LGC	CDX-00013340-001	6-Methoxyflavone	1g			Liên hệ
3547	LGC	CDX-00013340-010	6-Methoxyflavone	10mg			Liên hệ
3548	LGC	CDX-00013345-001	7-Methoxyflavone	1g			Liên hệ
3549	LGC	CDX-00013346-100	7-Methoxyflavone	100mg			Liên hệ
3550	LGC	CDX-00013361-010	6-Methoxyflavonol	10mg			Liên hệ
3551	LGC	CDX-00013390-001	para-Methoxyphenol	1g			Liên hệ
3552	LGC	CDX-00013402-001	Butanone, 4-(P-Methoxyphenyl)-2-(SG	1g			Liên hệ
3553	LGC	CDX-00013402-250	Butanone, 4-(P-Methoxyphenyl)-2-(SG	250mg			Liên hệ
3554	LGC	CDX-00013403-001	3-Methoxypropylamine	1g			Liên hệ
3555	LGC	CDX-00013403-250	3-Methoxypropylamine	250mg			Liên hệ
3556	LGC	CDX-00013404-001	Methoxypyrazine, 2-(SG)	1g			Liên hệ
3557	LGC	CDX-00013404-250	2-Methoxypyrazine	250mg			Liên hệ
3558	LGC	CDX-00013417-001	Methyl Acetate(SG)	1g			Liên hệ
3559	LGC	CDX-00013417-100	Methyl Acetate	100mg			Liên hệ
3560	LGC	CDX-00013418-001	4'-Methylacetophenone	1g			Liên hệ
3561	LGC	CDX-00013418-250	Methylacetophenone; 4'-(SG)	250mg			Liên hệ
3562	LGC	CDX-00013435-001	2-Methylanthraquinone	1g			Liên hệ
3563	LGC	CDX-00030347-005	Horsetail (Equisetum Arvense) RGBRM	5g			Liên hệ
3564	LGC	CDX-00013440-001	Methyl-beta-D-arabinopyranoside	1g			Liên hệ
3565	LGC	CDX-00013440-100	Methyl-beta-D-arabinopyranoside	100mg			Liên hệ
3566	LGC	CDX-00013445-001	Methyl-beta-L-arabinopyranoside	1g			Liên hệ
3567	LGC	CDX-00013445-100	Methyl-beta-L-arabinopyranoside	100mg			Liên hệ
3568	LGC	CDX-00013446-001	Methylbenzyl Alcohol(SG)	1g			Liên hệ
3569	LGC	CDX-00013446-100	Methylbenzyl Alcohol	100mg			Liên hệ

3570	LGC	CDX-00013450-001	4-(anisylalcohol)Methoxybenzylalcohol	1g			Liên hệ
3571	LGC	CDX-00013456-001	METHYL-1-BUTANOL, 2-(SG)	1g			Liên hệ
3572	LGC	CDX-00013456-100	Methyl-1-Butanol, 2-(SG)	100mg			Liên hệ
3573	LGC	CDX-00013457-001	METHYL-3-BUTEN-2-OL, 2-(SG)	1g			Liên hệ
3574	LGC	CDX-00013457-100	Methyl-3-Buten-2-Ol, 2-(SG)	100mg			Liên hệ
3575	LGC	CDX-00013458-001	METHYL-2-BUTEN-1-OL, 3-(SG)	1g			Liên hệ
3576	LGC	CDX-00013458-100	Methyl-2-Buten-1-Ol, 3-(SG)	100mg			Liên hệ
3577	LGC	CDX-00013459-001	Methyl-3-Buten-1-Ol, 3-(SG)	1g			Liên hệ
3578	LGC	CDX-00013459-100	3-Methyl-3-Buten-1-Ol	100mg			Liên hệ
3579	LGC	CDX-00013460-001	DL-2-Methylbutyric Acid	1g			Liên hệ
3580	LGC	CDX-00013461-025	Methyl caffeate	25mg			Liên hệ
3581	LGC	CDX-00013462-001	3-Methylcatechol	1g			Liên hệ
3582	LGC	CDX-00013465-005	8-Methylcaffeine	5mg			Liên hệ
3583	LGC	CDX-00013465-010	8-Methylcaffeine	10mg			Liên hệ
3584	LGC	CDX-00013465-025	8-Methylcaffeine	25mg			Liên hệ
3585	LGC	CDX-00031178-005	Hydrangea (hydrangea arborescens) root RGBRM	5g			Liên hệ
3586	LGC	CDX-00013480-025	Methylcobalamin	25mg			Liên hệ
3587	LGC	CDX-00013480-100	Methylcobalamin	100mg			Liên hệ
3588	LGC	CDX-00013481-100	Methylcobalamin (P)	100mg			Liên hệ
3589	LGC	CDX-00013481-250	Methylcobalamin	250mg			Liên hệ
3590	LGC	CDX-00013482-100	Methylcobalamin	100mg			Liên hệ
3591	LGC	CDX-00013482-250	Methylcobalamin	250mg			Liên hệ
3592	LGC	CDX-00013485-001	6-Methylcoumarin	1g			Liên hệ
3593	LGC	CDX-00013485-100	6-Methylcoumarin	100mg			Liên hệ
3594	LGC	CDX-00013496-001	Methylcyclohexanone, 2-(SG)	1g			Liên hệ
3595	LGC	CDX-00013496-100	METHYLCYCLOHEXANONE, 2-(SG)	100mg			Liên hệ
3596	LGC	CDX-00013497-005	METHYLCYTISINE, N-(P)	5mg			Liên hệ
3597	LGC	CDX-00013499-100	S-Methyl-L-cysteine	100mg			Liên hệ
3598	LGC	CDX-00013500-010	4-Methyldaphnetin	10mg			Liên hệ
3599	LGC	CDX-00013515-001	Methyl Disulfide(SG)	1g			Liên hệ
3600	LGC	CDX-00013517-025	Methyl folate calcium salt	25mg			Liên hệ
3601	LGC	CDX-00013517-100	Methyl folate calcium salt (AS)	100mg			Liên hệ
3602	LGC	CDX-00013517-500	Methyl folate calcium salt	500mg			Liên hệ
3603	LGC	CDX-00013518-005	3-o-Methylellagicacid	5mg			Liên hệ
3604	LGC	CDX-00013530-001	4-Methylesculetin	1g			Liên hệ
3605	LGC	CDX-00013530-010	4-Methylesculetin	10mg			Liên hệ
3606	LGC	CDX-00013535-025	4-Methyl-7-Ethoxycoumarin	25mg			Liên hệ
3607	LGC	CDX-00013540-010	6-Methylflavone	10mg			Liên hệ

3608	LGC	CDX-00013560-001	Methyl-alpha-D-galactopyranoside	1g			Liên hệ
3609	LGC	CDX-00013565-001	3-O-Methyl-alpha-D-glucopyranose	1g			Liên hệ
3610	LGC	CDX-00013571-001	Methylheptanoate	1g			Liên hệ
3611	LGC	CDX-00013571-100	Methylheptanoate(SG)	100mg			Liên hệ
3612	LGC	CDX-00013572-001	Methyl-3-Heptanone, 5-(SG)	1g			Liên hệ
3613	LGC	CDX-00013572-100	Methyl-3-Heptanone, 5-(SG)	100mg			Liên hệ
3614	LGC	CDX-00013585-001	Methyl-4-Hydroxybenzoate	1g			Liên hệ
3615	LGC	CDX-00013585-100	METHYL-4-HYDROXYBENZOATE(P)	100mg			Liên hệ
3616	LGC	CDX-00013586-001	Methyl-4-Hydroxybenzoate	1kg			Liên hệ
3617	LGC	CDX-00013586-500	Methyl-4-Hydroxybenzoate	500g			Liên hệ
3618	LGC	CDX-00013588-001	Methyl Isovalerate(SG)	1g			Liên hệ
3619	LGC	CDX-00013595-001	Methyl-alpha-D-mannopyranoside	1g			Liên hệ
3620	LGC	CDX-00013595-005	Methyl-alpha-D-mannopyranoside	5g			Liên hệ
3621	LGC	CDX-00013609-001	4-Methyl-6-Methoxycoumarin	1g			Liên hệ
3622	LGC	CDX-00013609-100	4-Methyl-6-Methoxycoumarin	100mg			Liên hệ
3623	LGC	CDX-00013610-001	METHYL-7-METHOXYCOUMARIN, 4-(SG)	1g			Liên hệ
3624	LGC	CDX-00013610-100	Methyl-7-Methoxycoumarin, 4-(SG)	100mg			Liên hệ
3625	LGC	CDX-00013612-010	5-Methyl-7-Methoxy-Isoflavone	10mg			Liên hệ
3626	LGC	CDX-00013612-050	Methyl-7-Methoxy-Isoflavone, 5-(SH)	50mg			Liên hệ
3627	LGC	CDX-00013612-100	METHYL-7-METHOXYISOFLAVONE, 5-(P)	100mg			Liên hệ
3628	LGC	CDX-00013614-025	METHYL(D3)NICOTINAMIDE, 1-(3-CARBAMOYL-1-METHYL-D3-PYRIDINIUM CHLORIDE)(AS)	25mg			Liên hệ
3629	LGC	CDX-00013615-100	Methyl myristate	100mg			Liên hệ
3630	LGC	CDX-00013615-250	Methyl myristate	250mg			Liên hệ
3631	LGC	CDX-00013617-025	DEUTERATED N-METHYLNICOTINAMIDE(D4)(AS)	25mg			Liên hệ
3632	LGC	CDX-00013619-025	METHYLNICOTINAMIDE CHLORIDE, 1-(P)	25mg			Liên hệ
3633	LGC	CDX-00013622-001	Methyl-2-Octynoate	1g			Liên hệ
3634	LGC	CDX-00013622-250	Methyl-2-octynoate	250mg			Liên hệ
3635	LGC	CDX-00013624-250	Methyl-2-nonynoate	250mg			Liên hệ
3636	LGC	CDX-00013626-001	Methyl Palmitate	1g			Liên hệ
3637	LGC	CDX-00013627-250	Methyl palmitate(P)	250mg			Liên hệ
3638	LGC	CDX-00013630-010	R-beta-Methylphenylethylamine HCl	10mg			Liên hệ
3639	LGC	CDX-00013630-025	R-beta-Methylphenylethylamine HCl	25mg			Liên hệ
3640	LGC	CDX-00013637-001	2-Methylpyrazine	1g			Liên hệ
3641	LGC	CDX-00013637-250	2-Methylpyrazine	250mg			Liên hệ
3642	LGC	CDX-00013641-005	Methyl Sulfone (MSM)	5g			Liên hệ
3643	LGC	CDX-00013642-001	Methyl Sulfone	1g			Liên hệ
3644	LGC	CDX-00013642-100	METHYL SULFONE(MSM)(P)	100mg			Liên hệ
3645	LGC	CDX-00013642-250	Methyl Sulfone(Msm)(P)	250mg			Liên hệ



3646	LGC	CDX-00013644-025	Methylsynephrine HCl(P)	25mg			Liên hệ
3647	LGC	CDX-00013645-001	o-Methylsterigmatocystin	1mg			Liên hệ
3648	LGC	CDX-00013647-001	Methylthiazole, 4-(SG)	1g			Liên hệ
3649	LGC	CDX-00013650-005	1-Isothiocyanato-6-(methylthio)-hexane	5mg			Liên hệ
3650	LGC	CDX-00013650-010	1-Isothiocyanato-6-(methylthio)-hexane	10mg			Liên hệ
3651	LGC	CDX-00013650-025	1-Isothiocyanato-6-(methylthio)-hexane	25mg			Liên hệ
3652	LGC	CDX-00013660-100	alpha-Methyl-DL-tyrosine	100mg			Liên hệ
3653	LGC	CDX-00013661-005	n-Methyltyramine	5mg			Liên hệ
3654	LGC	CDX-00013661-010	Methyltyramine, N-(P)	10mg			Liên hệ
3655	LGC	CDX-00013665-001	4-Methylumbelliferone	1g			Liên hệ
3656	LGC	CDX-00013665-005	4-Methylumbelliferone	5g			Liên hệ
3657	LGC	CDX-00013735-001	4-Methylumbelliferyl-beta-D-galactopyranoside	1g			Liên hệ
3658	LGC	CDX-00013735-250	4-Methylumbelliferyl-beta-D-galactopyranoside	250mg			Liên hệ
3659	LGC	CDX-00013745-001	4-Methylumbelliferyl-beta-D-glucopyranoside	1g			Liên hệ
3660	LGC	CDX-00013745-100	4-Methylumbelliferyl-beta-D-galactopyranoside	100mg			Liên hệ
3661	LGC	CDX-00013840-001	4-Methylumbelliferyl-beta-D-Xylopyranoside	1g			Liên hệ
3662	LGC	CDX-00013845-100	6-Methyluracil	100mg			Liên hệ
3663	LGC	CDX-00013853-001	5-o-Methylvisammioside	1mg			Liên hệ
3664	LGC	CDX-00013855-010	Methyl-trans-vaccenate	10mg			Liên hệ
3665	LGC	CDX-00013855-025	Methyl-trans-vaccenate	25mg			Liên hệ
3666	LGC	CDX-00013857-001	Methyl-5-Vinylthiazole, 4-(SG)	1g			Liên hệ
3667	LGC	CDX-00013857-100	Methyl-5-Vinylthiazole, 4-(SG)	100mg			Liên hệ
3668	LGC	CDX-00013858-005	7-o-Methylwogonin	5mg			Liên hệ
3669	LGC	CDX-00013860-005	Methysticin	5mg			Liên hệ
3670	LGC	CDX-00013860-010	Methysticin(P)	10mg			Liên hệ
3671	LGC	CDX-00013870-005	Mevastatin(P)	5mg			Liên hệ
3672	LGC	CDX-00013870-010	Mevastatin(P)	10mg			Liên hệ
3673	LGC	CDX-00013873-010	Mevinolin	10mg			Liên hệ
3674	LGC	CDX-00013875-100	Miconazole	100mg			Liên hệ
3675	LGC	CDX-00013876-00S	Milk Thistle Snap-N -Shoot Kit (SH)	3x1ml			Liên hệ
3676	LGC	CDX-00013879-005	Mogroside V(AS)	5mg			Liên hệ
3677	LGC	CDX-00013879-010	Mogroside V(AS)	10mg			Liên hệ
3678	LGC	CDX-00013879-025	Mogroside V(AS)	25mg			Liên hệ
3679	LGC	CDX-00013880-005	Milk Thistle Standards Kit	3x5mg			Liên hệ
3680	LGC	CDX-00013880-010	Milk Thistle Standards Kit	3x10mg			Liên hệ
3681	LGC	CDX-00013881-005	Mogroside V(P)	5mg			Liên hệ
3682	LGC	CDX-00013881-010	Mogroside V(P)	10mg			Liên hệ
3683	LGC	CDX-00013881-025	MOGROSIDE V(P)	25mg			Liên hệ

3684	LGC	CDX-00013881-100	MOGROSIDE V(P)	100mg			Liên hệ
3685	LGC	CDX-00013882-005	"Mogroside V, 11-OXO-(P) "	5mg			Liên hệ
3686	LGC	CDX-00013882-010	"Mogroside V, 11-OXO-(P) "	10mg			Liên hệ
3687	LGC	CDX-00013882-050	Mogroside V, 11-oxo-(P)	50mg			Liên hệ
3688	LGC	CDX-00013883-001	Mogroside IIIE(P)	1mg			Liên hệ
3689	LGC	CDX-00013883-005	MOGROSIDE IIIE(P)	5mg			Liên hệ
3690	LGC	CDX-00013884-001	Mollugin	1mg			Liên hệ
3691	LGC	CDX-00013884-005	Mollugin	5mg			Liên hệ
3692	LGC	CDX-00013891-010	Monocrotalin (Crotalin)	10mg			Liên hệ
3693	LGC	CDX-00013892-001	Mollicellin H (Please Call)	1mg			Liên hệ
3694	LGC	CDX-00013892-005	Mollicellin H (Please Call)	5mg			Liên hệ
3695	LGC	CDX-00013893-001	Mollicellin H	1mg			Liên hệ
3696	LGC	CDX-00013893-250	Mollicellin H	250ug			Liên hệ
3697	LGC	CDX-00013894-001	Mollicellin I	1mg			Liên hệ
3698	LGC	CDX-00013894-250	Mollicellin I	250ug			Liên hệ
3699	LGC	CDX-00013895-001	Morin	1g			Liên hệ
3700	LGC	CDX-00013896-010	MORIN(SH)	10mg			Liên hệ
3701	LGC	CDX-00013896-050	Morin	50mg			Liên hệ
3702	LGC	CDX-00013897-005	Monatin	5mg			Liên hệ
3703	LGC	CDX-00013897-010	Monatin	10mg			Liên hệ
3704	LGC	CDX-00013898-005	Monotropein	5mg			Liên hệ
3705	LGC	CDX-00013898-010	Monotropein	10mg			Liên hệ
3706	LGC	CDX-00013898-050	Monotropein	50mg			Liên hệ
3707	LGC	CDX-00013899-001	Muic acid	1g			Liên hệ
3708	LGC	CDX-00013905-005	(+)-Muramicacid	5mg			Liên hệ
3709	LGC	CDX-00013905-010	(+)-Muramic acid	10mg			Liên hệ
3710	LGC	CDX-00013906-001	Muristerone A	1mg			Liên hệ
3711	LGC	CDX-00013906-005	Muristerone A	5mg			Liên hệ
3712	LGC	CDX-00013907-005	Muscimol	5mg			Liên hệ
3713	LGC	CDX-00013907-010	Muscimol	10mg			Liên hệ
3714	LGC	CDX-00013907-025	Muscimol	25mg			Liên hệ
3715	LGC	CDX-00013911-010	Myosmine	10mg			Liên hệ
3716	LGC	CDX-00013911-050	Myosmine	50mg			Liên hệ
3717	LGC	CDX-00013915-005	(+/-)-Myricanol	5mg			Liên hệ
3718	LGC	CDX-00013918-001	Myrcene(SG)	1g			Liên hệ
3719	LGC	CDX-00013918-100	Myrcene(SG)	100mg			Liên hệ
3720	LGC	CDX-00013919-001	Myricetin(Cannabiscetin)	1g			Liên hệ
3721	LGC	CDX-00013921-005	Myricetin(Cannabiscetin)(P)	5mg			Liên hệ

3722	LGC	CDX-00013921-010	Myricetin(Cannabiscetin)(P)	10mg			Liên hệ
3723	LGC	CDX-00013921-025	Myricetin (Cannabiscetin)	25mg			Liên hệ
3724	LGC	CDX-00013924-010	Myricetin Trimethylether	10mg			Liên hệ
3725	LGC	CDX-00013925-010	MYRICITRIN(MYRICETIN-3-O-RHAMNOSIDE)(P)	10mg			Liên hệ
3726	LGC	CDX-00013930-010	Myristic Acid(SG)	10mg			Liên hệ
3727	LGC	CDX-00013930-100	Myristic Acid(SG)	100mg			Liên hệ
3728	LGC	CDX-00013935-010	Myristicin	10mg			Liên hệ
3729	LGC	CDX-00013935-100	Myristicin	100mg			Liên hệ
3730	LGC	CDX-00013940-001	Myristicin Aldehyde	1g			Liên hệ
3731	LGC	CDX-00013945-005	Myristoyl Choline Chloride(P)	5mg			Liên hệ
3732	LGC	CDX-00013945-010	Myristoyl Choline Chloride(P)	10mg			Liên hệ
3733	LGC	CDX-00013945-050	Myristoyl Choline Chloride(P)	50mg			Liên hệ
3734	LGC	CDX-00013945-250	Myristoyl Choline Chloride(P)	250mg			Liên hệ
3735	LGC	CDX-00013951-001	(-)-trans-Myrtenol	1g			Liên hệ
3736	LGC	CDX-00013952-001	-(-)-Myrtenal	1g			Liên hệ
3737	LGC	CDX-00013953-001	(-)-Myrtenol	1ml			Liên hệ
3738	LGC	CDX-00013954-00A	Myxoxanthophyll(SH)	2.5ml			Liên hệ
3739	LGC	CDX-00013955-005	Mitraphylline(P)	5mg			Liên hệ
3740	LGC	CDX-00013955-010	Mitraphylline(P)	10mg			Liên hệ
3741	LGC	CDX-00013961-001	(+/-)- Menthone	1g			Liên hệ
3742	LGC	CDX-00013962-100	(-)-Menthol	100mg			Liên hệ
3743	LGC	CDX-00013965-001	Menthofuran	1g			Liên hệ
3744	LGC	CDX-00013965-100	Menthofuran	100mg			Liên hệ
3745	LGC	CDX-00013966-001	Menthol, (-)-(SG)	1g			Liên hệ
3746	LGC	CDX-00013966-100	MENTHOL, (-)-(SG)	100mg			Liên hệ
3747	LGC	CDX-00013967-001	Menthol, (+)-(SG)	1g			Liên hệ
3748	LGC	CDX-00013967-100	(+)-Menthol	100mg			Liên hệ
3749	LGC	CDX-00013968-001	DL-Menthol	1g			Liên hệ
3750	LGC	CDX-00013968-100	DL-Menthol	100mg			Liên hệ
3751	LGC	CDX-00013969-001	Menthone, (-)-(SG)	1g			Liên hệ
3752	LGC	CDX-00013969-100	(-)-Menthone	100mg			Liên hệ
3753	LGC	CDX-00013970-001	L-Menthyl Acetate	1g			Liên hệ
3754	LGC	CDX-00013970-100	Menthyl Acetate, L-(SG)	100mg			Liên hệ
3755	LGC	CDX-00013975-001	Menthyl Isovalerate (P)	1g			Liên hệ
3756	LGC	CDX-00013975-005	Menthyl Isovalerate (P)	5g			Liên hệ
3757	LGC	CDX-00013975-100	Menthyl Isovalerate (P)	100mg			Liên hệ
3758	LGC	CDX-00013998-001	Neem standards kit	4x1mg			Liên hệ
3759	LGC	CDX-00013998-005	Neem standards kit	4x5mg			Liên hệ

3760	LGC	CDX-00014002-250	Naphazoline HCl	250mg			Liên hệ
3761	LGC	CDX-00014005-025	Naphthalene-2,3-Dicarboxaldehyde(SH	25mg			Liên hệ
3762	LGC	CDX-00014014-010	a-Naphthoflavone	10mg			Liên hệ
3763	LGC	CDX-00014015-001	beta-Naphthoflavone	1g			Liên hệ
3764	LGC	CDX-00014035-050	Naphthol-As-Bi-n-acetyl-beta-D-glucosaminide	50mg			Liên hệ
3765	LGC	CDX-00014035-250	Naphthol-As-Bi-N-Acetyl-B-D-Glucosa	250mg			Liên hệ
3766	LGC	CDX-00014045-050	Naphthol as-bi-b-D-galactopyranoside	50mg			Liên hệ
3767	LGC	CDX-00014051-001	1,2-Napthoquinone	1g			Liên hệ
3768	LGC	CDX-00014135-010	a-Naphthyl-B-D-Glucuronide	10mg			Liên hệ
3769	LGC	CDX-00014180-001	beta-Naphtol	1g			Liên hệ
3770	LGC	CDX-00014180-100	B-Naphtol	100mg			Liên hệ
3771	LGC	CDX-00014190-001	Naproxen	1g			Liên hệ
3772	LGC	CDX-00014201-005	Narcissin(SH)	5mg			Liên hệ
3773	LGC	CDX-00014205-005	Naringenin	5mg			Liên hệ
3774	LGC	CDX-00014205-010	Naringenin	10mg			Liên hệ
3775	LGC	CDX-00014205-050	Naringenin(P)	50mg			Liên hệ
3776	LGC	CDX-00014206-001	Naringenin	1g			Liên hệ
3777	LGC	CDX-00014206-100	Naringenin	100mg			Liên hệ
3778	LGC	CDX-00014207-005	Naringenin Chalcone	5mg			Liên hệ
3779	LGC	CDX-00014207-010	Naringenin Chalcone	10mg			Liên hệ
3780	LGC	CDX-00014210-010	Naringenin-7-O-Glucoside	10mg			Liên hệ
3781	LGC	CDX-00014220-005	Naringin	5mg			Liên hệ
3782	LGC	CDX-00014220-010	Naringin	10mg			Liên hệ
3783	LGC	CDX-00014220-025	Naringin(P)	25mg			Liên hệ
3784	LGC	CDX-00014220-100	NARINGIN(P)	100mg			Liên hệ
3785	LGC	CDX-00014221-005	Naringin(SH)	5mg			Liên hệ
3786	LGC	CDX-00014221-010	Naringin	10mg			Liên hệ
3787	LGC	CDX-00014222-100	Naringin	100mg			Liên hệ
3788	LGC	CDX-00014230-005	Narirutin(SH)	5mg			Liên hệ
3789	LGC	CDX-00014230-010	Narirutin(SH)	10mg			Liên hệ
3790	LGC	CDX-00014230-025	Narirutin	25mg			Liên hệ
3791	LGC	CDX-00014230-100	Narirutin	100mg			Liên hệ
3792	LGC	CDX-00014231-100	Narirutin	100mg			Liên hệ
3793	LGC	CDX-00014233-005	Neesinoside A	5mg			Liên hệ
3794	LGC	CDX-00014233-010	Neesinoside A	10mg			Liên hệ
3795	LGC	CDX-00014234-001	Neobavaisoflavone	1mg			Liên hệ
3796	LGC	CDX-00014234-005	Neobavaisoflavone	5mg			Liên hệ
3797	LGC	CDX-00014235-010	Neocuproine	10mg			Liên hệ

3798	LGC	CDX-00014235-050	Neocuproine	50mg		Liên hệ
3799	LGC	CDX-00014240-010	Neocuproine Hydrochloride	10mg		Liên hệ
3800	LGC	CDX-00014240-050	Neocuproine hydrochloride	50mg		Liên hệ
3801	LGC	CDX-00014241-005	Neodiosmin	5mg		Liên hệ
3802	LGC	CDX-00014250-005	Neohesperidin(SH)	5mg		Liên hệ
3803	LGC	CDX-00014250-010	Neohesperidin(SH)	10mg		Liên hệ
3804	LGC	CDX-00041367-005	Indian sarsaparilla (hemidesmus indicus) root [whole/cut] RGBRM	5g		Liên hệ
3805	LGC	CDX-00014255-005	Neohesperidin dihydrochalcone	5mg		Liên hệ
3806	LGC	CDX-00014255-010	Neohesperidin Dihydrochalcone (P)	10mg		Liên hệ
3807	LGC	CDX-00014255-250	Neohesperidin Dihydrochalcone	250mg		Liên hệ
3808	LGC	CDX-00031367-005	Indian sarsaparilla (hemidesmus indicus) root RGBRM	5g		Liên hệ
3809	LGC	CDX-00014260-100	Neohesperidose	100mg		Liên hệ
3810	LGC	CDX-00014270-005	NEOLINUSTATIN(P)	5mg		Liên hệ
3811	LGC	CDX-00014270-010	Neolinustatin	10mg		Liên hệ
3812	LGC	CDX-00014270-025	Neolinustatin	25mg		Liên hệ
3813	LGC	CDX-00014273-001	DL-Neomenthol	1g		Liên hệ
3814	LGC	CDX-00014273-010	Neomenthol, DI-(AS)	10mg		Liên hệ
3815	LGC	CDX-00014273-025	Neomenthol, DI-(AS)	25mg		Liên hệ
3816	LGC	CDX-00014275-001	(+)-Neomenthol	1g		Liên hệ
3817	LGC	CDX-00014276-001	(1S)(+)-Neomenthylacetate	1g		Liên hệ
3818	LGC	CDX-00014276-100	(1S)(+)-Neomenthylacetate	100mg		Liên hệ
3819	LGC	CDX-00014277-001	(1R)(-)-Neomenthylacetate	1g		Liên hệ
3820	LGC	CDX-00014277-100	(1R)(-)-Neomenthylacetate	100mg		Liên hệ
3821	LGC	CDX-00014279-005	Neotame	5mg		Liên hệ
3822	LGC	CDX-00014279-010	Neotame	10mg		Liên hệ
3823	LGC	CDX-00014280-050	Neostigmine bromide	50mg		Liên hệ
3824	LGC	CDX-00014285-050	Neostigmine methyl sulfate	50mg		Liên hệ
3825	LGC	CDX-00014287-005	Neoruscogenin(P)	5mg		Liên hệ
3826	LGC	CDX-00014287-010	Neoruscogenin	10mg		Liên hệ
3827	LGC	CDX-00014288-00A	Neoxanthin in Ethanol (1.491 mg/L)	2.5ml		Liên hệ
3828	LGC	CDX-00014290-001	Nerol	1g		Liên hệ
3829	LGC	CDX-00014290-100	NEROL(SG)	100mg		Liên hệ
3830	LGC	CDX-00014291-001	cis-Nerolidol	1g		Liên hệ
3831	LGC	CDX-00014292-001	trans-Nerolidol	1g		Liên hệ
3832	LGC	CDX-00014293-001	(cis + trans)-Nerolidol (SG)	1g		Liên hệ
3833	LGC	CDX-00014300-050	Nervonic Acid 98%	50mg		Liên hệ
3834	LGC	CDX-00014301-001	Neryl Acetate(P)	1g		Liên hệ
3835	LGC	CDX-00014301-100	Neryl Acetate(P)	100mg		Liên hệ

3836	LGC	CDX-00014301-250	Neryl Acetate(P)	250mg			Liên hệ
3837	LGC	CDX-00014303-001	Niacin	1g			Liên hệ
3838	LGC	CDX-00014303-250	Niacin	250mg			Liên hệ
3839	LGC	CDX-00014304-100	Nicotine	100mg			Liên hệ
3840	LGC	CDX-00014305-001	Nimbin	1mg			Liên hệ
3841	LGC	CDX-00014305-005	Nimbin	5mg			Liên hệ
3842	LGC	CDX-00014305-010	Nimbin	10mg			Liên hệ
3843	LGC	CDX-00030816-005	Isatis (isatis indigotica) root RGBRM	5g			Liên hệ
3844	LGC	CDX-00014308-100	beta-Nicotinamideadeninedinucleotide	100mg			Liên hệ
3845	LGC	CDX-00014328-025	NICOTINAMIDE ADENINE DINUCLEOTIDE SODIUM SALT HYDRATE, BETA- (AS)	25mg			Liên hệ
3846	LGC	CDX-00014328-100	NICOTINAMIDE ADENINE DINUCLEOTIDE SODIUM SALT HYDRATE, BETA- (AS)	100mg			Liên hệ
3847	LGC	CDX-00014330-001	Nitidine chloride	1mg			Liên hệ
3848	LGC	CDX-00014330-005	Nitidine chloride	5mg			Liên hệ
3849	LGC	CDX-00014365-010	4-Nitrophenyl-alpha-L-fucopyranoside	10mg			Liên hệ
3850	LGC	CDX-00014370-010	4-Nitrophenyl-beta-L-fucopyranoside	10mg			Liên hệ
3851	LGC	CDX-00014375-001	Nitrophenyl-A-D-Galactopyranoside,	1g			Liên hệ
3852	LGC	CDX-00014378-005	Nitine (Benzyl analog of Taxol)	5mg			Liên hệ
3853	LGC	CDX-00014378-010	Nitine (Benzyl analog of Taxol)	10mg			Liên hệ
3854	LGC	CDX-00014378-025	Nitine (Benzyl analog of Taxol)	25mg			Liên hệ
3855	LGC	CDX-00014380-001	Nitrophenyl-B-D-Galactopyranoside,	1g			Liên hệ
3856	LGC	CDX-00014380-100	2-Nitrophenyl-beta-D-galactopyranoside	100mg			Liên hệ
3857	LGC	CDX-00014385-001	Nitrophenyl-B-D-Galactopyranoside,	1g			Liên hệ
3858	LGC	CDX-00014390-001	Nitrophenyl-B-D-Galactopyranoside,	1g			Liên hệ
3859	LGC	CDX-00014390-100	4-Nitrophenyl-beta-D-galactopyranoside	100mg			Liên hệ
3860	LGC	CDX-00014405-001	Nitrophenyl-B-D-Glucopyranoside, 2-	1g			Liên hệ
3861	LGC	CDX-00014405-100	Nitrophenyl-B-D-Glucopyranoside, 2-	100mg			Liên hệ
3862	LGC	CDX-00014410-100	3-Nitrophenyl-beta-D-glucopyranoside	100mg			Liên hệ
3863	LGC	CDX-00009190-010	ISOBERGAPTEN(AS)	10mg			Liên hệ
3864	LGC	CDX-00014415-100	4-Nitrophenyl-beta-D-glucopyranoside	100mg			Liên hệ
3865	LGC	CDX-00014435-001	4-Nitrophenyl-alpha-D-mannopyranoside	1g			Liên hệ
3866	LGC	CDX-00014435-100	Nitrophenyl-A-D-Mannopyranoside, 4-	100mg			Liên hệ
3867	LGC	CDX-00014480-050	2-Nitrophenyl-beta-D-xylopyranoside	50mg			Liên hệ
3868	LGC	CDX-00014480-250	2-Nitrophenyl-beta-D-xylopyranoside	250mg			Liên hệ
3869	LGC	CDX-00014485-001	2-Nitrophenyl-beta-D-xylopyranoside	1g			Liên hệ
3870	LGC	CDX-00014485-100	2-Nitrophenyl-beta-D-xylopyranoside	100mg			Liên hệ
3871	LGC	CDX-00014486-001	N-Nonadecane	1g			Liên hệ
3872	LGC	CDX-00014487-001	gamma-Nonalactone	1g			Liên hệ
3873	LGC	CDX-00014488-001	Nonane	1g			Liên hệ

3874	LGC	CDX-00014489-005	Normicotine Dipicrate	5mg		Liên hệ
3875	LGC	CDX-00014490-005	Nobiletin(P)	5mg		Liên hệ
3876	LGC	CDX-00014490-010	Nobiletin	10mg		Liên hệ
3877	LGC	CDX-00014490-025	Nobiletin	25mg		Liên hệ
3878	LGC	CDX-00014492-005	Nodakenin	5mg		Liên hệ
3879	LGC	CDX-00014492-010	Nodakenin	10mg		Liên hệ
3880	LGC	CDX-00014492-050	Nodakenin	50mg		Liên hệ
3881	LGC	CDX-00014492-100MG	Nodakenin (P)	100mg		Liên hệ
3882	LGC	CDX-00014494-005	Nomilin	5mg		Liên hệ
3883	LGC	CDX-00014494-010	Nomilin	10mg		Liên hệ
3884	LGC	CDX-00014494-025	NOMILIN(P)	25mg		Liên hệ
3885	LGC	CDX-00014494-100	Nomilin	100mg		Liên hệ
3886	LGC	CDX-00014495-001	Nomilin	1g		Liên hệ
3887	LGC	CDX-00014495-005	Nomilin	5mg		Liên hệ
3888	LGC	CDX-00014495-010	Nomilin	10mg		Liên hệ
3889	LGC	CDX-00014495-100	Nomilin	100mg		Liên hệ
3890	LGC	CDX-00014495-250	Nomilin	250mg		Liên hệ
3891	LGC	CDX-00014496-001	Nonalactone	1g		Liên hệ
3892	LGC	CDX-00014497-001	Nootkatone	1g		Liên hệ
3893	LGC	CDX-00014497-100	Nootkatone(Sg)	100mg		Liên hệ
3894	LGC	CDX-00014498-001	Norcamphor(SG)	1g		Liên hệ
3895	LGC	CDX-00014498-250	Norcamphor	250mg		Liên hệ
3896	LGC	CDX-00009190-005	Isobergaptin(Sh)	ea		Liên hệ
3897	LGC	CDX-00014501-010	Norbixin(P)	onrequest		Liên hệ
3898	LGC	CDX-00014515-500	Norharman(SH)	500mg		Liên hệ
3899	LGC	CDX-00014517-005	Norisoboldine	5mg		Liên hệ
3900	LGC	CDX-00014517-010	Norisoboldine	10mg		Liên hệ
3901	LGC	CDX-00014520-001	D-Norleucine	1g		Liên hệ
3902	LGC	CDX-00014525-001	Norleucine, L-(Aminocaproic Acid)(R)	1g		Liên hệ
3903	LGC	CDX-00014525-005	L-Norleucine (Aminocaproic acid)	5g		Liên hệ
3904	LGC	CDX-00014525-100	Norleucine, L-(Aminocaproic Acid)(R)	100mg		Liên hệ
3905	LGC	CDX-00014530-010	DL-Nornicotine	10mg		Liên hệ
3906	LGC	CDX-00014530-025	DL-Nornicotine	25mg		Liên hệ
3907	LGC	CDX-00014535-001	L-Norvaline	1g		Liên hệ
3908	LGC	CDX-00014535-005	L-Norvaline	5g		Liên hệ
3909	LGC	CDX-00014536-001	L-Norvaline	1g		Liên hệ
3910	LGC	CDX-00014536-100	L-Norvaline	100mg		Liên hệ
3911	LGC	CDX-00014539-200	Nortriptyline HCl (Coming Soon)	200mg		Liên hệ

3912	LGC	CDX-00014540-001	DL-Norvaline	1g			Liên hệ
3913	LGC	CDX-00014540-100	DL-Norvaline	100mg			Liên hệ
3914	LGC	CDX-00014541-010	1-Nonadecanol	10mg			Liên hệ
3915	LGC	CDX-00014541-100	1-Nonadecanol	100mg			Liên hệ
3916	LGC	CDX-00014542-001	Nonadecanoic acid methyl ester	1g			Liên hệ
3917	LGC	CDX-00014545-001	Nonanol, 2-(SG)	1g			Liên hệ
3918	LGC	CDX-00014547-001	Nonanol, 5-(SG)	1g			Liên hệ
3919	LGC	CDX-00014550-001	2-Nonanone	1g			Liên hệ
3920	LGC	CDX-00014600-005	Notoginsenoside R1(SH)	5mg			Liên hệ
3921	LGC	CDX-00014600-010	Notoginsenoside R1	10mg			Liên hệ
3922	LGC	CDX-00014601-005	NOTOGINSENOSE R1(P)	5mg			Liên hệ
3923	LGC	CDX-00014601-010	NOTOGINSENOSE R1(P)	10mg			Liên hệ
3924	LGC	CDX-00014620-005	Notopterol	5mg			Liên hệ
3925	LGC	CDX-00014620-010	Notopterol	10mg			Liên hệ
3926	LGC	CDX-00015010-005	Obacunone	5mg			Liên hệ
3927	LGC	CDX-00015030-005	Ochratoxin A	5mg			Liên hệ
3928	LGC	CDX-00015033-001	1,8-Octanediol	1g			Liên hệ
3929	LGC	CDX-00015035-010	1-Octacosanol	10mg			Liên hệ
3930	LGC	CDX-00015035-025	1-Octacosanol	25mg			Liên hệ
3931	LGC	CDX-00015035-100	Octacosanol, 1-(P)	100mg			Liên hệ
3932	LGC	CDX-00015036-001	N-Octane	1g			Liên hệ
3933	LGC	CDX-00015037-001	1-Octanol	1g			Liên hệ
3934	LGC	CDX-00015038-001	3-Octanol	1mg			Liên hệ
3935	LGC	CDX-00015039-001	OCTANONE,2-(SG)	1g			Liên hệ
3936	LGC	CDX-00015040-001	Octanone,3-(SG)	1g			Liên hệ
3937	LGC	CDX-00015041-001	gamma-Octalactone	1g			Liên hệ
3938	LGC	CDX-00015042-001	delta-Octalactone	1g			Liên hệ
3939	LGC	CDX-00015042-100	Octalactone, Delta-(SG)	100mg			Liên hệ
3940	LGC	CDX-00015043-001	Octylgallate	1g			Liên hệ
3941	LGC	CDX-00015044-010	Oxyacanthine Hydrochloride	10mg			Liên hệ
3942	LGC	CDX-00015046-050	Octopamine HCl	50mg			Liên hệ
3943	LGC	CDX-00015046-100	Octopamine Hcl(P)	100mg			Liên hệ
3944	LGC	CDX-00015050-001	N-Octyl-beta-D-glucopyranoside	1g			Liên hệ
3945	LGC	CDX-00015050-100	N-Octyl-beta-D-glucopyranoside	100mg			Liên hệ
3946	LGC	CDX-00015106-010	Cajeput oil	10ml			Liên hệ
3947	LGC	CDX-00015110-005	Chamomile oil	5g			Liên hệ
3948	LGC	CDX-00015125-010	Citronella oil	10ml			Liên hệ
3949	LGC	CDX-00030357-005	Japanese Honeysuckle (Lonicera Japonica) Flower RGBRM	5g			Liên hệ



3950	LGC	CDX-00015170-001	Ginger oil	1g		Liên hệ
3951	LGC	CDX-00015170-005	Ginger oil	5g		Liên hệ
3952	LGC	CDX-00015175-010	Grapefruit oil	10ml		Liên hệ
3953	LGC	CDX-00015178-010	Jojba oil	10ml		Liên hệ
3954	LGC	CDX-00041378-005	Jergon Sacha (Dracontium spruceanum) Rhizome [WHOLE/CUT] VBRM	5g		Liên hệ
3955	LGC	CDX-00031378-005	Jergon Sacha (Dracontium Spruceanum) Rhizome Vbrm	5g		Liên hệ
3956	LGC	CDX-00015210-001	Origanum oil	1ml		Liên hệ
3957	LGC	CDX-00015210-010	Origanum oil	10ml		Liên hệ
3958	LGC	CDX-00030355-005	Jojoba Defatted Seed(Meal) RGBRM	5g		Liên hệ
3959	LGC	CDX-00015220-010	Parsley oil	10ml		Liên hệ
3960	LGC	CDX-00015220-100	Parsley Oil	100ml		Liên hệ
3961	LGC	CDX-00015225-010	Patchouly oil	10ml		Liên hệ
3962	LGC	CDX-00030358-005	Jujube (Ziziphus Jujuba) Fruit RGBRM	5g		Liên hệ
3963	LGC	CDX-00015232-001	Spike oil	1ml		Liên hệ
3964	LGC	CDX-00015232-010	Spike oil	10ml		Liên hệ
3965	LGC	CDX-00015240-010	Thyme oil	10ml		Liên hệ
3966	LGC	CDX-00030814-005	Jujube (ziziphus jujuba) seed RGBRM	5g		Liên hệ
3967	LGC	CDX-00015289-005	Oleander Standards Kit	3x5mg		Liên hệ
3968	LGC	CDX-00015289-010	Oleander Standards Kit	3x10mg		Liên hệ
3969	LGC	CDX-00015290-005	Oleandrin(Please Call)(P)	5mg		Liên hệ
3970	LGC	CDX-00015290-010	Oleandrin	10mg		Liên hệ
3971	LGC	CDX-00015290-025	Oleandrin(P)	25mg		Liên hệ
3972	LGC	CDX-00015292-005	Oleaside A(P)	5mg		Liên hệ
3973	LGC	CDX-00015292-010	Oleaside A(P)	10mg		Liên hệ
3974	LGC	CDX-00015292-025	Oleaside A(P)	25mg		Liên hệ
3975	LGC	CDX-00015300-010	Oleanolic Acid Methyl Ester(SG)	10mg		Liên hệ
3976	LGC	CDX-00015301-050	Oleanolic Acid	50mg		Liên hệ
3977	LGC	CDX-00015301-250	Oleanolic acid	250mg		Liên hệ
3978	LGC	CDX-00015302-025	Oleanolic Acid	25mg		Liên hệ
3979	LGC	CDX-00015303-010	Oleanolic Acid(P)	10mg		Liên hệ
3980	LGC	CDX-00015303-025	OLEANOLIC ACID(P)	25mg		Liên hệ
3981	LGC	CDX-00015304-005	l-oxo-Oleanolicacid	5mg		Liên hệ
3982	LGC	CDX-00015305-001	Oleic Acid(SG)	1g		Liên hệ
3983	LGC	CDX-00015305-010	Oleic Acid	10mg		Liên hệ
3984	LGC	CDX-00015305-100	Oleic Acid	100mg		Liên hệ
3985	LGC	CDX-00015306-001	Oleic Acid Methylester(SG)	1g		Liên hệ
3986	LGC	CDX-00015306-100	Oleic Acid Methylester	100mg		Liên hệ
3987	LGC	CDX-00015310-005	Oleuropein	5mg		Liên hệ

3988	LGC	CDX-00015310-010	Oleuropein	10mg			Liên hệ
3989	LGC	CDX-00015310-025	Oleuropein	25mg			Liên hệ
3990	LGC	CDX-00015310-100	Oleuropein	100mg			Liên hệ
3991	LGC	CDX-00015311-001	Oleuropein	1g			Liên hệ
3992	LGC	CDX-00015311-100	Oleuropein	100mg			Liên hệ
3993	LGC	CDX-00015312-010	OLEUROPEIN(SH)	10mg			Liên hệ
3994	LGC	CDX-00015312-050	Oleuropein	50mg			Liên hệ
3995	LGC	CDX-00015350-0HK	Olive Leaf(Oleuropein) Hplc Analsi	25mg			Liên hệ
3996	LGC	CDX-00015371-005	Ononin(SH)	5mg			Liên hệ
3997	LGC	CDX-00015375-001	Oridonin	1mg			Liên hệ
3998	LGC	CDX-00015380-005	Orientin(P)	5mg			Liên hệ
3999	LGC	CDX-00015380-010	Orientin(P)	10mg			Liên hệ
4000	LGC	CDX-00015381-005	Orientin	5mg			Liên hệ
4001	LGC	CDX-00015390-001	L-Ornithine HCL(AS)	1g			Liên hệ
4002	LGC	CDX-00015390-100	L-Ornithine HCl	100mg			Liên hệ
4003	LGC	CDX-00015391-001	L-Ornithine HCl	1g			Liên hệ
4004	LGC	CDX-00015420-005	Osthole(P)	5mg			Liên hệ
4005	LGC	CDX-00015420-010	Osthole(P)	10mg			Liên hệ
4006	LGC	CDX-00015420-025	Osthole(P)	25mg			Liên hệ
4007	LGC	CDX-00015425-001	Oxalic Acid	1g			Liên hệ
4008	LGC	CDX-00015425-250	Oxalic Acid	250mg			Liên hệ
4009	LGC	CDX-00015430-005	16-Oxocafestol	5mg			Liên hệ
4010	LGC	CDX-00015430-025	16-Oxocafestol	25mg			Liên hệ
4011	LGC	CDX-00015440-005	16-Oxokahweol	5mg			Liên hệ
4012	LGC	CDX-00015442-005	OXOSITOSTENONE, 6-(P)	5mg			Liên hệ
4013	LGC	CDX-00015442-010	6-Oxositostenone	10mg			Liên hệ
4014	LGC	CDX-00015455-010	Oxyacanthine sulfate	10mg			Liên hệ
4015	LGC	CDX-00015480-010	OXYMATRINE(P)	10mg			Liên hệ
4016	LGC	CDX-00015490-001	Oxypeucedanin	1mg			Liên hệ
4017	LGC	CDX-00015490-005	OXYPEUCEDANIN(P)	5mg			Liên hệ
4018	LGC	CDX-00015490-010	Oxypeucedanin	10mg			Liên hệ
4019	LGC	CDX-00015495-005	Oxypeucedanin hydrate	5mg			Liên hệ
4020	LGC	CDX-00015495-010	Oxypeucedanin Hydrate (P)	10mg			Liên hệ
4021	LGC	CDX-00015495-025	Oxypeucedanin hydrate	25mg			Liên hệ
4022	LGC	CDX-00015495-100	Oxypeucedanin hydrate	100mg			Liên hệ
4023	LGC	CDX-00016001-001	P57 (Hoodia)	1mg			Liên hệ
4024	LGC	CDX-00016001-005	P57(P)	5mg			Liên hệ
4025	LGC	CDX-00016005-050	Pongamol	50mg			Liên hệ

4026	LGC	CDX-00031185-005	Kava kava (piper methysticum) root RGBRM	5g		Liên hệ
4027	LGC	CDX-00016009-001	Paclitaxel	1g		Liên hệ
4028	LGC	CDX-00016010-005	Paclitaxel	5mg		Liên hệ
4029	LGC	CDX-00016010-010	Paclitaxel	10mg		Liên hệ
4030	LGC	CDX-00016010-025	Paclitaxel	25mg		Liên hệ
4031	LGC	CDX-00016010-250	Paclitaxel	250mg		Liên hệ
4032	LGC	CDX-00016011-001	Paclitaxel C13 Labeled for Non-Human use only	1mg		Liên hệ
4033	LGC	CDX-00016011-005	Paclitaxel C13 Labeled(P) For Non-H	5mg		Liên hệ
4034	LGC	CDX-00016012-005	Paclitaxel Solution Std 0.5mg/MI(P)	5ml		Liên hệ
4035	LGC	CDX-00016012-010	Paclitaxel Solution Std 0.5mg/MI(P)	10ml		Liên hệ
4036	LGC	CDX-00016013-005	Paclitaxel 13C [~1.0mg/ml] (in solution)	5ml		Liên hệ
4037	LGC	CDX-00016015-005	2-d5-Benzoylpaclitaxel	5mg		Liên hệ
4038	LGC	CDX-00016015-010	2-d5-Benzoylpaclitaxel	10mg		Liên hệ
4039	LGC	CDX-00016015-025	2-d5-Benzoylpaclitaxel	25mg		Liên hệ
4040	LGC	CDX-00016020-005	Paeoniflorin(P)	5mg		Liên hệ
4041	LGC	CDX-00016020-010	Paeoniflorin	10mg		Liên hệ
4042	LGC	CDX-00016020-025	Paeoniflorin	25mg		Liên hệ
4043	LGC	CDX-00016025-010	Pratol	10mg		Liên hệ
4044	LGC	CDX-00016030-005	Paeonol	5mg		Liên hệ
4045	LGC	CDX-00016030-010	Paeonol	10mg		Liên hệ
4046	LGC	CDX-00016030-025	Paeonol	25mg		Liên hệ
4047	LGC	CDX-00016040-010	Palatinose	10mg		Liên hệ
4048	LGC	CDX-00016040-025	Palatinose	25mg		Liên hệ
4049	LGC	CDX-00016049-010	Palmatine	10mg		Liên hệ
4050	LGC	CDX-00016049-025	Palmatine	25mg		Liên hệ
4051	LGC	CDX-00016049-100	Palmatine	100mg		Liên hệ
4052	LGC	CDX-00016050-010	Palmatine Chloride	10mg		Liên hệ
4053	LGC	CDX-00016050-050	Palmatine Chloride	50mg		Liên hệ
4054	LGC	CDX-00016051-005	Palmitic Acid	5g		Liên hệ
4055	LGC	CDX-00016051-010	Palmitic Acid	10mg		Liên hệ
4056	LGC	CDX-00016051-100	Palmitic Acid	100mg		Liên hệ
4057	LGC	CDX-00016053-005	Panaxadiol	5mg		Liên hệ
4058	LGC	CDX-00016053-010	Panaxadiol	10mg		Liên hệ
4059	LGC	CDX-00016054-005	Panaxatriol	5mg		Liên hệ
4060	LGC	CDX-00016055-001	D-Panthenol	1g		Liên hệ
4061	LGC	CDX-00016055-100	D-Panthenol	100mg		Liên hệ
4062	LGC	CDX-00016056-100	D-Panthenol (Dexpanthenol) (Provitamin B)	100mg		Liên hệ
4063	LGC	CDX-00016059-001	Papain	1g		Liên hệ

4064	LGC	CDX-00016059-005	Papain	5g		Liên hệ
4065	LGC	CDX-00016061-005	Panaxidol(AS)	5mg		Liên hệ
4066	LGC	CDX-00016061-010	Panaxidol(AS)	10mg		Liên hệ
4067	LGC	CDX-00016062-005	Panaxynol(AS)	5mg		Liên hệ
4068	LGC	CDX-00016062-010	Panaxynol(AS)	10mg		Liên hệ
4069	LGC	CDX-00016068-005	PARADOL, 6-(P)	5mg		Liên hệ
4070	LGC	CDX-00016068-010	Paradol, 6-(P)	10mg		Liên hệ
4071	LGC	CDX-00016070-010	Parthenolide	10mg		Liên hệ
4072	LGC	CDX-00016070-025	Parthenolide(P)	25mg		Liên hệ
4073	LGC	CDX-00016071-010	Parthenolide(SH)	10mg		Liên hệ
4074	LGC	CDX-00016075-001	Patchouli Alcohol	1mg		Liên hệ
4075	LGC	CDX-00016075-005	Patchouli Alcohol	5mg		Liên hệ
4076	LGC	CDX-00016080-001	Pratensein	1mg		Liên hệ
4077	LGC	CDX-00016080-005	Pratensein	5mg		Liên hệ
4078	LGC	CDX-00016081-005	Passionflower Standards Kit 5Mg	6x5mg		Liên hệ
4079	LGC	CDX-00016081-010	Passionflower Standards Kit 10mg	6x10mg		Liên hệ
4080	LGC	CDX-00016085-005	Patulin	5mg		Liên hệ
4081	LGC	CDX-00016085-010	Patulin	10mg		Liên hệ
4082	LGC	CDX-00016087-001	Paynantheine	1mg		Liên hệ
4083	LGC	CDX-00016087-005	Paynantheine	5mg		Liên hệ
4084	LGC	CDX-00016088-005	Pectolarin	5mg		Liên hệ
4085	LGC	CDX-00016088-010	Pectolarin	10mg		Liên hệ
4086	LGC	CDX-00016088-050	Pectolarin	50mg		Liên hệ
4087	LGC	CDX-00016090-001	Peimine	1mg		Liên hệ
4088	LGC	CDX-00016095-001	Peiminine	1mg		Liên hệ
4089	LGC	CDX-00001980-005	L-Arginine	5g		Liên hệ
4090	LGC	CDX-00001981-100	L-Arginine	100mg		Liên hệ
4091	LGC	CDX-00016115-010	Pregnanediol	10mg		Liên hệ
4092	LGC	CDX-00012110-250	Lecithin (Soy) RG	250mg		Liên hệ
4093	LGC	CDX-00016130-010	Peltatoside	10mg		Liên hệ
4094	LGC	CDX-00016132-100	Pentacosanoic Acid	100mg		Liên hệ
4095	LGC	CDX-00016133-001	N-Pentadecane	1g		Liên hệ
4096	LGC	CDX-00016135-00A	Peridinin	2.5ml		Liên hệ
4097	LGC	CDX-00016136-001	N-Pentadecane	1g		Liên hệ
4098	LGC	CDX-00016137-005	2',4',6',3,4-Pentahydroxychalcone	5mg		Liên hệ
4099	LGC	CDX-00016138-010	Petroselaidic Acid	10mg		Liên hệ
4100	LGC	CDX-00016139-010	Petroselinic Acid	10mg		Liên hệ
4101	LGC	CDX-00016140-001	Phenylacetic Acid Ethylester	1g		Liên hệ

4102	LGC	CDX-00016141-001	PHENYLETHANOL, 1-(AS)	1g		Liên hệ
4103	LGC	CDX-00016141-100	1-Phenylethanol	100mg		Liên hệ
4104	LGC	CDX-00016142-100	2-Phenylethanol	100mg		Liên hệ
4105	LGC	CDX-00016143-001	alpha-Phenylindol	1g		Liên hệ
4106	LGC	CDX-00031158-005	Lemon (citrus limon) peel RGBRM	5g		Liên hệ
4107	LGC	CDX-00031142-005	Lemon verbena (aloesia citriodora) leaf RGBRM	5g		Liên hệ
4108	LGC	CDX-00016147-100	Picrotoxin	100mg		Liên hệ
4109	LGC	CDX-00016148-025	Picrotoxinin	25mg		Liên hệ
4110	LGC	CDX-00016150-00A	PRASINOXANTHIN(SH)	2.5ml		Liên hệ
4111	LGC	CDX-00016151-010	PLATYCODIN D	10mg		Liên hệ
4112	LGC	CDX-00016151-050	Platycodin D	50mg		Liên hệ
4113	LGC	CDX-00016152-001	Polyphyllin B	1mg		Liên hệ
4114	LGC	CDX-00016155-001	Polyphyllin E	1mg		Liên hệ
4115	LGC	CDX-00016156-001	Polyphyllin F	1mg		Liên hệ
4116	LGC	CDX-00016158-250	POTASSIUM SORBATE(P)	250mg		Liên hệ
4117	LGC	CDX-00016160-050	Pravastatin	50mg		Liên hệ
4118	LGC	CDX-00016184-100	Prednisone	100mg		Liên hệ
4119	LGC	CDX-00016184-250	PREDNISONE(P)	250mg		Liên hệ
4120	LGC	CDX-00016194-010	Pregnanetriol	10mg		Liên hệ
4121	LGC	CDX-00016195-100	Pregnenolone	100mg		Liên hệ
4122	LGC	CDX-00016210-010	PRIMIN(SH)	10mg		Liên hệ
4123	LGC	CDX-00016210-025	Primin(P)	25mg		Liên hệ
4124	LGC	CDX-00016211-010	Primulaverin	10mg		Liên hệ
4125	LGC	CDX-00016211-025	Primulaverin	25mg		Liên hệ
4126	LGC	CDX-00016212-010	Primverin	10mg		Liên hệ
4127	LGC	CDX-00016212-025	Primverin	25mg		Liên hệ
4128	LGC	CDX-00016215-010	Primuletin	10mg		Liên hệ
4129	LGC	CDX-00016220-001	Prim-o-glucosylcimifugin	1mg		Liên hệ
4130	LGC	CDX-00016221-010	Prim-o-glucosylcimifugin	10mg		Liên hệ
4131	LGC	CDX-00016221-050	Prim-o-glucosylcimifugin	50mg		Liên hệ
4132	LGC	CDX-00016222-005	Procyanidin A2	5mg		Liên hệ
4133	LGC	CDX-00016222-010	Procyanidin A2	10mg		Liên hệ
4134	LGC	CDX-00016222-025	Procyanidin A2	25mg		Liên hệ
4135	LGC	CDX-00016224-100	Pristane	100mg		Liên hệ
4136	LGC	CDX-00016225-005	Proanthocyanidin Standards Kit	4x5mg		Liên hệ
4137	LGC	CDX-00016226-010	Procaine hydrochloride	10mg		Liên hệ
4138	LGC	CDX-00016227-005	Procyanidin A1 (SH)	5mg		Liên hệ
4139	LGC	CDX-00016228-005	PROCYANIDIN A2(SH)	5mg		Liên hệ

4140	LGC	CDX-00016229-005	Proanthocyanidin Standards Kit	2x5mg			Liên hệ
4141	LGC	CDX-00016230-010	Procyanidin B1	10mg			Liên hệ
4142	LGC	CDX-00016231-001	Procyanidin B2	1mg			Liên hệ
4143	LGC	CDX-00016231-010	Procyanidin B2	10mg			Liên hệ
4144	LGC	CDX-00016232-005	Procyanidin C1	5mg			Liên hệ
4145	LGC	CDX-00016232-010	Procyanidin C1	10mg			Liên hệ
4146	LGC	CDX-00016235-001	Proflavine	1g			Liên hệ
4147	LGC	CDX-00016245-001	Progesterone(Sh)	1g			Liên hệ
4148	LGC	CDX-00016245-250	Progesterone	250mg			Liên hệ
4149	LGC	CDX-00016246-010	Progoitrin Potassium salt	10mg			Liên hệ
4150	LGC	CDX-00016246-025	Progoitrin Potassium salt	25mg			Liên hệ
4151	LGC	CDX-00016254-100	DL-Proline	100mg			Liên hệ
4152	LGC	CDX-00016255-100	L-Proline	100mg			Liên hệ
4153	LGC	CDX-00016256-100	L-Proline	100mg			Liên hệ
4154	LGC	CDX-00016270-001	Propionaldehyde	1g			Liên hệ
4155	LGC	CDX-00016275-100	Propionic acid	100mg			Liên hệ
4156	LGC	CDX-00016280-001	Propyl Disulfide	1g			Liên hệ
4157	LGC	CDX-00016285-001	Propyl-3-Methylpyrazine, 2-(Sg)	1g			Liên hệ
4158	LGC	CDX-00016285-100	Propyl-3-Methylpyrazine, 2-(Sg)	100mg			Liên hệ
4159	LGC	CDX-00016290-001	Propyl Sulfide	1g			Liên hệ
4160	LGC	CDX-00016302-010	Protopine	10mg			Liên hệ
4161	LGC	CDX-00030959-005	Licorice (glycyrrhiza glabra) root RGBRM	5g			Liên hệ
4162	LGC	CDX-00041384-005	Life Everlasting (Helichrysum Stoechas) Flower [Whole/Cut] Rgbrm	5g			Liên hệ
4163	LGC	CDX-00031384-005	Life Everlasting (Helichrysum Stoechas) Flower Rgbrm	5g			Liên hệ
4164	LGC	CDX-00016306-100	Protocatechuic Acid	100mg			Liên hệ
4165	LGC	CDX-00016307-005	Pseudoprotodioscin	5mg			Liên hệ
4166	LGC	CDX-00016310-005	Protodioscin(P)	5mg			Liên hệ
4167	LGC	CDX-00016310-010	Protodioscin(P)	10mg			Liên hệ
4168	LGC	CDX-00016310-025	Protodioscin(P)	25mg			Liên hệ
4169	LGC	CDX-00016310-100	Protodioscin(P)	100mg			Liên hệ
4170	LGC	CDX-00016311-005	PSEUDOPROTODIOSCIN(P)	5mg			Liên hệ
4171	LGC	CDX-00016311-010	Protodioscin, Pseudo-(P)	10mg			Liên hệ
4172	LGC	CDX-00016314-005	Protohypericin	5mg			Liên hệ
4173	LGC	CDX-00016315-010	Protopine HCl (Fumarine HCl)	10mg			Liên hệ
4174	LGC	CDX-00016315-050	Protopine HCl (Fumarine HCl)	onrequest			Liên hệ
4175	LGC	CDX-00016316-005	Protoveratrine A	onrequest			Liên hệ
4176	LGC	CDX-00016317-005	Protoveratrine B	onrequest			Liên hệ
4177	LGC	CDX-00016318-005	Protoveratrine A und B	onrequest			Liên hệ

4178	LGC	CDX-00016319-005	Protopanaxadiol	5mg			Liên hệ
4179	LGC	CDX-00016319-010	Protopanaxadiol	10mg			Liên hệ
4180	LGC	CDX-00016319-025	Protopanaxadiol	25mg			Liên hệ
4181	LGC	CDX-00016320-005	3',4',5',5',7-Pentamethoxyflavone	5mg			Liên hệ
4182	LGC	CDX-00016321-001	Protopanaxadiol	1g			Liên hệ
4183	LGC	CDX-00016321-005	Protopanaxadiol	5g			Liên hệ
4184	LGC	CDX-00016321-010	Protopanaxadiol	10g			Liên hệ
4185	LGC	CDX-00016321-100	Protopanaxadiol	100mg			Liên hệ
4186	LGC	CDX-00016321-101	Protopanaxadiol	1Kg			Liên hệ
4187	LGC	CDX-00016322-005	Protopanaxatriol	5mg			Liên hệ
4188	LGC	CDX-00016322-010	Protopanaxatriol	10mg			Liên hệ
4189	LGC	CDX-00016323-100	2,2,5,7,8-Pentamethyl-6-hydroxychroman	100mg			Liên hệ
4190	LGC	CDX-00016325-010	Prunetin	10mg			Liên hệ
4191	LGC	CDX-00016335-010	Pseudobaptigenin	10mg			Liên hệ
4192	LGC	CDX-00016338-001	Pseudocumene	1g			Liên hệ
4193	LGC	CDX-00016338-100	Pseudocumene(SG)	100mg			Liên hệ
4194	LGC	CDX-00016345-005	Pseudoginsenoside F11(SH)	5mg			Liên hệ
4195	LGC	CDX-00016345-010	Pseudoginsenoside F11	10mg			Liên hệ
4196	LGC	CDX-00016347-005	Pseudoginsenoside Rh2(P)	5mg			Liên hệ
4197	LGC	CDX-00016347-010	Pseudoginsenoside Rh2(P)	10mg			Liên hệ
4198	LGC	CDX-00016348-005	Pseudoginsenoside Rt5(AS)	5mg			Liên hệ
4199	LGC	CDX-00016348-010	Pseudoginsenoside Rt5(AS)	10mg			Liên hệ
4200	LGC	CDX-00016350-001	Pseudolaric acid B	1mg			Liên hệ
4201	LGC	CDX-00016350-005	Pseudolaric acid B	5mg			Liên hệ
4202	LGC	CDX-00016353-025	Pseudopelletierine hydrochloride	25mg			Liên hệ
4203	LGC	CDX-00016355-001	Pseudohypericin	1mg			Liên hệ
4204	LGC	CDX-00016355-005	Pseudohypericin	5mg			Liên hệ
4205	LGC	CDX-00016355-010	Pseudohypericin(P)	10mg			Liên hệ
4206	LGC	CDX-00016357-010	Pseudopelletierine	10mg			Liên hệ
4207	LGC	CDX-00016358-001	Purpurogallin	onrequest			Liên hệ
4208	LGC	CDX-00016359-001	PYRAZINE(SG)	1g			Liên hệ
4209	LGC	CDX-00016359-250	Pyrazine	250mg			Liên hệ
4210	LGC	CDX-00016360-005	Peonidin-3-Glucoside Chloride	onrequest			Liên hệ
4211	LGC	CDX-00016361-001	Isocinchomeric Acid	1g			Liên hệ
4212	LGC	CDX-00016362-001	Pyrogallol	1g			Liên hệ
4213	LGC	CDX-00016362-100	Pyrogallol	100mg			Liên hệ
4214	LGC	CDX-00016364-005	Psoralen (P)	ea			Liên hệ
4215	LGC	CDX-00016364-010	Psoralen (P)	10mg			Liên hệ

4216	LGC	CDX-00016364-025	Psoralen (P)	25mg		Liên hệ
4217	LGC	CDX-00016365-005	Psoralen(Sh)	5mg		Liên hệ
4218	LGC	CDX-00016365-010	Psoralen(SH)	10mg		Liên hệ
4219	LGC	CDX-00016365-025	PSORALEN(SH)	25mg		Liên hệ
4220	LGC	CDX-00016367-005	Psoromic Acid	5mg		Liên hệ
4221	LGC	CDX-00016367-010	Psoromic Acid	10mg		Liên hệ
4222	LGC	CDX-00016371-001	Peonidin chloride	1mg		Liên hệ
4223	LGC	CDX-00016371-005	Peonidin Chloride	5mg		Liên hệ
4224	LGC	CDX-00016371-010	Peonidin Chloride	10mg		Liên hệ
4225	LGC	CDX-00016371-025	PEONIDIN CHLORIDE(P)	25mg		Liên hệ
4226	LGC	CDX-00016373-001	Peonidin Chloride	1g		Liên hệ
4227	LGC	CDX-00016373-250	Peonidin Chloride	250mg		Liên hệ
4228	LGC	CDX-00016374-001	Peonidin-3-O-Galactoside Chloride	1mg		Liên hệ
4229	LGC	CDX-00016374-005	Peonidin-3-O-Galactoside Chloride	5mg		Liên hệ
4230	LGC	CDX-00016374-010	Peonidin-3-O-Galactoside Chloride	10mg		Liên hệ
4231	LGC	CDX-00016376-005	Peonidin-3-O-Arabinoside chloride (SH)	5mg		Liên hệ
4232	LGC	CDX-00016376-010	Peonidin-3-O-Arabinoside chloride (SH)	10mg		Liên hệ
4233	LGC	CDX-00016380-010	Peonin Chloride	10mg		Liên hệ
4234	LGC	CDX-00016385-005	Puerarin	5mg		Liên hệ
4235	LGC	CDX-00016385-010	Puerarin	10mg		Liên hệ
4236	LGC	CDX-00016385-025	Puerarin	25mg		Liên hệ
4237	LGC	CDX-00016390-001	(-)-Perillaldehyde	1g		Liên hệ
4238	LGC	CDX-00016390-100	(-)-Perillaldehyde	100mg		Liên hệ
4239	LGC	CDX-00016391-100	(-)-Perillic Acid	100mg		Liên hệ
4240	LGC	CDX-00016400-001	(-)-Perillyl Alcohol	1ml		Liên hệ
4241	LGC	CDX-00016405-001	PULEGONE, R-(+)-(SG)	1g		Liên hệ
4242	LGC	CDX-00016405-100	R-(+)-Pulegone	100mg		Liên hệ
4243	LGC	CDX-00016406-001	S(-)-Pulegone	1g		Liên hệ
4244	LGC	CDX-00016406-100	"Pulegone, S(-)-(Sg)"	100mg		Liên hệ
4245	LGC	CDX-00016410-001	(+)-Perillyl Alcohol	onrequest		Liên hệ
4246	LGC	CDX-00016412-001	Petunidin chloride	1g		Liên hệ
4247	LGC	CDX-00016412-250	Petunidin chloride	250mg		Liên hệ
4248	LGC	CDX-00016413-010	Peruvoside	10mg		Liên hệ
4249	LGC	CDX-00016414-001	Petunidin chloride	1mg		Liên hệ
4250	LGC	CDX-00016414-005	Petunidin Chloride	5mg		Liên hệ
4251	LGC	CDX-00016414-010	Petunidin Chloride	10mg		Liên hệ
4252	LGC	CDX-00016415-100	Phellandrene, R-(-)-Alpha-(AS)	100mg		Liên hệ
4253	LGC	CDX-00016418-005	Phellopterin	5mg		Liên hệ



4254	LGC	CDX-00016418-010	Phellopterin (P)	10mg		Liên hệ
4255	LGC	CDX-00016435-010	Puromycin	10mg		Liên hệ
4256	LGC	CDX-00016439-050	Phenylephrine HCl(metasyneprine)	50mg		Liên hệ
4257	LGC	CDX-00016439-100	Phenylephrine HCl (Metasyneprine)	100mg		Liên hệ
4258	LGC	CDX-00016439-250	Phenylephrine Hcl(Metasyneprine)(P)	250mg		Liên hệ
4259	LGC	CDX-00016459-050	Phenylethylamine HCl (PEA)(P)	50mg		Liên hệ
4260	LGC	CDX-00016459-100	Phenylethylamine HCl (PEA)	100mg		Liên hệ
4261	LGC	CDX-00016459-200	Phenylethylamine HCl (PEA)	200mg		Liên hệ
4262	LGC	CDX-00016460-005	Phenethyl Glucosinolate Potassium Salt	5mg		Liên hệ
4263	LGC	CDX-00031133-005	Longan (dimocarpus longan) berries RGBRM	5g		Liên hệ
4264	LGC	CDX-00016470-001	Phenylethyl Isothiocyanate	1g		Liên hệ
4265	LGC	CDX-00016470-010	Phenylethy Isothiocyanate (P)	10mg		Liên hệ
4266	LGC	CDX-00016470-050	Phenylethyl isothiocyanate	50mg		Liên hệ
4267	LGC	CDX-00016471-005	Pyruvic Acid 98%	5ml		Liên hệ
4268	LGC	CDX-00016475-001	Pyruvic acid sodium salt 98%	1g		Liên hệ
4269	LGC	CDX-00016475-005	Pyruvic Acid Sodium Salt 98%	5g		Liên hệ
4270	LGC	CDX-00016476-001	Pyridoxal-5-Phosphate	1g		Liên hệ
4271	LGC	CDX-00016476-005	Pyridoxal-5-Phosphate	5g		Liên hệ
4272	LGC	CDX-00016477-001	PyridoxaL-5-phosphate	1g		Liên hệ
4273	LGC	CDX-00016477-100	PyridoxaL-5-phosphate	100mg		Liên hệ
4274	LGC	CDX-00016477-250	PyridoxaL-5-phosphate	250mg		Liên hệ
4275	LGC	CDX-00016500-001	DL-Phenylalanine	1g		Liên hệ
4276	LGC	CDX-00016501-050	Phenylalanine, D1-(P)	50mg		Liên hệ
4277	LGC	CDX-00016501-100	Phenylalanine, D1-(P)	100mg		Liên hệ
4278	LGC	CDX-00016502-100	L-Phenylalanine	100mg		Liên hệ
4279	LGC	CDX-00016503-001	L-Phenylalanine	1g		Liên hệ
4280	LGC	CDX-00016503-100	L-Phenylalanine	100mg		Liên hệ
4281	LGC	CDX-00016503-250	L-Phenylalanine	250mg		Liên hệ
4282	LGC	CDX-00016505-001	4-Phenylbutylamine	1g		Liên hệ
4283	LGC	CDX-00016510-100	4-Phenylbutylisothiocyanate	100mg		Liên hệ
4284	LGC	CDX-00031186-005	Lovage (levisticum officinale) root RGBRM	5g		Liên hệ
4285	LGC	CDX-00016550-100	Phenyl-beta-D-galactopyranoside	100mg		Liên hệ
4286	LGC	CDX-00016559-100	Phenyl-alpha-D-glucopyranoside	100mg		Liên hệ
4287	LGC	CDX-00016559-250	Phenyl-a-D-glucopyranoside	250mg		Liên hệ
4288	LGC	CDX-00016560-001	Phenyl-beta-D-glucopyranoside	1g		Liên hệ
4289	LGC	CDX-00016565-001	p-Phenylenediamine	1g		Liên hệ
4290	LGC	CDX-00016565-250	p-Phenylenediamine	250mg		Liên hệ
4291	LGC	CDX-00016600-001	3-Phenylpropyl Isothiocyanate	1g		Liên hệ

4292	LGC	CDX-00016633-00A	Pheophorbide A (in solution)	2.5ml			Liên hệ
4293	LGC	CDX-00016634-00A	Pheophytin A	2.5ml			Liên hệ
4294	LGC	CDX-00016635-001	Phillyrin	1mg			Liên hệ
4295	LGC	CDX-00016635-005	Phillyrin	5mg			Liên hệ
4296	LGC	CDX-00016640-001	Phloretic Acid	1g			Liên hệ
4297	LGC	CDX-00016650-250	Phloretin	250mg			Liên hệ
4298	LGC	CDX-00016680-500	Phloridzin	500mg			Liên hệ
4299	LGC	CDX-00016681-050	Phloridzin	50mg			Liên hệ
4300	LGC	CDX-00016681-100	Phloridzin	100mg			Liên hệ
4301	LGC	CDX-00016681-500	Phloridzin	500mg			Liên hệ
4302	LGC	CDX-00031115-005	Lycium (lycium barbarum) berries RGBRM	5g			Liên hệ
4303	LGC	CDX-00030861-005	Magnolia (magnolia biondII) flower RGBRM	5g			Liên hệ
4304	LGC	CDX-00016720-001	DL-Phosphothreonine	1g			Liên hệ
4305	LGC	CDX-00031135-005	Maitake mushroom (grifola frondosa) whole RGBRM	5g			Liên hệ
4306	LGC	CDX-00016721-100	Phosphatidylcholine(soy)	100mg			Liên hệ
4307	LGC	CDX-00016722-010	Phosphatidylserine soy	10mg			Liên hệ
4308	LGC	CDX-00016722-025	Phosphatidylserine(soy)	25mg			Liên hệ
4309	LGC	CDX-00016723-025	Phosphatidylcholine (Lecithin)	25mg			Liên hệ
4310	LGC	CDX-00016723-050	Phosphatidylcholine (Lecithin)	50mg			Liên hệ
4311	LGC	CDX-00016723-100	Phosphatidylcholine (Lecithin)	100mg			Liên hệ
4312	LGC	CDX-00016724-010	Phosphatidylethanolamine	10mg			Liên hệ
4313	LGC	CDX-00016724-050	Phosphatidylethanolamine	50mg			Liên hệ
4314	LGC	CDX-00016724-100	Phosphatidylethanolamine	100mg			Liên hệ
4315	LGC	CDX-00016750-005	Phyllanthin(P)	5mg			Liên hệ
4316	LGC	CDX-00016750-010	Phyllanthin(P)	10mg			Liên hệ
4317	LGC	CDX-00016750-025	Phyllanthin (P)	25mg			Liên hệ
4318	LGC	CDX-00016751-010	Phyllanthus Standards Kit	3x10mg			Liên hệ
4319	LGC	CDX-00016780-005	Physalien	5mg			Liên hệ
4320	LGC	CDX-00016782-005	Physalin L	5mg			Liên hệ
4321	LGC	CDX-00016782-010	Physalin L	10mg			Liên hệ
4322	LGC	CDX-00016790-010	Phycion(SH)	10mg			Liên hệ
4323	LGC	CDX-00016790-025	Phycion	25mg			Liên hệ
4324	LGC	CDX-00016800-005	Phytic Acid	5g			Liên hệ
4325	LGC	CDX-00016805-005	Phytolaccinic acid	5mg			Liên hệ
4326	LGC	CDX-00016805-010	Phytolaccinic acid	10mg			Liên hệ
4327	LGC	CDX-00016813-010	Piceatannol (P)	10mg			Liên hệ
4328	LGC	CDX-00016813-025	Piceatannol (P)	25mg			Liên hệ
4329	LGC	CDX-00016814-001	Piceatannol	1g			Liên hệ

4330	LGC	CDX-00016815-001	Picolinic acid	1g		Liên hệ
4331	LGC	CDX-00016815-250	Picolinic acid	250mg		Liên hệ
4332	LGC	CDX-00016819-005	Picroside I	5mg		Liên hệ
4333	LGC	CDX-00016819-010	Picroside I(P)	10mg		Liên hệ
4334	LGC	CDX-00016819-025	Picroside I	25mg		Liên hệ
4335	LGC	CDX-00016820-005	Picroside II	5mg		Liên hệ
4336	LGC	CDX-00016820-010	Picroside II	10mg		Liên hệ
4337	LGC	CDX-00016820-025	Picroside Ii(Sh)	25mg		Liên hệ
4338	LGC	CDX-00016820-050	Picroside Ii(SH)	50mg		Liên hệ
4339	LGC	CDX-00016822-001	Piefeltarraenin IA	1mg		Liên hệ
4340	LGC	CDX-00016822-005	Piefeltarraenin IA	5mg		Liên hệ
4341	LGC	CDX-00016830-001	Pinane, (1R)-(+)-Cis(SG)	1g		Liên hệ
4342	LGC	CDX-00016830-100	Pinane, (1R)-(+)-Cis(SG)	100mg		Liên hệ
4343	LGC	CDX-00016831-001	(1S)-(-)-Cis-Pinane	1g		Liên hệ
4344	LGC	CDX-00016831-100	(1S)-(-)-Cis-Pinane	100mg		Liên hệ
4345	LGC	CDX-00016832-001	(1R)-(+)-trans-Pinane, (1R)-(+)-Trans	1g		Liên hệ
4346	LGC	CDX-00016832-100	(1R)-(+)-trans-Pinane	100mg		Liên hệ
4347	LGC	CDX-00016833-001	(1S)-(-)-trans-Pinane	1g		Liên hệ
4348	LGC	CDX-00016833-100	(1S)-(-)-Trans-Pinane	100mg		Liên hệ
4349	LGC	CDX-00016834-100	(1R)-(+)-alpha-Pinene	100mg		Liên hệ
4350	LGC	CDX-00016835-001	Pinene, (1S)-(-)-Alpha(SG)	1g		Liên hệ
4351	LGC	CDX-00016835-100	Pinene, (1S)-(-)-Alpha(SG)	100mg		Liên hệ
4352	LGC	CDX-00016836-001	DL-alpha- Pinene	1g		Liên hệ
4353	LGC	CDX-00016836-100	Pinene, DL-Alpha-(SG)	100mg		Liên hệ
4354	LGC	CDX-00016837-001	(1S)-(-)-B-Pinene	1g		Liên hệ
4355	LGC	CDX-00016837-100	PINENE, (-)-B-(SG)	100mg		Liên hệ
4356	LGC	CDX-00016838-001	alpha-Pinene Oxide	1g		Liên hệ
4357	LGC	CDX-00016838-100	PINENE OXIDE, alpha-(SG)	100mg		Liên hệ
4358	LGC	CDX-00013095-001	Mangostin *SONDERGRÖSSE*	1g		Liên hệ
4359	LGC	CDX-00016860-250	cis-Pinonicacid	250mg		Liên hệ
4360	LGC	CDX-00016863-001	Pinoresinol diglucoside	1g		Liên hệ
4361	LGC	CDX-00016863-500	Pinoresinol diglucoside	500mg		Liên hệ
4362	LGC	CDX-00016865-005	Pinoresinol Diglucopyranoside	5mg		Liên hệ
4363	LGC	CDX-00016865-010	Pinoresinol diglucoside	10mg		Liên hệ
4364	LGC	CDX-00016865-025	Pinoresinol diglucoside	25mg		Liên hệ
4365	LGC	CDX-00016865-100	Pinoresinol diglucoside	100mg		Liên hệ
4366	LGC	CDX-00016865-500	Pinoresinol diglucoside	500mg		Liên hệ
4367	LGC	CDX-00016868-001	Pipenzolate Bromide	1g		Liên hệ

4368	LGC	CDX-00016868-100	Pipenzolate Bromide	100mg			Liên hệ
4369	LGC	CDX-00016869-010	Piperine(P)	10mg			Liên hệ
4370	LGC	CDX-00016869-025	PIPERINE(P)	25mg			Liên hệ
4371	LGC	CDX-00016869-100	Piperine	100mg			Liên hệ
4372	LGC	CDX-00013130-001	Margaric Acid	1g			Liên hệ
4373	LGC	CDX-00016870-100	Piperine	100mg			Liên hệ
4374	LGC	CDX-00016875-001	Piperitone(SG)	1g			Liên hệ
4375	LGC	CDX-00016875-100	Piperitone	100mg			Liên hệ
4376	LGC	CDX-00016880-010	Piperlongumine	10mg			Liên hệ
4377	LGC	CDX-00016881-010	Piperlongumine	10mg			Liên hệ
4378	LGC	CDX-00016881-025	PIPERLONGUMINE(P)	25mg			Liên hệ
4379	LGC	CDX-00016881-100	Piperlongumine	100mg			Liên hệ
4380	LGC	CDX-00016890-001	Piroxicam	1g			Liên hệ
4381	LGC	CDX-00013130-010	Margaric Acid	10mg			Liên hệ
4382	LGC	CDX-00016920-010	Plumbagin	10mg			Liên hệ
4383	LGC	CDX-00016920-025	Plumbagin	25mg			Liên hệ
4384	LGC	CDX-00016930-010	Podocarpic acid	10mg			Liên hệ
4385	LGC	CDX-00016935-005	Podophyllin	5mg			Liên hệ
4386	LGC	CDX-00016940-005	Podophyllotoxin	5mg			Liên hệ
4387	LGC	CDX-00016940-025	Podophyllotoxin(P)	25mg			Liên hệ
4388	LGC	CDX-00016942-010	Policosanol Fatty Alcohol Standards Kit	12x10mg			Liên hệ
4389	LGC	CDX-00016945-005	Polydatin (Piceid)	5mg			Liên hệ
4390	LGC	CDX-00016945-010	Polydatin(Piceid)(P)	10mg			Liên hệ
4391	LGC	CDX-00016945-025	Polydatin(Piceid)(P)	25mg			Liên hệ
4392	LGC	CDX-00013130-100	Margaric Acid	100mg			Liên hệ
4393	LGC	CDX-00013131-250	Margaric Acid	250mg			Liên hệ
4394	LGC	CDX-00016955-001	Polyethylene Glycol	1g			Liên hệ
4395	LGC	CDX-00013131-050	Margaric Acid(P)	50mg			Liên hệ
4396	LGC	CDX-00016970-005	Pomiferin	5mg			Liên hệ
4397	LGC	CDX-00016980-005	Pomiferin-3',4'-Dimethylether	5mg			Liên hệ
4398	LGC	CDX-00016981-001	Pulchinoside b4	1mg			Liên hệ
4399	LGC	CDX-00016983-010	Punicalagins A&B	10mg			Liên hệ
4400	LGC	CDX-00016983-025	Punicalagins A&B	25mg			Liên hệ
4401	LGC	CDX-00016983-100	Punicalagin A&B (P)	100mg			Liên hệ
4402	LGC	CDX-00016985-001	Pygenic acid A	1mg			Liên hệ
4403	LGC	CDX-00016985-005	Pygenic Acid A	5mg			Liên hệ
4404	LGC	CDX-00016985-010	Pygenic Acid A(P)	10mg			Liên hệ
4405	LGC	CDX-00016986-005	Pygenic Acid B	5mg			Liên hệ

4406	LGC	CDX-00016986-010	Pygenic Acid B	10mg			Liên hệ
4407	LGC	CDX-00016987-001	Pygenic acid c	1mg			Liên hệ
4408	LGC	CDX-00016987-005	Pygenic Acid C	5mg			Liên hệ
4409	LGC	CDX-00016987-010	Pygenic Acid C(P)	10mg			Liên hệ
4410	LGC	CDX-00016990-010	Poncirin	10mg			Liên hệ
4411	LGC	CDX-00016991-005	Pterostilbene (natural)	5g			Liên hệ
4412	LGC	CDX-00016992-100	Povidone	100mg			Liên hệ
4413	LGC	CDX-00016993-100	Pterostilbene glycinate hydrochloride	100mg			Liên hệ
4414	LGC	CDX-00016994-100	Disodium salt of pterostilbene phosphate	100mg			Liên hệ
4415	LGC	CDX-00016995-005	Pterostilbene(P)	5mg			Liên hệ
4416	LGC	CDX-00016995-010	Pterostilbene	10mg			Liên hệ
4417	LGC	CDX-00016995-025	Pterostilbene(P)	25mg			Liên hệ
4418	LGC	CDX-00016995-100	Pterostilbene	100mg			Liên hệ
4419	LGC	CDX-00016997-010	Pygeum Standards Kit	9x10mg			Liên hệ
4420	LGC	CDX-00016998-025	Pyrethrins	25mg			Liên hệ
4421	LGC	CDX-00017002-005	METHYL-2-PYRIDONE-5-CARBOXAMIDE, N-(2-PY)(AS)	5mg			Liên hệ
4422	LGC	CDX-00017003-010	METHYL-2-PYRIDONE-5-CARBOXAMIDE, N-(2-PY)(P)	10mg			Liên hệ
4423	LGC	CDX-00017003-025	METHYL-2-PYRIDONE-5-CARBOXAMIDE, N-(2-PY)(P)	25mg			Liên hệ
4424	LGC	CDX-00017010-050	Quassin	50mg			Liên hệ
4425	LGC	CDX-00017010-100	Quassin	100mg			Liên hệ
4426	LGC	CDX-00017018-010	(-)-Quebrachitol	10mg			Liên hệ
4427	LGC	CDX-00017020-005	Quercetagetin	5mg			Liên hệ
4428	LGC	CDX-00017021-005	Quercetagetin-7-o-glucoside	5mg			Liên hệ
4429	LGC	CDX-00017025-001	Quercetagetimidin chloride	1mg			Liên hệ
4430	LGC	CDX-00017030-001	QUERCETIN(P) (AHP Verified & Compendial Traceable)	1g			Liên hệ
4431	LGC	CDX-00017030-005	Quercetin	5mg			Liên hệ
4432	LGC	CDX-00017030-010	Quercetin	10mg			Liên hệ
4433	LGC	CDX-00017030-025	Quercetin(AHP)	25mg			Liên hệ
4434	LGC	CDX-00017030-100	Quercetin	100mg			Liên hệ
4435	LGC	CDX-00017035-005	Quercetin dihydrate	5mg			Liên hệ
4436	LGC	CDX-00017035-010	Quercetin Dihydrate (P)	10mg			Liên hệ
4437	LGC	CDX-00017035-025	Quercetin Dihydrate (P)	25mg			Liên hệ
4438	LGC	CDX-00017035-100	Quercetin dihydrate(P)	100mg			Liên hệ
4439	LGC	CDX-00017040-001	Quercetin dihydrate	1g			Liên hệ
4440	LGC	CDX-00017040-100	Quercetin dihydrate	100mg			Liên hệ
4441	LGC	CDX-00017045-500	Quercetin	500mg			Liên hệ
4442	LGC	CDX-00017065-005	Quercetin-3,4'-Di-O-Glucoside	5mg			Liên hệ
4443	LGC	CDX-00017080-010	Quercetin-3,5,7,3',4'-Pentamethylether	10mg			Liên hệ

4444	LGC	CDX-00017100-010	Quercetin-3-O-B-D-Glucopyranosyl-6'	10mg			Liên hệ
4445	LGC	CDX-00017169-250	Quercitrin	250mg			Liên hệ
4446	LGC	CDX-00017170-005	Quercitrin	5mg			Liên hệ
4447	LGC	CDX-00017170-010	Quercitrin	10mg			Liên hệ
4448	LGC	CDX-00017171-005	Quercitrin	5mg			Liên hệ
4449	LGC	CDX-00017171-010	Quercitrin	10mg			Liên hệ
4450	LGC	CDX-00017171-025	Quercitrin(P)	25mg			Liên hệ
4451	LGC	CDX-00017175-001	Quinic Acid	1g			Liên hệ
4452	LGC	CDX-00017176-100	Quinic Acid	100mg			Liên hệ
4453	LGC	CDX-00017176-250	Quinic Acid	250mg			Liên hệ
4454	LGC	CDX-00017180-001	Quinidine	1g			Liên hệ
4455	LGC	CDX-00017183-001	Quinine	1g			Liên hệ
4456	LGC	CDX-00017190-001	Quinizarin	1g			Liên hệ
4457	LGC	CDX-00017190-250	Quinizarin	250mg			Liên hệ
4458	LGC	CDX-00018000-001	Raddeanin A	1mg			Liên hệ
4459	LGC	CDX-00018012-250	D-(+)-Raffinoseundecaacetate	250mg			Liên hệ
4460	LGC	CDX-00018035-005	Reishi Mushroom Standards Kit	3x5mg			Liên hệ
4461	LGC	CDX-00018035-010	Reishi Mushroom Standards Kit contains: Ganoderic Acid A, Ganoderic Acid C2, Ganoderic Acid DM, Ganoderic Acid C1, Ganoderic Acid H	3x10mg			Liên hệ
4462	LGC	CDX-00018036-0HK	Reishi Mushroom HPLC Analysis Kit	5x5mg			Liên hệ
4463	LGC	CDX-00018040-010	Reserpine	10mg			Liên hệ
4464	LGC	CDX-00018040-100	Reserpine	100mg			Liên hệ
4465	LGC	CDX-00018041-010	Reserpinic Acid HCl	10mg			Liên hệ
4466	LGC	CDX-00018042-005	Salsolinol hydrobromide	5mg			Liên hệ
4467	LGC	CDX-00018043-001	SCLAREOL(AS)	1g			Liên hệ
4468	LGC	CDX-00018047-025	Sclareol	25mg			Liên hệ
4469	LGC	CDX-00018047-100	SCLAREOL(P)	100mg			Liên hệ
4470	LGC	CDX-00018048-005	REPIN(P)	5mg			Liên hệ
4471	LGC	CDX-00018048-010	Repin	10mg			Liên hệ
4472	LGC	CDX-00018054-005	Red Clover Standards Kit	8x5mg			Liên hệ
4473	LGC	CDX-00018055-005	Resibufogenin(Sh)	5mg			Liên hệ
4474	LGC	CDX-00018055-00S	Red Clover Snap-N-Shoot Kit (P)	6x1ml			Liên hệ
4475	LGC	CDX-00018055-010	Resibufogenin	10mg			Liên hệ
4476	LGC	CDX-00018060-005	Resiniferatoxin	5mg			Liên hệ
4477	LGC	CDX-00018070-100	Resorcinol	100mg			Liên hệ
4478	LGC	CDX-00018070-250	RESORCINOL (1,3-BENZENEDIOL) (SH)	250mg			Liên hệ
4479	LGC	CDX-00018075-001	alpha-Resorcylicacid	1g			Liên hệ
4480	LGC	CDX-00018077-100	gamma-Resorcylicacid	100mg			Liên hệ
4481	LGC	CDX-00018089-100	Resveratrol	100g			Liên hệ

4482	LGC	CDX-00018089-101	Resveratrol	1kg		Liên hệ
4483	LGC	CDX-00018089-500	RESVERATROL FOOD GRADE(FG)	500mg		Liên hệ
4484	LGC	CDX-00018090-001	Resveratrol	1g		Liên hệ
4485	LGC	CDX-00018090-005	Resveratrol	5mg		Liên hệ
4486	LGC	CDX-00018090-010	RESVERATROL(P)	10mg		Liên hệ
4487	LGC	CDX-00018090-100	Resveratrol	100mg		Liên hệ
4488	LGC	CDX-00018090-500	Resveratrol	500mg		Liên hệ
4489	LGC	CDX-00018110-050	13-cis-Retinoicacid	50mg		Liên hệ
4490	LGC	CDX-00018110-100	13-cis-Retinoic acid	100mg		Liên hệ
4491	LGC	CDX-00018120-005	9-cis-Retinoic acid	5mg		Liên hệ
4492	LGC	CDX-00018140-005	Retrorsine	5mg		Liên hệ
4493	LGC	CDX-00018140-010	Retrorsine	10mg		Liên hệ
4494	LGC	CDX-00018180-001	Resazurin	1g		Liên hệ
4495	LGC	CDX-00018191-005	Rhamnazin (SH)	5mg		Liên hệ
4496	LGC	CDX-00018200-005	RHAMNETIN(SH)	5mg		Liên hệ
4497	LGC	CDX-00018200-010	Rhamnetin	10mg		Liên hệ
4498	LGC	CDX-00018211-001	L-(+)-Rhamnose	1g		Liên hệ
4499	LGC	CDX-00018211-250	L-(+)-Rhamnose	250mg		Liên hệ
4500	LGC	CDX-00018220-005	Rhaponticin(P)	5mg		Liên hệ
4501	LGC	CDX-00018220-010	Rhaponticin	10mg		Liên hệ
4502	LGC	CDX-00018220-025	Rhaponticin	25mg		Liên hệ
4503	LGC	CDX-00018222-001	REBAUDIOSIDE A(rebiana)(SH)	1g		Liên hệ
4504	LGC	CDX-00018222-005	Rebaudioside A	5mg		Liên hệ
4505	LGC	CDX-00018222-010	Rebaudioside A	10mg		Liên hệ
4506	LGC	CDX-00018222-050	Rebaudioside A	50mg		Liên hệ
4507	LGC	CDX-00018222-250	Rebaudioside A	250mg		Liên hệ
4508	LGC	CDX-00018223-001	Rebaudioside A (in solution) [1.0mg/ml]	1ml		Liên hệ
4509	LGC	CDX-00018223-002	Rebaudioside A [~1.0mg/ml] (in solution)	2ml		Liên hệ
4510	LGC	CDX-00018224-005	Rebaudioside A (Rebiana)	5g		Liên hệ
4511	LGC	CDX-00018224-101	Rebaudioside A (rebiana)	1kg		Liên hệ
4512	LGC	CDX-00018225-001	Rebaudioside A	1g		Liên hệ
4513	LGC	CDX-00018225-100	Rebaudioside A	100g		Liên hệ
4514	LGC	CDX-00018225-250	Rebaudioside A	250g		Liên hệ
4515	LGC	CDX-00018226-001	REBAUDIOSIDE A(Rebiana)(P)	1g		Liên hệ
4516	LGC	CDX-00018226-005	Rebaudioside A	5mg		Liên hệ
4517	LGC	CDX-00018226-010	Rebaudioside A	10mg		Liên hệ
4518	LGC	CDX-00018226-050	Rebaudioside A	50mg		Liên hệ
4519	LGC	CDX-00018226-250	Rebaudioside A	250mg		Liên hệ

4520	LGC	CDX-00018227-005	Rebaudioside B	5mg			Liên hệ
4521	LGC	CDX-00018227-010	Rebaudioside B	10mg			Liên hệ
4522	LGC	CDX-00018227-025	Rebaudioside B	25mg			Liên hệ
4523	LGC	CDX-00018227-100	Rebaudioside B	100mg			Liên hệ
4524	LGC	CDX-00018228-005	Rebaudioside C	5mg			Liên hệ
4525	LGC	CDX-00018228-010	REBAUDIOSIDE C(P)	10mg			Liên hệ
4526	LGC	CDX-00018228-025	Rebaudioside C	25mg			Liên hệ
4527	LGC	CDX-00018228-100	Rebaudioside C	100mg			Liên hệ
4528	LGC	CDX-00018229-001	Rebaudioside D	1mg			Liên hệ
4529	LGC	CDX-00018229-005	Rebaudioside D	5mg			Liên hệ
4530	LGC	CDX-00018229-010	Rebaudioside D	10mg			Liên hệ
4531	LGC	CDX-00018229-025	Rebaudioside D	25mg			Liên hệ
4532	LGC	CDX-00018229-100	Rebaudioside D(P)	100mg			Liên hệ
4533	LGC	CDX-00018230-010	Rhein(Sh)	10mg			Liên hệ
4534	LGC	CDX-00018230-025	Rhein	25mg			Liên hệ
4535	LGC	CDX-00018230-100	Rhein	100mg			Liên hệ
4536	LGC	CDX-00018232-005	Rebaudioside N	5mg			Liên hệ
4537	LGC	CDX-00018232-010	Rebaudioside N	10mg			Liên hệ
4538	LGC	CDX-00018232-025	Rebaudioside N(P)	25mg			Liên hệ
4539	LGC	CDX-00018232-100	Rebaudioside N	100mg			Liên hệ
4540	LGC	CDX-00018233-005	Rebaudioside O	5mg			Liên hệ
4541	LGC	CDX-00018233-010	Rebaudioside O	10mg			Liên hệ
4542	LGC	CDX-00018233-025	Rebaudioside O	25mg			Liên hệ
4543	LGC	CDX-00018233-100	Rebaudioside O	100mg			Liên hệ
4544	LGC	CDX-00018234-005	Rebaudioside M	5mg			Liên hệ
4545	LGC	CDX-00018234-010	Rebaudioside M (P)	10mg			Liên hệ
4546	LGC	CDX-00018234-025	Rebaudioside M	25mg			Liên hệ
4547	LGC	CDX-00018234-100	Rebaudioside M	100mg			Liên hệ
4548	LGC	CDX-00018235-005	Rebaudioside E	5mg			Liên hệ
4549	LGC	CDX-00018235-010	Rebaudioside E (P)	10mg			Liên hệ
4550	LGC	CDX-00018235-025	Rebaudioside E	25mg			Liên hệ
4551	LGC	CDX-00018235-100	Rebaudioside E	100mg			Liên hệ
4552	LGC	CDX-00018236-005	Rebaudioside G (P)	5mg			Liên hệ
4553	LGC	CDX-00018236-010	Rebaudioside G (P)	10mg			Liên hệ
4554	LGC	CDX-00018236-025	Rebaudioside G	25mg			Liên hệ
4555	LGC	CDX-00018236-100	Rebaudioside G	100mg			Liên hệ
4556	LGC	CDX-00018237-001	Rebaudioside B	1g			Liên hệ
4557	LGC	CDX-00018237-005	Rebaudioside B	5g			Liên hệ



4558	LGC	CDX-00018237-250	Rebaudioside B	250mg			Liên hệ
4559	LGC	CDX-00018238-001	Rebaudioside C	1g			Liên hệ
4560	LGC	CDX-00018238-005	Rebaudioside C	5g			Liên hệ
4561	LGC	CDX-00018238-250	Rebaudioside C	250mg			Liên hệ
4562	LGC	CDX-00018240-005	Rebaudioside I (P)	5mg			Liên hệ
4563	LGC	CDX-00018240-010	Rebaudioside I (P)	10mg			Liên hệ
4564	LGC	CDX-00018240-100	Rebaudioside I (P)	100mg			Liên hệ
4565	LGC	CDX-00018240-500	Rebaudioside I (P)	500mg			Liên hệ
4566	LGC	CDX-00018260-100	Rhodizonic acid dihydrate	100mg			Liên hệ
4567	LGC	CDX-00018270-005	Rhoeadine	5mg			Liên hệ
4568	LGC	CDX-00018280-025	Rhoifolin	25mg			Liên hệ
4569	LGC	CDX-00018285-001	Riboflavin-5'-phosphate	1g			Liên hệ
4570	LGC	CDX-00018286-100	Riboflavin-5'-Phosphate Sodium Salt	100mg			Liên hệ
4571	LGC	CDX-00018286-250	Riboflavin-5'-phosphate sodium salt	250mg			Liên hệ
4572	LGC	CDX-00018287-001	Riboflavin-5'-Phosphate Sodium Salt (SH)	1g			Liên hệ
4573	LGC	CDX-00018290-250	D-(+)-Ribonicacid-gamma-lactone	250mg			Liên hệ
4574	LGC	CDX-00018297-100	Ricinoleic acid	100mg			Liên hệ
4575	LGC	CDX-00018300-500	Rifampicin	500mg			Liên hệ
4576	LGC	CDX-00018305-005	Rebaudioside D	5mg			Liên hệ
4577	LGC	CDX-00018305-010	Rebaudioside F	10mg			Liên hệ
4578	LGC	CDX-00018320-005	Robinetin(SH)	5mg			Liên hệ
4579	LGC	CDX-00018320-010	Robinetin	10mg			Liên hệ
4580	LGC	CDX-00018340-010	Robinetidin Chloride(Sh)	10mg			Liên hệ
4581	LGC	CDX-00013284-005	Methoxypelargonidin, 4'-(SH)	5mg			Liên hệ
4582	LGC	CDX-00013284-010	Methoxypelargonidin, 4'-(SH)	10mg			Liên hệ
4583	LGC	CDX-00018355-005	Rosavin	5mg			Liên hệ
4584	LGC	CDX-00018355-025	Rosavin	25mg			Liên hệ
4585	LGC	CDX-00018360-005	Rooibos Flavonoid Standards Kit	10x5mg			Liên hệ
4586	LGC	CDX-00018363-005	Rosiridin	5mg			Liên hệ
4587	LGC	CDX-00018363-010	Rosiridin (P)	10mg			Liên hệ
4588	LGC	CDX-00018363-025	Rosiridin	25mg			Liên hệ
4589	LGC	CDX-00018365-005	Rosavin	5mg			Liên hệ
4590	LGC	CDX-00018365-010	Rosavin(P)	10mg			Liên hệ
4591	LGC	CDX-00018365-025	Rosavin	25mg			Liên hệ
4592	LGC	CDX-00018365-050	Rosavin(P)	50mg			Liên hệ
4593	LGC	CDX-00018365-100	Rosavin	100mg			Liên hệ
4594	LGC	CDX-00018366-001	Rosarin	1mg			Liên hệ
4595	LGC	CDX-00018366-005	Rosarin	5mg			Liên hệ

4596	LGC	CDX-00018366-010	Rosarin	10mg			Liên hệ
4597	LGC	CDX-00018366-025	Rosarin(P)	25mg			Liên hệ
4598	LGC	CDX-00018367-001	Rosin(P)	1mg			Liên hệ
4599	LGC	CDX-00018367-005	ROSIN(P)	5mg			Liên hệ
4600	LGC	CDX-00018367-010	Rosin	10mg			Liên hệ
4601	LGC	CDX-00018367-025	Rosin(P)	25mg			Liên hệ
4602	LGC	CDX-00018370-005	Rosmarinic Acid	5mg			Liên hệ
4603	LGC	CDX-00018370-010	Rosmarinic Acid	10mg			Liên hệ
4604	LGC	CDX-00018370-025	Rosmarinic Acid	25mg			Liên hệ
4605	LGC	CDX-00018371-001	Rosmarinic Acid	1g			Liên hệ
4606	LGC	CDX-00018371-010	Rosmarinic Acid	10mg			Liên hệ
4607	LGC	CDX-00018375-010	Rosemary Standards Kit	3x10mg			Liên hệ
4608	LGC	CDX-00018376-001	Rotundine	1mg			Liên hệ
4609	LGC	CDX-00018380-005	Rottlerin	5mg			Liên hệ
4610	LGC	CDX-00018393-005	Rubescensin A	5mg			Liên hệ
4611	LGC	CDX-00018393-010	Rubescensin A	10mg			Liên hệ
4612	LGC	CDX-00018412-005	Rubusoside	5mg			Liên hệ
4613	LGC	CDX-00018412-010	Rubusoside	10mg			Liên hệ
4614	LGC	CDX-00018412-025	Rubusoside	25mg			Liên hệ
4615	LGC	CDX-00018412-100	Rubusoside	100mg			Liên hệ
4616	LGC	CDX-00018414-005	RUSCIN(P)	5mg			Liên hệ
4617	LGC	CDX-00018414-010	Ruscin(P)	10mg			Liên hệ
4618	LGC	CDX-00018415-005	Ruscogenin	5mg			Liên hệ
4619	LGC	CDX-00018415-010	Ruscogenin	10mg			Liên hệ
4620	LGC	CDX-00018416-005	Ruscosaponin A	5mg			Liên hệ
4621	LGC	CDX-00018416-010	RUSCOSAPONIN A (P)	10mg			Liên hệ
4622	LGC	CDX-00018417-005	Ruscosaponin B	5mg			Liên hệ
4623	LGC	CDX-00018417-010	Ruscosaponin B	10mg			Liên hệ
4624	LGC	CDX-00018425-005	Rutaecarpine	5mg			Liên hệ
4625	LGC	CDX-00018425-010	Rutaecarpine	10mg			Liên hệ
4626	LGC	CDX-00018425-025	Rutaecarpine	25mg			Liên hệ
4627	LGC	CDX-00018430-005	Rutin (P)	5mg			Liên hệ
4628	LGC	CDX-00018430-010	Rutin(P)	10mg			Liên hệ
4629	LGC	CDX-00018430-025	Rutin	25mg			Liên hệ
4630	LGC	CDX-00018430-100	Rutin	100mg			Liên hệ
4631	LGC	CDX-00018430-100	Rutin	100mg			Liên hệ
4632	LGC	CDX-00018440-001	Rutin	1g			Liên hệ
4633	LGC	CDX-00018440-005	RUTIN(SH)	5mg			Liên hệ

4634	LGC	CDX-00018440-010	Rutin	10mg			Liên hệ
4635	LGC	CDX-00018440-025	Rutin(SH)	25mg			Liên hệ
4636	LGC	CDX-00018440-100	Rutin	100mg			Liên hệ
4637	LGC	CDX-00018441-005	Rutin	5g			Liên hệ
4638	LGC	CDX-00018445-025	Rutinose	25mg			Liên hệ
4639	LGC	CDX-00018446-100	Rutinose heptaacetate	100mg			Liên hệ
4640	LGC	CDX-00018460-001	Ryanodine	1mg			Liên hệ
4641	LGC	CDX-00018460-005	Ryanodine	5mg			Liên hệ
4642	LGC	CDX-00018955-100	Saccharin	100mg			Liên hệ
4643	LGC	CDX-00018955-250	Saccharin	250mg			Liên hệ
4644	LGC	CDX-00019002-100	Sabinene hydrate	100mg			Liên hệ
4645	LGC	CDX-00019003-100	Sabinyl acetate	100mg			Liên hệ
4646	LGC	CDX-00019004-001	Sabinene	onrequest			Liên hệ
4647	LGC	CDX-00019004-100	Sabinene	100mg			Liên hệ
4648	LGC	CDX-00019004-250	Sabinene	onrequest			Liên hệ
4649	LGC	CDX-00019006-250	Sabinene	250mg			Liên hệ
4650	LGC	CDX-00019007-001	Safflor yellow A	1mg			Liên hệ
4651	LGC	CDX-00019007-005	Safflor yellow A	5mg			Liên hệ
4652	LGC	CDX-00019009-010	Saikosaponin A	10mg			Liên hệ
4653	LGC	CDX-00019010-005	Saikosaponin A	5mg			Liên hệ
4654	LGC	CDX-00019010-010	Saikosaponin A	10mg			Liên hệ
4655	LGC	CDX-00019012-005	Saikosaponin B2	5mg			Liên hệ
4656	LGC	CDX-00019012-010	Saikosaponin B2	10mg			Liên hệ
4657	LGC	CDX-00019015-005	Saikosaponin C	5mg			Liên hệ
4658	LGC	CDX-00019015-010	Saikosaponin C	10mg			Liên hệ
4659	LGC	CDX-00019020-005	Saikosaponin D	5mg			Liên hệ
4660	LGC	CDX-00019020-010	Saikosaponin D	10mg			Liên hệ
4661	LGC	CDX-00019025-010	Sakuranetin	10mg			Liên hệ
4662	LGC	CDX-00019028-001	Salannin	1mg			Liên hệ
4663	LGC	CDX-00019028-005	Salannin(Sh)	5mg			Liên hệ
4664	LGC	CDX-00019028-010	Salannin	10mg			Liên hệ
4665	LGC	CDX-00019028-050	Salannin	50mg			Liên hệ
4666	LGC	CDX-00019029-010	Salicin(P)	10mg			Liên hệ
4667	LGC	CDX-00019029-025	Salicin	25mg			Liên hệ
4668	LGC	CDX-00019029-100	Salicin	100mg			Liên hệ
4669	LGC	CDX-00019030-001	Salicin	1g			Liên hệ
4670	LGC	CDX-00019031-010	Salicin	10mg			Liên hệ
4671	LGC	CDX-00019032-001	Salicyl Alcohol	1g			Liên hệ

4672	LGC	CDX-00019034-050	Salicylic Acid	50mg			Liên hệ
4673	LGC	CDX-00019034-100	Salicylic Acid(P)	100mg			Liên hệ
4674	LGC	CDX-00019035-001	Salicylic Acid	1g			Liên hệ
4675	LGC	CDX-00019036-001	Salicylic Acid Ethylester	1g			Liên hệ
4676	LGC	CDX-00019037-001	Salicylic Acid Methylester	1g			Liên hệ
4677	LGC	CDX-00019037-100	Salicylic Acid Methylester	100mg			Liên hệ
4678	LGC	CDX-00019038-001	Salicylic Acid Benzylester(SG)	1g			Liên hệ
4679	LGC	CDX-00019038-250	Salicylic acid benzylester	250mg			Liên hệ
4680	LGC	CDX-00019039-010	Salvinorin A	10mg			Liên hệ
4681	LGC	CDX-00019039-025	Salvinorin A	25mg			Liên hệ
4682	LGC	CDX-00019039-100	Salvinorin A(P)	100mg			Liên hệ
4683	LGC	CDX-00019040-010	Sanguinarine Nitrate	10mg			Liên hệ
4684	LGC	CDX-00019041-010	Salsolidine Hydrochloride	10mg			Liên hệ
4685	LGC	CDX-00019042-001	Salvinorin A	1g			Liên hệ
4686	LGC	CDX-00019043-001	Sanguinarine	1mg			Liên hệ
4687	LGC	CDX-00019045-010	Sanguinarine Chloride	10mg			Liên hệ
4688	LGC	CDX-00019046-001	SPECIOCILIATINE(AS)	1mg			Liên hệ
4689	LGC	CDX-00019046-005	Speciociliatine	5mg			Liên hệ
4690	LGC	CDX-00019047-005	Salvinorin B	5mg			Liên hệ
4691	LGC	CDX-00019047-010	Salvinorin B(P)	10mg			Liên hệ
4692	LGC	CDX-00019050-010	Sanguinarine Chloride	10mg			Liên hệ
4693	LGC	CDX-00019065-005	Saponarin	5mg			Liên hệ
4694	LGC	CDX-00019073-005	Schisandra Standards Kit	4x5mg			Liên hệ
4695	LGC	CDX-00019073-010	Schisandra Standards Kit	4x10mg			Liên hệ
4696	LGC	CDX-00019074-0SK	Schisandra SNAP-N-SHOOT Kit	4x1.0ml			Liên hệ
4697	LGC	CDX-00019075-100	Sarsapogenin	100mg			Liên hệ
4698	LGC	CDX-00019076-010	Sarsaparilla Standards Kit	3x10mg			Liên hệ
4699	LGC	CDX-00019077-005	SCHAFTOSIDE(P)	5mg			Liên hệ
4700	LGC	CDX-00019077-010	SCHAFTOSIDE(P)	10mg			Liên hệ
4701	LGC	CDX-00019078-010	Saw Palmetto Fatty Acid Standards Kit	8x10mg			Liên hệ
4702	LGC	CDX-00019078-100	Saw Palmetto Fatty Acid Stds Kit	8x100mg			Liên hệ
4703	LGC	CDX-00019080-005	Sciadopitysin	5mg			Liên hệ
4704	LGC	CDX-00019083-025	Sclareolide	25mg			Liên hệ
4705	LGC	CDX-00019084-100	Sclareolide	100mg			Liên hệ
4706	LGC	CDX-00019085-001	Sclareolide (Food Grade)	1kg			Liên hệ
4707	LGC	CDX-00019085-010	Sclareolide (food grade)	10g			Liên hệ
4708	LGC	CDX-00019086-010	Scoparone	10mg			Liên hệ
4709	LGC	CDX-00019089-250	Scopolamine HBr	250mg			Liên hệ

4710	LGC	CDX-00019089-500	Scopolamine Hbr	500mg			Liên hệ
4711	LGC	CDX-00019090-010	Scopoletin	10mg			Liên hệ
4712	LGC	CDX-00019090-025	Scopoletin	25mg			Liên hệ
4713	LGC	CDX-00019090-100	Scopoletin(Ahp)	100mg			Liên hệ
4714	LGC	CDX-00019091-010	Scopoletin	10mg			Liên hệ
4715	LGC	CDX-00019091-025	Scopoletin(Sh)	25mg			Liên hệ
4716	LGC	CDX-00019091-100	Scopoletin	100mg			Liên hệ
4717	LGC	CDX-00019094-010	Scoulerin	10mg			Liên hệ
4718	LGC	CDX-00019095-005	Scutellarein Tetramethylether	5mg			Liên hệ
4719	LGC	CDX-00019096-005	Scutellarein	5mg			Liên hệ
4720	LGC	CDX-00019097-005	Scutellarin	5mg			Liên hệ
4721	LGC	CDX-00019097-010	Scutellarin	10mg			Liên hệ
4722	LGC	CDX-00019098-005	Scutellarein tetramethylether	5mg			Liên hệ
4723	LGC	CDX-00019098-010	Scutellarein tetramethylether	10mg			Liên hệ
4724	LGC	CDX-00019098-025	Scutellarein tetramethylether	25mg			Liên hệ
4725	LGC	CDX-00019101-005	(+)-Anhydro-Seco-Isolariciresinol (Anseco)	5mg			Liên hệ
4726	LGC	CDX-00019101-010	(+)-Anhydro-Seco-Isolariciresinol (Anseco)	10mg			Liên hệ
4727	LGC	CDX-00019102-005	Seco-Isolariciresinol (Seco)	5mg			Liên hệ
4728	LGC	CDX-00019102-010	Seco-Isolariciresinol (Seco)	10mg			Liên hệ
4729	LGC	CDX-00019103-001	Seco-isolariciresinol diglucoside(sdg)	1g			Liên hệ
4730	LGC	CDX-00019103-005	Seco-Isolariciresinol Diglucoside (SDG)	5mg			Liên hệ
4731	LGC	CDX-00019103-010	Seco-Isolariciresinol Diglucoside (SDG)	10mg			Liên hệ
4732	LGC	CDX-00019103-025	Seco-Isolariciresinol Diglucoside (SDG)	25mg			Liên hệ
4733	LGC	CDX-00019103-100	Seco-Isolariciresinol Diglucoside (SDG)	100mg			Liên hệ
4734	LGC	CDX-00019104-001	Seco-isolariciresinol diglucoside(sdg)	1g			Liên hệ
4735	LGC	CDX-00019104-100	Seco-Isolariciresinol Diglucoside (SDG)	100mg			Liên hệ
4736	LGC	CDX-00019105-005	Secologanin	5mg			Liên hệ
4737	LGC	CDX-00019110-005	Sedanolid	5mg			Liên hệ
4738	LGC	CDX-00019110-010	Sedanolid	10mg			Liên hệ
4739	LGC	CDX-00019111-005	Sedanolid	5mg			Liên hệ
4740	LGC	CDX-00019111-010	Sedanolid(P)	10mg			Liên hệ
4741	LGC	CDX-00019115-050	Sedoheptulose anhydride	50mg			Liên hệ
4742	LGC	CDX-00019126-010	L-(+)-Selenomethionine	10mg			Liên hệ
4743	LGC	CDX-00019126-025	L-(+)-Selenomethionine	25mg			Liên hệ
4744	LGC	CDX-00019126-100	L-(+)-Selenomethionine	100mg			Liên hệ
4745	LGC	CDX-00019130-010	Sempervirine Nitrate(SH)	10mg			Liên hệ
4746	LGC	CDX-00019130-100	Sempervirine Nitrate	100mg			Liên hệ
4747	LGC	CDX-00019135-005	Senecionine	5mg			Liên hệ

4748	LGC	CDX-00019139-005	Senkirkin (Renardine)	5mg			Liên hệ
4749	LGC	CDX-00019139-010	Senkirkin(renardine)	10mg			Liên hệ
4750	LGC	CDX-00019145-005	Sennidine A	5mg			Liên hệ
4751	LGC	CDX-00019145-010	Sennidine A	10mg			Liên hệ
4752	LGC	CDX-00019146-005	Sennidine A(SH)	5mg			Liên hệ
4753	LGC	CDX-00019146-010	Sennidine A	10mg			Liên hệ
4754	LGC	CDX-00019151-005	Sennidine B	5mg			Liên hệ
4755	LGC	CDX-00019151-010	Sennidine B	10mg			Liên hệ
4756	LGC	CDX-00019155-005	Senoside A	5mg			Liên hệ
4757	LGC	CDX-00019155-010	Senoside A	10mg			Liên hệ
4758	LGC	CDX-00019155-025	Senoside A	25mg			Liên hệ
4759	LGC	CDX-00019155-100	Senoside A	100mg			Liên hệ
4760	LGC	CDX-00019155-500	Senoside A	500mg			Liên hệ
4761	LGC	CDX-00019156-001	Senoside A	1g			Liên hệ
4762	LGC	CDX-00019156-005	Senoside A	5mg			Liên hệ
4763	LGC	CDX-00019156-010	Senoside A	10mg			Liên hệ
4764	LGC	CDX-00019156-100	Senoside A	100mg			Liên hệ
4765	LGC	CDX-00019156-500	Senoside A	500mg			Liên hệ
4766	LGC	CDX-00019159-005	Senoside B	5mg			Liên hệ
4767	LGC	CDX-00019159-010	Senoside B (P)	10mg			Liên hệ
4768	LGC	CDX-00019159-025	SENNOSIDE B(P)	25mg			Liên hệ
4769	LGC	CDX-00019159-100	Senoside B	100mg			Liên hệ
4770	LGC	CDX-00019159-500	Senoside B	500mg			Liên hệ
4771	LGC	CDX-00019161-005	Senoside B	5mg			Liên hệ
4772	LGC	CDX-00019161-010	Senoside B	10mg			Liên hệ
4773	LGC	CDX-00019161-100	Senoside B	100mg			Liên hệ
4774	LGC	CDX-00019161-500	Senoside B	500mg			Liên hệ
4775	LGC	CDX-00019162-005	Senna Standards Kit	3x5mg			Liên hệ
4776	LGC	CDX-00019162-010	Senna Standards Kit	4x10mg			Liên hệ
4777	LGC	CDX-00019163-100	L-Serine	100mg			Liên hệ
4778	LGC	CDX-00019164-001	L-serine	1g			Liên hệ
4779	LGC	CDX-00019164-100	L-serine	100mg			Liên hệ
4780	LGC	CDX-00019170-100	Serotonin creatine sulfate	100mg			Liên hệ
4781	LGC	CDX-00019180-100	Serotonin hydrochloride	100mg			Liên hệ
4782	LGC	CDX-00019191-100	D-Serine	100mg			Liên hệ
4783	LGC	CDX-00019193-005	Sesamin	5mg			Liên hệ
4784	LGC	CDX-00019193-010	Sesamin	10mg			Liên hệ
4785	LGC	CDX-00019193-050	Sesamin	50mg			Liên hệ

4786	LGC	CDX-00019194-001	Sesamin	1g		Liên hệ
4787	LGC	CDX-00019194-005	Sesamin	5mg		Liên hệ
4788	LGC	CDX-00019194-010	Sesamin	10g		Liên hệ
4789	LGC	CDX-00019194-250	Sesamin	250g		Liên hệ
4790	LGC	CDX-00019195-001	Sesamol	1g		Liên hệ
4791	LGC	CDX-00019195-005	Sesamol	5g		Liên hệ
4792	LGC	CDX-00019197-005	Sesamolol	5mg		Liên hệ
4793	LGC	CDX-00019197-010	Sesamolol	10mg		Liên hệ
4794	LGC	CDX-00019197-025	SESAMOLIN(P)	25mg		Liên hệ
4795	LGC	CDX-00019197-100	Sesamolol	100mg		Liên hệ
4796	LGC	CDX-00019200-005	Shanzhiside methylester	5mg		Liên hệ
4797	LGC	CDX-00019200-010	Shanzhiside methylester	10mg		Liên hệ
4798	LGC	CDX-00019201-005	Shanzhiside methylester	5mg		Liên hệ
4799	LGC	CDX-00019201-010	Shanzhiside methylester	10mg		Liên hệ
4800	LGC	CDX-00019201-100MG	Shanzhiside Methylester (P)	100mg		Liên hệ
4801	LGC	CDX-00019203-005	Shatavarin IV	5mg		Liên hệ
4802	LGC	CDX-00019205-100	Shikimic Acid	100mg		Liên hệ
4803	LGC	CDX-00019205-500	Shikimic Acid	500mg		Liên hệ
4804	LGC	CDX-00019210-005	Shikonin	5mg		Liên hệ
4805	LGC	CDX-00019211-005	6-Shogaol	5mg		Liên hệ
4806	LGC	CDX-00019211-010	Shogaol, 6-(P)	10mg		Liên hệ
4807	LGC	CDX-00019211-025	6-Shogaol	25mg		Liên hệ
4808	LGC	CDX-00019212-005	8-Shogaol	5mg		Liên hệ
4809	LGC	CDX-00019212-010	8-Shogaol(P)	10mg		Liên hệ
4810	LGC	CDX-00019212-025	8-Shogaol	25mg		Liên hệ
4811	LGC	CDX-00019214-005	10-Shogaol	5mg		Liên hệ
4812	LGC	CDX-00019214-010	10-Shogaol(P)	10mg		Liên hệ
4813	LGC	CDX-00019214-025	10-Shogaol	25mg		Liên hệ
4814	LGC	CDX-00019216-005	Siamenoside I	5mg		Liên hệ
4815	LGC	CDX-00019216-010	Siamenoside I	10mg		Liên hệ
4816	LGC	CDX-00019225-005	Silybin (A and B)	5mg		Liên hệ
4817	LGC	CDX-00019225-010	Silybin (A And B)	10mg		Liên hệ
4818	LGC	CDX-00019225-025	Silybin (A and B)	25mg		Liên hệ
4819	LGC	CDX-00019225-100	Silybin (A and B)	100mg		Liên hệ
4820	LGC	CDX-00019226-100	Silybin (Mix)	100mg		Liên hệ
4821	LGC	CDX-00019240-005	SILYCHRISTIN(P)	5mg		Liên hệ
4822	LGC	CDX-00019240-010	Silychristin(P)	10mg		Liên hệ
4823	LGC	CDX-00019240-025	Silychristin	25mg		Liên hệ

4824	LGC	CDX-00019242-010	SILYCHRISTIN(AS)	10mg			Liên hệ
4825	LGC	CDX-00019242-025	SILYCHRISTIN(AS)	25mg			Liên hệ
4826	LGC	CDX-00019242-100	SILYCHRISTIN(AS)	100mg			Liên hệ
4827	LGC	CDX-00019245-005	Silydianin	5mg			Liên hệ
4828	LGC	CDX-00019245-010	Silydianin	10mg			Liên hệ
4829	LGC	CDX-00019245-025	Silydianin	25mg			Liên hệ
4830	LGC	CDX-00019254-005	Sinalbin potassium salt (P)	5mg			Liên hệ
4831	LGC	CDX-00019254-010	Sinalbin potassium salt (P)	10mg			Liên hệ
4832	LGC	CDX-00019255-100	Sinapinaldehyde	100mg			Liên hệ
4833	LGC	CDX-00019265-005	Sinensetin	5mg			Liên hệ
4834	LGC	CDX-00019265-010	Sinensetin	10mg			Liên hệ
4835	LGC	CDX-00019265-025	Sinensetin	25mg			Liên hệ
4836	LGC	CDX-00019265-100	Sinensetin	100mg			Liên hệ
4837	LGC	CDX-00019266-005	Sinensetin	5mg			Liên hệ
4838	LGC	CDX-00019270-010	Sinigrin (P)	10mg			Liên hệ
4839	LGC	CDX-00019270-025	Sinigrin (P)	25mg			Liên hệ
4840	LGC	CDX-00019271-010	Sinigrin(SH)	10mg			Liên hệ
4841	LGC	CDX-00019271-025	Sinigrin(SH)	onrequest			Liên hệ
4842	LGC	CDX-00019272-005	Sinoacutine	5mg			Liên hệ
4843	LGC	CDX-00019275-001	Sugar Standards Kit	15x1g			Liên hệ
4844	LGC	CDX-00019279-005	Sinomenine hydrochloride	5mg			Liên hệ
4845	LGC	CDX-00019280-005	Sinomenine	5mg			Liên hệ
4846	LGC	CDX-00019280-010	Sinomenine HCl	10mg			Liên hệ
4847	LGC	CDX-00019280-025	Sinomenine hydrochloride	25mg			Liên hệ
4848	LGC	CDX-00019282-001	b-Sitosterol	1g			Liên hệ
4849	LGC	CDX-00019283-005	beta-Sitostenone	onrequest			Liên hệ
4850	LGC	CDX-00019283-010	Sitostenone, Beta-(P)	onrequest			Liên hệ
4851	LGC	CDX-00019285-001	beta-Sitosterol	1g			Liên hệ
4852	LGC	CDX-00019285-005	beta-Sitosterol	5mg			Liên hệ
4853	LGC	CDX-00019285-010	beta-Sitosterol	10mg			Liên hệ
4854	LGC	CDX-00019285-025	beta-Sitosterol	25mg			Liên hệ
4855	LGC	CDX-00019285-250	sitosterol, b-(p) (AHP verified)	250mg			Liên hệ
4856	LGC	CDX-00019286-001	Skatole	1g			Liên hệ
4857	LGC	CDX-00019291-005	Sitosterol-3-O-Glucoside, Beta-(P)	5mg			Liên hệ
4858	LGC	CDX-00019291-010	Sitosterol-3-O-Glucoside, Beta-(P)	10mg			Liên hệ
4859	LGC	CDX-00019291-025	beta-Sitosterol-3-O-Glucoside	25mg			Liên hệ
4860	LGC	CDX-00019292-010	Smilagenin	10mg			Liên hệ
4861	LGC	CDX-00030988-005	Mexican oregano (lippia graveolens) leaf RGBRM	5g			Liên hệ



4862	LGC	CDX-00019300-005	SPILANTHOL(P)	5mg			Liên hệ
4863	LGC	CDX-00019300-010	Spilanthol	10mg			Liên hệ
4864	LGC	CDX-00019300-025	Spilanthol	25mg			Liên hệ
4865	LGC	CDX-00019300-100	Spilanthol (Please Call)	100mg			Liên hệ
4866	LGC	CDX-00019305-025	Solanesol	25mg			Liên hệ
4867	LGC	CDX-00019305-250	Solanesol(P)	250mg			Liên hệ
4868	LGC	CDX-00019308-005	Solanidine(Solatubine)(St)	5mg			Liên hệ
4869	LGC	CDX-00019308-010	Solanidine (Solatubine)	10mg			Liên hệ
4870	LGC	CDX-00019310-005	Solanine D (Demissidine)	5mg			Liên hệ
4871	LGC	CDX-00041173-005	Mexican valerian (valeriana procera) root [whole/cut] RGBRM	5g			Liên hệ
4872	LGC	CDX-00019315-025	alpha-Solanine (Solatunine)	25mg			Liên hệ
4873	LGC	CDX-00019316-005	SOLANINE, ALPHA-(SOLATUNINE)(AS)	5mg			Liên hệ
4874	LGC	CDX-00019316-010	alpha-Solanine (Solatunine)	10mg			Liên hệ
4875	LGC	CDX-00019322-001	Solstitialin A	1mg			Liên hệ
4876	LGC	CDX-00019322-005	Solstitialin A (SH)	5mg			Liên hệ
4877	LGC	CDX-00019323-001	Solstitialin A 13-acetate	1mg			Liên hệ
4878	LGC	CDX-00019323-005	Solstitialin A 13-acetate	5mg			Liên hệ
4879	LGC	CDX-00019324-005	Sophoricoside (Genistein-4'-Glucoside)	5mg			Liên hệ
4880	LGC	CDX-00019324-010	Sophoricoside(Genistein-4'-Glucosid	10mg			Liên hệ
4881	LGC	CDX-00019324-025	Sophoricoside (Genistein-4'-Glucoside)	25mg			Liên hệ
4882	LGC	CDX-00019325-005	Sophoridine	5mg			Liên hệ
4883	LGC	CDX-00019325-010	Sophoridine	10mg			Liên hệ
4884	LGC	CDX-00019327-001	Sophocarpine	1mg			Liên hệ
4885	LGC	CDX-00019328-005	Sophocarpine	5mg			Liên hệ
4886	LGC	CDX-00019328-010	Sophocarpine	10mg			Liên hệ
4887	LGC	CDX-00031173-005	Mexican valerian (valeriana procera) root RGBRM	5g			Liên hệ
4888	LGC	CDX-00019330-050	alpha-D-Sophorose	50mg			Liên hệ
4889	LGC	CDX-00041328-005	Mexican white sagebrush (artemisia ludoviciana) herb [whole/cut] RGBRM	5g			Liên hệ
4890	LGC	CDX-00019335-005	Soyasapogenol A(P)	5mg			Liên hệ
4891	LGC	CDX-00019335-010	SOYASAPOGENOL A(P)	10mg			Liên hệ
4892	LGC	CDX-00019336-001	Soyasaponin I	1mg			Liên hệ
4893	LGC	CDX-00019336-005	Soyasaponin I	5mg			Liên hệ
4894	LGC	CDX-00019336-010	Soyasaponin I(P)	10mg			Liên hệ
4895	LGC	CDX-00019337-005	Soyasaponin II	5mg			Liên hệ
4896	LGC	CDX-00019337-010	Soyasaponin Ii(P)	10mg			Liên hệ
4897	LGC	CDX-00019338-005	Soyasaponin III	5mg			Liên hệ
4898	LGC	CDX-00019338-010	Soyasaponin III	10mg			Liên hệ
4899	LGC	CDX-00019339-005	Soyasaponin IV	5mg			Liên hệ

4900	LGC	CDX-00019339-010	Soyasaponin IV	10mg			Liên hệ
4901	LGC	CDX-00019340-005	Soyasapogenol B(P)	5mg			Liên hệ
4902	LGC	CDX-00019340-010	Soyasapogenol B	10mg			Liên hệ
4903	LGC	CDX-00019341-005	Soyasaponin V (Please Call)	5mg			Liên hệ
4904	LGC	CDX-00031328-005	Mexican white sagebrush (artemisia ludoviciana) herb RGBRM	5g			Liên hệ
4905	LGC	CDX-00019343-100	Spermine	100mg			Liên hệ
4906	LGC	CDX-00019345-010	Spiracoside	10mg			Liên hệ
4907	LGC	CDX-00019346-100	Squalane	100mg			Liên hệ
4908	LGC	CDX-00019347-050	Spironolactone	50mg			Liên hệ
4909	LGC	CDX-00019348-001	Squalene	1g			Liên hệ
4910	LGC	CDX-00019348-100	Squalene	100mg			Liên hệ
4911	LGC	CDX-00019349-005	Steviolbioside	5mg			Liên hệ
4912	LGC	CDX-00019349-010	STEVIOLBIOSIDE(P)	10mg			Liên hệ
4913	LGC	CDX-00019349-025	Steviolbioside	25mg			Liên hệ
4914	LGC	CDX-00019349-050	Steviolbioside	50mg			Liên hệ
4915	LGC	CDX-00019349-100	Steviolbioside(P)	100mg			Liên hệ
4916	LGC	CDX-00019350-001	STEARIC ACID(PURE)(P)	1g			Liên hệ
4917	LGC	CDX-00019350-010	Stearic Acid (Pure)	10mg			Liên hệ
4918	LGC	CDX-00019350-050	Stearic acid(pure)	50g			Liên hệ
4919	LGC	CDX-00019350-100	STEARIC ACID(PURE)(P)	100mg			Liên hệ
4920	LGC	CDX-00019351-001	STEVIOSIDE(P)	1g			Liên hệ
4921	LGC	CDX-00019351-005	Stevioside	5mg			Liên hệ
4922	LGC	CDX-00019351-010	Stevioside	10mg			Liên hệ
4923	LGC	CDX-00019351-025	Stevioside	25mg			Liên hệ
4924	LGC	CDX-00019351-050	STEVIOSIDE(P)	50mg			Liên hệ
4925	LGC	CDX-00019351-250	Stevioside	250mg			Liên hệ
4926	LGC	CDX-00019352-005	Steviol	5mg			Liên hệ
4927	LGC	CDX-00019352-010	Steviol	10mg			Liên hệ
4928	LGC	CDX-00019352-025	Steviol	25mg			Liên hệ
4929	LGC	CDX-00019352-100	Steviol	100mg			Liên hệ
4930	LGC	CDX-00019353-001	Stevioside	1g			Liên hệ
4931	LGC	CDX-00019353-010	Stevioside	10mg			Liên hệ
4932	LGC	CDX-00019353-050	Stevioside	50mg			Liên hệ
4933	LGC	CDX-00019353-100	Stevioside	100g			Liên hệ
4934	LGC	CDX-00019353-101	Stevioside	1kg			Liên hệ
4935	LGC	CDX-00019353-250MG	Stevioside(SH)	250mg			Liên hệ
4936	LGC	CDX-00019354-005	Stigmastanol	5mg			Liên hệ
4937	LGC	CDX-00019354-050	Stigmastanol	50mg			Liên hệ

4938	LGC	CDX-00019354-100	Stigmastanol(P)	100mg			Liên hệ
4939	LGC	CDX-00019355-001	Stigmasterol	1g			Liên hệ
4940	LGC	CDX-00019355-100	STIGMASTEROL(AS)	100mg			Liên hệ
4941	LGC	CDX-00019356-001	trans-Stilbene	1g			Liên hệ
4942	LGC	CDX-00019357-001	Stigmasterol	1g			Liên hệ
4943	LGC	CDX-00019357-005	Stigmasterol	5mg			Liên hệ
4944	LGC	CDX-00019357-010	Stigmasterol	10mg			Liên hệ
4945	LGC	CDX-00019357-100	Stigmasterol	100mg			Liên hệ
4946	LGC	CDX-00019358-001	Stachydrine HCl	1mg			Liên hệ
4947	LGC	CDX-00019358-005	Stachydrine HCl	5mg			Liên hệ
4948	LGC	CDX-00019360-001	Strobopinin	1mg			Liên hệ
4949	LGC	CDX-00019361-001	Stigmastanol	1g			Liên hệ
4950	LGC	CDX-00019362-001	Sterigmatocystin	1mg			Liên hệ
4951	LGC	CDX-00019362-250	Sterigmatocystin	250ug			Liên hệ
4952	LGC	CDX-00019363-005	Strophanthidin	5mg			Liên hệ
4953	LGC	CDX-00031087-005	Mojave yucca (yucca schidigera) root RGBRM	5g			Liên hệ
4954	LGC	CDX-00019364-010	Strophanthidol	10mg			Liên hệ
4955	LGC	CDX-00019365-010	G-Strophanthin	10mg			Liên hệ
4956	LGC	CDX-00019366-005	K-Strophanthoside	5mg			Liên hệ
4957	LGC	CDX-00019367-100	Stachyose	100mg			Liên hệ
4958	LGC	CDX-00019368-005	(-)-Stylopine	5mg			Liên hệ
4959	LGC	CDX-00019368-010	(-)-Stylopine	10mg			Liên hệ
4960	LGC	CDX-00019368-025	(-)-Stylopine	25mg			Liên hệ
4961	LGC	CDX-00019372-001	Stearyl alcohol(octadecanol)	1g			Liên hệ
4962	LGC	CDX-00019372-010	Stearyl alcohol(octadecanol)	10mg			Liên hệ
4963	LGC	CDX-00031134-005	Muira puama (ptychopetalum olacoides) root RGBRM	5g			Liên hệ
4964	LGC	CDX-00019374-025	Strontium citrate	25mg			Liên hệ
4965	LGC	CDX-00019374-100	Strontium citrate	100mg			Liên hệ
4966	LGC	CDX-00019375-001	Succinic acid	1g			Liên hệ
4967	LGC	CDX-00019375-250	Succinic acid	250mg			Liên hệ
4968	LGC	CDX-00019379-001	Suberic acid	1g			Liên hệ
4969	LGC	CDX-00019380-001	Sucrose	1g			Liên hệ
4970	LGC	CDX-00019380-100	Sucrose(USP)	100mg			Liên hệ
4971	LGC	CDX-00019381-001	Sucrose	1g			Liên hệ
4972	LGC	CDX-00001110-010	N-Acetyl-L-arginine	10mg			Liên hệ
4973	LGC	CDX-00001110-100	N-Acetyl-L-arginine	100mg			Liên hệ
4974	LGC	CDX-00019382-001	Sucrose	1g			Liên hệ
4975	LGC	CDX-00019382-005	SUCROSE(P)	5g			Liên hệ

4976	LGC	CDX-00019383-100	Sucralose	100mg			Liên hệ
4977	LGC	CDX-00019384-005	ISORHYNCHOPHYLLINE (P)	5mg			Liên hệ
4978	LGC	CDX-00019384-010	Isorhynchophylline	10mg			Liên hệ
4979	LGC	CDX-00019385-005	DL-Sulforaphane	5mg			Liên hệ
4980	LGC	CDX-00019385-010	DL-Sulforaphane	10mg			Liên hệ
4981	LGC	CDX-00019385-025	DL-Sulforaphane	25mg			Liên hệ
4982	LGC	CDX-00019390-005	D-Sulforaphane	5mg			Liên hệ
4983	LGC	CDX-00019395-005	L-Sulforaphane	5mg			Liên hệ
4984	LGC	CDX-00019397-005	DL-Sulforaphaneglutathione	5mg			Liên hệ
4985	LGC	CDX-00019397-010	DL-Sulforaphaneglutathione	10mg			Liên hệ
4986	LGC	CDX-00019399-005	DL-Sulforaphane-n-acetyl-L-cysteine	5mg			Liên hệ
4987	LGC	CDX-00019399-010	DL-Sulforaphane-n-acetyl-L-cysteine	10mg			Liên hệ
4988	LGC	CDX-00019405-005	Sulforaphene, L-(P)	5mg			Liên hệ
4989	LGC	CDX-00019410-005	Sulfuretin(SH)	5mg			Liên hệ
4990	LGC	CDX-00019425-050	Suramin Hexasodium Salt	50mg			Liên hệ
4991	LGC	CDX-00019435-010	Sweroside(P)	10mg			Liên hệ
4992	LGC	CDX-00019435-025	Sweroside(P)	25mg			Liên hệ
4993	LGC	CDX-00019441-005	Swertisin	5mg			Liên hệ
4994	LGC	CDX-00019441-010	Swertisin (P)	10mg			Liên hệ
4995	LGC	CDX-00019445-010	Synephrine (P)	10mg			Liên hệ
4996	LGC	CDX-00019445-050	Synephrine	50mg			Liên hệ
4997	LGC	CDX-00019445-100	Synephrine	100mg			Liên hệ
4998	LGC	CDX-00019446-001	Synephrine	1g			Liên hệ
4999	LGC	CDX-00019446-100	Synephrine	100mg			Liên hệ
5000	LGC	CDX-00019447-005	(-)-SyringaresnoL-4-o-beta-D-apiofuranosyl-(1-2)-beta-D-glucopyranoside	5mg			Liên hệ
5001	LGC	CDX-00019447-010	(-)-SyringaresnoL-4-o-beta-D-apiofuranosyl-(1-2)-beta-D-glucopyranoside	10mg			Liên hệ
5002	LGC	CDX-00019449-001	Syringaldehyde	1g			Liên hệ
5003	LGC	CDX-00019450-010	Syringetin	10mg			Liên hệ
5004	LGC	CDX-00019451-005	Syringetin-3-Galactoside(SH)	5mg			Liên hệ
5005	LGC	CDX-00019452-005	Syringetin-3-Glucoside(SH)	5mg			Liên hệ
5006	LGC	CDX-00019453-001	Syringic Acid	1g			Liên hệ
5007	LGC	CDX-00019454-100	Syringic Acid	100mg			Liên hệ
5008	LGC	CDX-00019500-005	Schisandrin(Schisandrol A)(P)	5mg			Liên hệ
5009	LGC	CDX-00019500-010	Schisandrin (Schisandrol A)	10mg			Liên hệ
5010	LGC	CDX-00019500-025	Schisandrin(Schisandrol A)(P)	25mg			Liên hệ
5011	LGC	CDX-00019501-005	Schisandrol B (Gomisin A)	5mg			Liên hệ
5012	LGC	CDX-00019501-010	Schisandrol B(Gomisin A)(P)	10mg			Liên hệ
5013	LGC	CDX-00019504-005	SCHISANDRIN A(DEOXYSCHISANDRIN)(P)	5mg			Liên hệ

5014	LGC	CDX-00019504-010	Schisandrin A (Deoxyschisandrin)	10mg			Liên hệ
5015	LGC	CDX-00019504-025	Schisandrin A (Deoxyschisandrin)	25mg			Liên hệ
5016	LGC	CDX-00019505-005	gamma-Schisandrin (Wuweizisu B)	5mg			Liên hệ
5017	LGC	CDX-00019505-010	gamma-Schisandrin	10mg			Liên hệ
5018	LGC	CDX-00019505-025	gamm-Schisandrin (Wuweizisu B)	25mg			Liên hệ
5019	LGC	CDX-00019505-050	gamma-Schisandrin (Wuweizisu B)	50mg			Liên hệ
5020	LGC	CDX-00019545-005	St. John`s Wort Standards Kit (Hypericins)	3x5mg			Liên hệ
5021	LGC	CDX-00019545-010	ST. JOHN'S WORT STANDARDS KIT #1 (HYPERICINS)(P)	3x10mg			Liên hệ
5022	LGC	CDX-00019550-005	Salidroside(P)	5mg			Liên hệ
5023	LGC	CDX-00019550-010	Salidroside(P)	10mg			Liên hệ
5024	LGC	CDX-00019550-025	Salidroside	25mg			Liên hệ
5025	LGC	CDX-00019550-100	Salidroside(P)	100mg			Liên hệ
5026	LGC	CDX-00019555-005	Simmondsin(P)	5mg			Liên hệ
5027	LGC	CDX-00019555-010	Simmondsin(P)	10mg			Liên hệ
5028	LGC	CDX-00019556-005	Simmondsin-3'-Ferulate	5mg			Liên hệ
5029	LGC	CDX-00019556-010	Simmondsin-3'-Ferulate(P)	10mg			Liên hệ
5030	LGC	CDX-00019557-005	Simmondsin-2'-ferulate	5mg			Liên hệ
5031	LGC	CDX-00019557-010	Simmondsin-2'-ferulate	10mg			Liên hệ
5032	LGC	CDX-00019558-005	Salvianolic acid A	5mg			Liên hệ
5033	LGC	CDX-00019558-010	Salvianolic Acid A (P)	10mg			Liên hệ
5034	LGC	CDX-00019558-025	Salvianolic acid A	25mg			Liên hệ
5035	LGC	CDX-00019559-001	Salvianolic acid B	1mg			Liên hệ
5036	LGC	CDX-00019559-005	Salvianolic acid B	5mg			Liên hệ
5037	LGC	CDX-00019560-010	Salvianolic Acid B(P)	10mg			Liên hệ
5038	LGC	CDX-00019560-025	Salvianolic Acid B(P)	25mg			Liên hệ
5039	LGC	CDX-00019561-010	St. John'S Wort Standards Kit #2(Fl	6x10mg			Liên hệ
5040	LGC	CDX-00019562-00S	St. John'S Wort Snap-N-Shoot Kit(SH	3x3ml			Liên hệ
5041	LGC	CDX-00019565-005	Complete Stevia Standards Kit	11x5mg			Liên hệ
5042	LGC	CDX-00019565-010	Complete Stevia Standards Kit	11x10mg			Liên hệ
5043	LGC	CDX-00019566-005	Common Stevia Glycosides Standards Kit	7x5mg			Liên hệ
5044	LGC	CDX-00019566-010	Common Stevia Glycosides Standards Kit (P) contains: Dulcoside A, Rebaudioside A, Rebaudioside B, Rebaudioside C, Rebaudioside D, Steviolbioside, Stevioside	7x10mg			Liên hệ
5045	LGC	CDX-00019568-005	Stevia JECFA Standards Kit(P)	9x5mg			Liên hệ
5046	LGC	CDX-00019568-010	JECFA Stevia Standards Kit	9x10mg			Liên hệ
5047	LGC	CDX-00019570-005	Soy Isoflavone Kit	6x5mg			Liên hệ
5048	LGC	CDX-00019570-010	Soy Isoflavone Kit	6x10mg			Liên hệ
5049	LGC	CDX-00019570-025	Soy Isoflavone Kit	6x25mg			Liên hệ
5050	LGC	CDX-00019571-005	Soysaponin Kit	5x5mg			Liên hệ
5051	LGC	CDX-00019571-010	Soysaponin Kit	5x10mg			Liên hệ

5052	LGC	CDX-00019573-005	Soy Isoflavone Kit (P)	6x5mg		Liên hệ
5053	LGC	CDX-00019573-010	Soy Isoflavone Kit (P)	6x10mg		Liên hệ
5054	LGC	CDX-00019573-025	Soy Isoflavone Kit (P)	6x25mg		Liên hệ
5055	LGC	CDX-00019575-005	Skullcap Standards Kit	4x5mg		Liên hệ
5056	LGC	CDX-00019575-05K	Skullcap Standards Kit	4x5mg		Liên hệ
5057	LGC	CDX-00020005-001	Tabersonine(SH)	1mg		Liên hệ
5058	LGC	CDX-00020005-005	Tabersonine	5mg		Liên hệ
5059	LGC	CDX-00020005-010	Tabersonine	10mg		Liên hệ
5060	LGC	CDX-00020012-001	Taiwan e methyl ether	1mg		Liên hệ
5061	LGC	CDX-00020015-050	D-Talose	50mg		Liên hệ
5062	LGC	CDX-00020015-250	D-Talose	250mg		Liên hệ
5063	LGC	CDX-00020020-010	Tamarixetin	10mg		Liên hệ
5064	LGC	CDX-00020030-250	Tamoxifen Citrate	250mg		Liên hệ
5065	LGC	CDX-00020035-005	Tangeretin	5mg		Liên hệ
5066	LGC	CDX-00020035-010	Tangeretin	10mg		Liên hệ
5067	LGC	CDX-00020035-025	Tangeretin(P)	25mg		Liên hệ
5068	LGC	CDX-00020036-010	Tangeretin	10mg		Liên hệ
5069	LGC	CDX-00020036-100	Tangeretin	100mg		Liên hệ
5070	LGC	CDX-00020040-005	Tannin (Tannic Acid)	5g		Liên hệ
5071	LGC	CDX-00020041-005	Tanshinone, Crypto(P)	5mg		Liên hệ
5072	LGC	CDX-00020041-010	Tanshinone, Crypto(P)	10mg		Liên hệ
5073	LGC	CDX-00020042-005	Tanshinone I(P)	5mg		Liên hệ
5074	LGC	CDX-00020042-010	Tanshinone I(P)	10mg		Liên hệ
5075	LGC	CDX-00020043-005	Tanshinone IIA	5mg		Liên hệ
5076	LGC	CDX-00020043-010	Tanshinone IIA	10mg		Liên hệ
5077	LGC	CDX-00020043-025	Tanshinone IIA	25mg		Liên hệ
5078	LGC	CDX-00020044-005	TANSHINONE, DIHYDRO(P)	5mg		Liên hệ
5079	LGC	CDX-00020044-010	Dihydro-Tanshinone	10mg		Liên hệ
5080	LGC	CDX-00020045-001	D-(-)-Tartaric Acid	1g		Liên hệ
5081	LGC	CDX-00020045-005	D-(-)-Tartaric Acid	5g		Liên hệ
5082	LGC	CDX-00020050-001	L-(+)-Tartaric Acid	1g		Liên hệ
5083	LGC	CDX-00020050-010	L-(+)-Tartaric Acid	10g		Liên hệ
5084	LGC	CDX-00020055-101	Taurine	1kg		Liên hệ
5085	LGC	CDX-00020056-100	Taurine	100mg		Liên hệ
5086	LGC	CDX-00020056-250	Taurine	250mg		Liên hệ
5087	LGC	CDX-00020058-100	Taurocholic acid sodium salt	100mg		Liên hệ
5088	LGC	CDX-00020060-010	(+)-Taxifolin	10mg		Liên hệ
5089	LGC	CDX-00020062-005	Taxayuntin C(SH)	5mg		Liên hệ

5090	LGC	CDX-00020062-010	Taxayuntin C	10mg		Liên hệ
5091	LGC	CDX-00020063-005	TAXININE M(AS)	5mg		Liên hệ
5092	LGC	CDX-00020063-010	TAXININE M(AS)	10mg		Liên hệ
5093	LGC	CDX-00020063-025	TAXININE M(AS)	25mg		Liên hệ
5094	LGC	CDX-00020064-005	Taxcultine	5mg		Liên hệ
5095	LGC	CDX-00020064-010	Taxcultine	10mg		Liên hệ
5096	LGC	CDX-00020065-005	Taxifolin(P)	5mg		Liên hệ
5097	LGC	CDX-00020065-010	Taxifolin	10mg		Liên hệ
5098	LGC	CDX-00020065-025	Taxifolin(P)	25mg		Liên hệ
5099	LGC	CDX-00020067-005	Taxinine M(SH)	5mg		Liên hệ
5100	LGC	CDX-00020067-010	Taxinine M	10mg		Liên hệ
5101	LGC	CDX-00020068-005	Taxol side chain acid	5mg		Liên hệ
5102	LGC	CDX-00020068-010	Taxol side chain acid	10mg		Liên hệ
5103	LGC	CDX-00020069-005	Taxol side chain ethyl ester	5mg		Liên hệ
5104	LGC	CDX-00020070-005	Taxol C	5mg		Liên hệ
5105	LGC	CDX-00020070-010	Taxol C	10mg		Liên hệ
5106	LGC	CDX-00020070-025	TAXOL C(P)	25mg		Liên hệ
5107	LGC	CDX-00020070-100	Taxol C	100mg		Liên hệ
5108	LGC	CDX-00020071-005	TAXOL SIDE CHAIN DIOL(SH)	5mg		Liên hệ
5109	LGC	CDX-00020071-010	Taxol side chain diol	10mg		Liên hệ
5110	LGC	CDX-00020072-005	Taxol side chain methylester	5mg		Liên hệ
5111	LGC	CDX-00020072-010	Taxol side chain Methylester	10mg		Liên hệ
5112	LGC	CDX-00020073-001	TAXANE (TAXOL) STD MIXTURE (2 compound mix)(SH)	1ml		Liên hệ
5113	LGC	CDX-00020074-001	Taxane (taxol) std mixture(7 compound mix)	1ml		Liên hệ
5114	LGC	CDX-00020075-001	Taxane (Taxol) standard mixture (13 compound mix)	1ml		Liên hệ
5115	LGC	CDX-00020075-005	Taxane (Taxol) standard mixture (13 compound mix)	0.5ml		Liên hệ
5116	LGC	CDX-00020076-001	Taxane (Taxol) Standard Mixture (14 Compound Mix)	1ml		Liên hệ
5117	LGC	CDX-00020076-001.	Taxane (Taxol) Standard Mixture (14 Compound Mix)	1ml		Liên hệ
5118	LGC	CDX-00020076-005.	Taxane (Taxol) Standard Mixture (14 compound mix)	0.5ml		Liên hệ
5119	LGC	CDX-00020078-005	Taxoprexin	5mg		Liên hệ
5120	LGC	CDX-00020078-010	Taxoprexin	10mg		Liên hệ
5121	LGC	CDX-00020078-025	Taxoprexin	25mg		Liên hệ
5122	LGC	CDX-00020078-100	Taxoprexin	100mg		Liên hệ
5123	LGC	CDX-00020080-005	Theaflavin (Black Tea) Standards Ki	4x5mg		Liên hệ
5124	LGC	CDX-00020080-010	Theaflavin (Black Tea) Standards Kit	4x10mg		Liên hệ
5125	LGC	CDX-00020082-010	Taxusin	10mg		Liên hệ
5126	LGC	CDX-00020082-025	Taxusin	25mg		Liên hệ
5127	LGC	CDX-00020082-100	Taxusin	100mg		Liên hệ

5128	LGC	CDX-00020085-010	Tectochrysin	10mg			Liên hệ
5129	LGC	CDX-00020087-001	Tectoridin	1mg			Liên hệ
5130	LGC	CDX-00020087-005	Tectoridin	5mg			Liên hệ
5131	LGC	CDX-00020100-001	a-Terpinene	1g			Liên hệ
5132	LGC	CDX-00020100-100	Terpinene, A-(SG)	100mg			Liên hệ
5133	LGC	CDX-00020101-001	gamma-Terpinene	1g			Liên hệ
5134	LGC	CDX-00020101-100	gamma-Terpinene	100mg			Liên hệ
5135	LGC	CDX-00020103-001	Terpinen-4-Ol	1g			Liên hệ
5136	LGC	CDX-00020105-001	alpha-Terpineol	1g			Liên hệ
5137	LGC	CDX-00020105-100	Terpineol, A-(SG)	100mg			Liên hệ
5138	LGC	CDX-00020106-001	Terpinolene(SG)	1g			Liên hệ
5139	LGC	CDX-00020107-001	Terpinyl Acetate	1g			Liên hệ
5140	LGC	CDX-00020110-001	Terretonin	1mg			Liên hệ
5141	LGC	CDX-00020110-250	Terretonin	250ug			Liên hệ
5142	LGC	CDX-00020111-001	Terretonin A	1mg			Liên hệ
5143	LGC	CDX-00020111-250	Terretonin A	250ug			Liên hệ
5144	LGC	CDX-00020113-001	Territrem A	1mg			Liên hệ
5145	LGC	CDX-00020113-250	Territrem A	250ug			Liên hệ
5146	LGC	CDX-00020114-001	Territrem B	1mg			Liên hệ
5147	LGC	CDX-00020114-250	Territrem B	250ug			Liên hệ
5148	LGC	CDX-00020120-100	Testosterone	100mg			Liên hệ
5149	LGC	CDX-00020131-001	N-Tetradecane	1g			Liên hệ
5150	LGC	CDX-00020132-005	Tetrahydroalstonine	5mg			Liên hệ
5151	LGC	CDX-00020140-001	1,2,3,4-Tetra-O-acetyl-beta-D-glucopyranose	1g			Liên hệ
5152	LGC	CDX-00020140-100	1,2,3,4-Tetra-O-acetyl-beta-D-glucopyranose	100mg			Liên hệ
5153	LGC	CDX-00020145-100	Tetracotane(SG)	100mg			Liên hệ
5154	LGC	CDX-00020150-005	Tetracosane	5g			Liên hệ
5155	LGC	CDX-00020150-100	Tetracosane	100mg			Liên hệ
5156	LGC	CDX-00020151-010	1-Tetracosanol	10mg			Liên hệ
5157	LGC	CDX-00020151-025	1-Tetracosanol	25mg			Liên hệ
5158	LGC	CDX-00020151-100	1-Tetracosanol	100mg			Liên hệ
5159	LGC	CDX-00020152-025	1-Tetracosanol	25mg			Liên hệ
5160	LGC	CDX-00020152-100	1-Tetracosanol	100mg			Liên hệ
5161	LGC	CDX-00020152-250	1-Tetracosanol	250mg			Liên hệ
5162	LGC	CDX-00020155-005	Tetrahydroberberine (Canadine)	5mg			Liên hệ
5163	LGC	CDX-00020155-010	Tetrahydroberberine(Canadine)(P)	10mg			Liên hệ
5164	LGC	CDX-00020155-020	TETRAHYDROBERBERINE(CANADINE)(P)	20mg			Liên hệ
5165	LGC	CDX-00020158-001	Tetrahydrocurcumin (P) 1g	1g			Liên hệ



5166	LGC	CDX-00020158-250	Tetrahydrocurcumin	250mg			Liên hệ
5167	LGC	CDX-00020159-010	Tetrahydrocoptisine(P)	10mg			Liên hệ
5168	LGC	CDX-00020170-001	Tetrahydrolinalool	1g			Liên hệ
5169	LGC	CDX-00020170-100	Tetrahydrolinalool	100mg			Liên hệ
5170	LGC	CDX-00020171-001	Tetrahydrolinalyl Acetate(SG)	1g			Liên hệ
5171	LGC	CDX-00020172-010	L-Tetrahydropalmatine	10mg			Liên hệ
5172	LGC	CDX-00020173-010	L-Tetrahydropalmatine	10mg			Liên hệ
5173	LGC	CDX-00020173-025	L-Tetrahydropalmatine	25mg			Liên hệ
5174	LGC	CDX-00020173-100	L-Tetrahydropalmatine	100mg			Liên hệ
5175	LGC	CDX-00020175-010	DL-Tetrahydropalmatine	10mg			Liên hệ
5176	LGC	CDX-00020175-025	DL-Tetrahydropalmatine	25mg			Liên hệ
5177	LGC	CDX-00020175-050	DL-Tetrahydropalmatine	50mg			Liên hệ
5178	LGC	CDX-00020185-010	3',4',7,8-Tetrahydroxyflavone	10mg			Liên hệ
5179	LGC	CDX-00020195-010	3',4',7,8-Tetramethoxyflavone	10mg			Liên hệ
5180	LGC	CDX-00020200-005	3',4',5,7-Tetrahydroxy-3-methoxyflavone	5mg			Liên hệ
5181	LGC	CDX-00020206-010	Tetrandrine	10mg			Liên hệ
5182	LGC	CDX-00020206-025	Tetrandrine	25mg			Liên hệ
5183	LGC	CDX-00020206-100	Tetrandrine	100mg			Liên hệ
5184	LGC	CDX-00020220-001	2,3,5,6-Tetramethylpyrazine	1g			Liên hệ
5185	LGC	CDX-00020247-0HK	Theanine (L) HPLC Analysis Kit	kit			Liên hệ
5186	LGC	CDX-00020248-010	Theobromine	10mg			Liên hệ
5187	LGC	CDX-00020248-100	Theobromine(P)	100mg			Liên hệ
5188	LGC	CDX-00020248-200	Theobromine	200mg			Liên hệ
5189	LGC	CDX-00020249-010	L-Theanine	10mg			Liên hệ
5190	LGC	CDX-00020249-025	Theanine, L-(P)	25mg			Liên hệ
5191	LGC	CDX-00020249-100	L-Theanine	100mg			Liên hệ
5192	LGC	CDX-00020249-500	L-Theanine	500mg			Liên hệ
5193	LGC	CDX-00020250-050	L-Theanine	50mg			Liên hệ
5194	LGC	CDX-00020250-100	L-Theanine	100mg			Liên hệ
5195	LGC	CDX-00020251-001	Theobromine(SH)	1g			Liên hệ
5196	LGC	CDX-00020251-250	Theobromine	250mg			Liên hệ
5197	LGC	CDX-00020252-005	Theaflavine	5mg			Liên hệ
5198	LGC	CDX-00020252-010	Theaflavine	10mg			Liên hệ
5199	LGC	CDX-00020253-005	Theaflavine-3-Gallate(P)	5mg			Liên hệ
5200	LGC	CDX-00020253-010	Theaflavine-3-gallate	10mg			Liên hệ
5201	LGC	CDX-00020254-005	Theaflavine-3,3'-Digallate(P)	5mg			Liên hệ
5202	LGC	CDX-00020254-010	Theaflavine-3,3'-digallate	10mg			Liên hệ
5203	LGC	CDX-00020255-001	Theophylline(SH)	1g			Liên hệ

5204	LGC	CDX-00020255-010	Theophylline	10mg		Liên hệ
5205	LGC	CDX-00020255-250	Theophylline	250mg		Liên hệ
5206	LGC	CDX-00020256-010	Theophylline	10mg		Liên hệ
5207	LGC	CDX-00020256-100	Theophylline	100mg		Liên hệ
5208	LGC	CDX-00020256-200	Theophylline	200mg		Liên hệ
5209	LGC	CDX-00020258-005	Theaflavine-3-gallate	5mg		Liên hệ
5210	LGC	CDX-00020258-010	Theaflavine-3-gallate	10mg		Liên hệ
5211	LGC	CDX-00020259-005	Theaflavine-3'-gallate	5mg		Liên hệ
5212	LGC	CDX-00020259-010	Theaflavine-3'-gallate	10mg		Liên hệ
5213	LGC	CDX-00020260-001	L-Threonine	1g		Liên hệ
5214	LGC	CDX-00020260-100	L-Threonine	100mg		Liên hệ
5215	LGC	CDX-00020261-100	L-Threonine	100mg		Liên hệ
5216	LGC	CDX-00020265-100	DL-6,8-Thioctic Acid Amide	100mg		Liên hệ
5217	LGC	CDX-00020280-005	4-Thiouridine	5mg		Liên hệ
5218	LGC	CDX-00020283-050	beta-Thujaplicin	50mg		Liên hệ
5219	LGC	CDX-00020284-050	beta-(hinokitiol)Thujaplicin	50mg		Liên hệ
5220	LGC	CDX-00020285-001	DL-Threonine (Allo-Free)	1g		Liên hệ
5221	LGC	CDX-00020286-100	(alpha,beta)-Thujone	100mg		Liên hệ
5222	LGC	CDX-00020287-001	alpha(-)-Thujone	1g		Liên hệ
5223	LGC	CDX-00020287-100	alpha(-)-Thujone	100mg		Liên hệ
5224	LGC	CDX-00020289-100	Thujyl alcohol	100mg		Liên hệ
5225	LGC	CDX-00020292-025	THYMOQUINONE(P)	25mg		Liên hệ
5226	LGC	CDX-00020292-100	THYMOQUINONE(P)	100mg		Liên hệ
5227	LGC	CDX-00020292-250	THYMOQUINONE(P)	250mg		Liên hệ
5228	LGC	CDX-00020294-010	Tomatine	10mg		Liên hệ
5229	LGC	CDX-00020294-025	Tomatine	25mg		Liên hệ
5230	LGC	CDX-00020295-001	Thymol(SG)	1g		Liên hệ
5231	LGC	CDX-00020295-100	Thymol(SG)	100mg		Liên hệ
5232	LGC	CDX-00014500-010	Nordalbergin	10mg		Liên hệ
5233	LGC	CDX-00020298-025	Tomatine(St)	25mg		Liên hệ
5234	LGC	CDX-00020300-250	Tiglic Acid	250mg		Liên hệ
5235	LGC	CDX-00020305-010	Tiliroside(SH)	10mg		Liên hệ
5236	LGC	CDX-00020306-010	Tiliroside(P)	10mg		Liên hệ
5237	LGC	CDX-00020306-025	Tiliroside	25mg		Liên hệ
5238	LGC	CDX-00020306-100	Tiliroside	100mg		Liên hệ
5239	LGC	CDX-00020308-001	TiruneesIn	1mg		Liên hệ
5240	LGC	CDX-00020310-050	Tocopherol D-Isomer Kit: Alpha, Gamma, Delta (P)	4x50mg		Liên hệ
5241	LGC	CDX-00020311-001	TOCOPHEROL, D-ALPHA-(P)	1g		Liên hệ

5242	LGC	CDX-00020311-005	TOCOPHEROL, D-ALPHA-(P)	5g			Liên hệ
5243	LGC	CDX-00020311-050	Tocopherol, D-Alpha-(P)	50mg			Liên hệ
5244	LGC	CDX-00020311-250	D-alpha-Tocopherol	250mg			Liên hệ
5245	LGC	CDX-00020313-001	D-gamma-tocopherol	1g			Liên hệ
5246	LGC	CDX-00020313-050	D-gamma-tocopherol	50mg			Liên hệ
5247	LGC	CDX-00020313-250	D-gamma-tocopherol	250mg			Liên hệ
5248	LGC	CDX-00020314-001	tocopherol, d-delta-(p)	1g			Liên hệ
5249	LGC	CDX-00020314-050	D-delta-tocopherol	50mg			Liên hệ
5250	LGC	CDX-00020314-250	D-delta-tocopherol	250mg			Liên hệ
5251	LGC	CDX-00020315-050	Tocopherol isomer kit	4x50mg			Liên hệ
5252	LGC	CDX-00020316-001	DL-alpha-tocopherol	1g			Liên hệ
5253	LGC	CDX-00020317-001	DL-alpha-tocopherol	1g			Liên hệ
5254	LGC	CDX-00020317-250	Tocopherol, DL-Alpha-(P)	250mg			Liên hệ
5255	LGC	CDX-00020318-100	D-gamma-Tocopherol	100g			Liên hệ
5256	LGC	CDX-00020319-050	D-beta-Tocopherol	50mg			Liên hệ
5257	LGC	CDX-00020321-010	Tocotrienols Kit(Alpha, Delta, Gamma)(P)	3x10mg			Liên hệ
5258	LGC	CDX-00020321-050	Tocotrienols Kit	3x50mg			Liên hệ
5259	LGC	CDX-00020324-001	Tolualdehyde, P-(SG)	1g			Liên hệ
5260	LGC	CDX-00020324-100	P-Tolualdehyde	100mg			Liên hệ
5261	LGC	CDX-00020325-010	D-alpha-Tocotrienol	10mg			Liên hệ
5262	LGC	CDX-00020325-050	Tocotrienol, D-Alpha-(P)	50mg			Liên hệ
5263	LGC	CDX-00020326-005	Tocotrienol, D-Beta-(P)	5mg			Liên hệ
5264	LGC	CDX-00020327-010	D-delta-Tocotrienol	10mg			Liên hệ
5265	LGC	CDX-00020327-050	D-delta-Tocotrienol	50mg			Liên hệ
5266	LGC	CDX-00020328-010	D-gamma-Tocotrienol	10mg			Liên hệ
5267	LGC	CDX-00020328-050	D-gamma-Tocotrienol	50mg			Liên hệ
5268	LGC	CDX-00020329-001	Tocotrienol and Tocopherole Mixed Solution Standard (in Hexane)	1ml			Liên hệ
5269	LGC	CDX-00020330-010	Total tea standards kit	9x10mg			Liên hệ
5270	LGC	CDX-00020332-100	Trehalose	100mg			Liên hệ
5271	LGC	CDX-00020334-010	Tomatidine	10mg			Liên hệ
5272	LGC	CDX-00020335-005	Tomatidine HCl	5mg			Liên hệ
5273	LGC	CDX-00020335-010	Tomatidine Hcl(SH)	10mg			Liên hệ
5274	LGC	CDX-00020335-025	Tomatidine Hcl(SH)	25mg			Liên hệ
5275	LGC	CDX-00020340-005	Topotecan HCl	5mg			Liên hệ
5276	LGC	CDX-00020340-010	Topotecan HCl	10mg			Liên hệ
5277	LGC	CDX-00020340-025	Topotecan HCl	25mg			Liên hệ
5278	LGC	CDX-00020340-100	Topotecan HCl	100mg			Liên hệ
5279	LGC	CDX-00020341-005	Topotecan HCl	5mg			Liên hệ

5280	LGC	CDX-00020341-025	Topotecan HCl	25mg			Liên hệ
5281	LGC	CDX-00020342-005	Totanol	5mg			Liên hệ
5282	LGC	CDX-00020343-100	Tricaprylin	100mg			Liên hệ
5283	LGC	CDX-00020344-005	Tricetin	5mg			Liên hệ
5284	LGC	CDX-00020346-001	N-Tridecane	1g			Liên hệ
5285	LGC	CDX-00020347-010	Trigonelline	10mg			Liên hệ
5286	LGC	CDX-00020347-025	Trigonelline	25mg			Liên hệ
5287	LGC	CDX-00020348-005	Cirsiliol	5mg			Liên hệ
5288	LGC	CDX-00020349-010	3',4',7-Trimethoxyflavone	10mg			Liên hệ
5289	LGC	CDX-00020350-010	TRIACONTANOL, 1-(P)	10mg			Liên hệ
5290	LGC	CDX-00020351-005	Trifolirhizin	5mg			Liên hệ
5291	LGC	CDX-00020351-025	Trifolirhizin	25mg			Liên hệ
5292	LGC	CDX-00020353-010	Trigonelline	10mg			Liên hệ
5293	LGC	CDX-00020353-025	TRIGONELLINE(P)	25mg			Liên hệ
5294	LGC	CDX-00020353-050	Trigonelline	50mg			Liên hệ
5295	LGC	CDX-00020355-010	Prototribestin(P)	onrequest			Liên hệ
5296	LGC	CDX-00020356-005	Tribulosaponin B	onrequest			Liên hệ
5297	LGC	CDX-00020356-010	Tribulosaponin B(P)	10mg			Liên hệ
5298	LGC	CDX-00020359-005	Tribulosin	5mg			Liên hệ
5299	LGC	CDX-00020360-005	Tribulus Saponin Standards Kit	4x5mg			Liên hệ
5300	LGC	CDX-00020360-010	TRIBULUS SAPONIN STANDARDS KIT(P)	2x10mg			Liên hệ
5301	LGC	CDX-00020361-0HK	Tribulus HPLC Analysis Kit	4x10mg			Liên hệ
5302	LGC	CDX-00020365-001	Tribulus Terrestris Extract	1kg			Liên hệ
5303	LGC	CDX-00020380-010	3',5,7-Trihydroxy-3,4'-Dimethoxyflavone	10mg			Liên hệ
5304	LGC	CDX-00020455-005	4',6,7-Trihydroxyisoflavone	5mg			Liên hệ
5305	LGC	CDX-00020457-010	3,4',5-Trihydroxystilbene-3-o-beta-D-glucopyranoside	10mg			Liên hệ
5306	LGC	CDX-00020460-001	Trilaurin	1g			Liên hệ
5307	LGC	CDX-00020465-005	Trilobatin	5mg			Liên hệ
5308	LGC	CDX-00020470-001	Trillin	1mg			Liên hệ
5309	LGC	CDX-00020470-005	Trillin	5mg			Liên hệ
5310	LGC	CDX-00020472-100	Trimyristin	100mg			Liên hệ
5311	LGC	CDX-00020477-001	Tripalmitin	1g			Liên hệ
5312	LGC	CDX-00020480-010	Triptolide	10mg			Liên hệ
5313	LGC	CDX-00020480-050	Triptolide(P)	50mg			Liên hệ
5314	LGC	CDX-00020481-010	Epi-Triptolide	10mg			Liên hệ
5315	LGC	CDX-00020481-050	Triptolide, Epi-(P)	50mg			Liên hệ
5316	LGC	CDX-00020482-010	Triptonide	10mg			Liên hệ
5317	LGC	CDX-00020482-050	Triptonide(P)	50mg			Liên hệ

5318	LGC	CDX-00020483-010	Triptophenolide(P)	10mg			Liên hệ
5319	LGC	CDX-00020483-050	Triptophenolide(P)	50mg			Liên hệ
5320	LGC	CDX-00020484-010	Triptolide Standards Kit	4x10mg			Liên hệ
5321	LGC	CDX-00020486-001	2,3,5-Trimethylpyrazine	1g			Liên hệ
5322	LGC	CDX-00020487-005	Trojanoside H	5mg			Liên hệ
5323	LGC	CDX-00020488-005	3,5,4'-Trimethoxystilbene	5mg			Liên hệ
5324	LGC	CDX-00020488-010	3,5,4'-Trimethoxystilbene	10mg			Liên hệ
5325	LGC	CDX-00020488-025	3,5,4'-Trimethoxystilbene	25mg			Liên hệ
5326	LGC	CDX-00020488-100	3,5,4'-Trimethoxystilbene	100mg			Liên hệ
5327	LGC	CDX-00020489-001	3,5,4'-Trimethoxystilbene	1g			Liên hệ
5328	LGC	CDX-00020489-005	3,5,4'-Trimethoxystilbene	5g			Liên hệ
5329	LGC	CDX-00020490-005	DL-Tropic Acid	5g			Liên hệ
5330	LGC	CDX-00020491-100	Tropine	100mg			Liên hệ
5331	LGC	CDX-00020500-010	Tropicamide	10mg			Liên hệ
5332	LGC	CDX-00020505-010	Troxerutin	10mg			Liên hệ
5333	LGC	CDX-00020505-025	Troxerutin	25mg			Liên hệ
5334	LGC	CDX-00020510-005	Tryptamine hydrochloride	5g			Liên hệ
5335	LGC	CDX-00020510-025	Tryptamine hydrochloride	25g			Liên hệ
5336	LGC	CDX-00020515-001	Tryptamine	1g			Liên hệ
5337	LGC	CDX-00020515-250	Tryptamine	250mg			Liên hệ
5338	LGC	CDX-00020521-050	DL-Tryptophan	50mg			Liên hệ
5339	LGC	CDX-00020521-100	DL-Tryptophan	100mg			Liên hệ
5340	LGC	CDX-00020530-001	D-Tryptophan	1g			Liên hệ
5341	LGC	CDX-00031194-005	Oat (avena sativa) stems RGBRM	5g			Liên hệ
5342	LGC	CDX-00020541-100	L-Tryptophan	100mg			Liên hệ
5343	LGC	CDX-00020585-010	Tubeimoside A	10mg			Liên hệ
5344	LGC	CDX-00020588-001	Tubeimoside I	1mg			Liên hệ
5345	LGC	CDX-00020588-005	Tubeimoside I	5mg			Liên hệ
5346	LGC	CDX-00020589-005	Tuberostemonine	5mg			Liên hệ
5347	LGC	CDX-00020589-010	Tuberostemonine	10mg			Liên hệ
5348	LGC	CDX-00020590-025	D-Tubocurarine Chloride	25mg			Liên hệ
5349	LGC	CDX-00020593-005	Turmeric(Curcumin) Standards Kit	3x5mg			Liên hệ
5350	LGC	CDX-00020593-010	Turmeric Standards Kit	3x10mg			Liên hệ
5351	LGC	CDX-00020593-025	Turmeric(Curcumin) Standards Kit	3x25mg			Liên hệ
5352	LGC	CDX-00020594-001	Turkesterone(SH)	1mg			Liên hệ
5353	LGC	CDX-00020595-001	Tyramine	1g			Liên hệ
5354	LGC	CDX-00020595-100	Tyramine	100mg			Liên hệ
5355	LGC	CDX-00020596-005	AR-Turmerone	5mg			Liên hệ

5356	LGC	CDX-00020596-010	Turmerone, Ar-(P)	10mg			Liên hệ
5357	LGC	CDX-00020599-010	Typhaneoside(P)	10mg			Liên hệ
5358	LGC	CDX-00020599-025	Typhaneoside	25mg			Liên hệ
5359	LGC	CDX-00020600-001	Tyramine HCl	1g			Liên hệ
5360	LGC	CDX-00020601-050	Tyramine HCl	50mg			Liên hệ
5361	LGC	CDX-00020601-100	Tyramine HCl	100mg			Liên hệ
5362	LGC	CDX-00020619-010	Tyrosine, L-(P)	10mg			Liên hệ
5363	LGC	CDX-00020619-100	Tyrosine, L-(P)	100mg			Liên hệ
5364	LGC	CDX-00020621-001	D-Tyrosine	1g			Liên hệ
5365	LGC	CDX-00020621-250	D-Tyrosine	250mg			Liên hệ
5366	LGC	CDX-00030858-005	Olive (olea europaea) leaf RGBRM	5g			Liên hệ
5367	LGC	CDX-00020625-100	Tyrosol	100mg			Liên hệ
5368	LGC	CDX-00020626-005	Tyrosol	5mg			Liên hệ
5369	LGC	CDX-00020626-010	Tyrosol(P)	10mg			Liên hệ
5370	LGC	CDX-00020635-005	Tricetinidin Chloride	5mg			Liên hệ
5371	LGC	CDX-00020635-010	Tricetinidin Chloride	10mg			Liên hệ
5372	LGC	CDX-00020638-250	l-Tricosanoicacid	250mg			Liên hệ
5373	LGC	CDX-00020638-500	l-Tricosanoicacid	500mg			Liên hệ
5374	LGC	CDX-00020639-010	l-Tricosanol	10mg			Liên hệ
5375	LGC	CDX-00020640-005	Tricin(P)	5mg			Liên hệ
5376	LGC	CDX-00020640-010	Tricin(P)	10mg			Liên hệ
5377	LGC	CDX-00031199-005	Oswego tea (monarda didyma) leaf and flower RGBRM	5g			Liên hệ
5378	LGC	CDX-00020650-250	Triphenyl phosphate	250mg			Liên hệ
5379	LGC	CDX-00041330-005	Pacific yew (taxus brevifolia) leaves [whole/cut] RGBRM	5g			Liên hệ
5380	LGC	CDX-00031330-005	Pacific yew (taxus brevifolia) leaves RGBRM	5g			Liên hệ
5381	LGC	CDX-00021101-100	Umbelliferone	100mg			Liên hệ
5382	LGC	CDX-00021101-250	Umbelliferone	250mg			Liên hệ
5383	LGC	CDX-00021110-005	Umekalin	5mg			Liên hệ
5384	LGC	CDX-00021220-005	Uncarine C	5mg			Liên hệ
5385	LGC	CDX-00021220-010	Uncarine C(P)	10mg			Liên hệ
5386	LGC	CDX-00021225-005	Uncarine E(P)	5mg			Liên hệ
5387	LGC	CDX-00021225-010	Uncarine E	10mg			Liên hệ
5388	LGC	CDX-00021230-001	Uncarine D(P)	1mg			Liên hệ
5389	LGC	CDX-00021230-005	UNCARINE D(P)	5mg			Liên hệ
5390	LGC	CDX-00021235-005	Undec-2-Ene-8,10-Diynoic Acid Isobu	5mg			Liên hệ
5391	LGC	CDX-00021235-010	Undec-2-Ene-8,10-Diynoic Acid Isobutylamide	10mg			Liên hệ
5392	LGC	CDX-00021238-001	Undecanoic Acid Methyl Ester(SG)	1g			Liên hệ
5393	LGC	CDX-00021238-250	Undecanoic Acid Methyl Ester	250mg			Liên hệ

5394	LGC	CDX-00021239-001	1-Undecanol	1g		Liên hệ
5395	LGC	CDX-00021239-250	Undecanol, 1-(SG)	250mg		Liên hệ
5396	LGC	CDX-00021240-001	Undecylaldehyde(SG)	1g		Liên hệ
5397	LGC	CDX-00021240-250	Undecylaldehyde	250mg		Liên hệ
5398	LGC	CDX-00021241-001	delta-Undecalactone	1g		Liên hệ
5399	LGC	CDX-00021242-001	Undecalactone,Gamma-(SG)	1g		Liên hệ
5400	LGC	CDX-00021250-001	Uracil(SH)	1g		Liên hệ
5401	LGC	CDX-00021250-250	Uracil	250mg		Liên hệ
5402	LGC	CDX-00021300-100	Uracil-6-Carboxylic Acid (SH)	100mg		Liên hệ
5403	LGC	CDX-00021300-250	Uracil-6-Carboxylic Acid(Sh)	250mg		Liên hệ
5404	LGC	CDX-00016099-001	Pelargonaldehyde	1g		Liên hệ
5405	LGC	CDX-00021360-250	Uridine	250mg		Liên hệ
5406	LGC	CDX-00021365-010	URIDINE-5'-MONOPHOSPHATE DISODIUM SALT(SH)	10mg		Liên hệ
5407	LGC	CDX-00021365-025	URIDINE-5'-MONOPHOSPHATE DISODIUM SALT(SH)	25mg		Liên hệ
5408	LGC	CDX-00021366-025	Uridine-5'-monophosphate disodium salt	25mg		Liên hệ
5409	LGC	CDX-00021366-100	Uridine-5'-monophosphate disodium salt	100mg		Liên hệ
5410	LGC	CDX-00016111-005	Pelargonidin Chloride	5mg		Liên hệ
5411	LGC	CDX-00016111-010	Pelargonidin Chloride	10mg		Liên hệ
5412	LGC	CDX-00016111-025	PELARGONIDIN CHLORIDE(P)	25mg		Liên hệ
5413	LGC	CDX-00021600-010	Ursolic Acid	10mg		Liên hệ
5414	LGC	CDX-00021600-025	Ursolic Acid(P)	25mg		Liên hệ
5415	LGC	CDX-00021601-001	Ursolic Acid	1g		Liên hệ
5416	LGC	CDX-00021601-101	Ursolic acid	1kg		Liên hệ
5417	LGC	CDX-00021650-005	Ursolic Acid Methylester	5mg		Liên hệ
5418	LGC	CDX-00021650-025	Ursolic Acid Methylester	25mg		Liên hệ
5419	LGC	CDX-00021675-005	Urushiol I(3-Heptadecylcatechol)(P)	5mg		Liên hệ
5420	LGC	CDX-00021675-010	URUSHIOL I(3-PENTADECYLCATECHOL)(P)	10mg		Liên hệ
5421	LGC	CDX-00021675-050	Urushiol I (3-Pentadecylcatechol)	50mg		Liên hệ
5422	LGC	CDX-00021676-005	Urushiol II (3-Heptadecylcatechol)	5mg		Liên hệ
5423	LGC	CDX-00021676-010	Urushiol II (3-Heptadecylcatechol)	10mg		Liên hệ
5424	LGC	CDX-00021676-050	Urushiol II (3-Heptadecylcatechol)	50mg		Liên hệ
5425	LGC	CDX-00021795-001	(+)-Usnic Acid Sodium Salt	1g		Liên hệ
5426	LGC	CDX-00021800-001	(+)-Usnic Acid	1g		Liên hệ
5427	LGC	CDX-00021850-005	UVAOL(SH)	5mg		Liên hệ
5428	LGC	CDX-00022020-050	trans-Vaccenic Acid	50mg		Liên hệ
5429	LGC	CDX-00022050-001	Valencene(SG)	1g		Liên hệ
5430	LGC	CDX-00022050-100	Valencene(SG)	100mg		Liên hệ
5431	LGC	CDX-00022090-001	Valeraldehyde, N-(SG)	1g		Liên hệ

5432	LGC	CDX-00022090-100	Valeraldehyde, N-(SG)	100mg		Liên hệ
5433	LGC	CDX-00022101-001	L-Valine	1g		Liên hệ
5434	LGC	CDX-00022102-100	L-Valine	100mg		Liên hệ
5435	LGC	CDX-00022150-005	Valerenic Acid(AHP)	5mg		Liên hệ
5436	LGC	CDX-00022150-010	Valerenic Acid(AHP)	10mg		Liên hệ
5437	LGC	CDX-00022150-025	Valerenic Acid(AHP)	25mg		Liên hệ
5438	LGC	CDX-00022150-100	Valerenic Acid	100mg		Liên hệ
5439	LGC	CDX-00022160-005	Valerian Standard Kit	3x5mg		Liên hệ
5440	LGC	CDX-00022160-010	Valerian Standard Kit contains: Acetoxyvalerenic Acid, Hydroxyvalerenic Acid, Valerenic Acid	3x10mg		Liên hệ
5441	LGC	CDX-00022161-0HK	Valerian Hplc Analysis Kit	3x10mg		Liên hệ
5442	LGC	CDX-00022162-00S	Valerian Snap-N-Shoot Standards Kit	3x1.0ml		Liên hệ
5443	LGC	CDX-00022195-001	Valeric Acid(SG)	1g		Liên hệ
5444	LGC	CDX-00022195-100	VALERIC ACID(SG)	100mg		Liên hệ
5445	LGC	CDX-00022250-001	Valeric Acid Ethylester	1g		Liên hệ
5446	LGC	CDX-00022250-100	VALERIC ACID ETHYLESTER(SG)	100mg		Liên hệ
5447	LGC	CDX-00022300-001	gamma-Valerolactone	1g		Liên hệ
5448	LGC	CDX-00022300-100	gamma-Valerolactone	100mg		Liên hệ
5449	LGC	CDX-00022304-100	2-Vanillin	100mg		Liên hệ
5450	LGC	CDX-00022305-001	Vanillin	1g		Liên hệ
5451	LGC	CDX-00022305-100	Vanillin(USP)(Coming Soon)(P)	100mg		Liên hệ
5452	LGC	CDX-00022305-200	Vanillin	200mg		Liên hệ
5453	LGC	CDX-00022306-001	Vanillic Acid	1g		Liên hệ
5454	LGC	CDX-00022307-001	Vanillyl alcohol	1g		Liên hệ
5455	LGC	CDX-00022324-010	Vasaka Standards Kit	2x10mg		Liên hệ
5456	LGC	CDX-00022325-005	Vasicine(P)	5mg		Liên hệ
5457	LGC	CDX-00022325-010	Vasicine	10mg		Liên hệ
5458	LGC	CDX-00022326-005	Vasicinone	5mg		Liên hệ
5459	LGC	CDX-00022326-010	Vasicinone	10mg		Liên hệ
5460	LGC	CDX-00022342-005	Verarine	5mg		Liên hệ
5461	LGC	CDX-00022342-010	Verarine	10mg		Liên hệ
5462	LGC	CDX-00022342-025	Verarine	25mg		Liên hệ
5463	LGC	CDX-00022345-005	Veratramine	5mg		Liên hệ
5464	LGC	CDX-00022345-010	Veratramine	10mg		Liên hệ
5465	LGC	CDX-00022345-025	Veratramine	25mg		Liên hệ
5466	LGC	CDX-00022350-001	Veratric Acid	1g		Liên hệ
5467	LGC	CDX-00022351-250	VERATRIC ACID(P)	250mg		Liên hệ
5468	LGC	CDX-00022355-005	Veratridine	5mg		Liên hệ
5469	LGC	CDX-00022355-010	Veratridine	10mg		Liên hệ



5470	LGC	CDX-00016101-005	Pelargonidin-3-Glucoside Chloride(S)	5mg			Liên hệ
5471	LGC	CDX-00022390-010	VERBASCOSIDE(P)	10mg			Liên hệ
5472	LGC	CDX-00022395-005	Olive Fruit Standards Kit	2x5mg			Liên hệ
5473	LGC	CDX-00022399-050	(1s)-(+)-cisVerbenol	50mg			Liên hệ
5474	LGC	CDX-00022400-001	(-)-Verbenone	1g			Liên hệ
5475	LGC	CDX-00022400-100	(-)-Verbenone	100mg			Liên hệ
5476	LGC	CDX-00016125-005	Pelargonidin-3-o-rutinoside chloride	5mg			Liên hệ
5477	LGC	CDX-00022460-010	Veratrine	10mg			Liên hệ
5478	LGC	CDX-00022516-005	Vicine	5mg			Liên hệ
5479	LGC	CDX-00022518-005	Vinblastine Sulfate	5mg			Liên hệ
5480	LGC	CDX-00016121-005	Pelargonin Chloride	5mg			Liên hệ
5481	LGC	CDX-00022520-005	Vincristine Sulfate	5mg			Liên hệ
5482	LGC	CDX-00022521-010	Vincristine sulphate(P)	10mg			Liên hệ
5483	LGC	CDX-00022524-001	Vincamine	1g			Liên hệ
5484	LGC	CDX-00022524-100	VINCAMINE(P)	100mg			Liên hệ
5485	LGC	CDX-00022525-001	Vincamine	1g			Liên hệ
5486	LGC	CDX-00016121-010	Pelargonin Chloride	10mg			Liên hệ
5487	LGC	CDX-00022525-050	Vincamine	50mg			Liên hệ
5488	LGC	CDX-00022526-005	Vindesine Sulfate	5mg			Liên hệ
5489	LGC	CDX-00022527-050	Vindoline	50mg			Liên hệ
5490	LGC	CDX-00022530-001	Vinpocetine	1g			Liên hệ
5491	LGC	CDX-00022530-100	Vinpocetine	100mg			Liên hệ
5492	LGC	CDX-00022530-250	Vinpocetine	250mg			Liên hệ
5493	LGC	CDX-00022531-025	VINPOCETINE(P)	25mg			Liên hệ
5494	LGC	CDX-00022531-100	Vinpocetine	100mg			Liên hệ
5495	LGC	CDX-00022535-00A	Violaxanthin(SH) in Ethanol	2.5ml			Liên hệ
5496	LGC	CDX-00022650-010	Visnadin(P)	10mg			Liên hệ
5497	LGC	CDX-00022650-050	Visnadin	50mg			Liên hệ
5498	LGC	CDX-00022700-010	Visnagin	10mg			Liên hệ
5499	LGC	CDX-00022713-001	Vitamin A Acetate(Retinyl Acetate)	1g			Liên hệ
5500	LGC	CDX-00022713-250	Vitamin A acetate (Retinol acetate)	250mg			Liên hệ
5501	LGC	CDX-00022715-001	Vitamin A Acetate(Retinol Acetate)(	1g			Liên hệ
5502	LGC	CDX-00022715-250	Vitamin A acetate (Retinol acetate)	250mg			Liên hệ
5503	LGC	CDX-00022716-001	Vitamin A Palmitate(Retinyl Palmita	1g			Liên hệ
5504	LGC	CDX-00022716-005	Vitamin A palmitate (Retinol palmitate)	5g			Liên hệ
5505	LGC	CDX-00022716-250	Vitamin A palmitate(retinyl palmitate)	250mg			Liên hệ
5506	LGC	CDX-00022717-001	Vitamin A palmitate (Retinol palmitate)	1g			Liên hệ
5507	LGC	CDX-00022717-005	Vitamin A palmitate(retinyl palmitate)	5g			Liên hệ

5508	LGC	CDX-00022717-250	Vitamin A Palmitate(Retinyl Palmita	250mg			Liên hệ
5509	LGC	CDX-00022717-500	VITAMIN A PALMITATE(RETINYL PALMITATE)(P)	500mg			Liên hệ
5510	LGC	CDX-00022718-001	Vitamin B1 (Thiamine)	1g			Liên hệ
5511	LGC	CDX-00022719-001	Vitamin B1 (Thiamine)	1g			Liên hệ
5512	LGC	CDX-00022719-050	Vitamin B1 (Thiamine)	50mg			Liên hệ
5513	LGC	CDX-00022719-250	Vitamin B1 (Thiamine)	250mg			Liên hệ
5514	LGC	CDX-00022720-001	Vitamin B2 (Riboflavin)	1g			Liên hệ
5515	LGC	CDX-00022720-250	Vitamin B2(Riboflavin)(USP)(P)	250mg			Liên hệ
5516	LGC	CDX-00022721-001	VITAMIN B2(RIBOFLAVIN)(SH)	1g			Liên hệ
5517	LGC	CDX-00022722-001	Thiamine (vitamin b1) mononitrate	1g			Liên hệ
5518	LGC	CDX-00022722-005	Thiamine (vitamin b1) mononitrate	5g			Liên hệ
5519	LGC	CDX-00022724-001	Vitamin B3 (Niacinamide)	1g			Liên hệ
5520	LGC	CDX-00022724-250	Vitamin B3 (Niacinamide)	250mg			Liên hệ
5521	LGC	CDX-00022725-001	Vitamin B3 (Niacinamide)	1g			Liên hệ
5522	LGC	CDX-00022725-250	Vitamin B3(Niacinamide)(USP)(SH)	250mg			Liên hệ
5523	LGC	CDX-00022727-001	Vitamin B5 (Calcium pantothenate)	1g			Liên hệ
5524	LGC	CDX-00022728-001	Vitamin B5 (Calcium pantothenate)	1g			Liên hệ
5525	LGC	CDX-00022728-250	Vitamin B5 (Calcium pantothenate)	250mg			Liên hệ
5526	LGC	CDX-00022729-001	Vitamin B5 (Calcium pantothenate)	1g			Liên hệ
5527	LGC	CDX-00022730-250	Vitamin B6 (Pyridoxine)	250mg			Liên hệ
5528	LGC	CDX-00022731-001	VITAMIN B6(PYRIDOXINE)(P)	1g			Liên hệ
5529	LGC	CDX-00022731-250	Vitamin B6 (Pyridoxine)	250mg			Liên hệ
5530	LGC	CDX-00022740-250	Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	250mg			Liên hệ
5531	LGC	CDX-00022742-001	Vitamin B12(Cyanocobalamin)(P)	1g			Liên hệ
5532	LGC	CDX-00022742-050	Vitamin B12(cyanocobalamin)	50mg			Liên hệ
5533	LGC	CDX-00022742-250	Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	250mg			Liên hệ
5534	LGC	CDX-00030870-005	Phellodendron (phellodendron chinense) bark RGBRM	5g			Liên hệ
5535	LGC	CDX-00022773-001	Vitamin-D3 (Cholecalciferol)(AS)	1g			Liên hệ
5536	LGC	CDX-00022773-250	Vitamin D3(cholecalciferol)	250mg			Liên hệ
5537	LGC	CDX-00022774-001	Vitamin D3 (Cholecalciferol)	1g			Liên hệ
5538	LGC	CDX-00022774-005	Vitamin D3(cholecalciferol)	5g			Liên hệ
5539	LGC	CDX-00022774-100	Vitamin D3 (Cholecalciferol)	100mg			Liên hệ
5540	LGC	CDX-00022774-250	Vitamin D3 (Cholecalciferol)	250mg			Liên hệ
5541	LGC	CDX-00022775-001	Vitamin D3 (Cholecalciferol)	1g			Liên hệ
5542	LGC	CDX-00022775-005	Vitamin D3(cholecalciferol)	5g			Liên hệ
5543	LGC	CDX-00022775-010	Vitamin D3(cholecalciferol)	10g			Liên hệ
5544	LGC	CDX-00022775-250	Vitamin D3 (Cholecalciferol)	250mg			Liên hệ
5545	LGC	CDX-00022801-001	Vitamin E (D form)	1g			Liên hệ

5546	LGC	CDX-00022801-005	Vitamin E (D form)	5g		Liên hệ
5547	LGC	CDX-00022801-010	Vitamin E (D Form)	10mg		Liên hệ
5548	LGC	CDX-00022801-250	Vitamin E (D form)	250mg		Liên hệ
5549	LGC	CDX-00022803-005	Vitamin E (D form)	5g		Liên hệ
5550	LGC	CDX-00022803-010	Vitamin E (D form)	10g		Liên hệ
5551	LGC	CDX-00022804-001	Vitamin E (DL-alpha-Tocopherol acetate)	1g		Liên hệ
5552	LGC	CDX-00022804-250	Vitamin E acetate (DL-alpha-Tocopherol acetate)	250mg		Liên hệ
5553	LGC	CDX-00022805-001	Vitamin E Acetate(DI-A-Tocopherol A	1g		Liên hệ
5554	LGC	CDX-00022805-250	Vitamin E Acetate(DI-A-Tocopherol A	250mg		Liên hệ
5555	LGC	CDX-00022806-001	Vitamin E Succinate(Tocopherol Succ	1g		Liên hệ
5556	LGC	CDX-00022806-250	Vitamin E Succinate(Tocopherol Succ	250mg		Liên hệ
5557	LGC	CDX-00022807-001	Vitamin E (Tocopherol succinate)	1g		Liên hệ
5558	LGC	CDX-00022807-100	Vitamin E Succinate(Tocopherol Succ	100mg		Liên hệ
5559	LGC	CDX-00022807-250	Vitamin E (Tocopherol succinate)	250mg		Liên hệ
5560	LGC	CDX-00022809-001	Vitamin H (biotin)(vitamin B7)	1g		Liên hệ
5561	LGC	CDX-00022809-100	Vitamin H (Biotin)	100mg		Liên hệ
5562	LGC	CDX-00022809-250	Vitamin H (Biotin)	250mg		Liên hệ
5563	LGC	CDX-00022810-001	Vitamin H (Biotin)	1g		Liên hệ
5564	LGC	CDX-00022811-001	Vitamin H1 (4-Aminobenzoic acid) (PABA)	1g		Liên hệ
5565	LGC	CDX-00022811-250	Vitamin H1 (4-Aminobenzoic acid) (PABA)	250mg		Liên hệ
5566	LGC	CDX-00022815-001	Vitamin K1 (Phytonadione)	1g		Liên hệ
5567	LGC	CDX-00022815-250	Vitamin K1 (Phytonadione)	250mg		Liên hệ
5568	LGC	CDX-00022816-001	Vitamin K1 (Phytonadione)	1g		Liên hệ
5569	LGC	CDX-00022816-250	Vitamin K1 (Phytonadione)	250mg		Liên hệ
5570	LGC	CDX-00022820-050	Vitamin K2 (Menaquinone)	50mg		Liên hệ
5571	LGC	CDX-00022820-250	Vitamin K2 (Menaquinone)	250mg		Liên hệ
5572	LGC	CDX-00022821-025	Vitamin K2 (Menaquinone)	25mg		Liên hệ
5573	LGC	CDX-00022821-050	Vitamin K2 (Menaquinone)	50mg		Liên hệ
5574	LGC	CDX-00022821-250	Vitamin K2 (4-Menaquinone)	250mg		Liên hệ
5575	LGC	CDX-00022822-005	Vitamin K2 (Menaquinone-7)	5mg		Liên hệ
5576	LGC	CDX-00022822-010	Vitamin K2 (Menaquinone-7)	10mg		Liên hệ
5577	LGC	CDX-00022822-050	Vitamin K2 (menaquinone-7)	50mg		Liên hệ
5578	LGC	CDX-00022822-250	Vitamin K2 (Menaquinone-7)	250mg		Liên hệ
5579	LGC	CDX-00022824-001	Vitamin K3(Menadione)(SH)	1g		Liên hệ
5580	LGC	CDX-00022824-250	Vitamin K3 (menadione)	250mg		Liên hệ
5581	LGC	CDX-00022825-001	Vitamin K3 (Menadione)	1g		Liên hệ
5582	LGC	CDX-00022825-250	Vitamin K3 (Menadione)	250mg		Liên hệ
5583	LGC	CDX-00022827-250	Vitamin Stds Kit: Fat Sol. 7 X250M	7x250mg		Liên hệ

5584	LGC	CDX-00022828-001	Vitamin Standards Kit: Water Soluble	10x1g		Liên hệ
5585	LGC	CDX-00022828-250	Vitamin Standards Kit: Water Soluble	10x250mg		Liên hệ
5586	LGC	CDX-00022830-001	VITAMIN STANDARDS KIT: COMPLETE(P)	19x1g		Liên hệ
5587	LGC	CDX-00022830-250	VITAMIN STANDARDS KIT: COMPLETE(P)	19x250mg		Liên hệ
5588	LGC	CDX-00022831-250	VITAMIN STANDARDS KIT: FAT SOLUBLE(P)	10x250mg		Liên hệ
5589	LGC	CDX-00022845-005	Vitexilactone	5mg		Liên hệ
5590	LGC	CDX-00022845-010	VITEXILACTONE(P)	10mg		Liên hệ
5591	LGC	CDX-00022850-001	Vitexin	1g		Liên hệ
5592	LGC	CDX-00022850-005	Vitexin	5mg		Liên hệ
5593	LGC	CDX-00022850-010	Vitexin	10mg		Liên hệ
5594	LGC	CDX-00022850-025	Vitexin(P)	25mg		Liên hệ
5595	LGC	CDX-00022850-100	Vitexin	100mg		Liên hệ
5596	LGC	CDX-00022850-250	Vitexin(compendial traceable)	250mg		Liên hệ
5597	LGC	CDX-00022855-001	Vitexin	1g		Liên hệ
5598	LGC	CDX-00022855-005	Vitexin(Sh)	5mg		Liên hệ
5599	LGC	CDX-00022855-010	Vitexin(Sh)	10mg		Liên hệ
5600	LGC	CDX-00022855-100	Vitexin	100mg		Liên hệ
5601	LGC	CDX-00022900-005	Vitexin-2"-O-Rhamnoside	5mg		Liên hệ
5602	LGC	CDX-00022900-010	Vitexin-2"-O-Rhamnoside	10mg		Liên hệ
5603	LGC	CDX-00022901-005	Vitexin-2"-O-Rhamnoside	5mg		Liên hệ
5604	LGC	CDX-00022901-010	Vitexin-2"-O-Rhamnoside	10mg		Liên hệ
5605	LGC	CDX-00022930-005	Vitexin-4"-Rhamnoside	5mg		Liên hệ
5606	LGC	CDX-00022955-005	Voacangine	5mg		Liên hệ
5607	LGC	CDX-00022955-010	Voacangine	10mg		Liên hệ
5608	LGC	CDX-00022960-001	Vulpinic Acid	1g		Liên hệ
5609	LGC	CDX-00022960-010	Vulpinic Acid	10mg		Liên hệ
5610	LGC	CDX-00023250-005	Withaferin A(P)	5mg		Liên hệ
5611	LGC	CDX-00023250-010	Withaferin A(P)	10mg		Liên hệ
5612	LGC	CDX-00023250-050	Withaferin A	50mg		Liên hệ
5613	LGC	CDX-00023250-250	Withaferin A	250mg		Liên hệ
5614	LGC	CDX-00023251-005	Withanolide A	5mg		Liên hệ
5615	LGC	CDX-00023251-010	Withanolide A(P)	10mg		Liên hệ
5616	LGC	CDX-00023251-025	Withanolide A	25mg		Liên hệ
5617	LGC	CDX-00023252-005	Withanolide B (AS)	5mg		Liên hệ
5618	LGC	CDX-00023252-010	Withanolide B (AS)	10mg		Liên hệ
5619	LGC	CDX-00023253-005	Withanoside Iv(P)(New)	5mg		Liên hệ
5620	LGC	CDX-00023253-010	WITHANOSIDE IV(P)	10mg		Liên hệ
5621	LGC	CDX-00023254-005	Withanoside V	5mg		Liên hệ

5622	LGC	CDX-00023254-010	Withanoside V	10mg			Liên hệ
5623	LGC	CDX-00023256-005	Withastramonolide, 12-Deoxy-(P)	5mg			Liên hệ
5624	LGC	CDX-00023256-010	Withastramonolide, 12-Deoxy-(P)	10mg			Liên hệ
5625	LGC	CDX-00023257-005	Withanone(P)(New)	5mg			Liên hệ
5626	LGC	CDX-00023257-010	Withanone(P)(New)	10mg			Liên hệ
5627	LGC	CDX-00023260-005	Ashwagandha Standards Kit	5x5mg			Liên hệ
5628	LGC	CDX-00023260-010	Ashwagandha Standards Kit	3x10mg			Liên hệ
5629	LGC	CDX-00023510-005	Wogonin(P)	5mg			Liên hệ
5630	LGC	CDX-00023510-010	Wogonin	10mg			Liên hệ
5631	LGC	CDX-00023510-025	Wogonin	25mg			Liên hệ
5632	LGC	CDX-00023515-010	Wogonoside(P)	10mg			Liên hệ
5633	LGC	CDX-00023515-025	Wogonoside(P)	25mg			Liên hệ
5634	LGC	CDX-00023515-100	Wogonoside(P)	100mg			Liên hệ
5635	LGC	CDX-00023900-005	Wuweizisu C	5mg			Liên hệ
5636	LGC	CDX-00023900-010	Wuweizisu C	2x5mg			Liên hệ
5637	LGC	CDX-00024010-005	Xanthohumol(P)	5mg			Liên hệ
5638	LGC	CDX-00024010-010	Xanthohumol	10mg			Liên hệ
5639	LGC	CDX-00024010-050	Xanthohumol	50mg			Liên hệ
5640	LGC	CDX-00024010-100	Xanthohumol	100mg			Liên hệ
5641	LGC	CDX-00024025-001	Xanthone	1g			Liên hệ
5642	LGC	CDX-00024075-001	Xanthorrhizol	1mg			Liên hệ
5643	LGC	CDX-00024100-025	Xanthosine	25mg			Liên hệ
5644	LGC	CDX-00024101-010	Xanthosine(P)	10mg			Liên hệ
5645	LGC	CDX-00024101-025	Xanthosine	25mg			Liên hệ
5646	LGC	CDX-00024300-010	Xanthotoxin	10mg			Liên hệ
5647	LGC	CDX-00024300-050	Xanthotoxin	50mg			Liên hệ
5648	LGC	CDX-00024300-250	Xanthotoxin	250mg			Liên hệ
5649	LGC	CDX-00024350-010	Xanthotoxol	10mg			Liên hệ
5650	LGC	CDX-00024350-050	Xanthotoxol	50mg			Liên hệ
5651	LGC	CDX-00024390-100	Xanthidrol	100mg			Liên hệ
5652	LGC	CDX-00024850-001	Xylitol	1g			Liên hệ
5653	LGC	CDX-00024900-001	L-Xylose	1g			Liên hệ
5654	LGC	CDX-00024901-001	D-(+)-Xylose	1g			Liên hệ
5655	LGC	CDX-00024905-100	DL-Xylose	100mg			Liên hệ
5656	LGC	CDX-00024920-005	7-Xylotaxol	5mg			Liên hệ
5657	LGC	CDX-00024920-010	7-Xylotaxol	10mg			Liên hệ
5658	LGC	CDX-00024921-005	7-Xylotaxol C	5mg			Liên hệ
5659	LGC	CDX-00024921-010	Xylotaxol C, 7-(SH)	10mg			Liên hệ

5660	LGC	CDX-00024922-005	7-Xylotaxolb	5mg		Liên hệ
5661	LGC	CDX-00024922-010	7-Xylotaxolb	10mg		Liên hệ
5662	LGC	CDX-00024922-025	7-Xylotaxolb	25mg		Liên hệ
5663	LGC	CDX-00024922-100	7-Xylotaxolb	100mg		Liên hệ
5664	LGC	CDX-00025010-005	Yangonin(P)	5mg		Liên hệ
5665	LGC	CDX-00025010-010	YANGONIN(P)	10mg		Liên hệ
5666	LGC	CDX-00025500-010	Yohimbic Acid	10mg		Liên hệ
5667	LGC	CDX-00025509-010	Yohimbine HCl	10mg		Liên hệ
5668	LGC	CDX-00025509-025	Yohimbine Hcl(P)	25mg		Liên hệ
5669	LGC	CDX-00025509-100	Yohimbine HCl	100mg		Liên hệ
5670	LGC	CDX-00025510-010	Yohimbine HCl	10mg		Liên hệ
5671	LGC	CDX-00025512-010	Yohimbine Hcl, Alpha-(Rauwolscine H	10mg		Liên hệ
5672	LGC	CDX-00025512-025	alpha-Yohimbine HCl (Rauwolscine HCl)	25mg		Liên hệ
5673	LGC	CDX-00026500-00A	Zeaxanthin in Ethanol	2.5ml		Liên hệ
5674	LGC	CDX-00026502-001	Zeaxanthin [~0.5mg/ml] (in solution)	1ml		Liên hệ
5675	LGC	CDX-00026502-002	Zeaxanthin [~0.5mg/ml] (in solution)	2ml		Liên hệ
5676	LGC	CDX-00026503-001	Zeaxanthin [~0.5mg/ml] (in solution)	1ml		Liên hệ
5677	LGC	CDX-00026503-002	Zeaxanthin [~0.5mg/ml] (in solution)	2ml		Liên hệ
5678	LGC	CDX-00026504-001	Zeaxanthin (Please Call)	1g		Liên hệ
5679	LGC	CDX-00026504-005	Zeaxanthin(P)	5mg		Liên hệ
5680	LGC	CDX-00026504-010	Zeaxanthin	10mg		Liên hệ
5681	LGC	CDX-00026504-025	Zeaxanthin	25mg		Liên hệ
5682	LGC	CDX-00026504-100	Zeaxanthin	100mg		Liên hệ
5683	LGC	CDX-00026505-005	Zeaxanthin (SH)	5mg		Liên hệ
5684	LGC	CDX-00026508-005	Zeaxanthin method verification kit	kit		Liên hệ
5685	LGC	CDX-00026600-001	Zingerone	1g		Liên hệ
5686	LGC	CDX-00026600-250	Zingerone	250mg		Liên hệ
5687	LGC	CDX-00030040-005	Amur Cork Tree Bark BRM	5g		Liên hệ
5688	LGC	CDX-00030045-005	Artichoke BRM	5g		Liên hệ
5689	LGC	CDX-00030048-005	Ashwagandha Brm	5g		Liên hệ
5690	LGC	CDX-00030049-005	Ashwagandha XRM	5g		Liên hệ
5691	LGC	CDX-00030060-005	Cinnamon BRM	5g		Liên hệ
5692	LGC	CDX-00030061-005	Cinnamon XRM	5g		Liên hệ
5693	LGC	CDX-00030070-005	Raspberry Brm	5g		Liên hệ
5694	LGC	CDX-00030072-005	Astragalus Root AHP-BRM	5g		Liên hệ
5695	LGC	CDX-00030073-005	Astragalus BRM	5g		Liên hệ
5696	LGC	CDX-00030085-005	Barberry Root BRM	5g		Liên hệ
5697	LGC	CDX-00030090-005	Bilberry Brm	5g		Liên hệ

5698	LGC	CDX-00030091-005	Bilberry XRM	5g		Liên hệ
5699	LGC	CDX-00030100-005	Bitter Orange (Citrus Reticulata) BRM	5g		Liên hệ
5700	LGC	CDX-00030102-005	Bitter orange (Citrus aurantium) Fruit BRM	5g		Liên hệ
5701	LGC	CDX-00030120-005	Stevia (Botanical reference material)	5g		Liên hệ
5702	LGC	CDX-00030121-005	Stevia Xrm	5g		Liên hệ
5703	LGC	CDX-00030130-005	Orange Brm	5g		Liên hệ
5704	LGC	CDX-00030148-005	Black Cohosh XRM	5g		Liên hệ
5705	LGC	CDX-00030150-010	Black Cohosh BRM Kit	3x10mg		Liên hệ
5706	LGC	CDX-00030152-005	Black Walnut Hull BRM	5g		Liên hệ
5707	LGC	CDX-00030155-005	Boswellia Serrata Xrm	5g		Liên hệ
5708	LGC	CDX-00030165-005	Bupleurum Chinensis Brm	5g		Liên hệ
5709	LGC	CDX-00030173-005	Chamomile Brm	5g		Liên hệ
5710	LGC	CDX-00030174-005	Chamomile XRM	5g		Liên hệ
5711	LGC	CDX-00030180-005	Dandelion Brm	5g		Liên hệ
5712	LGC	CDX-00030190-005	Skullcap Brm	5g		Liên hệ
5713	LGC	CDX-00030212-005	Echinacea (Echinacea Angustifolia) Root XRM	5g		Liên hệ
5714	LGC	CDX-00030213-005	Echinacea Angustifolia Root BRM	5g		Liên hệ
5715	LGC	CDX-00030216-005	Echinacea Purpurea Root BRM	5g		Liên hệ
5716	LGC	CDX-00030217-005	Echinacea Purpurea Xrm	5g		Liên hệ
5717	LGC	CDX-00030230-005	Epimedium BRM (Horny Goat Weed)	5g		Liên hệ
5718	LGC	CDX-00030231-005	Epimedium XRM (Horny Goat Weed)	5g		Liên hệ
5719	LGC	CDX-00030240-005	Pine Needle Brm	5g		Liên hệ
5720	LGC	CDX-00030250-005	Flax Seed Brm	5g		Liên hệ
5721	LGC	CDX-00030270-005	Chasteberry Brm	5g		Liên hệ
5722	LGC	CDX-00030274-005	Garcinia (Garcinia Cambogia) Fruit Brm	5g		Liên hệ
5723	LGC	CDX-00030275-005	Garcinia BRM	5g		Liên hệ
5724	LGC	CDX-00030276-005	Garcinia XRM	5g		Liên hệ
5725	LGC	CDX-00030280-005	Garlic Brm	5g		Liên hệ
5726	LGC	CDX-00030281-005	Garlic Xrm	5g		Liên hệ
5727	LGC	CDX-00030290-005	Ginger Root BRM	5g		Liên hệ
5728	LGC	CDX-00030291-005	Ginger Xrm	5g		Liên hệ
5729	LGC	CDX-00030298-005	Ginkgo Brm	5g		Liên hệ
5730	LGC	CDX-00030299-005	Ginkgo Xrm	5g		Liên hệ
5731	LGC	CDX-00030301-005	Ginseng - Eleutherococcus BRM	5g		Liên hệ
5732	LGC	CDX-00030302-005	Ginseng - Eleutherococcus Xrm	5g		Liên hệ
5733	LGC	CDX-00030303-005	Ginseng - Panax Brm	5g		Liên hệ
5734	LGC	CDX-00030304-005	Ginseng - Panax Xrm	5g		Liên hệ
5735	LGC	CDX-00030320-005	Gotu Kola Brm	5g		Liên hệ

5736	LGC	CDX-00030321-005	Gotu Kola Xrm	5g			Liên hệ
5737	LGC	CDX-00030330-005	Green Tea BRM	5g			Liên hệ
5738	LGC	CDX-00030331-005	Green Tea Xrm	5g			Liên hệ
5739	LGC	CDX-00030335-005	Guarana Brm	5g			Liên hệ
5740	LGC	CDX-00030336-005	Guarana XRM	5g			Liên hệ
5741	LGC	CDX-00030337-005	Gum Arabic(Acacia Arabica) Bark BRM	5g			Liên hệ
5742	LGC	CDX-00030340-005	Gymnema Brm	5g			Liên hệ
5743	LGC	CDX-00030341-005	Gymnema Xrm	5g			Liên hệ
5744	LGC	CDX-00030345-005	Hops (Humulus lupulus) Strobile BRM	5g			Liên hệ
5745	LGC	CDX-00030350-005	Isatis Leaf RBRM	5g			Liên hệ
5746	LGC	CDX-00030360-005	Kamala(Mallotus Philippinensis) BRM	5g			Liên hệ
5747	LGC	CDX-00030376-005	Licorice(Chinese) Root BRM	5g			Liên hệ
5748	LGC	CDX-00030390-005	Marigold BRM	5g			Liên hệ
5749	LGC	CDX-00030401-005	Milk Thistle Brm	5g			Liên hệ
5750	LGC	CDX-00030402-005	Milk Thistle Xrm	5g			Liên hệ
5751	LGC	CDX-00030430-005	Momordica Charantia BRM	5g			Liên hệ
5752	LGC	CDX-00030449-005	Nettle BRM	5g			Liên hệ
5753	LGC	CDX-00030465-005	Jersey Tea(Ceanothus) Root BRM	5g			Liên hệ
5754	LGC	CDX-00030499-005	Panax Notoginseng Root BRM	5g			Liên hệ
5755	LGC	CDX-00030500-005	Peppermint Brm	5g			Liên hệ
5756	LGC	CDX-00030503-005	Passionflower Leaf BRM	5g			Liên hệ
5757	LGC	CDX-00030504-005	Panax Notoginseng Root RBRM	5g			Liên hệ
5758	LGC	CDX-00030575-005	Prickly Ash(Zanthoxylum) Fruit BRM	5g			Liên hệ
5759	LGC	CDX-00030590-005	Pygeum Brm	5g			Liên hệ
5760	LGC	CDX-00030591-001	Pygeum (prunus africana) bark XRM	1g			Liên hệ
5761	LGC	CDX-00030591-005	Pygeum XRM	5g			Liên hệ
5762	LGC	CDX-00030592-005	St. John'S Wort VBRM	5g			Liên hệ
5763	LGC	CDX-00030615-005	Rabdosia Aerial Parts RBRM	5g			Liên hệ
5764	LGC	CDX-00030620-005	Red Clover BRM	5g			Liên hệ
5765	LGC	CDX-00030621-005	Red Clover XRM	5g			Liên hệ
5766	LGC	CDX-00030622-005	Rauwolfia Root BRM	5g			Liên hệ
5767	LGC	CDX-00030623-005	Reishi(Red) Mushroom RBRM	5g			Liên hệ
5768	LGC	CDX-00030624-005	Reishi(Black) Mushroom RBRM	5g			Liên hệ
5769	LGC	CDX-00030627-005	Horse Chestnut Seed BRM	5g			Liên hệ
5770	LGC	CDX-00030629-005	Angelica (Archangelica) Root VBRM	5g			Liên hệ
5771	LGC	CDX-00030630-005	Dong Quai Root VBRM	5g			Liên hệ
5772	LGC	CDX-00030632-005	Horseradish Root VBRM	5g			Liên hệ
5773	LGC	CDX-00030633-005	Sweet Wormwood Herb VBRM	5g			Liên hệ



5774	LGC	CDX-00030634-005	Birch Bark VBRM	5g			Liên hệ
5775	LGC	CDX-00030635-005	Blue Cohosh Root VBRM	5g			Liên hệ
5776	LGC	CDX-00030636-005	Chinese Yam Root BRM	5g			Liên hệ
5777	LGC	CDX-00030637-005	Wild Yam Root VBRM	5g			Liên hệ
5778	LGC	CDX-00030638-005	Horsetail (Shave Grass) Herb VBRM	5g			Liên hệ
5779	LGC	CDX-00030639-005	Scouring Rush (Rough Horsetail) Herb VBRM	5g			Liên hệ
5780	LGC	CDX-00030640-005	California Poppy Herb VBRM	5g			Liên hệ
5781	LGC	CDX-00030642-005	Black Walnut Hull VBRM	5g			Liên hệ
5782	LGC	CDX-00030644-005	Japanese Honeysuckle Leaf VBRM	5g			Liên hệ
5783	LGC	CDX-00030645-005	Oregon Grape Root BRM	5g			Liên hệ
5784	LGC	CDX-00030646-005	Horehound Herb VBRM	5g			Liên hệ
5785	LGC	CDX-00030647-005	Lemon Balm Herb VBRM	5g			Liên hệ
5786	LGC	CDX-00030649-005	Catnip Herb VBRM	5g			Liên hệ
5787	LGC	CDX-00030651-005	Prairie Dock (Missouri Snakeroot) Root VBRM	5g			Liên hệ
5788	LGC	CDX-00030653-005	Parsley Root VBRM	5g			Liên hệ
5789	LGC	CDX-00030654-005	Parsley Seed VBRM	5g			Liên hệ
5790	LGC	CDX-00030655-005	Black Walnut (Julgans Nigra) Leaf BRM	5g			Liên hệ
5791	LGC	CDX-00030656-005	Wild Lettuce (Lactucarium) Leaf BRM	5g			Liên hệ
5792	LGC	CDX-00030657-005	Rosemary Herb VBRM	5g			Liên hệ
5793	LGC	CDX-00030658-005	Butchers Broom Root VBRM	5g			Liên hệ
5794	LGC	CDX-00030659-005	Sage(Salvia Officinalis) Leaf BRM	5g			Liên hệ
5795	LGC	CDX-00030661-005	Dandelion Root VBRM	5g			Liên hệ
5796	LGC	CDX-00030662-005	Dandelion (Taraxacum officinale) Leaf BRM	5g			Liên hệ
5797	LGC	CDX-00030663-005	Thuja Herb VBRM	5g			Liên hệ
5798	LGC	CDX-00030664-005	White Clover Herb VBRM	5g			Liên hệ
5799	LGC	CDX-00030666-005	Black Hawbark VBRM	5g			Liên hệ
5800	LGC	CDX-00030667-005	Periwinkle Lesser Leaf VBRM	5g			Liên hệ
5801	LGC	CDX-00030669-005	Chinese Cimicifuga (Cimicifuga Dahurica) Root VBRM	5g			Liên hệ
5802	LGC	CDX-00030671-005	Chinese Haw Fruit VBRM	5g			Liên hệ
5803	LGC	CDX-00030675-005	Oregon Grape/Hollyeaved Barberry Aerial VBRM	5g			Liên hệ
5804	LGC	CDX-00030676-005	Ginseng-American Root VBRM	5g			Liên hệ
5805	LGC	CDX-00030677-005	Feverfew Tops VBRM	5g			Liên hệ
5806	LGC	CDX-00030678-005	Wall Germander Tops VBRM	5g			Liên hệ
5807	LGC	CDX-00030679-005	Cranberry Fruit VBRM	5g			Liên hệ
5808	LGC	CDX-00030680-005	Small Cranberry Fruit VBRM	5g			Liên hệ
5809	LGC	CDX-00030681-005	Cranberry Bush(Cramp) Bark VBRM	5g			Liên hệ
5810	LGC	CDX-00030683-005	Echinacea Pallida Root VBRM	5g			Liên hệ
5811	LGC	CDX-00030684-005	Squaw Vine (Partridge Berry) Herb VBRM	5g			Liên hệ

5812	LGC	CDX-00030685-005	Red Clover Flower VBRM	5g		Liên hệ
5813	LGC	CDX-00030687-005	Garlic Bulb VBRM	5g		Liên hệ
5814	LGC	CDX-00030688-005	Eleutherococcus Senticocus (Siberian Ginseng) Root BRM	5g		Liên hệ
5815	LGC	CDX-00030817-005	Pride of india (lagerstroemia speciosa) leaf RGBRM	5g		Liên hệ
5816	LGC	CDX-00030691-005	Cleavers Herb VBRM	5g		Liên hệ
5817	LGC	CDX-00030692-005	Chamomile Flower VBRM	5g		Liên hệ
5818	LGC	CDX-00030693-005	Canadian Goldenrod Herb VBRM	5g		Liên hệ
5819	LGC	CDX-00030694-005	Blue Vervain Herb VBRM	5g		Liên hệ
5820	LGC	CDX-00030695-005	Astragalus Root VBRM	onrequest		Liên hệ
5821	LGC	CDX-00030696-005	Yarrow Herb VBRM	5g		Liên hệ
5822	LGC	CDX-00030697-005	Wild Sarsaparilla Root VBRM	5g		Liên hệ
5823	LGC	CDX-00030699-005	Rhodiola Rosea Root Brm	5g		Liên hệ
5824	LGC	CDX-00030700-005	Rhodiola Rosea Root XRM	5g		Liên hệ
5825	LGC	CDX-00030725-005	Saw Palmetto Brm	5g		Liên hệ
5826	LGC	CDX-00030726-005	Saw Palmetto Xrm	5g		Liên hệ
5827	LGC	CDX-00030740-005	Skullcap(Chinese) Root RBRM	5g		Liên hệ
5828	LGC	CDX-00030741-005	Skullcap(Chinese) Cured Root RBRM	5g		Liên hệ
5829	LGC	CDX-00030760-005	Soy BRM	5g		Liên hệ
5830	LGC	CDX-00030761-005	Soy XRM	5g		Liên hệ
5831	LGC	CDX-00030762-005	Prickly Ash Bark Northern Bark VBRM	5g		Liên hệ
5832	LGC	CDX-00030763-005	Passionflower Herb VBRM	5g		Liên hệ
5833	LGC	CDX-00030764-005	Licorice(Chinese) Root VBRM	5g		Liên hệ
5834	LGC	CDX-00030766-005	Lily Of The Valley Herb VBRM	5g		Liên hệ
5835	LGC	CDX-00030767-005	Saw Palmetto Fruit VBRM	5g		Liên hệ
5836	LGC	CDX-00030769-005	Mullein Leaf VBRM	5g		Liên hệ
5837	LGC	CDX-00030770-005	Chickweed Herb BRM	5g		Liên hệ
5838	LGC	CDX-00030771-005	Black Cohosh Root VBRM	5g		Liên hệ
5839	LGC	CDX-00030772-005	Wild Indigo Root VBRM	5g		Liên hệ
5840	LGC	CDX-00030773-005	Cranesbill Root VBRM	5g		Liên hệ
5841	LGC	CDX-00030774-005	Licorice(Glabra) Root VBRM	5g		Liên hệ
5842	LGC	CDX-00030776-005	Sulphur Cinquenfoil (Potentilla recta) Stem VBRM	5g		Liên hệ
5843	LGC	CDX-00030777-005	Peppermint Leaf VBRM	5g		Liên hệ
5844	LGC	CDX-00030778-005	Yellowdock Root VBRM	5g		Liên hệ
5845	LGC	CDX-00030779-005	White Oak (Quercus alba) Bark VBRM	5g		Liên hệ
5846	LGC	CDX-00030780-005	Chaste Tree Fruit VBRM	5g		Liên hệ
5847	LGC	CDX-00030782-005	Boneset Stem VBRM	5g		Liên hệ
5848	LGC	CDX-00030784-005	Echinacea Purpurea Herb VBRM	5g		Liên hệ
5849	LGC	CDX-00030785-005	Echinacea Purpurea Root VBRM	5g		Liên hệ

5850	LGC	CDX-00030786-005	Goldenseal( <i>Hydrastis Canadensis</i> ) Leaf VBRM	5g			Liên hệ
5851	LGC	CDX-00030791-005	Chinese Motherwort Herb VBRM	5g			Liên hệ
5852	LGC	CDX-00030792-005	Rose Hips Fruit BRM	5g			Liên hệ
5853	LGC	CDX-00030798-005	St. John'S Wort Xrm	5g			Liên hệ
5854	LGC	CDX-00030801-005	Milk thistle ( <i>silybum marianum</i> ) seed BRM	5g			Liên hệ
5855	LGC	CDX-00030802-005	Echinacea Purpurea Flower VBRM	5g			Liên hệ
5856	LGC	CDX-00030803-005	Ginger Root VBRM	5g			Liên hệ
5857	LGC	CDX-00030804-005	Coptis ( <i>coptis chinensis</i> ) root VBRM	5g			Liên hệ
5858	LGC	CDX-00030805-005	English lavender ( <i>lavandula angustifolia</i> ) flower VBRM	5g			Liên hệ
5859	LGC	CDX-00030806-005	Roman chamomile ( <i>chamaemelum nobile</i> ) flower BRM	5g			Liên hệ
5860	LGC	CDX-00030810-005	Clove ( <i>syzygium aromaticum</i> ) bud BRM	5g			Liên hệ
5861	LGC	CDX-00030815-005	Fenugreek ( <i>trigonella foenum-graecum</i> ) seed VBRM	5g			Liên hệ
5862	LGC	CDX-00030580-005	Psyllium ( <i>Plantago Psyllium</i> ) Husks RGBRM	5g			Liên hệ
5863	LGC	CDX-00031179-005	Psyllium ( <i>plantago psyllium</i> ) seed RGBRM	5g			Liên hệ
5864	LGC	CDX-00030819-005	Adams Needle ( <i>Yucca filamentosa</i> ) Root BRM	5g			Liên hệ
5865	LGC	CDX-00030820-005	Pedra hume caa ( <i>myrcia uniflora</i> ) leaf BRM	5g			Liên hệ
5866	LGC	CDX-00030686-005	Pygeum Bark RGBRM	5g			Liên hệ
5867	LGC	CDX-00030824-005	Lemon myrtle ( <i>backhousia citriodora</i> ) leaf VBRM	5g			Liên hệ
5868	LGC	CDX-00030825-005	Hawthorn ( <i>crataegus monogyna</i> ) leaf and fruit VBRM	5g			Liên hệ
5869	LGC	CDX-00030826-005	Fadogia ( <i>fadogia agrestis</i> ) root stem VBRM	5g			Liên hệ
5870	LGC	CDX-00030827-005	Luo han guo ( <i>Siraitia grosvenorii</i> ) Fruit VBRM	5g			Liên hệ
5871	LGC	CDX-00030828-005	Pale purple coneflower ( <i>echinacea pallida</i> ) root BRM	5g			Liên hệ
5872	LGC	CDX-00030829-005	Goldenseal Root Rhizome (BRM)	5g			Liên hệ
5873	LGC	CDX-00030830-005	Yerba mate ( <i>ilex paraguariensis</i> ) leaf BRM	5g			Liên hệ
5874	LGC	CDX-00030831-005	Ginkgo ( <i>Ginkgo biloba</i> ) Leaf BRM	5g			Liên hệ
5875	LGC	CDX-00030832-005	Chaste tree ( <i>vitex agnus-castus</i> ) fruit BRM	5g			Liên hệ
5876	LGC	CDX-00030834-005	Hawthorn ( <i>crataegus laevigata</i> ) berries VBRM	5g			Liên hệ
5877	LGC	CDX-00030835-005	English Hawthorn ( <i>Crataegus laevigata</i> ) Leaf VBRM	5g			Liên hệ
5878	LGC	CDX-00030836-005	Red Cohosh ( <i>Actaea rubra</i> ) Root VBRM	5g			Liên hệ
5879	LGC	CDX-00030837-005	Cohosh ( <i>Actaea podocarpa</i> ) Root VBRM	5g			Liên hệ
5880	LGC	CDX-00030839-005	Pride of india ( <i>lagerstroemia speciosa</i> ) leaf VBRM	5g			Liên hệ
5881	LGC	CDX-00030840-005	Reishi Mushroom ( <i>Ganoderma lucidium</i> ) Fruiting Body BRM	5g			Liên hệ
5882	LGC	CDX-00030841-005	Bitter melon ( <i>momordica charantia</i> ) fruit VBRM	5g			Liên hệ
5883	LGC	CDX-00030842-005	Bacopa ( <i>bacopa monnieri</i> ) whole plant VBRM	5g			Liên hệ
5884	LGC	CDX-00030846-005	Noni ( <i>morinda citrifolia</i> ) fruit seed BRM	5g			Liên hệ
5885	LGC	CDX-00030847-005	Elecampane inula ( <i>Inula helenium</i> ) Root BRM	5g			Liên hệ
5886	LGC	CDX-00030848-005	Chamomile ( <i>matricaria recutita</i> ) flower BRM	5g			Liên hệ
5887	LGC	CDX-00030850-005	Tribulus Terrestris BRM	5g			Liên hệ

5888	LGC	CDX-00030851-005	Tribulus Terrestris XRM	5g			Liên hệ
5889	LGC	CDX-00030823-005	Red yeast (monascus purpureus) seed RGBRM	5g			Liên hệ
5890	LGC	CDX-00030866-005	English Plantain (Plantago lanceolata) Leaf BRM	5g			Liên hệ
5891	LGC	CDX-00031111-005	Rehmannia (rehmannia glutinosa) root RGBRM	5g			Liên hệ
5892	LGC	CDX-00030868-005	Rooibos (aspalathus linearis) leaf VBRM	5g			Liên hệ
5893	LGC	CDX-00030873-005	Chinese skullcap (scutellaria baicalensis) root BRM	5g			Liên hệ
5894	LGC	CDX-00030877-005	Chinese Licorice (Glycyrrhiza uralensis)	5g			Liên hệ
5895	LGC	CDX-00030911-005	Verbascum Thampsis BRM	5g			Liên hệ
5896	LGC	CDX-00030920-005	Schisandra Berry BRM	5g			Liên hệ
5897	LGC	CDX-00030921-005	Schisandra Berry Xrm	5g			Liên hệ
5898	LGC	CDX-00030922-005	Elderberry (Sambucus nigra) Fruit BRM	5g			Liên hệ
5899	LGC	CDX-00030923-005	Elder (Sambucus nigra) Flower BRM	5g			Liên hệ
5900	LGC	CDX-00030930-005	Lemon Balm (Melissa officinalis) Herb BRM	5g			Liên hệ
5901	LGC	CDX-00030950-005	White Cohosh Rhizome	5g			Liên hệ
5902	LGC	CDX-00030951-005	White Cohosh Aerial Parts	5g			Liên hệ
5903	LGC	CDX-00030952-005	Chocolate (Theobroma cacao) Seed BRM	5g			Liên hệ
5904	LGC	CDX-00030953-005	Indian Tobacco (Lobelia inflata) Aerial Parts BRM	5g			Liên hệ
5905	LGC	CDX-00030954-005	Black currant (ribes nigrum) fruit BRM	5g			Liên hệ
5906	LGC	CDX-00030955-005	Red currant (ribes rubrum) fruit BRM	5g			Liên hệ
5907	LGC	CDX-00030956-005	Ginger (Zingiber officinale) Root peeled VBRM	5g			Liên hệ
5908	LGC	CDX-00030977-005	Rhubarb (rheum officinalis/palmatum) root RGBRM	5g			Liên hệ
5909	LGC	CDX-00030960-005	Chicory (cichorium intybus) root BRM	5g			Liên hệ
5910	LGC	CDX-00030962-005	Chocolate Vine (Akebia trifoliata) Stem VBRM	5g			Liên hệ
5911	LGC	CDX-00030963-005	Turmeric (curcuma longa) rhizome VBRM	5g			Liên hệ
5912	LGC	CDX-00030964-005	Japanese Star anis (Illicium anisatum) Fruit VBRM	5g			Liên hệ
5913	LGC	CDX-00030965-005	Star anis (Illicium verum) Fruit VBRM	5g			Liên hệ
5914	LGC	CDX-00030966-005	Garden balsam (impatiens balsamina) stem bark VBRM	5g			Liên hệ
5915	LGC	CDX-00030967-005	Wild carrot (daucus carota) herb VBRM	5g			Liên hệ
5916	LGC	CDX-00030968-005	Gravel root (cupatorium purpureum) root BRM	5g			Liên hệ
5917	LGC	CDX-00030715-005	Rosemary Leaf RGBRM	5g			Liên hệ
5918	LGC	CDX-00030979-005	Pau d'arco (Tabebuia impetiginosa) Bark VBRM	5g			Liên hệ
5919	LGC	CDX-00030981-005	Cats Claw (Uncaria tomentosa) Bark VBRM	5g			Liên hệ
5920	LGC	CDX-00030982-005	Black currant (ribes nigrum) fruit XRM	5g			Liên hệ
5921	LGC	CDX-00041329-005	Rue (ruta graveolens) herb [whole/cut] RGBRM	5g			Liên hệ
5922	LGC	CDX-00031329-005	Rue (ruta graveolens) herb RGBRM	5g			Liên hệ
5923	LGC	CDX-00041302-005	Russian comfrey (Symphytum uplandicum) Root [WHOLE/CUT] RGBRM	5g			Liên hệ
5924	LGC	CDX-00030987-005	Fadogia (fadogia agrestis) stem VBRM	5g			Liên hệ
5925	LGC	CDX-00031302-005	Russian comfrey (Symphytum uplandicum) Root RGBRM	5g			Liên hệ

5926	LGC	CDX-00030973-005	Sage ( <i>salvia officinalis</i> ) leaf RGBRM	5g		Liên hệ
5927	LGC	CDX-00030992-005	Mangosteen ( <i>Garcinia mangostana</i> ) Fruit rind	5g		Liên hệ
5928	LGC	CDX-00031002-005	Sarsaparilla ( <i>smilax aristolochifolia</i> ) root RGBRM	5g		Liên hệ
5929	LGC	CDX-00030997-101	Hoodia gordonii powder	1kg		Liên hệ
5930	LGC	CDX-00031118-005	Sarsaparilla ( <i>smilax ornata</i> ) root RGBRM	5g		Liên hệ
5931	LGC	CDX-00031000-001	Cynodotin	1mg		Liên hệ
5932	LGC	CDX-00030843-005	Schisandra ( <i>achisandra chinensis</i> ) Fruit RGBRM	5g		Liên hệ
5933	LGC	CDX-00031003-005	Water plantain ( <i>alisma plantago-aquatica</i> ) rhizome BRM	5g		Liên hệ
5934	LGC	CDX-00031004-005	Agrimony ( <i>agrimonia pilosa</i> ) herb BRM	5g		Liên hệ
5935	LGC	CDX-00031006-005	Yin-chen wormwood ( <i>artemisia capillaris</i> ) herb BRM	5g		Liên hệ
5936	LGC	CDX-00031007-005	Asian water plantain ( <i>alismatis plantago-aquatica</i> ssp. <i>Orientalis</i> ) tuber BRM	5g		Liên hệ
5937	LGC	CDX-00031008-005	Horseradish ( <i>armoracia rusticana</i> ) rhizome BRM	5g		Liên hệ
5938	LGC	CDX-00031009-005	Centaury ( <i>centaurium erythraea</i> ) herb BRM	5g		Liên hệ
5939	LGC	CDX-00031010-010	DL-Cystathionine	10mg		Liên hệ
5940	LGC	CDX-00031011-005	Boneset ( <i>eupatorium perfoliatum</i> ) herb BRM	5g		Liên hệ
5941	LGC	CDX-00031012-005	Japanese knotweed ( <i>polygonum cuspidatum</i> ) rhizome BRM	5g		Liên hệ
5942	LGC	CDX-00030994-005	Schizonepeta ( <i>nepeta tenuifolia</i> ) fruit-spike RGBRM	5g		Liên hệ
5943	LGC	CDX-00031014-005	Butchers broom ( <i>ruscus aculeatus</i> ) root BRM	5g		Liên hệ
5944	LGC	CDX-00031015-001	L-Cystathionine	1g		Liên hệ
5945	LGC	CDX-00031015-025	L-Cystathionine	25mg		Liên hệ
5946	LGC	CDX-00031015-250	L-Cystathionine	250mg		Liên hệ
5947	LGC	CDX-00031016-001	L-Cystathionine	1g		Liên hệ
5948	LGC	CDX-00031016-005	L-Cystathionine	5mg		Liên hệ
5949	LGC	CDX-00031016-010	L-Cystathionine	10mg		Liên hệ
5950	LGC	CDX-00031016-100	L-Cystathionine	100mg		Liên hệ
5951	LGC	CDX-00031016-250	L-Cystathionine	250mg		Liên hệ
5952	LGC	CDX-00031020-001	Cysteamine Hydrochloride(P)	1g		Liên hệ
5953	LGC	CDX-00031020-250	Cysteamine hydrochloride	250mg		Liên hệ
5954	LGC	CDX-00031025-001	L-Cysteic Acid	1g		Liên hệ
5955	LGC	CDX-00031030-001	L-Cysteine	1g		Liên hệ
5956	LGC	CDX-00031030-100	L-Cysteine	100mg		Liên hệ
5957	LGC	CDX-00031031-100	L- Cysteine	100mg		Liên hệ
5958	LGC	CDX-00031035-001	L-Cysteine HCl	1g		Liên hệ
5959	LGC	CDX-00031040-001	L-Cystine	1g		Liên hệ
5960	LGC	CDX-00031157-005	Sea buckthorn ( <i>hippophae rhamnoides</i> ) fruit RGBRM	5g		Liên hệ
5961	LGC	CDX-00031041-100	CYSTINE, L-(P)	100mg		Liên hệ
5962	LGC	CDX-00031065-005	CYTISINE(LABURNIN)(P)	5mg		Liên hệ
5963	LGC	CDX-00031065-010	Cytisine (Laburnin)	10mg		Liên hệ

5964	LGC	CDX-00031065-025	Cytisine(laburnin)	25mg		Liên hệ
5965	LGC	CDX-00031065-100	Cytisine(laburnin)	100mg		Liên hệ
5966	LGC	CDX-00031070-005	Wild yam (dioscorea villosa) root BRM	5g		Liên hệ
5967	LGC	CDX-00031071-005	Acai palm (euterpe oleracea) fruit VBRM	5g		Liên hệ
5968	LGC	CDX-00031072-005	Bloodroot (sanguinaria candensis) root VBRM	5g		Liên hệ
5969	LGC	CDX-00031073-005	Plantain (Plantago major) Leaf VBRM	5g		Liên hệ
5970	LGC	CDX-00031074-005	Creat (Andrographis paniculata) Aerial parts VBRM	5g		Liên hệ
5971	LGC	CDX-00031075-005	American Ginseng Root XRM	5g		Liên hệ
5972	LGC	CDX-00031076-005	"Quassia (Quassia amara) Bark, BRM"	5g		Liên hệ
5973	LGC	CDX-00031077-005	Chinese salvia (salvia miltiorrhiza) root BRM	5g		Liên hệ
5974	LGC	CDX-00031078-005	Neem (azadirachta indica) leaf VBRM	5g		Liên hệ
5975	LGC	CDX-00031081-005	Hoodia gordonii BRM	5g		Liên hệ
5976	LGC	CDX-00031082-005	Sweet blue violet (viola odorata) leaf BRM	5g		Liên hệ
5977	LGC	CDX-00031083-005	Holy basil (ocimum sanctum) aerial parts VBRM	5g		Liên hệ
5978	LGC	CDX-00031084-005	Juniper (juniperus communis) berries BRM	5g		Liên hệ
5979	LGC	CDX-00031085-001	Kratom Balinese (Mitragyna speciosa) leaf BRM	1g		Liên hệ
5980	LGC	CDX-00031086-005	Kratom Dominican (Mitragyna Speciosa) Leaf Vbrm	5g		Liên hệ
5981	LGC	CDX-00031086-250	Kratom Dominican (Mitragyna speciosa) Leaf BRM	250mg		Liên hệ
5982	LGC	CDX-00031088-005	Motherwort (leonurus cardiaca) herb BRM	5g		Liên hệ
5983	LGC	CDX-00031089-005	ForskohIII (plectranthus barbatus) root VBRM	5g		Liên hệ
5984	LGC	CDX-00031090-005	Tongkat Ali (Eurycoma longifolia) Root VBRM	5g		Liên hệ
5985	LGC	CDX-00031091-001	Mallow (malva neglecta) aerial parts VBRM	1g		Liên hệ
5986	LGC	CDX-00031092-005	Spearmint (mentha spicata) leaf VBRM	5g		Liên hệ
5987	LGC	CDX-00031093-005	Blue elder (sambucus cerulea) fruit VBRM	5g		Liên hệ
5988	LGC	CDX-00031094-005	Irish moss (chondrus crispus) whole BRM	5g		Liên hệ
5989	LGC	CDX-00031095-005	Myrrh (commiphora myrrha) resin BRM	5g		Liên hệ
5990	LGC	CDX-00031096-005	Griffonia (griffonia simplicifolia) seed VBRM	5g		Liên hệ
5991	LGC	CDX-00031098-005	Wild carrot (daucus carota) taproot BRM	5g		Liên hệ
5992	LGC	CDX-00031099-005	Gentian (gentiana lutea) root BRM	5g		Liên hệ
5993	LGC	CDX-00031101-005	Safflower (carthamus tinctorius) petals BRM	5g		Liên hệ
5994	LGC	CDX-00031103-005	Sassafras (sassafras albidium) leaf BRM	5g		Liên hệ
5995	LGC	CDX-00031104-005	Papay (Carica papaya) Leaf BRM	5g		Liên hệ
5996	LGC	CDX-00031106-005	Frangula (rhamnus frangula) bark BRM	5g		Liên hệ
5997	LGC	CDX-00031108-005	Alfalfa (medicago sativa) leaf BRM	5g		Liên hệ
5998	LGC	CDX-00031109-005	Burdock (Arctium lappa) Root BRM	5g		Liên hệ
5999	LGC	CDX-00031110-005	Lemongrass (cymbopogon citratus) herb BRM	5g		Liên hệ
6000	LGC	CDX-00031112-005	Kelp (ascophyllum nodosum) whole plant VBRM	5g		Liên hệ
6001	LGC	CDX-00031113-005	Camu camu (myrciaria dubia) berries VBRM	5g		Liên hệ

6002	LGC	CDX-00031114-005	Fennel (foeniculum vulgare) seed BRM	5g			Liên hệ
6003	LGC	CDX-00031117-005	Senna (Cassia Angustifolia) Leaf	5g			Liên hệ
6004	LGC	CDX-00031119-005	Eucalyptus (eucalyptus globus) leaf BRM	5g			Liên hệ
6005	LGC	CDX-00031120-005	Hyssop (Hyssopus officinalis) Herb BRM	5g			Liên hệ
6006	LGC	CDX-00031121-005	Blueberry (vaccinium corymbosum) fruit VBRM	5g			Liên hệ
6007	LGC	CDX-00031122-005	Celery (apium graveolens) seed VBRM	5g			Liên hệ
6008	LGC	CDX-00031154-005	Sheep sorrel (rumex acetosella) herb RGBRM	5g			Liên hệ
6009	LGC	CDX-00031125-005	Angelica (angelica archangelica) root BRM	5g			Liên hệ
6010	LGC	CDX-00031126-005	Devils Claw (Harpagophytum procumbens) Root BRM	5g			Liên hệ
6011	LGC	CDX-00031127-005	Cornsilk (zea mays) stigma BRM	5g			Liên hệ
6012	LGC	CDX-00031128-005	Oat straw (avena sativa) tops BRM	5g			Liên hệ
6013	LGC	CDX-00031136-005	Shiitake Mushroom (Lentinula edodes) Whole RGBRM	5g			Liên hệ
6014	LGC	CDX-00031130-005	Pepper (piper nigrum) fruit BRM	5g			Liên hệ
6015	LGC	CDX-00031131-005	Bladderwrack (Fucus vesiculosus) Whole BRM	5g			Liên hệ
6016	LGC	CDX-00031132-005	Blessed thistle (cnicus benedictus) herb BRM	5g			Liên hệ
6017	LGC	CDX-00030859-005	Silk tree (albizia julibrissin) bark RGBRM	5g			Liên hệ
6018	LGC	CDX-00031138-005	Meadowsweet (filipendula ulmaria) herb BRM	5g			Liên hệ
6019	LGC	CDX-00031139-005	Pipsissewa (chimaphila umbellata) herb VBRM	5g			Liên hệ
6020	LGC	CDX-00031141-005	Thyme (Thymus vulgaris) Leaf BRM	5g			Liên hệ
6021	LGC	CDX-00031143-001	Soy bean (glycine max (l.) Merr.) Hull XRM	1g			Liên hệ
6022	LGC	CDX-00031145-005	Sweet basil (ocimum basilicum) leaf BRM	5g			Liên hệ
6023	LGC	CDX-00031146-005	American elderberry (sambucus nigra) flower VBRM	5g			Liên hệ
6024	LGC	CDX-00031147-005	Marshmallow (Althaea officinalis) Root BRM	ea			Liên hệ
6025	LGC	CDX-00031148-005	Uva ursi (arctostaphylos uva ursi) leaf BRM	5g			Liên hệ
6026	LGC	CDX-00031149-005	Wild cherry (prunus serotina) bark BRM	5g			Liên hệ
6027	LGC	CDX-00031151-005	Linden (tilia europaea) herb BRM	5g			Liên hệ
6028	LGC	CDX-00031152-005	Cranberry (vaccinium macrocarpon) fruit BRM	5g			Liên hệ
6029	LGC	CDX-00031183-005	Slippery elm (ulmus rubra) bark RGBRM	5g			Liên hệ
6030	LGC	CDX-00031196-005	Snowbrush ceanothus (ceanothus velutinus) leaves RGBRM	5g			Liên hệ
6031	LGC	CDX-00031155-005	Comfrey (symphytum officinale) leaf BRM	5g			Liên hệ
6032	LGC	CDX-00031156-005	High mallow (malva sylvestris) flower BRM	5g			Liên hệ
6033	LGC	CDX-00031159-001	Acerola cherry powder XRM	1g			Liên hệ
6034	LGC	CDX-00031160-005	Arnica (arnica montana) aerial BRM	5g			Liên hệ
6035	LGC	CDX-00031164-005	Cayenne (capsicum annum) fruit BRM	5g			Liên hệ
6036	LGC	CDX-00031165-005	Jequirity (abrus precatorius) bean BRM	5g			Liên hệ
6037	LGC	CDX-00031168-005	Black hawthorn (crataegus pentagyna) herb BRM	5g			Liên hệ
6038	LGC	CDX-00031197-005	Spilanthes (spilanthes oleracea) aerial RGBRM	5g			Liên hệ
6039	LGC	CDX-00031174-005	Pleurisy (Asclepias Tuberosa) Root Vbrm	5g			Liên hệ

6040	LGC	CDX-00031176-005	Cascara sagrada (frangula purshiana) bark BRM	5g		Liên hệ
6041	LGC	CDX-00031107-005	Spinach (Spinacia oleracea) Leaf - RGBRM	5g		Liên hệ
6042	LGC	CDX-00030701-005	Spirulina (Spirulina platensis) Filament RGBRM	5g		Liên hệ
6043	LGC	CDX-00030809-005	Stinging nettle (urtica dioica) root RGBRM	5g		Liên hệ
6044	LGC	CDX-00031181-005	Peach (prunus persica) bark VBRM (Please Call)	5g		Liên hệ
6045	LGC	CDX-00031182-005	Winter squash (cucurbita maxima) seed VBRM	5g		Liên hệ
6046	LGC	CDX-00031153-005	Stoneroot (collinsonia canadensis) root RGBRM	5g		Liên hệ
6047	LGC	CDX-00019373-250	Strychnine (P) - cargo aircraft only -	250mg		Liên hệ
6048	LGC	CDX-00031187-005	Balsam (balsamorhiza sagitata) root BRM	5g		Liên hệ
6049	LGC	CDX-00019373-100	Strychnine(P) - cargo aircraft only -	100mg		Liên hệ
6050	LGC	CDX-00031189-005	Burdock (arctium minor) seed BRM	5g		Liên hệ
6051	LGC	CDX-00031192-005	Canadian Goldenrod (Solidago Canadensis) Flowering Tops BRM	5g		Liên hệ
6052	LGC	CDX-00031193-005	Lomatium (lomatium dissectum) root BRM	5g		Liên hệ
6053	LGC	CDX-00031195-005	Snowbrush Ceanothus (Ceanothus Velutinus) Root Brm	5g		Liên hệ
6054	LGC	CDX-00031100-005	Suma (pfaffia paniculata) root RGBRM	5g		Liên hệ
6055	LGC	CDX-00031200-500	Noregian kelp (ascophyllum nodosum) whole [whole/cut] VBRM	500mg		Liên hệ
6056	LGC	CDX-00031201-500	Horsetail (equisetum arvense) herb [whole/cut] VBRM	500mg		Liên hệ
6057	LGC	CDX-00031202-500	Acai palm (euterpe oleracea) fruit [whole/cut] VBRM	500mg		Liên hệ
6058	LGC	CDX-00031203-500	Mangosteen (garcinia mangostana) fruit rind [whole/cut] VBRM	500mg		Liên hệ
6059	LGC	CDX-00031204-500	Lavender flowers (lavandula angustifolia) flower [whole/cut] VBRM	500mg		Liên hệ
6060	LGC	CDX-00031205-500	Passion flower (passiflora incarnata) herb [whole/cut] VBRM	500mg		Liên hệ
6061	LGC	CDX-00031207-500	Bilberry (vaccinium myrtillus) fruit [whole/cut] VBRM	500mg		Liên hệ
6062	LGC	CDX-00031208-500	Peppermint (mentha piperita) leaf [whole/cut] VBRM	500mg		Liên hệ
6063	LGC	CDX-00031209-500	Hawthorn (crataegus laevigata) berries [whole/cut] VBRM	500mg		Liên hệ
6064	LGC	CDX-00031210-500	Fenugreek (trigonella foenum-graecum) seed [whole/cut] VBRM	500mg		Liên hệ
6065	LGC	CDX-00031211-500	Green tea (camellia sinensis) leaf [whole/cut] VBRM	500mg		Liên hệ
6066	LGC	CDX-00031212-500	Gotu kola (centella asiatica) leaf stem [whole/cut] ahp-BRM	500mg		Liên hệ
6067	LGC	CDX-00031214-500	Licorice (glycyrrhiza glabra) root [whole/cut] VBRM	500mg		Liên hệ
6068	LGC	CDX-00031303-005	Black hawthorn (crataegus douglasII) fruit BRM	5g		Liên hệ
6069	LGC	CDX-00031304-005	Sweetroot (Osmorhiza occidentalis) Root VBRM	5g		Liên hệ
6070	LGC	CDX-00031305-005	Usnea (Usnea longissima) Lichen BRM	5g		Liên hệ
6071	LGC	CDX-00031306-005	Garden asparagus (asparagus officinalis) root VBRM	5g		Liên hệ
6072	LGC	CDX-00031307-005	Heirloom tomato (lycopersicon esculentum) fruit VBRM	5g		Liên hệ
6073	LGC	CDX-00031308-005	Apple (Malus Pumila) Skin Vbrm	5g		Liên hệ
6074	LGC	CDX-00031309-005	Papaya (carica papaya) fruit VBRM	5g		Liên hệ
6075	LGC	CDX-00031310-005	Amla (saberry)(phyllanthus emblica) fruit VBRM	5g		Liên hệ
6076	LGC	CDX-00031312-005	Pomegranate (punica granatum) fruit VBRM	5g		Liên hệ
6077	LGC	CDX-00031313-005	Ragwort (senecio jacobea) herb BRM	5g		Liên hệ



6078	LGC	CDX-00031314-005	Hawthorn ( <i>crataegus</i> spp) leaf/flower BRM	5g		Liên hệ
6079	LGC	CDX-00031318-005	Kino ( <i>pterocarpus marsupium</i> ) heart wood VBRM	5g		Liên hệ
6080	LGC	CDX-00031319-005	Nettle ( <i>urtica angustifolia</i> ) herb vrbm	5g		Liên hệ
6081	LGC	CDX-00031320-005	Fava bean ( <i>vicia faba</i> ) seed VBRM	5g		Liên hệ
6082	LGC	CDX-00031321-005	Clove ( <i>syzygium aromaticum</i> ) leaf VBRM	5g		Liên hệ
6083	LGC	CDX-00031322-005	False unicorn ( <i>chamaelirium luteum</i> ) root VBRM	5g		Liên hệ
6084	LGC	CDX-00031326-005	Marshmallow ( <i>Althaea Officinalis</i> ) Leaf Brm	5g		Liên hệ
6085	LGC	CDX-00031327-005	Mugwort ( <i>artemisia vulgaris</i> ) herb BRM	5g		Liên hệ
6086	LGC	CDX-00031332-005	Pumpkin ( <i>cucurbita pepo</i> ) seed VBRM	5g		Liên hệ
6087	LGC	CDX-00031333-005	Horsetail ( <i>Equisetum palustre</i> ) Herb VBRM	5g		Liên hệ
6088	LGC	CDX-00031334-005	African mango ( <i>irvingia gabonensis</i> ) seed VBRM	5g		Liên hệ
6089	LGC	CDX-00031335-005	Oregano ( <i>origanum vulgare</i> ) leaf VBRM	5g		Liên hệ
6090	LGC	CDX-00031336-005	Kudzu ( <i>Pueraria pseudo-hirsuta</i> ) Root BRM	5g		Liên hệ
6091	LGC	CDX-00031337-005	Magnolia ( <i>Magnolia officinalis</i> ) Bark BRM	5g		Liên hệ
6092	LGC	CDX-00031338-005	Velvet bean ( <i>mucuna pruriens</i> ) seed VBRM	5g		Liên hệ
6093	LGC	CDX-00031339-005	Gambir ( <i>uncaria gambir</i> ) leaves VBRM	5g		Liên hệ
6094	LGC	CDX-00031341-005	Oleander ( <i>nerium oleander</i> ) leaf VBRM	5g		Liên hệ
6095	LGC	CDX-00031342-005	Muira puama ( <i>ptychopetlaum olacoides</i> ) root/bark BRM	5g		Liên hệ
6096	LGC	CDX-00031343-005	Tamarack ( <i>larix laricina</i> ) wood VBRM	5g		Liên hệ
6097	LGC	CDX-00031344-005	Epimedium ( <i>epimedium koreanum</i> ) herb BRM	5g		Liên hệ
6098	LGC	CDX-00031345-005	Green coffee ( <i>coffea</i> spp.) Bean XRM	5g		Liên hệ
6099	LGC	CDX-00031346-005	Fandamane ( <i>aphloia theiformis</i> ) leaves BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6100	LGC	CDX-00031347-005	Rooibos ( <i>aspalathus linearis</i> ) herb BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6101	LGC	CDX-00031348-005	Gotu kula ( <i>centella asiatica</i> ) leaves BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6102	LGC	CDX-00031351-005	Griffonia ( <i>griffonia simplicifolia</i> ) seed BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6103	LGC	CDX-00031352-005	Haronga ( <i>harungana madagascariensis</i> ) leaves BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6104	LGC	CDX-00031353-005	Hoodia ( <i>hoodia gordonii</i> ) aerial parts/stems BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6105	LGC	CDX-00031354-005	Devil's claw ( <i>harpagophytum procumbens</i> ) secondary tubers BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6106	LGC	CDX-00031355-005	African potato ( <i>hypoxis hemerocallidea</i> ) bulb VBRM (aamps)	5g		Liên hệ
6107	LGC	CDX-00031356-005	Ravenala ( <i>ravenala madagascariensis</i> ) leaves BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6108	LGC	CDX-00031357-005	African ginger ( <i>siphonochilus aethiopicus</i> ) rhizome VBRM (aamps)	5g		Liên hệ
6109	LGC	CDX-00031358-005	Cancer bush ( <i>sutherlandia frutescens</i> ) herb BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6110	LGC	CDX-00031359-005	Voacanga ( <i>voacanga africana</i> ) leaves BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6111	LGC	CDX-00031361-005	Iporuro ( <i>alchornea floribunda</i> ) root-bark VBRM	5g		Liên hệ
6112	LGC	CDX-00031362-005	Nigella ( <i>nigella sativa</i> ) seed ahp-BRM	5g		Liên hệ
6113	LGC	CDX-00031363-005	Prickly Pear ( <i>Opuntia ficus-indica</i> ) Flowers VBRM	5g		Liên hệ
6114	LGC	CDX-00031364-005	Spanish needLe ( <i>bidens pilosa</i> ) whole VBRM	5g		Liên hệ
6115	LGC	CDX-00031365-005	Asian Water Plantain ( <i>Alisma orientale</i> ) Rhizomes BRM	5g		Liên hệ

6116	LGC	CDX-00031366-005	White Turmeric ( <i>Curcuma kwangsiensis</i> ) Root (BRM)	5g		Liên hệ
6117	LGC	CDX-00031368-005	Veldt grape ( <i>cissus quadrangularis</i> ) root VBRM	5g		Liên hệ
6118	LGC	CDX-00031369-005	Nigella ( <i>nigella sativa</i> ) seed VBRM	5g		Liên hệ
6119	LGC	CDX-00031371-005	Fedegoso ( <i>cassia occidentalis</i> ) leaves VBRM	5g		Liên hệ
6120	LGC	CDX-00031372-005	Oyster mushroom ( <i>pleurotus ostreatus</i> ) cap & stem BRM	5g		Liên hệ
6121	LGC	CDX-00031373-005	Lion's mane ( <i>hericium erinaceus</i> ) fruiting body BRM	5g		Liên hệ
6122	LGC	CDX-00031374-005	Cocona ( <i>solanum sessiliflorum</i> ) fruit VBRM	5g		Liên hệ
6123	LGC	CDX-00031375-005	Chippewa Pine ( <i>Pinus Strobus</i> ) Bark Vbrm	5g		Liên hệ
6124	LGC	CDX-00031376-005	Purple loosestrife ( <i>lythrum salicaria</i> ) aerial parts VBRM	5g		Liên hệ
6125	LGC	CDX-00031377-005	Guacatonga ( <i>Casearia Sylvestris</i> ) Bark Vbrm	5g		Liên hệ
6126	LGC	CDX-00031379-005	Guaco ( <i>Mikania Guaco</i> ) Leaf Vbrm	5g		Liên hệ
6127	LGC	CDX-00031380-005	Japanese Pagoda Tree ( <i>Sophora Japonica</i> ) Fruit Vbrm	5g		Liên hệ
6128	LGC	CDX-00031381-005	Chaga ( <i>inonotus obliquus</i> ) canker VBRM	5g		Liên hệ
6129	LGC	CDX-00031383-005	Iceland Moss ( <i>Cetraria Islandica</i> ) Aerial Parts Brm	5g		Liên hệ
6130	LGC	CDX-00020245-005	Thapsigargin	5mg		Liên hệ
6131	LGC	CDX-00031385-005	Scotch Pine ( <i>Pinus Sylvestris</i> ) Cones Vbrm	5g		Liên hệ
6132	LGC	CDX-00031386-005	Kratom Dominican ( <i>Mitragyna speciosa</i> ) Leaf VBRM	5g		Liên hệ
6133	LGC	CDX-00031388-005	Grains Of Paradise ( <i>Aframomum Melegueta</i> ) Seed Vbrm (Aamps)	5g		Liên hệ
6134	LGC	CDX-00031392-005	Pidgeon Pea ( <i>Cajanus Cajan</i> ) Seed Vbrm (Aamps)	5g		Liên hệ
6135	LGC	CDX-00031394-005	Ghana Quinine ( <i>Cryptolepis Saguinolenta</i> ) Leaf Vbrm (Aamps)	5g		Liên hệ
6136	LGC	CDX-00031395-005	Bitter Kola ( <i>Garcinia Kola</i> ) Leaf Vbrm (Aamps)	5g		Liên hệ
6137	LGC	CDX-00031396-005	Griffonia ( <i>Griffonia Simplicifolia</i> ) Leaf Brm (Aamps)	5g		Liên hệ
6138	LGC	CDX-00031399-005	Vernonia ( <i>Vernonia Amygdalina</i> ) Leaf Vbrm (Aamps)	5g		Liên hệ
6139	LGC	CDX-00031400-005	Vernonia ( <i>Vernonia Colorata</i> ) Leaf Vbrm (Aamps)	5g		Liên hệ
6140	LGC	CDX-00031403-005	Red Radish ( <i>Raphanus Sativus</i> ) Root Vbrm	5g		Liên hệ
6141	LGC	CDX-00031404-005	Grape ( <i>Vitis vinifera</i> ) Seed BRM	5g		Liên hệ
6142	LGC	CDX-00031407-005	Guacatonga ( <i>Casearia Sylvestris</i> ) Leaves Vbrm	5g		Liên hệ
6143	LGC	CDX-00031409-005	Luo Han Guo ( <i>Siraitia Grosvenorii</i> ) Fruit (XRM)	5g		Liên hệ
6144	LGC	CDX-00031412-005	White Mulberry ( <i>Morus Alba</i> ) Leaf BRM	5g		Liên hệ
6145	LGC	CDX-00031413-005	Lemon Balm ( <i>Melissa officinalis</i> ) Leaf BRM	5g		Liên hệ
6146	LGC	CDX-00034899-005	Valerian Root XRM	5g		Liên hệ
6147	LGC	CDX-00034900-005	Valerian Root BRM	5g		Liên hệ
6148	LGC	CDX-00035890-SK	Valerian Root TLC Analysis Kit	ea		Liên hệ
6149	LGC	CDX-00035890-TK	Valerian Root TLC Analysis Kit	ea		Liên hệ
6150	LGC	CDX-00035930-005	Goldenseal BRM	5g		Liên hệ
6151	LGC	CDX-00035931-005	Goldenseal ( <i>Hydrastis canadensis</i> ) Root XRM	5g		Liên hệ
6152	LGC	CDX-00035940-005	Yarrow BRM	5g		Liên hệ
6153	LGC	CDX-00035950-005	White Willow Bark BRM	5g		Liên hệ

6154	LGC	CDX-00036102-005	Damiana BRM	5g		Liên hệ
6155	LGC	CDX-00036120-005	Dong Quai XRM	5g		Liên hệ
6156	LGC	CDX-00036121-005	Dong Quai BRM	5g		Liên hệ
6157	LGC	CDX-00036130-005	Grape Seed XRM	5g		Liên hệ
6158	LGC	CDX-00036131-005	Grape Seed Brm	5g		Liên hệ
6159	LGC	CDX-00036141-005	Muira Puama Brm	5g		Liên hệ
6160	LGC	CDX-00040085-005	Barberry (Berberis vulgaris) Root [WHOLE/CUT] BRM	5g		Liên hệ
6161	LGC	CDX-00040100-TK	Chromadex Basic TLC Starter Kit	1kg		Liên hệ
6162	LGC	CDX-00040250-00B	AHP GINKGO LEAF AND DRY LEAF EXTRACT MONOGRAPH	ea		Liên hệ
6163	LGC	CDX-00040274-005	Garcinia (Garcinia cambogia) Fruit [WHOLE/CUT] BRM	5g		Liên hệ
6164	LGC	CDX-00040275-005	Garcinia (Garcinia cambogia) Fruit [WHOLE/CUT] VBRM	5g		Liên hệ
6165	LGC	CDX-00040290-005	Ginger (Zingiber Officinale) Rhizome [Whole/Cut] Brm	5g		Liên hệ
6166	LGC	CDX-00040622-005	Rauwolfia (rauwolfia serpentina) root [whole/cut] VBRM	5g		Liên hệ
6167	LGC	CDX-00040632-005	Horseradish (Armoracia rusticana) Root VBRM	5g		Liên hệ
6168	LGC	CDX-00040634-005	Sweet Birch (Betula Lenta) Bark [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6169	LGC	CDX-00040639-005	Scouring rush (equisetum hyemale) herb [whole/cut] VBRM	5g		Liên hệ
6170	LGC	CDX-00040640-005	California Poppy (Eschscholzia Californica) Herb [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6171	LGC	CDX-00040656-005	Wild Lettuce (Lactuca virosa) Leaf [WHOLE/CUT] BRM	5g		Liên hệ
6172	LGC	CDX-00040688-005	Eleuthero (Eleutherococcus senticosus) Root [WHOLE/CUT] BRM	5g		Liên hệ
6173	LGC	CDX-00040692-005	Chamomile (Matricaria Recutita) Flower [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6174	LGC	CDX-00040699-005	Rhodiola (Rhodiola rosea) Root & Rhizome (WHOLE/CUT) (BRM)	5g		Liên hệ
6175	LGC	CDX-00040762-005	Prickly ash (zanthoxylum americanum) bark [whole/cut] VBRM	5g		Liên hệ
6176	LGC	CDX-00040779-005	White oak (quercus alba) bark [whole/cut] VBRM	5g		Liên hệ
6177	LGC	CDX-00040791-005	Chinese Motherwort (Leonurus japonicas) Herb [WHOLE/CUT] VBRM	5g		Liên hệ
6178	LGC	CDX-00040792-005	Dog rose (rosa canina) fruit [whole/cut] BRM	5g		Liên hệ
6179	LGC	CDX-00040815-005	Fenugreek (Trigonella Foenum-Graecum) Seed [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6180	LGC	CDX-00040834-005	Hawthorn (Crataegus laevigata) Berries [WHOLE/CUT] VBRM	5g		Liên hệ
6181	LGC	CDX-00040966-005	Garden Balsam (Impatiens Balsamina) Stem Bark [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6182	LGC	CDX-00041131-005	Bladderwrack (Fucus vesiculosus) Tips [WHOLE/CUT] VBRM	5g		Liên hệ
6183	LGC	CDX-00011060-010	Thio-B-D-Glucose Sodium Salt, 1-(RG	10mg		Liên hệ
6184	LGC	CDX-00041174-005	Pleurisy (Asclepias Tuberosa) Root [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6185	LGC	CDX-00041181-005	Peach (Prunus persica) Bark [WHOLE/CUT] VBRM	5g		Liên hệ
6186	LGC	CDX-00041189-005	Burdock (Arctium Minor) Seed [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6187	LGC	CDX-00041193-005	Lomatium (lomatium dissectum) root [whole/cut] BRM	5g		Liên hệ
6188	LGC	CDX-00041195-005	Snowbrush ceanothus (Ceanothus velutinus) Root [WHOLE/CUT] BRM	5g		Liên hệ
6189	LGC	CDX-00011060-100	Thio-B-D-Glucose Sodium Salt, 1-(RG	100mg		Liên hệ
6190	LGC	CDX-00041306-005	Asparagus (Asparagus Officinalis) Root [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6191	LGC	CDX-00041307-005	Tomato (Lycopersicon esculentum) Fruit [WHOLE/CUT] VBRM	5g		Liên hệ

6192	LGC	CDX-00041308-005	Apple ( <i>Malus pumila</i> ) Skin [WHOLE/CUT] VBRM	5g		Liên hệ
6193	LGC	CDX-00041309-005	Papaya ( <i>carica papaya</i> ) fruit [whole/cut] VBRM	5g		Liên hệ
6194	LGC	CDX-00041310-005	Amla (Saberry)( <i>Phyllanthus Emblica</i> ) Fruit [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6195	LGC	CDX-00041312-005	Pomegranate ( <i>punica granatum</i> ) fruit [whole/cut] VBRM	5g		Liên hệ
6196	LGC	CDX-00041313-005	Ragwort ( <i>senecio jacobea</i> ) herb [whole/cut] BRM	5g		Liên hệ
6197	LGC	CDX-00041320-005	Fava Bean ( <i>Vicia faba</i> ) Seed [WHOLE/CUT] (VBRM)	5g		Liên hệ
6198	LGC	CDX-00041321-005	Clove ( <i>Syzygium Aromaticum</i> ) Leaf [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6199	LGC	CDX-00041326-005	Marshmallow ( <i>Althaea officinalis</i> ) Leaf [WHOLE/CUT] BRM	5g		Liên hệ
6200	LGC	CDX-00041327-005	Mugwort ( <i>artemisia vulgaris</i> ) herb [whole/cut] BRM	5g		Liên hệ
6201	LGC	CDX-00030871-005	Tokoro yam ( <i>dioscorea hypoglauca</i> ) root RGBRM	5g		Liên hệ
6202	LGC	CDX-00041332-005	Pumpkin ( <i>cucurbita pepo</i> ) seed [whole/cut] VBRM	5g		Liên hệ
6203	LGC	CDX-00041333-005	Horsetail ( <i>Equisetum Palustre</i> ) Herb [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6204	LGC	CDX-00041334-005	African Mango ( <i>Irvingia Gabonensis</i> ) Seed [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6205	LGC	CDX-00041335-005	Oregano ( <i>origanum vulgare</i> ) leaf [whole/cut] VBRM	5g		Liên hệ
6206	LGC	CDX-00041338-005	Velvet Bean ( <i>Mucuna Pruriens</i> ) Seed [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6207	LGC	CDX-00041342-005	Muira Puama ( <i>Ptychopetlaum olacoides</i> ) Root/Bark [WHOLE/CUT] BRM	5g		Liên hệ
6208	LGC	CDX-00041343-005	Tamarack ( <i>larix laricina</i> ) wood [whole/cut] VBRM	5g		Liên hệ
6209	LGC	CDX-00041344-005	Epimedium ( <i>epimedium koreanum</i> ) herb [whole/cut] BRM	5g		Liên hệ
6210	LGC	CDX-00041346-005	Fandamane ( <i>aphloia theiformis</i> ) leaves [whole/cut] BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6211	LGC	CDX-00041347-005	Rooibos ( <i>aspalathus linearis</i> ) herb [whole/cut] BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6212	LGC	CDX-00041348-005	Gotu kula ( <i>centella asiatica</i> ) leaves [whole/cut] BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6213	LGC	CDX-00041349-005	Honeybush ( <i>cyclopia genistoides</i> ) herb [whole/cut] BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6214	LGC	CDX-00041351-005	Griffonia ( <i>griffonia simplicifolia</i> ) seed [whole/cut] BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6215	LGC	CDX-00041352-005	Haronga ( <i>harungana madagascariensis</i> ) leaves [whole/cut] BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6216	LGC	CDX-00041353-005	Hoodia ( <i>hoodia gordonii</i> ) aerial parts/stems [whole/cut] BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6217	LGC	CDX-00041354-005	Devil's claw ( <i>harpagophytum procumbens</i> ) secondary tubers [whole/cut] BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6218	LGC	CDX-00041355-005	African potato ( <i>hypoxis hemerocallidea</i> ) bulb [whole/cut] VBRM (aamps)	5g		Liên hệ
6219	LGC	CDX-00041356-005	Ravenala ( <i>ravenala madagascariensis</i> ) leaves [whole/cut] BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6220	LGC	CDX-00041357-005	African ginger ( <i>siphonochilus aethiopicus</i> ) rhizome [whole/cut] BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6221	LGC	CDX-00041358-005	Cancer bush ( <i>sutherlandia frutescens</i> ) herb [whole/cut] BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6222	LGC	CDX-00041359-005	Voacanga ( <i>voacanga africana</i> ) leaves [whole/cut] BRM (aamps)	5g		Liên hệ
6223	LGC	CDX-00041361-005	Iporuro ( <i>alchornea floribunda</i> ) root-bark VBRM [whole/cut]	5g		Liên hệ
6224	LGC	CDX-00041362-005	Nigella ( <i>nigella sativa</i> ) seed [whole/cut] ahp-BRM	5g		Liên hệ
6225	LGC	CDX-00041363-005	Prickly Pear ( <i>Opuntia Ficus-Indica</i> ) Flowers [Whole/Cut] Vbrm	5g		Liên hệ
6226	LGC	CDX-00041364-005	Spanish Needle ( <i>Bidens pilosa</i> ) Whole [WHOLE/CUT] VBRM	5g		Liên hệ
6227	LGC	CDX-00041368-005	Veldt grape ( <i>cissus quadrangularis</i> ) root [whole/cut] VBRM	5g		Liên hệ
6228	LGC	CDX-00041369-005	Nigella ( <i>Nigella sativa</i> ) Seed [WHOLE/CUT] VBRM	5g		Liên hệ
6229	LGC	CDX-00041371-005	Fedegoso ( <i>cassia occidentalis</i> ) leaves [whole/cut] VBRM	5g		Liên hệ

6230	LGC	CDX-00041372-005	Oyster (pleurotus ostreatus) cap & stem [whole/cut] BRM	5g			Liên hệ
6231	LGC	CDX-00041373-005	Lion's mane (hericium erinaceus) fruiting body [whole/cut] BRM	5g			Liên hệ
6232	LGC	CDX-00041375-005	White Pine (Pinus strobus) Bark VBRM [WHOLE/CUT] VBRM	5g			Liên hệ
6233	LGC	CDX-00041376-005	Purple loosestrife (lythrum salicaria) aerial parts [whole/cut] VBRM	5g			Liên hệ
6234	LGC	CDX-00041377-005	Guacatonga (Casearia sylvestris) Bark and Leaves [WHOLE/CUT] VBRM	5g			Liên hệ
6235	LGC	CDX-00041379-005	Guaco (Mikania guaco) Leaf [WHOLE/CUT] VBRM	5g			Liên hệ
6236	LGC	CDX-00041380-005	Japanese Pagoda (Sophora japonica) Fruit [WHOLE/CUT] VBRM	5g			Liên hệ
6237	LGC	CDX-00041381-005	Chaga (inonotus obliquus) canker [whole/cut] VBRM	5g			Liên hệ
6238	LGC	CDX-00041383-005	Iceland Moss (Cetraria Islandica) Aerial Parts [Whole/Cut] Brm	5g			Liên hệ
6239	LGC	CDX-00030853-005	Tribulus (tribulus terrestris) fruit RGBRM	5g			Liên hệ
6240	LGC	CDX-00041385-005	Scotch Pine (Pinus Sylvestris) Cones [Whole/Cut] Vbrm	5g			Liên hệ
6241	LGC	CDX-00041386-005	Kratom Dominican (Mitragyna speciosa) Leaf [WHOLE/CUT] VBRM	5g			Liên hệ
6242	LGC	CDX-00041388-005	Grains of Paradise (Aframomum melegueta) Seed [WHOLE/CUT] VBRM (AAMPS)	5g			Liên hệ
6243	LGC	CDX-00041395-005	Bitter Kola (Garcinia kola) Leaf [WHOLE/CUT] VBRM (AAMPS)	5g			Liên hệ
6244	LGC	CDX-00041396-005	Griffonia (Griffonia simplicifolia) Leaf [WHOLE/CUT] BRM (AAMPS)	5g			Liên hệ
6245	LGC	CDX-00041403-005	Radish (Raphanus sativus) Root [WHOLE/CUT] (VBRM)	5g			Liên hệ
6246	LGC	CDX-00045260-00B	AAMPS (African Herbal Pharmacopeia) complete monograph collection				Liên hệ
6247	LGC	CDX-00050001-001	Resveratrol analog 2001(LG)	1mg			Liên hệ
6248	LGC	CDX-00050002-001	Resveratrol analog 2002(LG)	1mg			Liên hệ
6249	LGC	CDX-00050003-001	Resveratrol analog 2003(LG)	1mg			Liên hệ
6250	LGC	CDX-00050004-001	Resveratrol analog 2004(LG)	1mg			Liên hệ
6251	LGC	CDX-00050005-001	Resveratrol analog 2005(LG)	1mg			Liên hệ
6252	LGC	CDX-00050006-001	Resveratrol analog 2006(LG)	1mg			Liên hệ
6253	LGC	CDX-00050007-001	Resveratrol analog 2007(LG)	1mg			Liên hệ
6254	LGC	CDX-00050008-001	Resveratrol analog 2008(LG)	1mg			Liên hệ
6255	LGC	CDX-00050009-001	Resveratrol analog 2009(LG)	1mg			Liên hệ
6256	LGC	CDX-00050010-001	Resveratrol analog 2010(LG)	1mg			Liên hệ
6257	LGC	CDX-00050011-001	Resveratrol analog 2011(LG)	1mg			Liên hệ
6258	LGC	CDX-00050012-001	Resveratrol analog 2012(LG)	1mg			Liên hệ
6259	LGC	CDX-00050013-001	Resveratrol analog 2013(LG)	1mg			Liên hệ
6260	LGC	CDX-00050014-001	Resveratrol analog 2014(LG)	1mg			Liên hệ
6261	LGC	CDX-00050015-001	Resveratrol analog 2015(LG)	1mg			Liên hệ
6262	LGC	CDX-00050016-001	Resveratrol analog 2016(LG)	1mg			Liên hệ
6263	LGC	CDX-00050017-001	Resveratrol analog 2017(LG)	1mg			Liên hệ
6264	LGC	CDX-00050018-001	Resveratrol analog 2018(LG)	1mg			Liên hệ
6265	LGC	CDX-00050019-001	Resveratrol analog 2019(LG)	1mg			Liên hệ
6266	LGC	CDX-00050020-001	Resveratrol analog 2020(LG)	1mg			Liên hệ
6267	LGC	CDX-00050021-001	Resveratrol analog 2021(LG)	1mg			Liên hệ

6268	LGC	CDX-00050022-001	Resveratrol analog 2022(LG)	1mg			Liên hệ
6269	LGC	CDX-00050023-001	Resveratrol analog 2023(LG)	1mg			Liên hệ
6270	LGC	CDX-00050024-001	Resveratrol analog 2024(LG)	1mg			Liên hệ
6271	LGC	CDX-00050025-001	Resveratrol analog 2025(LG)	1mg			Liên hệ
6272	LGC	CDX-00050026-001	Resveratrol analog 2026(LG)	1mg			Liên hệ
6273	LGC	CDX-00050027-001	Resveratrol analog 2027(LG)	1mg			Liên hệ
6274	LGC	CDX-00050028-001	Resveratrol analog 2028(LG)	1mg			Liên hệ
6275	LGC	CDX-00050029-001	Resveratrol analog 2029(LG)	1mg			Liên hệ
6276	LGC	CDX-00050030-001	Resveratrol analog 2030(LG)	1mg			Liên hệ
6277	LGC	CDX-00050031-001	Resveratrol analog 2031(LG)	1mg			Liên hệ
6278	LGC	CDX-00050032-001	Resveratrol analog 2032(LG)	1mg			Liên hệ
6279	LGC	CDX-00050033-001	Resveratrol analog 2033(LG)	1mg			Liên hệ
6280	LGC	CDX-00050034-001	Resveratrol analog 2034(LG)	1mg			Liên hệ
6281	LGC	CDX-00050035-001	Resveratrol analog 2035(LG)	1mg			Liên hệ
6282	LGC	CDX-00050036-001	Resveratrol analog 2036(LG)	1mg			Liên hệ
6283	LGC	CDX-00050037-001	Resveratrol analog 2037(LG)	1mg			Liên hệ
6284	LGC	CDX-00050038-001	Resveratrol analog 2038(LG)	1mg			Liên hệ
6285	LGC	CDX-00050039-001	Resveratrol analog 2039(LG)	1mg			Liên hệ
6286	LGC	CDX-00050040-001	Resveratrol analog 2040(LG)	1mg			Liên hệ
6287	LGC	CDX-00050041-001	Resveratrol analog 2041(LG)	1mg			Liên hệ
6288	LGC	CDX-00050042-001	Resveratrol analog 2042(LG)	1mg			Liên hệ
6289	LGC	CDX-00050043-001	Resveratrol analog 2043(LG)	1mg			Liên hệ
6290	LGC	CDX-00050044-001	Resveratrol analog 2044(LG)	1mg			Liên hệ
6291	LGC	CDX-00050045-001	Resveratrol analog 2045(LG)	1mg			Liên hệ
6292	LGC	CDX-00050046-001	Resveratrol analog 2046(LG)	1mg			Liên hệ
6293	LGC	CDX-00050047-001	Resveratrol analog 2047(LG)	1mg			Liên hệ
6294	LGC	CDX-00050048-001	Resveratrol analog 2048(LG)	1mg			Liên hệ
6295	LGC	CDX-00050049-001	Resveratrol analog 2049(LG)	1mg			Liên hệ
6296	LGC	CDX-00050050-001	Resveratrol analog 2050(LG)	1mg			Liên hệ
6297	LGC	CDX-00050051-001	Resveratrol analog 2051(LG)	1mg			Liên hệ
6298	LGC	CDX-00050052-001	Resveratrol analog 2052(LG)	1mg			Liên hệ
6299	LGC	CDX-00050053-001	Resveratrol analog 2053(LG)	1mg			Liên hệ
6300	LGC	CDX-00050054-001	Resveratrol analog 2054(LG)	1mg			Liên hệ
6301	LGC	CDX-00050055-001	Resveratrol analog 2055(LG)	1mg			Liên hệ
6302	LGC	CDX-00050056-001	Resveratrol analog 2056(LG)	1mg			Liên hệ
6303	LGC	CDX-00050057-001	Resveratrol analog 2057(LG)	1mg			Liên hệ
6304	LGC	CDX-00050058-001	Resveratrol analog 2058(LG)	1mg			Liên hệ
6305	LGC	CDX-00050059-001	Resveratrol analog 2059(LG)	1mg			Liên hệ

6306	LGC	CDX-00050060-001	Resveratrol analog 2060(LG)	1mg			Liên hệ
6307	LGC	CDX-00050061-001	Resveratrol analog 2061(LG)	1mg			Liên hệ
6308	LGC	CDX-00050062-001	Resveratrol analog 2062(LG)	1mg			Liên hệ
6309	LGC	CDX-00050063-001	Resveratrol analog 2063(LG)	1mg			Liên hệ
6310	LGC	CDX-00050064-001	Resveratrol analog 2064(LG)	1mg			Liên hệ
6311	LGC	CDX-00050065-001	Resveratrol analog 2065(LG)	1mg			Liên hệ
6312	LGC	CDX-00050066-001	Resveratrol analog 2066(LG)	1mg			Liên hệ
6313	LGC	CDX-00050067-001	Resveratrol analog 2067(LG)	1mg			Liên hệ
6314	LGC	CDX-00050068-001	Resveratrol analog 2068(LG)	1mg			Liên hệ
6315	LGC	CDX-00050069-001	Resveratrol analog 2069(LG)	1mg			Liên hệ
6316	LGC	CDX-00050070-001	Resveratrol analog 2070(LG)	1mg			Liên hệ
6317	LGC	CDX-00050071-001	Resveratrol analog 2071(LG)	1mg			Liên hệ
6318	LGC	CDX-00050072-001	Resveratrol analog 2072(LG)	1mg			Liên hệ
6319	LGC	CDX-00050073-001	Resveratrol analog 2073(LG)	1mg			Liên hệ
6320	LGC	CDX-00050075-001	Resveratrol analog 2075(LG)	1mg			Liên hệ
6321	LGC	CDX-00050076-001	Resveratrol analog 2076(LG)	1mg			Liên hệ
6322	LGC	CDX-00050077-001	Resveratrol analog 2077(LG)	1mg			Liên hệ
6323	LGC	CDX-00050078-001	Resveratrol analog 2078(LG)	1mg			Liên hệ
6324	LGC	CDX-00091001-001	ChromaDex Logo Mug				Liên hệ
6325	LGC	CDX-00091002-00M	Chromadex Logo Mens Polo Shirt Medi				Liên hệ
6326	LGC	CDX-00091002-00S	Chromadex Logo Womens Polo Shirt Sm				Liên hệ
6327	LGC	CDX-00091002-0XL	Chromadex Logo Mens Polo Shirt X-La				Liên hệ
6328	LGC	CDX-00091002-W0L	Chromadex Logo Womens Polo Shirt La				Liên hệ
6329	LGC	CDX-00091002-W0M	Chromadex Logo Womens Polo Shirt Me				Liên hệ
6330	LGC	CDX-00091002-XXL	Chromadex Logo Mens Polo Shirt Xx-L				Liên hệ
6331	LGC	CDX-00091003-00M	Chromadex Logo Jacket Medium	ea			Liên hệ
6332	LGC	CDX-00091003-00S	Chromadex Logo Jacket Small	ea			Liên hệ
6333	LGC	CDX-00091004-001	Chromadex Logo Pen				Liên hệ
6334	LGC	CDX-00091005-001	Chromadex Logo Baseball Cap	ea			Liên hệ
6335	LGC	CDX-0009211-005	Isochlorogenic Acid B	5mg			Liên hệ
6336	LGC	CDX-00100120-000	Pomegranate Punicalagins HPLC Method				Liên hệ
6337	LGC	CDX-00111009-010	Artemisinin	10mg			Liên hệ
6338	LGC	CDX-00111009-050	Artemisinin	50mg			Liên hệ
6339	LGC	CDX-00111020-001	L-(+)-Ascorbic Acid (Vitamin C)	1g			Liên hệ
6340	LGC	CDX-00111020-005	L-(+)-Ascorbic Acid (Vitamin C)	5g			Liên hệ
6341	LGC	CDX-00111020-250	L-(+)-Ascorbic acid (Vitamin C)	250mg			Liên hệ
6342	LGC	CDX-00111022-001	L-(+)-Ascorbic Acid	1g			Liên hệ
6343	LGC	CDX-00111025-025	L-Ascorbic acid magnesium salt (magnesiumascorbate)	25mg			Liên hệ

6344	LGC	CDX-00111025-100	L-Ascorbic acid magnesium salt (magnesiumascorbate)	100mg		Liên hệ
6345	LGC	CDX-00111070-001	Atropine methyl nitrate	1g		Liên hệ
6346	LGC	CDX-00111070-005	Atropine methyl nitrate	5g		Liên hệ
6347	LGC	CDX-00111070-010	Atropine methyl nitrate	10g		Liên hệ
6348	LGC	CDX-00111075-001	Atropine methyl nitrate	1g		Liên hệ
6349	LGC	CDX-00111075-050	Atropine methyl nitrate	50mg		Liên hệ
6350	LGC	CDX-00111075-250	Atropine methyl nitrate	250mg		Liên hệ
6351	LGC	CDX-00111195-005	Astragaloside I	5mg		Liên hệ
6352	LGC	CDX-00111195-010	Astragaloside I	10mg		Liên hệ
6353	LGC	CDX-0011605-005	Cyanidin-3-O-Glucoside Chloride(Kuromanin chloride)	5mg		Liên hệ
6354	LGC	CDX-0011605-025	Cyanidin-3-O-Glucoside Chloride (Kuromanin chloride)	25mg		Liên hệ
6355	LGC	CDX-00244501-100	Xanthurenic acid	100mg		Liên hệ
6356	LGC	CDX-PROJECT	Phase 1: Process Development & Feasibility Studies	ea		Liên hệ
6357	LGC	CDX-PROJECT PHASE 2.2	Isolation & Purification of (+) b-Thujene & Scale-up of Production	15g		Liên hệ
6358	LGC	ILS-10041702-001-010MG	<sup>13</sup> C Uniformly Labeled Rebaudioside A	10mg		Liên hệ
6359	LGC	CDX-00031080-005	Turmeric (Curcuma longa) Root RGBRM	5g		Liên hệ
6360	LGC	CDX-00030811-005	Turmeric (erode grade) (curcuma longa) rhizome RGBRM	5g		Liên hệ
6361	LGC	CDX-00030812-005	Turmeric (nizamabad grade) (curcuma longa) rhizome RGBRM	5g		Liên hệ
6362	LGC	CDX-00030813-005	Turmeric (sangli grade) (curcuma longa) root RGBRM	5g		Liên hệ
6363	LGC	CDX-00030783-005	Valerian Root RGBRM	5g		Liên hệ
6364	LGC	CDX-00022740-001	Vitamin B12(Cyanocobalamin)(USP)(RG	1g		Liên hệ
6365	LGC	CDX-00022750-001	Vitamin D2 (Ergocalciferol)	1g		Liên hệ
6366	LGC	CDX-00022751-001	Vitamin D2 (Ergocalciferol)	1g		Liên hệ
6367	LGC	CDX-00022751-100	Vitamin D2(ergocalciferol)	100mg		Liên hệ
6368	LGC	CDX-00022751-250	Vitamin D2(Ergocalciferol)(SH)	250mg		Liên hệ
6369	LGC	CDX-00031401-005	Warburgia (Warburgia Salutaris) Leaf Brm (Aamps)	5g		Liên hệ
6370	LGC	CDX-00030957-005	Watercress (nasturtium officinale) aerial parts RGBRM	5g		Liên hệ
6371	LGC	CDX-00031097-005	Wheat (triticum aestivum) herb RGBRM	5g		Liên hệ
6372	LGC	CDX-00015245-010	Wintergreen oil	10ml		Liên hệ
6373	LGC	CDX-00030818-005	Witch hazel (hamamelis virginiana) bark BRM	5g		Liên hệ
6374	LGC	CDX-00030993-005	Xanthium (xanthium sibiricum) fruit RGBRM	5g		Liên hệ
6375	LGC	CDX-00030975-005	Yellow dock (rumex crispus) root RGBRM	5g		Liên hệ
6376	LGC	CDX-00031169-005	Yerba santa (eriodictyon californicum) herb RGBRM	5g		Liên hệ